

Việt Ngữ Tiền án

Ngô Thuyết



Việt Sử Tiêu Án (1775)

Ngô Thời Sĩ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

.

Mục lục

[Lời Giới Thiệu](#)

[Họ Hồng Bàng](#)

[Nhà Thục](#)

[Ngoại Thuộc : Nhà Triệu](#)

[Ngoại Thuộc Tây Hán](#)

[Ngoại Thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương](#)

[Tiền Lý](#)

[Ngoại Thuộc Tùy và Đường](#)

[Nhà Ngô](#)

[Nhà Lý](#)

[Nhà Lý](#)

[Nhà Lý](#)

[Nhà Trần](#)

[Trần Thánh Tôn](#)

[Trần Nhân Tôn](#)

[ANH TÔN HOÀNG ĐẾ](#)

[Minh Tôn Hoàng Đế](#)

[Hiến Tôn Hoàng Đế](#)

[Dụ Tôn Hoàng Đế](#)

[Nghệ Tôn Hoàng Đế](#)

Duệ Tôn Hoàng Đế

Phế Đế

Thuận Tôn Hoàng Đế Và Thiếu Đế

HẬU TRẦN

NGOẠI THUỘC NHÀ MINH

Lời Giới Thiệu

Dịch giả: Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu

Nhà xuất bản: Văn Sử 1991

Chuyển sang ấn bản điện tử bởi: Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc 2001

Xét theo thiên Vũ Công, nước Việt ở về phía nam đất Dương Châu. Theo sách Thiên Quan, từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên Ngưu đến sao Chức Nữ bảy độ là tinh kỷ. Kể về sao thì ở về ngôi sủu, cùng một phạm dã tinh truyện với nước Ngô. Cõi nam là Việt môn, có rất nhiều nước như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt, cho nên gọi là Bách Việt. Bởi vì miền này ở phía nam Dương Châu, nên lại gọi là Nam Việt. Vùng đất từ núi Ngũ Lĩnh xuống phía nam thuộc về Nam Việt. An Nam là miền đất ở phía nam nước Việt nay là quốc hiệu thường gọi.

Họ Hồng Bàng

Xét từ hội Dân sinh ra loài người, tất có người xuất chúng để làm chúa tể. Từ vua Nhân Hoàng đến vua Thần Nông là đời thứ chín trong số mười chín đời, gọi là Thiên Thông(1). Còn muôn năm trước đó, há đều là mờ mịt cả sao? Mãi đến đời cháu bốn đời vua Thần Nông, bắt đầu của mười kỷ Sơ Hát mới có đế vương ra đời sao? Văn hiến không đủ để xét, truyện ký không truyền lại, biết căn cứ vào đâu mà khảo cứu? Nay hãy nhân đó mà truyền thuật lại, chép lên đầu ngoại kỷ.

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Nước Việt ta thuở trước, tương truyền vua đầu tiên là Kinh Dương Vương. Cháu ba đời vua Viêm Đế là Đế Minh đi tuần thú miền Nam, gặp Vụ Tiên nữ lấy làm vợ, sinh con là Lộc Tục. Lộc Tục là người đoan chính. Vua yêu quý lạ thường, muốn lập làm kế tự. Nhưng Lộc Tục nhường địa vị đó cho anh là Nghi, vua bèn phong cho Lộc Tục làm vua tại miền Nam đất Việt, đó là Kinh Dương Vương. Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân, sinh ra Lạc Long Quân (theo sách sử cũ có chép, Lạc Long Quân lên ngôi năm Nhâm Tuất, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ, nay bỏ bớt việc đó đi).

Xét nước Việt ta lập quốc, tuy ở sau đời vua Hy và Hiệt nước Tàu, mà văn tự chưa có, ký tá còn thiếu, về phần thế thứ niên kỷ, chính trị phong tục đáng nghi hay đáng tin đều không có gì đủ làm chứng cứ. Ông Chu Tử nói rằng: "Đọc sách không nên để sử quan dối được mình"; cho nên chữ Quách Công, Hạ Ngũ trong sách Xuân Thu cũng còn có sự nghi ngờ. Ông Mạnh Tử ở Thiên Vũ Thành chỉ trích lấy hai ba đoạn mà thôi, nếu dẫn dùng lời nói mà không xét đến lẽ phải, tác giả dối ta, ta lại tin vào đó để dối người sau, có nên không?.

Sử cũ chép: Vua Lạc Long làm vua từ năm Nhâm Tuất, vậy nhà chép sử đã căn cứ vào đâu mà tính khởi đầu từ năm Giáp Tý cho đến năm Nhâm Tuất được? Sử ghi các đời vua Lạc Long, tại sao đến đời Hùng Vương lại chép sơ lược? Xích Quỷ là gì mà lấy làm tên kiến quốc? Một loại hoang đản như thế nên tước hết đi, là vì sử cũ sưu tìm truyện cổ, thêu dệt thành văn, cốt cho đủ số đời vua. Những chuyện lấy ở sách Trích quái, U linh, cũng như Bắc sử lấy sách ở Nam hoa hồng liệt(2). Nếu nhất khái cho là đã sử không đủ tin, thì theo đâu để biết đủ việc chế tác lớn lao được? Cho nên điều gì gần lẽ phải thì để lại, điều gì không khảo cứu được thì bớt đi. Sử chép Đế Minh lấy con gái Vụ Tiên sinh ra Kinh Dương, cùng với sử nhà Nguyên Ngụy chép: Tục ngữ nói Cật Phân Hoàng đế không có vợ, hai điều này cũng giống như nhau. Đại đế các bậc thánh thần là khí thiêng chung đúc, có khác người thường, hoặc là có lý. Đến như việc Kinh Dương lấy con gái Động Đình, Lạc Long lấy nàng Âu Cơ, loài ở nước, loài ở cạn lấy nhau, thần với người ở lẫn, lời đó tựa hồ không hợp lẽ thường. Tôi trộm nghĩ: giời đất mở mang dần dần, nước ta nhân văn ở sau Trung Quốc, nước lụt đời vua Nghiêu chưa bình, cái vạc xưa vua Vũ chưa đúc, mệnh mang biển Quế Hải vẫn là tổ rồng rắn ma quỷ tụ họp, những chuyện kỳ quái sao lại không có? Chuyện đời Chu nước dãi con rồng tụ lại mà sinh ra người con gái còn được, huống chi về đời Kinh Dương Lạc Long? Việc tựa hồ lạ mà không phải lạ và cũng không nên tự cho là hẹp hòi như con hạ trùng thì mới phải.

Lạc Long Quân

Con vua Kinh Dương là Sùng Lãm lên làm vua gọi là vua Lạc Long, lấy bà Âu Cơ, có thai đủ ngày tháng, sinh ra 100 con, Lạc Long thường bảo Âu Cơ rằng: "Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, nước với lửa khác nhau, khó ở chung được", bèn chia nhau, 50 người con theo cha về miền biển; 50 người con theo mẹ về miền núi, suy cử người con trưởng nối ngôi là vua Hùng Vương. Xét trong truyện chép thời bấy giờ vua Lạc Long về ở trong động nước. Dân có việc gì thì kêu to lên rằng: "Bố ở đâu? Lại đây với ta" thì Long Quân lại ngay. Bấy giờ Đế Lai (là con Đế Nghi) đi tuần đến chơi, xem phong cảnh núi sông. Nàng Âu Cơ một mình ở hành cung. Người trong nước khổ về người phương Bắc quấy nhiễu, lại gọi Long Quân ra, Long Quân trông thấy nàng Cơ đẹp mà bằng lòng lấy, đưa về cho ở trong biển. Sử kiêng không nói việc ấy ra, chỉ nói là lấy con gái Đế Lai, là vì xấu hổ việc chim chuột trai gái không khác gì cầm thú, đều là việc không nên nói ra, không bằng bỏ đi thì hơn. Trong truyện lại chép: Lạc Long cùng với Âu Cơ chia con ra mỗi bên một nửa, theo cha mẹ lên núi và xuống bể, có việc gì cũng cho nhau biết. Âu Cơ đưa 50 con đến ở Phong Châu, tôn người con trưởng, đời đời gọi là Hùng Vương. Nhà làm sử muốn lấy người theo cha làm chính thống, nên đổi lời văn mà nói rằng: 50 con theo cha ở phía Nam, mà lấy Hùng Vương để đời sau, khiến cho việc mất sự thật, người đọc sách không thể không nghi được, nếu Long Quân không phải là giống Động Đình sinh ra thì không cần biện luận làm gì. Long Quân mà quả là giống Động Đình, thì loài ở dưới nước tất nhiên không thể ở trên bộ được. Những người con theo mẹ ai cũng phải lệ thuộc Long Quân, há có lẽ tất những người theo cha mới có thể được làm vua chúa, mà những người theo mẹ chỉ có thể làm man mợ ư? Trong sử cũ Ngô Sĩ Liên nói rằng: Đời Hùng Vương dựng nước chia đất nước làm 15 bộ, ngoài 15 bộ đều có trưởng tá, lấy các con thứ chia trị từng nơi: lại bảo rằng 50 con theo mẹ về núi, thì mẹ làm Quân trưởng, mỗi con đều làm chủ một phương, mà lấy tên gọi là "nam phụ đạo", "nữ phụ đạo" của bọn man tù ngày nay làm chứng cứ, không biết thuyết ấy có tổ thuật đâu không? Hoặc có người hỏi để ra một bọc trăm trứng, việc ấy có chẳng? Xin trả lời rằng: con rồng sinh ra tự nhiên có cái khác phạm tục, thì việc đẻ trứng có gì là lạ, nhưng cũng là một thuyết không theo lẽ thường.

HÙNG VƯƠNG

Hùng Vương là con vua Lạc Long, dựng nước đặt tên là Văn Lang, đóng kinh đô ở Phong Châu (Phong Châu theo sử cũ: đông đến bể, tây đến Ba Thục, bắc đến Động Đình, nam tiếp giáp Hồ Tôn)(3) chia nước làm 15 bộ; chỗ vua ở gọi là Văn Lang, con trai vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là My nương, tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng. Quan Hữu tư coi việc gọi là Bô chính, thế tập truyền đời giữ chức gọi là Phụ đạo, 18 đời đều hiệu gọi là Hùng Vương (15 bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Toàn, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức).

Thời bấy giờ dân miền rừng núi, thấy sông ngòi khe lạch có tôm cá, rủ nhau đi bắt để làm đồ ăn, bị

giống thường luồng làm hại, tâu rõ việc với vua, vua bảo rằng loài sơn man cùng với loài thủy tộc khác nhau: yêu cái gì giống mình, ghét cái gì lạ khác mình, nên có chuyện như thế; bèn sai lấy mực thích và vẽ các loài thủy quái vào mình, từ đấy thường luồng trông thấy không còn làm hại nữa, cái tục vẽ mình của Bách Việt bắt đầu từ đó.

Nước Việt ta khi mới vào cổng nhà Chu, tự xưng là họ Việt Thường, dâng con bạch trĩ, chín lần đổi trạm mới đến được, ông Chu Công úy lạo cho về, cho năm cỗ xe đặt kim chỉ nam để chỉ lối về.

LẬP ĐỀN THỜ ĐỨC PHÙ ĐỒNG

Xét sử cũ: Ở bộ Vũ Ninh(4) làng Phù Đồng(5), có người nhà giàu sinh con trai lên 3 tuổi, ăn uống béo nhớn, nhưng không biết nói cười. Gặp khi trong nước có hạn, vua sai người đi rao tìm có ai đánh lui được giặc, tiểu nhi ấy tự nhiên nói được, bảo mẹ đón mời sứ giả, nói rằng: "Xin một thanh kiếm, một con ngựa, thì vua sẽ không lo gì". Vua cho gươm và ngựa, tiểu nhi ấy nhảy lên mình ngựa, vùng gươm đi trước, quan quân theo sau, đánh nhau với giặc ở chân núi Vũ Ninh, giặc quay giáo lại đánh lẫn nhau, còn dư đảng suy sụp lạy kêu lên là thiên tướng, cùng nhau đầu hàng. Tiểu nhi nhảy lên ngựa bay lên trên không đi mất. Vua sai lập đền thờ. Về sau vua Lý Thái Tổ phong làm Xung thiên Thần Vương. (Đền thờ ở làng Phù Đồng bên chùa Kiến Sơ). Lại xét trong khoảng núi huyện Quế Dương (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh), hãy còn ngựa đá bị gãy làm hai đoạn, đầu ngựa và hai chân sau nằm ngả ở dưới núi, ở đỉnh núi, có nền nhà cũ, tục gọi là "Ân vương đài" bị Đồng Thiên Vương đánh phá vỡ, núi có tre sắc vàng lốm đốm, Thiên Vương cỡi ngựa sắt, nhổ tre đuổi đánh giặc, quân giặc thua chạy, đến núi Sóc Sơn huyện Kim Hoa (nay thuộc xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội), Thiên Vương bay lên không đi mất, cho nên có đền thờ ở thôn Thanh Trượng huyện Kim Hoa, nay ở đền cũng có ngựa đá.

VUA NƯỚC THỰC SAI SỨ GIẢ ĐẾN CẦU HÔN, HÙNG VƯƠNG TỪ CHỐI

Xét sử cũ: Về đời cuối Hùng Vương, vua có người con gái là My Nương, Vua nước Thục(6) nghe tiếng, sai sứ giả đến cầu hôn, Lạc hầu can ngăn nói rằng: "Họ mưu toan chiếm nước ta, mượn tiếng cầu hôn, không nên cho". Hốt nhiên thấy có hai người đều đến cầu hôn, Vua lấy làm lạ hỏi, thì một người xưng là Sơn Tinh, một người xưng là Thủy Tinh, vua bảo rằng: "Ta có một con gái, không thể gả cho hai người được, nay ta định ước, hễ ai đến rước trước thì gả cho". Sáng hôm sau, Sơn Tinh đến trước đem đủ sính nghi, vàng ngọc và chim rừng đủ thứ. Vua y hẹn gả cho Sơn Tinh, Sơn Tinh rước vợ về núi Tản Viên, ở trên ngọn núi cao. Thủy Tinh đến sau buồn bực, đem lòng thù hận, bèn dâng nước lụt to, đốc xuất loài thủy tộc đuổi theo. Vua cùng với Sơn Tinh chăng lưới sắt chặn ngang thượng lưu để giữ, nay dòng sông Thụy Hương thuộc huyện Từ Liêm còn có lưới sắt ở đấy; người ta thỉnh thoảng trông thấy Thủy Tinh theo đường sông khác, từ Phủ Lý Nhân(7) vào sơn cước huyện Quảng Oai(8), theo bờ sông Hát Giang(9) ra sông lớn vào sông Đà, đánh núi Tản Viên(10), đi đến đâu nước vào thành vực, đầm, chứa đầy nước, mưu đồ đánh úp; Sơn Tinh khéo thần thông biến hóa, sai người Mán kết tre làm phen ngăn nước, dùng nỏ bắn ra, các loại có vảy bị tên nỏ bắn đau chạy tán loạn, Thủy Tinh

vẫn không phạm được đến chỗ Sơn Tinh ở.

Xét hai việc Thiên Vương phá giặc và Sơn Tinh tranh vợ, đều do sách Trích quái nhuận sắc thêm vào, nhưng không nói đến quân nhà Ân, không nói đến đúc ngựa sắt, không nói vươn mình ra thành người cao lớn, thì đã nghi việc quái đản rồi, đến như chuyện Sơn, Thủy tranh vợ cũng do kẻ hiểu sự lấy chuyện dâng nước lụt ngập núi làm chuyện Sơn, Thủy đánh nhau, tả ra một câu chuyện để chứng thật việc đó, chép làm thực lục.

Còn việc thoát móng rùa về đời trước, thoát móng rồng ở đời sau, phù hợp với nhau, thậm chí thơ mộng, truyện ma, không việc gì là không biên chép, cho đến thuật chữa thai, ca dao về nghề thuốc, cũng đều chép cả. Nói việc mà không so với lẽ phải, bàn việc kỳ quái mà thành ra nói dối; có lý nào đem bộ sử tin thật của một nước, mà làm ra một bộ chép truyện kỳ quái được. Duy có núi Tản Viên là tổ sơn nước ta, Đồng Thiên Vương là vị danh thần. Vậy hãy cứ theo sử cũ mà chép để truyền nghi vậy. Trên đây đời Hồng Bàng tự vua Kinh Dương (đồng thời với Đế Nghi) đến đời Hùng Vương thứ 18 cộng hai nghìn sáu trăm hai mươi hai năm (2.622).

Lời thông luận: Thường đọc sách ngoại kỷ tự đời Lạc Long đến Hùng Vương, ước chừng vào thời đại hiên, Hiệu Tân, Dương bên Tàu, những chuyện mất mát thì đã có lý, những chuyện mờ mịt thì tìm hỏi để biết, giống như thê giới Hữu Sào, Tọa Nhân trở về trước. Trung Quốc tự đời Đường, Ngu đến đời Chu, nhân văn đã thịnh lắm, nên đời nọ sang đời kia, đã có thay đổi, đời hậu hay đời bạc, đời thịnh hay đời suy. nước ta đương thời Lạc Hùng, vua thì mang cái đức hoà yên lặng vô vi, mà dạy bảo dân vẽ mình, uống nước bằng mũi, dân không có những sự phiền nhiễu về việc thôi đốc thuế má, không phải giam giữ. Vua và dân tương thân nhau trong cuộc đời đến vậy nghìn năm, có thể gọi là đời chí đức, nước cực lạc. Tự nhà Tần đặt ra chức thái thú úy, họ Triệu mới khởi lên ở đất Nam Hải(11), Nhiên Hậu mới biết cách chép sử biên niên, có Bắc sử để cùng tham khảo được. Đến như Kinh Dương tới An Dương Vương, hơn hai nghìn sáu trăm năm(2600) mấy triều đại, mấy thế, mấy niên, năm giáp Tý này thì lên, đến năm Giáp Tý sau thì không còn. Họ Hồng Bàng khởi từ năm Nhâm Tuất, đến hết năm Quý Mão, Hùng Vương mất nước, An Dương nổi lên, đích xác thuộc thuộc về năm 57 đời vua Chu noãn. Lại lấy con toán mà kể xem từ khoảng đời Kinh, đời Hùng, 20 đời vua 2622 năm, nhiều ít trừ đi bù lại, mỗi vua được 120 tuổi. Người ta không phải là vàng đá, sao lại sống lâu được như thế? Điều ấy lại càng không không thể hiểu được. Sử và truyện khở về nổi văn hiến không đủ, lấy vua khởi đầu là Kinh Dương, tất phải có vị vua nào là cuối, nhân tiện lấy số năm thừa, kể từ đồng thời với Đế Nghi đến năm nhà Tần đặt quân mà tính, mang số năm trở về trước cho vào đời Hùng Vương, trở về sau cho về đời An Dương, cho đủ số hai kỷ.

-
- 1) Thiên Thông và Sơ Hát cũng là đời Hồng Hoang.
 - 2) Nam hoa hồng liệt là một tác phẩm của Trang Tử.

- 3) Phong Châu: Nay là vùng Thành phố Việt Trì (và phụ cận) tỉnh Phú Thọ Duyên cách nước ta thời Hùng Vương rộng hơn so với sau này, phía bắc rộng quá biên giới hiện tại thuộc một số huyện các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, (Trung Quốc). Ba Thục, này thuộc tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc), Động Đình này là tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc) và Hồ Tôn nay là vùng cực nam Trung Bộ (Việt Nam).
- 4) Bộ Vũ Ninh, vùng các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và phần Hà Nội ở phía bắc sông Hồng sông Đuống.
- 5) Nay là xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
- 6) Thục: Về nước Thục, đã có nhiều ý kiến khác nhau, song gần đây nhiều ý kiến cho rằng nước Thục của Thục Phán nằm trong lãnh thổ nước Văn Lang, thuộc vùng Yên Bái, Lào Cai hiện nay.
- 7) Phủ Lý Nhân, nay là tỉnh Hà Nam.
- 8) Quảng Oai, nay là huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.
- 9) Hát Giang, là sông Hồng đoạn huyện Phúc Thọ, Hà Tây.
- 10) Tản Viên, tức núi Ba Vì, huyện Ba Vì, Hà Tây.
- 11) Nam Hải, nay thuộc tỉnh Quảng Đông (trung quốc).

An Dương Vương

An Dương Vương tên là Phán, người Ba Thục(1), ở ngôi vua 50 năm, lúc trước thường đánh nhau với Hùng Vương đều bị thua trận, Hùng Vương nói rằng ta có thần lực, nước Thục không sợ ta ư? Thế là không sửa sang vũ bị, suốt ngày chỉ lấy ăn uống làm vui, quân Thục đánh đến gần, còn say rượu không tỉnh, bèn thổ ra máu nhảy xuống giếng. Quan quân đều đầu hàng. Vua Thục đã thôn tính được đất nước rồi, bèn đổi Quốc hiệu là Âu Lạc, kinh đô ở Phong Khuê(2).

Theo sử cũ, lúc trước vua Thục cầu hôn với con gái vua Hùng Vương mà không được, lấy làm giận lắm, dặn lại con cháu phải diệt cho được nước Văn Lang; đến bấy giờ Vua có sức mạnh, mới lấy được nước Văn Lang.

CỔ LOA THÀNH

Theo cựu sử: Vương đắp thành ở đất Phong Khuê, rộng 1.000 trượng, quanh co hình như ruột ốc, gọi là Loa thành lại có tên là Trung Qui thành, người nhà Đường gọi là Côn Lôn thành, có ý nói là thành rất cao. Lúc đầu Vương xây Loa thành, xây đến đâu lở đến đấy, Vương lo lắng, làm lễ cầu đảo xin đáp lại, có vị thần hiện ra ở cửa thành, Vương mời vào hỏi, vị thần nói: Phải chờ Thanh Giang sứ đến, nói rồi liền cáo từ đi; ngày hôm sau dậy sớm, Vương ra thành thấy con rùa vàng nổi lên mặt sông, từ phía đông đến, tự xưng là Thanh Giang sứ, nói như người, bàn việc về sau, Vương mừng lắm, lấy cái mâm vàng đựng con rùa ấy, hỏi duyên cớ tại sao thành đổ, con rùa nói rằng: Thành này là linh khí của non sông, con vua trước phụ vào đấy, muốn báo thù cho nước, ẩn trong núi Thất Diệu, trong núi đó có ma, là hồn phách một người con gái hát đờn trước. Bên cạnh núi có cái quán, chủ quán tên là Ngô Không, có một người con gái và trong nhà có nuôi con gà trắng, hồn phách con ma nhập vào con gà đó, thường làm hại người đi đường; yêu khí ngày một thịnh, nên làm đổ được thành, nếu giết được con gà ấy để trừ yêu khí đi, thì thành tự nhiên vững bền. Vương bèn dẫn con Kim Qui đến chỗ quán nằm nghỉ, đến đêm nghe tiếng con quỷ lại gõ cửa, con Kim Qui mắng, quỷ không dám vào, đến khi gà gáy sáng thì bỏ đi, con Kim Qui lại bảo vua đuổi theo, đến núi Thất Diệu(3), không thấy gì. Khi đã về đến quán, chủ quán sợ lắm, hỏi dùng thuật gì mà trừ được quỷ. Vương nói: Giết con gà của nhà này mà tế, có thể trừ được. Khi con gà bị giết rồi, người con gái ấy cũng chết, bèn sai đào núi ấy tìm được những đồ cổ nhạc khí và năm xương tàn, đem đốt ra gio, loài yêu mới tuyệt được. Nửa tháng thì xây xong thành, con Kim Qui cáo từ đi, Vua cảm tạ, và xin cho được cách gì để chống ngoại xâm; con Kim Qui trút cái móng trao cho vua mà nói rằng: Nước an hay nguy sẵn có thiên số, người cũng phải có phòng bị, nếu có giặc đến thì lấy cái móng này mà làm cái lẫy nỏ, hướng về phía địch mà bắn, thì không có sợ gì cả. Vua sai bày tôi là Cao Lỗ chế ra cái nỏ thần, lấy móng rùa ấy làm lẫy nỏ, gọi là Linh quang kim trảo Thần nỏ. Khi Cao Biền nhà Đường bình xong Nam Chiếu(4), kéo quân về qua Vũ Ninh, nằm mộng thấy dị nhân xưng là Cao Lỗ, tự nói đời trước giúp An Dương có công đánh giặc, bị Lạc hầu dèm pha, vua thương là không có lỗi, thưởng cho một dãy non sông, quản lĩnh việc đánh giặc cướp và việc mùa

màng cây cày, đều làm chủ cả, nay tôi theo ông đi phá địch, lại về đến chỗ Bộ của tôi, dám xin cáo từ đi về. Ông Biền thức dậy, đem việc mộng ấy nói với các quan liêu tá và có thơ rằng:

Tốt đẹp đất Giao Châu,

Muôn đời truyền đã lâu.

Cổ hiền còn được thấy,

Vẫn không phụ lòng đâu.

Núi Thất Diệu ở làng An Khang, huyện Yên Phong. Loa thành là Cổ Loa, huyện Đông Ngàn (5).

Sử thần bàn rằng: Sách ngoại sử truyền lại, sao nhiều chuyện lạ thường như thế? Con rùa to hai thước hai tấc để nuôi, 60 năm con rùa chết, lấy xương rùa ấy để bói gọi là khách quy. Con rùa nói: Sắp về đất Giang Nam không gặp được, mà chết ở đất Tần. Đó là lời nói của người bói rùa, cũng còn có lý. Việc ma làm đồ thành, có thể tin được không? Phàm vật gì trái thường thì gọi là yêu, yêu khí thắng thì tất phải có nương tựa vào cái gì đó, nhưng mà nương tựa vào con gà và người con gái mà làm đồ được thành, thì không có lẽ nào, việc đã rõ lắm rồi.

Còn việc con rùa trút móng là thế nào? Trả lời rằng: Con rùa nếu biết nói và xây xong thành cho vua, thì còn tiếc gì một cái móng mà không cho? Chỉ sợ không có con rùa thật ấy mà thôi.

Dương Hùng làm Thục Vương bản kỷ có nói: Trương Nghi xây thành theo đúng lỗ chân rùa đi mà xây, hoặc giả lúc vua An Dương xây thành, ngẫu nhiên có con rùa to bò đến, nhân thế cho là thần dị, người đời sau theo đó mà truyền lại cho nhau, cho là một việc lạ, nếu không thế, hoặc giả thuyết theo lỗ chân rùa mà xây thành, nhận lầm nước Thục nọ, bắt tất phải có sự thực nữa. lại ở sách Bắc vật chí: Vua An Dương có người thần tên là Cao Thông, chế cho nua một cái nổ, bắn một phát trúng 200 người, thì việc chế ra cái nổ ấy là thần, chứ không phải là người, hoặc giả lấy chuyện ấy làm cho ra chuyện lạ, lấy móng rùa làm thần vật, để dọa đời sau chẳng?

Truyện LÝ ÔNG TRỌNG

Người nước Tần đã thôn tính được Lục Quốc. Người nước ta là Lý Ông Trọng vào làm quan với Tần. Theo sử cũ: Ông Trọng là người huyện Từ Liêm, thân dài 2 trượng 3 thước, thưở ít tuổi làm việc bị ttrưởng quan đánh bằng roi, bèn vào làm quan với nhà Tần, chức Hiệu úy, đem quân đi giữ quận Lâm Thao(6), tiếng tăm lừng lẫy, chấn động nước Hung Nô, khi tuổi già trở về làng thì chết. Vua Thủy Hoàng cho là chuyện lạ, đúc tượng ông bằng đồng để ở cửa Tư Mã thành Hàm Dương, trong bụng tượng chứa được vài mươi người, ngầm sai làm chuyển động, nước Hung Nô cho là quan Hiệu úy còn

sống, sợ không dám phạm vào đất Tần, đến khi Triệu Xương nhà Đường làm quan đô hộ, nằm mộng cùng với Ông Trọng giảng sách Xuân Thu, vì thế hỏi thăm đến chỗ nhà xưa của Ông Trọng, lập đền thờ mà tế. Đến lúc sau Cao Biền phá được Nam Chiếu(7), Ông Trọng thường hiển linh giúp, ông Biền lập miếu thờ, tạc tượng bằng gỗ, gọi là Lý Hiệu Uy, hiện nay đền thờ ở làng Thụy Hương, huyện Từ Liêm(8). Xét sử cũ chép: Ông Trọng thân hình cao to, cùng việc đầu đuôi làm quan với nhà Tần, chưa chắc là đúng, xét trong Thập thất sử đời nhà Tần có người dài 5 trượng hiện ra ở Nham Cừ, Hồ Mầu. Kinh nói: 500 năm thì chỗ đất này tất có người lạ, là người lớn đó; thời bấy giờ nước ta làm quan với Tần hoặc giả có người thân thể to lớn, nhân thể đặt tên là Ông Trọng. Đời Tần, Hán trở về sau, ở cung khuyết phần nhiều đặt người hay ngựa để trấn áp. Nhà Tần đúc 12 người vàng, tuyệt đối không có danh hiệu gì. Vua Ngụy muốn rời người vàng ấy đến đất Nghiệp nhưng nặng không mang đi được, nhân lấy đồng đúc 3 người gọi là Ông Trọng, bày ra ở ngoài cửa Tư Mã, lại bàn ở đàn miếu Thiên thu đình (ở bài chú Kinh Bạng, Tiến Thủy) có hai Ông Trọng bằng đá đối nhau, thì cái tên Ông Trọng cũng giống như tên vì sao Phi Liêm, người đời sau đặt ra chuyện Ông Trọng thiêng liêng, để cho câu chuyện thần kỳ đó thôi.

-
- 1) Thực ra, sự chỉ định quê của Thục Phán ở BA Thục (Tứ Xuyên - Trung quốc) là sai, xem chú thích số 6) chương họ Hồng Bàng.
 - 2) Phong Khuê nay là thành Cổ Loa cũ
 - 3) Nay thuộc xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội, cũng gọi là núi Sái.
 - 4) Nam Chiếu, quốc gia cổ từ thế kỷ VII - X thuộc khu vực Vân Nam Tứ Xuyên và tây Quý Châu (Trung Quốc).
 - 5) Nay thuộc xã Cổ Loa huyện Đông Anh, Hà Nội.
 - 6) Lâm Thao, nay thuộc huyện Mân, tỉnh Cam Túc (Trung Quốc).
 - 7) Nam Chiếu, xem chú thích số 4) ở trên.
 - 8) Nay thuộc xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Triệu Đà

Nhà Tần cho là nước Việt ta nhiều châu báu, muốn chia nước ta ra làm quận huyện, sai Hiệu úy là Đồ Thư mang quân vào sâu mãi Lĩnh Nam(1) lấy đất Lục Lương(2) đặt ra Quế Lâm(3), Nam Hải(4), Tượng Quận(5). Người Việt ta đều chạy trốn vào trong rừng rậm, không chịu để cho nhà Tần dùng, ngầm đặt Kiệt Tuấn làm tướng, đương đêm đánh Đồ Thư, nhà Tần bèn mang 500 vạn dân phát vãng đi đầy sang ở đó, cử Nhâm Ngao làm quan Úy ở Nam Hải, Triệu Đà là quan lệnh Long Xuyên(6). Hai người bèn nảy ra mưu đồ chiếm cứ nước ta. Ngao và Đà mang quân sang xâm lăng, đóng quân ở Bắc Giang, núi Tiên Du. Vua đem quân đi đánh, Triệu Đà thua chạy, bấy giờ Ngao đem thuyền quân đóng ở sông nhỏ, bị bệnh phải về, cho quân theo Triệu Đà. Đà biết vua có phòng bị, lui quân giữ ở núi Võ Ninh, sai sứ giảng hòa, vua mừng lắm, chia đất Bình Giang(7) thuộc về Triệu Đà, còn trở về nam thì vua cai trị. Triệu Đà sai con là Trọng Thủy sang làm con tin, nhân tiện cầu hôn, vua gả My Châu cho Trọng Thủy. Triệu Đà trái lời ước, mang quân đến xâm lăng. Vua cùng với Triệu Đà đánh nhau, quân nhà vua tan vỡ, chạy ra biển, nước Thục mất.

Theo sử cũ: Lúc đầu Triệu Đà đánh nhau với vua Thục. Vua dùng nỏ thương bắn ra. Triệu Đà thua chạy, Đà biết vua có nỏ thần, không thể địch nổi mới lập mưu thông hiếu, vua gả con gái cho con Triệu Đà là Trọng Thủy. Trọng Thủy dỗ vợ là My Châu lấy trộm nỏ thần, làm hỏng máy mà thay bằng máy khác, rồi Trọng Thủy mượn cớ về thăm cha, lúc từ biệt My Châu, nói rằng: "Sau này ta trở lại, vạn nhất lúc ấy hai nước thất hòa, thì có cái gì làm tin để lại được gặp nhau?". My Châu nói: "Thiếp có cái đệm gấm bằng lông ngỗng rắc ra, chàng nhận được lông ngỗng đó, sẽ biết được chỗ thiếp ở". Trọng Thủy về nói với Triệu Đà, Triệu Đà bèn ra quân đánh vua Thục. Vua không biết máy nỏ đã bị mất, cứ ngồi đánh cờ mà cười rằng: "Đà không biết cái nỏ thần của ta chăng?". Quân của Đà đến sát gần bên mà lập trận. Vua Thục giương nỏ lên thì máy gãy, quân tự tan vỡ. Vua để My Châu ngồi trên mình ngựa, cùng chạy về phía nam, Trọng Thủy nhân nơi có lông ngỗng mà đuổi theo, vua Thục đến bên bờ biển, cùng đường, vội gọi: Thanh Giang sứ ở đâu? Rùa vàng rẽ nước nổi lên nói rằng: "Người ngồi sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi". Vua tuốt gươm muốn chém My Châu, My Châu khấn rằng: "Tôi vẫn một lòng trung tín, nguyện hóa ra làm ngọc trai, để rửa cái thù này". Vua bèn chém My Châu, máu chảy xuống giữa dòng nước, con sò ngậm máu ấy hóa làm ngọc trai. Vua cầm Ngọc văn tê bảy tấc nhảy xuống biển đi mất. Trọng Thủy thấy My Châu chết, ôm lấy thân mà khóc, mang xác về táng ở Loa thành, về đến chỗ My Châu trang điểm tắm gội ngày xưa, thương tiếc quá bèn nhảy xuống giếng tự tử. Người đời sau bắt được hạt minh châu ở biển Đông, lấy nước giếng ấy mà rửa thì sắc hạt châu càng sáng bóng.

Xét ở huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, có miếu An Dương Vương ở núi Mộ Dạ, có rất nhiều chim

công. Tục truyền rằng khi vua nhảy xuống biển, đêm hôm ấy bề vọt nước lên thành núi, nhân thế lập đền thờ, đặt tên là Mộ Dạ sơn(8).

Theo sách ngoại sử: Mẹ Trọng Thủy là Trình thị người làng Đường Xâm, quận Giao Chỉ, (nay là Đường Xâm, huyện Chân Định) nơi có miếu thờ Triệu Đà, Trình thị được tòng tự ở miếu ấy(9).

Trở lên trên đây (là đời vua An Dương, khởi đầu tự năm Giáp Thìn đến năm Quý Tị thì hết), cộng 50 năm.

Ngô Sĩ Liên bàn rằng: Việc lông ngỗng rắc đường, hoặc cũng có thể được, nhưng thấy một lần thôi, thì được. Sao về việc con gái Triệu Việt Vương lại còn nói đến? Người làm sử cho nguyên nhân họ Thục, họ Triệu mất nước, đều bởi chàng rể. Bèn nhân một việc, mà nói hai lần chẳng? Đến như họ Thục mất nước, cái nỏ thần bị đổi mất, họ Triệu mất nước, cái đầu mâu bị mất móng; cũng là mượn lời nói để làm cho vật ấy thành ra thiên liêng đấy thôi. Việc giữ nước chống giặc, đã có sẵn cách, chứ móng rùa và rồng đủ trông cậy sao được? Trọng Thủy ăn trộm móng rùa, Mỵ Châu chỉ lông ngỗng làm dấu, và việc nước giếng rửa hạt châu, đều là chuyện nói vu, chẳng cần biện biệt cũng đủ rõ.

Nguyễn Nghiễm bàn rằng: Cứ xét theo lẽ phải, thì việc có hay không, tuy cách xa nghìn năm, cũng có thể biết được. Một bọc con mà mở được cũi Bách Việt, lên ba tuổi mà địch nổi muôn người, những bậc hơn người xuất chúng, vẫn có khác với người thường, không lấy gì làm quái lạ cho lắm. Đến như truyện giống rồng, giống tiên, thuộc về truyện hoang đường, Sơn Tinh, Thủy Tinh sự tích đều là biến ảo, việc ma quỷ trên núi Thất Diệu, việc hóa Tiên ở trâm Nhật Dạ Trạch đều là quái gở không thường có, không thể nào tin được, Khổng Tử nói: Đa văn khuyết nghi (nghĩa là nghe nhiều chỗ ngờ thì bỏ đó). Mạnh Tử nói: tận tín thư bất như vô thư, (nghĩa là tin cả vào sách không bằng không có sách còn hơn) người đọc sách nên so sánh bằng lẽ phải, bỏ việc quái, giữ việc thường thì hơn.

Lời thông luận: An Dương khởi từ đất Ba Thục, thừa lúc họ Hùng Lạc đã suy, một trận cử binh mà lấy được nước cũ hơn hai nghìn năm, sao mà hùng cường thế, nhưng xét cái hình tích được thua, nỏ còn mà quân Bắc xâm tan vỡ, nỏ gãy mà chạy về nam cùng đường, ngoài việc móng rùa ra, nhân sự không dự gì đến. Thời bấy giờ bên cạnh có địch quốc, mà cứ ở yên ngôi rồi, mời kẻ cừ thù vào nơi lãng miếu, đặt mưu chống giặc vào trong bàn cờ, đến nỗi lú đờ mà thành ra cừ thù, để giang sơn Âu Lạc mất, tựa xóa ván cờ. Than ôi! Con Kim Qui đến lần thứ nhất, thì tặng vua An Dương cái mầm họa, Kim Qui đến lần thứ hai, đưa vua An Dương đến chỗ chết, loài trùng có mai kia thủy chung làm tai họa cho nhà Thục, nay thành Cổ Loa vẫn còn nguyên ở đó, nên vì An Dương Vương thương tiếc, để răn những kẻ thích bàn chuyện quỷ thần linh ứng.

Xét sử cũ: An Dương Vương mất nước, để quốc thống về họ Triệu, chép to 4 chữ: "Triệu Kỷ Vũ Đế". Người đời theo sau đó không biết là việc không phải. Than ôi! Đất Việt Nam Hải, Quế Lâm không phải là Đất Việt Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Triệu Đà khởi ở Long Xuyên, lập quốc ở Phiên

Ngung, muốn cắt đứt bờ cõi, gồm cả nước ta vào làm thuộc quận, đặt ra giám chủ để cơ mi lấy dân, chứ chưa từng đến ở nước ta. Nếu coi là đã làm vua nước Việt, mà đến ở cai trị nước ta, thì sau đó có Lâm Sĩ Hoảng khởi ở đất Bàn Dương, Hưu Nghiễm khởi ở Quảng Châu, đều xưng là Nam Việt Vương, cũng cho theo Quốc kỷ được ư? Triệu Đà kiêm tính Giao Châu, cũng như Ngụy kiêm tính nước Thục, nếu sử nước Thục có thể đưa Ngụy tiếp theo Lưu Thiện, thì quốc sử ta cũng có thể đưa Triệu tiếp theo An Dương. Không thể, thì xin theo lệ ngoại thuộc để phân biệt với nội thuộc vậy.

TRIỆU ĐÀ TỰ LẬP LÀM VUA NAM VIỆT

Đà là người ở Chân Định(10), trước kia quan Úy quận Nam Hải là Nhâm Ngao, bị đầu, bảo Triệu Đà rằng: Nhà Tần làm nhiều việc vô đạo, nghe tin Trần Thắng nổi loạn, lòng dân chưa biết tùy phụ vào ai, đất này hẻo lánh, ta sợ bọn giặc cướp đến quấy nhiễu, muốn khởi quân ngăn đường để tự phòng bị, và lại đất Phiên Ngung cây có núi sông hiểm trở phía đông và tây đến vài nghìn dặm, lại có người Trung Quốc giúp đỡ, có thể dựng thành một nước được, những bọn quân lại không kẻ nào đáng mưu sự được nên triệu ông đến mà bảo. Bèn làm thư sai Triệu Đà làm Quận úy Nam Hải. Nhâm Ngao chết, Triệu Đà liền đưa tờ hịch thông cáo các cửa quan Hoành Bồ, Dương Sơn, Hoàng Khê, đều ngăn tuyệt đường sạn đạo vận tải để giữ lấy đất của mình, các châu quận đều hưởng ứng. Nhân thế giết hết những trưởng lại của Tần đặt ra, và thôn tính cả Quế Lâm, Tượng Quận đánh diệt vua An Dương, tự lập là Nam Vũ Việt Vương, sai hai quan sứ trông coi hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Nước ta từ đây thuộc về Triệu. Vua Cao Tổ nhà Hán khi đã bình định được thiên hạ, nghe Triệu Đà đã làm vua nước Việt, bèn sai Lục Giả đến cho Triệu Đà cái ấn, lập làm Nam Việt Vương. Lục Giả đến, Triệu Đà ngồi xỏm cho Lục Giả vào yết kiến, Lục Giả nói rằng: "Vương vốn là người Hán, thân thích phân mộ đều ở đất Chân Định, nay lại phản tính giời, bỏ mũ đai, muốn chống với nhà Hán, chẳng làm lắm ư? Nhà Tần thất chính, hào kiệt đều nổi dậy, vua Hán diệt được họ Hạng, đó không phải là nhân lực, là trời cho đấy. Nghe tin Vương làm vua đất này, không nỡ mang quân sang miền nam mà đánh, chỉ sai sứ trao ấn thụ cho nhà vua. Nhà vua phải ra ngoài cõi mà đón rước bái yết, sao lại khinh thiên sứ như thế? Nếu vua Hán nghe tiếng, đem quân đánh nước Việt, thì Vua đối phó thế nào?". Triệu Đà vội vàng đứng dậy mà nói rằng: "Tôi ở đây lâu ngày, quên mất lễ nghĩa". Nhân tiện hỏi rằng: "Ta với Tiêu Hà, Tào Tham ai giỏi hơn?". Lục Giả nói rằng: "Hình như nhà vua giỏi hơn?". Triệu Đà lại hỏi: "Ta với Hán đế nhà Hán ai giỏi hơn?". Lục Giả nói: "Hoàng đế nhà Hán nối nghiệp Ngũ Đế, Tam Vương, thống trị cả Trung Quốc, đất hàng muôn dặm, chính quyền ở tay một nhà, nhà vua ở góc bể, sao dám ví với nhà Hán?". Triệu Đà nói rằng: "Ta giận rằng không khởi binh ở Trung Quốc, nên phải làm vua ở đất này. Sao lại vội bảo ta không bằng nhà Hán?". Triệu Đà lưu Lục Giả ở lại vài tháng, và nói: "Trong nước Việt không có ai đủ để nói chuyện được, nay ông lại đây, khiến ta được nghe những điều mà ta không được nghe", lại ban cho Lục

Giả những hòm đồ trang sức trị giá đến nghìn vàng. Đến khi bà Cao Hậu xưng làm vua, cấm Nam Việt mở chợ bán đồ sắt, Triệu Đà nghe tin ấy nói rằng: "Vua Cao Hậu nghe lời gièm pha, phân biệt Hán và Việt khác nhau, đó chắc là mưu mẹo của vua nước Tràng Sa, muốn nhờ vào oai quyền nhà Hán, mưu toan thôn tính nước ta để tự lập công". Rồi Triệu Đà tự xưng là Vũ Đế, đem quân đi đánh vào bờ cõi Tràng Sa. Đánh được vài huyện rồi trở về. Nhà Hán sai Long Lư Hầu là Chu Táo đánh nước Việt, để báo thù việc đánh Tràng Sa. Triệu Đà nhân đó lấy binh uy chiêu phủ đất Mân, Việt và đất Tây Âu, dùng lọng vàng, cờ đỏ ngang hàng với nhà Hán.

Vua Hán Văn Đế lên ngôi, biết mồ mả cha mẹ tổ tiên Triệu Đà ở đất Chân Định bèn cho đặt quan coi giữ thờ phụng, triệu con em Triệu Đà cho làm quan, và cho các thứ phẩm vật rất hậu, sai Lục Giả làm sứ thần đưa thư cho Triệu Đà. Thư rằng:

"Trẫm là con vợ thứ Cao Hoàng Đế, vì có Vương Hậu bất hoà với nhau, bắt đắc dĩ phải lên nối ngôi vua, được tin Vương đưa thư cho Long Lư Hầu yêu cầu cho con em sang Nam Việt, và xin bãi hai tướng của Tràng Sa. Trẫm được thư, đã bãi rồi. Còn con em Vương ở đất Chân Định thì trẫm đã sai người thăm nom, và cho sửa sang phần mộ tiền nhân của Vương rồi. Trước kia nghe Vương đem quân đến biên ải cướp bóc mãi mãi, nước Tràng Sa khổ về việc ấy, vậy thì nước của Vương có lợi riêng gì không? Tất phải giết hại nhiều tướng sĩ, được 1 phần mà mất đi 10 phần, trẫm không nở làm, được đất của Vương cũng thêm to nào. Từ đất Phục Lĩnh trở về nam, Vương vẫn tự trị; Vương lại tự hiệu là Đế, đó là tranh với Trẫm đấy. Tranh giành không biết nhường nhịn, người nhân giả không làm thế, mong rằng chúng ta bỏ hết hiềm khích khi trước, lại sai sứ thần đi lại như xưa. Nay bảo cho Vương biết rõ bản ý Trẫm, Vương nên nghe Trẫm, đừng gây ra cướp bóc tai họa nữa, nhân tiện Trẫm cho đưa các thứ áo thượng trử, trung trử, hạ trử mỗi thứ 12 cái cho Vương. Mong Vương tiêu hết mối lo buồn, lại thăm nom lân quốc như xưa".

Lục Giả đến, Triệu Đà tạ lỗi rằng: "Xin dâng tờ chiếu vua, làm kẻ phiên thần nhà vua", bèn hạ lệnh cho trong nước rằng: "Ta nghe hai kẻ anh hùng không cùng đứng đều nhau được, hai người hiền không cùng ở chung một đời được. Hán Hoàng Đế là bậc Hiền Thiên tử, từ nay ta bỏ đế chế để nhường vua Hán. Nhân thế thư từ đi lại với nhà Hán tự xưng là "Man di đại trưởng lão phu, thần là Đà, mạo muội liều chết dâng thư".

"Lão phu là quan lại nước Việt xưa, Cao Đế cho lĩnh ấn làm Nam Việt Vương, ân tình rất hậu. Đến Cao Hậu phân biệt Hao, Di khác nhau, lại ra lệnh rằng không cho nước Việt được có các đồ loại kim, sắt, đồ làm ruộng, đến ngựa, trâu, dê chỉ cho con đực, không cho con cái. Lão phu ở riêng một góc trời đã lâu đời, tự nghĩ không được sửa sang tể lễ, đáng có tội chết, đã sai sứ đến ba lần dâng thư tạ lỗi, đều không thấy sứ trở lại; lại nghe nói phần mộ tổ tiên đã bị phá hủy, họ hàng thì bị tru diệt. Vì thế, bàn với quan lại rằng: Ở trong đối với Hán không được phẫn chán, ở ngoài lại không có gì tự cao cho khác người, nên mới đổi hiệu xưng là Đế, cũng chỉ làm vua nước mình, chứ không dám có ý gì đến thiên hạ.

Cao Hậu tước bỏ quốc tịch Nam Việt, sứ thần không được đi lại. Lão phu trộm nghĩ vua cỏi nước Tràng Sa đem lời gièm pha, nên phải ra quân đánh vào bờ cỏi nước Tràng Sa. Thấy rằng miền nam là nơi ẩm thấp man di, nước Đông Môn, Tây Âu đều xưng là Vương cả, lão thần có xưng Đế, cốt để tư vui, đâu dám đề lọt tai Thiên Vương. Lão phu ở nước Nam Việt đã 49 năm, nay đã có cháu rồi, nhưng mà vẫn dậy sớm thức khuya, nằm không được yên, ăn không biết ngon, là vì không được phụng thờ nhà Hán đó. Bệ hạ thương đến mà cho trở lại hiệu cũ, lão phu dù có chết xương cũng không nát, vậy sai sứ kính dâng ngọc bích, lông trĩ, tê giác, quế đồ (cà cuống), chim công".

Lục Giả được thư về báo với vua Hán. Vua Hán bằng lòng lắm. Tự đẩy Nam, Bắc xếp việc binh đao, dân được yên nghỉ.

TRIỆU VĂN VƯƠNG

Triệu Vũ Đế là Đà mất, cháu là Hồ tự lập lên làm vua (con cả Trọng Thủy) gọi là Văn Vương. Thời bấy giờ vua Môn Việt là Sính xâm phạm bờ cỏi nước Việt. Hồ giữ lời ước với nhà Hán, không dám thiện tiện dấy quân, sai người mang thư kể rõ việc này với nhà Hán. Nhà Hán khen Hồ biết giữ chức vị, hứa sẽ vì Hồ dấy quân bèn sai Vương Khôi, Hàn An Quốc đánh Môn Việt. Quân Hán chưa qua Ngũ Lĩnh, em vua Môn Việt là Dư Thiện đã giết anh là Sính để đầu hàng. Bọn Vương Khôi bèn bãi quân về. Vua nhà Hán sai Trang Trợ đến dụ cho biết việc đó, Hồ cúi đầu nói: "Vua Hán vì ta mà hưng binh diệt Môn Việt, ta có chết cũng không đền được ân", sai Thái tử Anh Tề vào Hán làm con tin, và bảo Trợ rằng: "Nước ta mới bị giặc cướp, sứ giả hãy về, ta đang sửa soạn hành trang vào triều kiến Thiên tử". Trợ về rồi, các đại thần can Hồ rằng: "Quân Hán giết Sính, muốn làm kinh động nước ta. Vả lại tiên vương có nói thờ nhà Hán, là để khỏi thất lễ, không nên nghe lời ngon ngọt của họ mà vào triều kiến, nếu mà vào triều, thì sẽ không được về, là mất nước đấy". Hồ mới kêu đau không đi.

TRIỆU MINH VƯƠNG

Vua Văn Vương Hồ mất, Thái tử là Anh Tề từ Hán trở về, lên làm vua, gọi là Minh Vương, Lữ Gia làm quan Thái phó. Khi trước Anh Tề còn là Thế tử, vào làm con tin ở Hán, lấy con gái họ Cù, quê ở Hàm Đan, sinh con tên là Hưng, đến khi lên ngôi vua, dâng thư nói với Hán xin lập Cù Thị làm Hoàng hậu, Hưng làm Thế tử. Nhà Hán sai sứ dỗ Anh Tề vào châu. Anh Tề sợ vào yết kiến phải dùng lễ phép nhà Hán, cũng như các chư hầu ở nội địa, nên mới cáo là đau, không theo lời, sai con thứ tên là Xuyết vào làm con tin.

TRIỆU AI VƯƠNG

Vua Minh Vương là Anh Tề mất, con là Hưng lên làm vua, gọi là Ai Vương, tôn mẹ là Cù Thị làm Thái hậu. Khi trước Cù Thị chưa lấy Anh Tề, đã thông gian với người ở Bá Lăng tên là Thiệu Quý. Nay nhà Hán sai Thiệu Quý sang dụ Hưng và Cù Thị vào châu, lại sai biện sĩ là Ngụy Thần giúp Chung Quân cho nên việc. Quan Vệ úy là Lộc Quang Đức mang quân đóng đồn ở Quế Dương, để đợi

sứ giả. Bấy giờ Vương còn nhỏ tuổi, Cù Hậu thấy Thiếu Quý sang, lại tư thông với nhau. Người trong nước biết chuyện, nhiều người không phục, Cù Thị sợ trong nước khởi loạn, muốn cậy oai quyền nhà Hán khuyên Vương và quần thần cầu xin nội thuộc cũng như chư hầu trong nội địa, bỏ cả biên thùy. Vua nhà Hán bằng lòng và ban cho Vương và Thừa tướng Lữ Gia mỗi người một cái ấn bằng bạc, và được dùng phép độ nhà Hán, sứ giả lưu lại trấn phủ nhân dân, Vương Hưng và Cù Thị sửa sang hành trang và lễ vật, để làm các đồ vào triều kiến. Bấy giờ Lữ Gia tuổi đã già, làm tướng ba triều, người trong nước tin cậy, nhiều người làm tai mắt cho ông. Ông vẫn can Hưng đừng xin nội phụ vào Hán. Nhưng Hưng không nghe, nhân thế nảy ra lòng làm phản, xưng là đầu, không ra tiếp kiến sứ giả nhà Hán. Sứ nhà Hán chú ý đến Lữ Gia, nhưng chưa thể giết được. Cù Thị cũng sợ Lữ Gia hành động trước, bèn đặt tiệc rượu ăn uống để giết Lữ Gia. Trong tiệc, các đại thần đều ngồi châu, khi mượn rượu, Cù Thị bảo Lữ Gia rằng: "Nội thuộc vào nhà Hán là lợi của nước, sao tướng quân lại không thuận?". Nói thế để khích giận sứ nhà Hán, nhưng nhà Hán hồ nghi không dám khởi sự. Lữ Gia tức thời đi ra ngoài. Cù Thị giận lắm, muốn cầm giáo đâm theo, Hưng gạt đi. Lữ Gia về đến nhà ngầm cùng với các đại thần mưu khởi loạn. Vua Hán nghe biết Lữ Gia không chịu theo, nhưng nghĩ rằng mẹ con Việt Vương đã có lòng nội phụ rồi, một Lữ Gia không làm gì được, bèn sai Trang Thám khởi binh, mang 2.000 người đi sang Nam Việt. Thám nói rằng: "Nếu lấy việc hòa hiếu mà đi, thì 2.000 người không làm gì được". Hán Thiên Thu đứng dậy tâu rằng: "Một nước Việt nhỏ mọn, lại có Hưng và Cù Thị làm nội ứng, xin cho 300 võ sĩ, tất nhiên chém được đầu Lữ Gia mang tin về báo cho nhà Vua". Sứ Hán cùng với Cù Lạc đi vào cõi đất Việt. Lữ Gia hạ lệnh cho người trong nước rằng: "Vua còn bé, Cù Thị vốn người Hán, lại cùng với sứ Hán loạn dân, chỉ muốn nội phụ vào Hán, không nghĩ gì đến xã tắc họ Triệu", Lữ Gia bèn giết Hưng, Cù Thị, và tất cả bọn sứ giả nhà Hán rồi cáo bá cho các quận ấp, lập con trưởng Anh Tề là Kiến Đức là Vệ Dương Vương. Bấy giờ tướng nhà Hán là Thiên Thu mang quân vào cõi nước Việt, còn cách Phiên Ngung 40 dặm, Lữ Gia ra quân đánh diệt được, rồi sai người niêm phong cờ tiết của sứ Hán để ở cửa ải. Cho quân đi giữ các nơi xung yếu.

Vua Hán nghe tin, sai bọn Lộ Bác Đức và Dương Bộc mang năm đạo quân ở Dạ Lang xuống Tường Kha, hội cả ở Phiên Ngung, để đánh nước Việt. Kiến Đức và Lữ Gia giữ thành chống cự lại. Dương Bộc đến trước đánh quân Việt, phóng lửa đốt thành. Bác Đức đến theo, chiêu phủ bọn quân đã đầu hàng, cấp cho cái ấn, lại sai sứ đi các nơi chiêu quân về. Trong thành vốn nghe tên Bác Đức, đều xin hàng. Kiến Đức và Lữ Gia đương đêm chạy xuống biển, dùng thuyền trốn đi. Bác Đức hỏi những quân đã hàng, biết chỗ Lữ Gia ở, sai đuổi theo bắt được. Bấy giờ quân Dạ Lang của Hán chưa xuống, mà nước Việt đã bị Bác Đức, Dương Bộc bình định rồi, bèn chia đất Việt làm quận Nam Hải, Xương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố cùng với Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Lam Nhĩ cộng 9 quận đều đặt quan Thứ sử, Thái thú cai trị.

Trên đây ngoại thuộc Triều khởi từ Vũ Đế đến Vệ Dương Vương cộng 97 năm.

Lời bàn. - Xét: Trong năm Kiến Nguyên nhà Hán, Đường Mông đến nước Nam Việt, vua nước Việt lấy củ Cẩu và tương của nước Thục cho Đường Mông ăn, Đường Mông hỏi vật ấy từ đâu đưa lại, vua Việt nói: từ sông Tường Kha. Đường Mông lại hỏi, người đi buôn nói, một đất Thục sao nhiều củ Cẩu và tương đem bán ở đất Dạ Lang? Đất Dạ Lang ở liền sông Tường Kha, có thể đi đến dưới thành Phiên Ngung. Đường Mông bèn dâng thư nói với vua Hán rằng: Đất nước Việt phía đông và tây nam rộng hơn muôn dặm, gọi là ngoại thần, thực ra chỉ là một châu. Thần trộm nghe đất Dạ Lang có quân tinh nhuệ, có sông Tường Kha đó là một kỳ mưu để chế ngự nước Việt. Vua Hán theo lời của Đường Mông, thế là nguyên nhân gây binh hỏa ở nước Việt, khởi lên từ củ Cẩu và tương, mà nhà Hán đánh nước Việt có lệnh ra quân từ đất Dạ Lang đi xuống sông Tường Kha, là theo lời của Đường Mông.

Xét: Triệu Đà làm một chức Lệnh ở cuối đời nhà Tần, thừa lúc loạn chiếm cứ Lương Quảng; Ở Trung Nguyên có Lưu và Hạng tranh nhau, không rồi thời giờ nhìn đến Lĩnh Nam. Rồi sau Cao Đế cũng đã chán việc binh, Văn Đế càng sợ dùng vũ lực. Triệu Đà nhân cơ hội thôn tính đất Mân, đất Ân, nghênh ngang lộng vàng xưng đế, để tự cao. Nhưng rồi biết thế lực không thể chống với nhà Hán được, phải chịu nói nhún bỏ đế hiệu, để vui lòng vua Hán, càng thấy rõ quỷ quyệt của Triệu Đà. Thế mới biết Triệu Đà có trí đủ để được Tần, có mưu lược đủ khuất phục được Hán, cho nên mở nước rộng muôn dặm, hóa bọn dân kết tóc ra dân biết dùng mũ áo, xếp gươm giáo mà chỉ dùng ngọc lụa, lễ nghĩa, ôm cháu mà vui, già vẫn không kém, cũng là một tay hùng kiệt thời bấy giờ. Duy đối với nước ta thì Triệu Đà không có công gì, mà còn là mối họa đầu tiên đấy. Sao lại nói thế? Là vì: nước Nam từ đời Hoàng đế đến đời nhà Chu, chỉ có sai sứ sang cống, tự thành riêng một nước. Tuy hùng cường như Tần Thủy Hoàng, có đạo quân Vương Tiễn hùng mạnh đánh đâu được đấy, mở mang Bách Việt, mà chưa từng nói đến Giao Chỉ. Tự khi Triệu Đà chiếm giữ Ngũ Lĩnh, lại thôn tính cả nước An Dương, được vài đời thì mất, khiến cho đồ bản, sổ sách nước Nam phải nhập vào nhà Hán, để làm lợi cho Trung Quốc, nào là châu báu chất đầy phủ, quả quýt và quả vải xếp thành nhà. Nếu không có Triệu Đà gây nên mối binh đao, thì tuy rằng Hán Vũ Đế có muốn mở rộng nước, thích lập công, bất quá cũng chỉ diệt họ Triệu để lấy lại quận, huyện của nhà Tần xưa mà thôi, chứ cũng không nuốt đến Giao Chỉ. Nước ta bị ngoại thuộc vào nước Tàu từ đời Hán đến đời Đường, truy nguyên thủ họa cho Triệu Đà thì còn ai nữa? Huống chi Triệu Đà chia nước ta làm quận huyện, duy chỉ biết biên số thổ địa, thu thuế má, cung cấp ngọc bích cho nhà Hán, lấy túi tham của Lục Giả thôi. Còn về phần giáo hóa, phong tục không để ý đến một chút nào. Việc cày cấy là cỗi gốc lớn để nuôi dân, việc hôn thú là luân thường lớn của dân sinh, lại phải đợi đến giáo hóa của Tích Quang, Nhân Diên, bảo là có công đức mà như thế à? Đến việc xưng ra cơ nghiệp Đế vương trước tiên, tán tụng Triệu Đà có công to, Lê Văn Hưu sáng lập ra sử chép như thế, Ngô Sĩ Liên theo cách chép hẹp hòi ấy, không biết thay đổi, đến như bài tổng luận sử của Lê Trung, thơ vịnh sử của Đặng Minh Khiêm thay nhau mà tán tụng, cho Triệu Đà là bậc thịnh đế của

nước ta. Qua hàng ngàn năm mà không ai cải chính lại, vì thế mà tôi phải biện bạch kỹ càng.

Sử thần bàn rằng: Người trước có câu: " Nước đến lúc loạn mới mong có vị tướng giỏi, nhà lúc bị suy là khởi sự tại đàn bà". Cù Thị là một gái trắng hoa ở Hàm Đan, may gặp được con tin của nước Nam mà nhảy lên ngôi Hoàng hậu một nước. Đạo làm vợ, cách làm mẹ, ơn của chồng, mưu cho con, khởi hữu thị lại mờ mịt không biết gì sao? Lại còn thêm muốn trai đẹp, cam tâm làm tỳ thiếp cho Hán, con đàn bà dâm ô điên cuồng như thế, chẳng trách làm gì. Chỉ có vị sứ thần của Trung Quốc há lại không có một người nào có thể sai được, mà tất phải dùng đến gã thiếu niên tình nhân của Cù Thị, có phải rõ ra cái ý đưa mồi đến miệng mèo, còn có cái gì quá quắt hơn thế nữa không? Lữ Gia cầm quốc chính, giữ binh quyền, nếu thấy có một chút trái mắt, phải ngăn cấm ngay, những lời ở sứ quán không cho lọt vào cung cấm, bọn con sen, con nụ không được vào cung vua, lấy lễ mà tiếp sứ thần, lấy lời nhũn nhặn nói lại cùng vua, bề ngoài thì hết lòng thành kính nước lớn, bên trong thì phòng bị ngăn ngừa việc chinh chiến, họ biết nước mình có người giỏi, tự nhiên phải bỏ lòng tham thôn tính, mà ngăn được nạn binh đao. Nhưng lại mặc cho Cù Thị tư tình với Thiếu Quý, để chúng bàn nhau thành âm mưu đi sang Hán, đến lúc đã sắp sửa hành trang rồi, mới dâng thư can gián, bất hoà trong bữa tiệc, xảy ra cái mưu khởi loạn, đến khi quân Hán đã vào đất nước rồi, không có kế gì đối phó, chỉ làm cho chóng mất nước. Xem thế thì biết sự dâm ô của Cù Thị và sự ngu muội của Lữ Gia, và nguyên nhân họ Triệu mất nước đã có ngay từ lúc mới lấy Cù Thị làm cung phi và khi đặt Lữ Gia lên ngôi Thừa tướng đó vậy.

-
- 1) Lĩnh Nam, vùng đất từ Quảng Tây- Quảng Đông (Trung Quốc) trở về phía nam gọi là Lĩnh Nam.
 - 2) Lục Lương. Thời Tần gọi là đất hai tỉnh Quảng Đông - Quảng Tây (Trung Quốc) là Lục Lương.
 - 3) Quốc Lâm. Nay là tỉnh Quế Lâm (TQ).
 - 4) Nam Hải. Nay là tỉnh Quảng Đông (TQ).
 - 5) Tượng Quận. Quận do nhà Tần đặt, song chỉ có tên, chưa có đất và chưa có bộ máy hành chính cấp quận. Xưa nay nhiều người lầm Tượng Quận bao gồm cả đất Việt Nam ngày nay.
 - 6) Long Xuyên: Một huyện của quận Nam Hải.
 - 7) Bình Giang, nay là sông Đuống.
 - 8) Nay là đền Công, thuộc xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
 - 9) Nay là làng Đồng Xâm, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
 - 10) Nay thuộc tỉnh Hà Bắc(TQ)

Ngoại Thuộc Tây Hán

Hán đã diệt Triệu rồi, thì nước Nam ta thuộc về nhà Hán.

Khi vua Võ Đế, Thạch Đới làm Thứ sử Giao Chỉ, đòi vua Chiêu Đế, Chúc Lương làm Thái thú Giao Chỉ, đóng ở Long Biên, về đòi Đông Hán, đóng ở Mi Linh (1).

Khi Vương Mãng cướp ngôi, quan mục Giao Chỉ là Đặng Nhượng cùng với các quận ai nấy đều đóng giữ bờ cõi của mình giữ cho Giao Chỉ và các quận đều yên ổn. Đến khi Quang Vũ khởi binh, tướng Sầm Bành (vốn quen thân với Đặng Nhượng) nói rõ cho Đặng Nhượng biết oai đức của Hán, bấy giờ Đặng Nhượng mới dẫn cả lũ Thái thú Giao Chỉ là Tích Quang vào cống hiến nhà Hán, Hán phong cho tất cả làm Liệt hầu. Tích Quang là người Hán Trung, khi ở Châu dạy cho dân biết lễ nghĩa. Lại có Nhâm Diên, là người Uyển, làm Thái thú Cửu Chân, dân quận Cửu có nghề đánh cá và đi săn, không biết việc cày cấy, Nhâm Diên sai đúc ra cái cày, cái bừa làm điền khí, dạy dân khai khẩn ruộng đất, dân sự no đủ. Nhâm Diên lại thấy dân không biết lễ phép giá thú, bèn dạy cho biết trai gái tuổi ngang nhau thì kết làm vợ chồng, người nào nghèo không có tiền làm lễ cưới, ông lấy tiền lương bổng giúp cho, thời bấy giờ một lúc có đến 2000 người lấy nhau, khi sinh đẻ con, mới biết họ và nòi giống, bảo nhau rằng: "Ta có đứa con này là nhờ ở Nhâm quân đây". Nhiều người còn lấy tên ông đặt tên cho con mình. Nhâm Diên làm quan 4 năm, được triệu về nước, người quận Cửu Chân lập sinh từ thờ cúng ông.

Lĩnh Nam ta có phong tục văn minh là tự hai quan Thái Thú kể trên đây. Đến Tô Định thì tham bạo, bà Trưng Trắc ở Phong Châu khởi binh đánh đuổi Tô Định.

Trên này nước ta thuộc về Tây Hán, từ năm Tân Mùi niên hiệu Nguyên Phong thứ nhất, đến năm Kỷ Hợi niên hiệu Kiến Vũ thứ 15 cộng 149 năm.

Sử thần bàn rằng: Nước ta ở xa xôi giáp biển Nam, văn hoá của Chu, Hán thấm nhuần hơi chậm, được có Tích Quang dạy cho biết lễ nghĩa, Nhâm Diên dạy cho biết luân lý vợ chồng, giáo hoá đời bấy giờ thành ra văn hoá muôn đời, làm cho nước ta thành một nước văn hiến, được Bắc triều trọng và các nước kính nể, xét cùng nguyên nhân thì công hai ông to lắm vậy.

TRUNG NỮ VƯƠNG

Họ Trưng, tên là Trắc, là con Lạc tướng ở huyện Mê Linh(2), Phong Châu(3), là vợ Thi Sách người huyện Chu Diên(4), khởi binh hai năm, đóng ở Mê Linh.

Vương là người con gái, hô một tiếng mà đuổi được Thái thú nước Tàu, như đuổi đứa nô bộc, lấy lại được đất Ngũ Lĩnh, kiến quốc tự xưng làm Vua, cũng là bậc hào kiệt trong hàng nữ lưu. Nhưng mà tài đàn bà yếu ớt đang lúc vận nước còn bĩ, không làm trọn được công nghiệp.

Trưng Trắc khởi binh đánh Thái thú Tô Định đuổi về Tàu. Xưa kia chồng bà Trắc bị Tô Định giết chết. Bà Trắc căm thù Tô Định, lại khổ vì nỗi Tô Định lấy pháp luật ràng buộc dân, bà bèn cùng em gái là bà Nhị khởi binh đánh, vây hãm châu lý, Tô Định phải chạy về Hán. Bà Trắc rất hùng dũng, đi đến đâu như gió lướt đến đấy, dân quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, những mán mường

đều hưởng ứng theo bà, bình định được hơn 50 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm Vua.

Khi bà Trắc ra quân, chưa hết tang chồng, Bà ăn mặc quần áo đẹp, các tướng hỏi Bà, Bà trả lời rằng: "Việc binh phải tòng quyền, nếu giữ lễ làm dong nhan xấu xí, thì tự làm giảm nhuệ khí, nên ta mặc đẹp để làm cho thế quân hùng tráng; vả lại lũ kia thấy thế, tâm động, nhụt bớt chí khí tranh đấu, thì ta có dễ phần thắng". Mọi người tạ rằng không nghĩ kịp. Nhà Hán thấy bà Trưng công hãm được thành ấp, bèn sai quận Trảng Sa, Hợp Phố sắp đủ xe thuyền, sửa chữa cầu, đường, khơi đầm khe, chứa sẵn lương thực, cho Mã Viện làm Phục Ba Tướng quân, Lưu Long làm Phó tướng, đưa quân sang đánh. Mã Viện theo bờ biển mà tiến quân, trèo núi, chặt cây, đi hơn nghìn dặm đến hồ Lãng Bạc(5), đánh nhau với Trưng Vương. Trưng Vương thấy quân nhà Hán thế mạnh, tự nghĩ quân mình ô hợp sợ không chống nổi bèn lui về giữ ở Cẩm Khê(6). Quân lính cũng nghĩ Vương là người con gái, không thể địch với tướng Hán được, đều tự vỡ chạy. Mã Viện đuổi theo đến huyện Nghinh Phong, quân Bà Trưng phải tan rã. Đất Lĩnh Nam bình định xong, bèn lập cột đồng ở Lĩnh Nam để làm cương giới nhà Hán. Mã Viện đặt lại chế độ cũ để ràng buộc dân chúng. Sau đó Việt Lạc chỉ phụng hành việc cũ của Mã Tướng quân, nước Việt ta lại thuộc về nhà Hán. Người đời sau thương mến Trưng Vương lập đền thờ hai Bà, ở bờ sông Hát Giang, huyện Phúc Lộc(7).

Xét quân Hai Bà Trưng bị thua chạy đến núi Hy Sơn, rồi không biết đi đâu. Trong đền thờ hai Bà Trưng, phàm những đồ thờ tự đều sơn đen, tuyệt không có sơn đỏ, dân địa phương ấy không dám mặc áo đỏ, những khi đến yết cáo, ai có mặc áo đỏ đều cởi bỏ đi, không ai dám xúc phạm đến cấm lệ. Tục truyền rằng Trưng Vương chết vì việc binh đao, nên kiêng sắc đỏ, vì giống như máu.

Trên đây Trưng Vương khởi tự năm Canh Tý năm thứ 16 niên hiệu Kiến Vũ, cộng ba năm.

Sử thần bàn rằng: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là đất nước Thục, không giữ được mà bị mất về họ Triệu, Nam Hải, Xương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố là đất của họ Triệu, không giữ được mà bị nhà Hán thôn tính. Bà Trưng là một người đàn bà góa ở Giao Chỉ, không có một thước đất, một người dân, chỉ vì báo thù chồng mà khởi binh đánh một trận, cả 6 quận đều theo, định được 56 thành dễ như lấy đồ vật trong túi, làm cho bọn quan lại, Thú, Úy cai trị trong thời gian 150 năm, phải bó tay không dám làm gì Than ôi! Cái khí anh linh của trời đất, không chung đúc vào người con trai, mà lại dung đúc vào người con gái, nếu có phải lòng trời tựa Lạc Việt, thì có thể lấy cả được Kinh, Dương, đâu lại chỉ có đất Ngũ Lĩnh mà thôi.

Nguyễn Nghiễm bàn rằng: Từ khi Cù Thị gây ra tai nạn, quân Hán kéo sang, bảy quận Lĩnh Nam đều về tay người Hán. Sau đó những người có trách nhiệm chặn dất dân, ngoài hai ông Nhâm Diên, Tích Quang ra, còn lũ Thạch Đới và Chúc Lương tuyệt không có chính sự gì, mà còn tham lam, hà khắc, dân không chịu nổi. Như lũ Tô Định có thể nào dung cho chúng làm càn một ngày nào được nữa. Bà Trưng Vương nổi giận, khích lệ đồng bào, nghĩa binh đi đến đâu, gần xa đều hưởng ứng, 50 thành Ngũ Lĩnh

đều khôi phục được hết, dân sự đang khổ sở đắng cay, lại được trông thấy mặt trời. Bà quả là bậc anh hùng hơn người nhiều lắm, tuy rằng một đám quân mới tập hợp, mới nhóm lên đã tan vỡ, nhưng cũng hả được lòng phần uất của thần, nhân. Lại còn điều đáng cảm động là: cơ nghiệp phú cường của họ Triệu, bị cướp đoạt vì tay một con đàn bà ở Hàm Đan, thời đại luân một của đất nước gần thu phục được, do một vị nữ chúa ở Mê Linh; mà bọn tu mi đời bấy giờ cam chịu cúi đầu bó tay làm tôi tớ cho người, chẳng đáng hổ thẹn lắm sao?.

Sách thông luận bàn rằng: Không gì khó thu phục được là nhân tâm, không gì khó nắm giữ được là quốc thể: lại càng khó nữa là một người đàn bà mà tập hợp được cả nhân dân trai tráng làm đồng chí. Nước ta bị ngoại thuộc đã lâu, phục tòng pháp chế cho là quen, bị bọn tướng lại thống trị cho là việc thường ngày, hưởng chi đương lúc nhà Hán trung hưng, thu thập được nhiều tay trí dũng, ai dám chống cùng oai hỏ. Trưng Vương là đàn bà góa, búi tóc đứng lên, những con trai trong nước đều cúi đầu chịu Bà chỉ huy, các quan to ở năm mươi thành cũng đều nín hơi, không dám kháng cự. Lưu Văn Thúc là người diệt được quân hùng, chống nổi lại địch, mà khi tập binh khiển tướng, còn phải ăn trưa ngủ muộn lo nghĩ cơ mưu. Mã Phục Ba làm cỏ nước Tiên Linh, phá tan đất Tham Lang, mà khi đóng quân ở Lăng Bạc, cũng phải lo xa nghĩ kỹ, nấu hình ở bên hồ sâu. Tiếng tăm hùng dũng của Bà chấn động cả Trung Hoa, cơ nghiệp mở mang của Bà dọc ngang trong trời đất, thật là anh hùng.

Trong sách Bắc sử về đời Hán, Đường, cũng có vua đàn bà, như họ Lã, họ Vũ, nhưng đều là nhờ thế đã làm mẫu hậu rồi, mà nắm lấy quyền nhân chủ, thì dễ dàng lung lạc được trong nước, múa may với đàn trẻ. Đến như Bà Trưng là một đàn bà bình thường mà khởi lên được thì khó lắm. Xem trong Nam sử khi ngoại thuộc Lương và Trần, có ông Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, sẵn là cường hào, hay là gia thế, lòng người đã sẵn qui phục, thế nước đã có hơi xu hướng mà khởi lên còn có phần dễ; đến như Bà Trưng là con gái thì lại khó lắm. Tuy thế cũng chưa lấy gì làm kỳ cho lắm. Vợ trả thù cho chồng, em giúp việc cho chị, một là tiết phụ, một là nghĩa nữ, vào cả một nhà, thế mới là kỳ. Ông vua bị mất nước, hoặc là bị bắt, hoặc là đầu hàng; con gái ở cảnh nhà tan, hoặc phải bỏ đi, hoặc bị tử nhục. Bà chị mất nước, bà em cũng tuần tiết theo chị, không chịu đầu hàng cũng không chịu để bắt, người chồng ở dưới đất được nhắm mắt, kẻ gian tà trông thấy thế phải cúi đầu. Vua tôi Văn Thúc (tướng Hán) không làm gì nổi. Chết rồi mà tiếng thơm vẫn còn. Thế mới càng kỳ nữa. Than ôi! Hồng nhan trẻ đẹp xưa nay chôn vùi biết đã bao người. Nhưng từ Nữ Oa có việc động trời đến giờ, chỉ có hai chị em Bà Trưng nữa đây thôi. Còn Bà Triệu thì chưa đáng kể.

1) Nay thuộc Mê Linh, Vĩnh Phúc.

2) Mê Linh. Nay thuộc đất các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

3) Châu Phong. Vùng Bạch Hạc, Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- 4) Chu Diên. Nay thuộc đất các huyện Mê Linh, Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.
- 5) Lăng Bạc. Nay thuộc vùng 2 bên sông Cầu đoạn ngang và quá thị xã Bắc Ninh.
- 6) Cẩm Khê. Nay thuộc Suối Vàng, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.
- 7) Nay có đền thờ Hai Bà Trưng ở Hát Môn, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

Ngọai Thuộc Ngô, Tần, Tống, Tề, Lương

Ngô Tôn Quyền cho Bộ Chấn làm Thứ sử Giao Châu, Bộ Chấn từ đất Phiên Ngung tiện đường đi đến thẳng chỗ làm quan. Thời bấy giờ Thái thú quận Xương Ngô là Ngô Cự âm mưu sing nhị tâm. Bộ Chấn dụ đến bắt chém, bởi thế anh em Sĩ Nhiếp cùng kéo nhau đến xin vâng lệnh, Tôn Quyền gia cho Sĩ Nhiếp chức Tả tướng quân. Sĩ Nhiếp dụ hào trưởng ở Ích Châu là Ứng Khái quy phụ, Ngô Tôn Quyền càng khen Sĩ Nhiếp, phong cho tước Long Biên hầu. Không được bao lâu Sĩ Nhiếp chết. Trước kia Nhiếp đã bị bệnh, chết đi một ngày rồi có người tiên là Đồng phụng cho một viên thuốc, lấy nước ngâm uống, ôm lấy đầu mà lay, chốc lát mắt mở ra tay cử động được, độ nửa ngày thì ngồi dậy như thường, đến năm ấy mới chết, đã 90 tuổi, làm quan ở châu 40 năm.

Ngô Tôn Quyền cho là Giao Châu xa xôi, sai Lã Đại, Đới Lương đi đến trước. Đới Lương đi đến Hợp Phố, con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy đã tự lên làm Thái thú, cho quân ta chống cự, người lại cũ của Nhiếp Sĩ là Hoàng Lân can Sĩ Huy, bảo nên ra đón Đới Lương, Huy giận, dùng roi đánh chết Hoàng Lân. Lã Đại phụng chiếu của Ngô Tôn Quyền đi giết Sĩ Huy, từ Quảng Châu đem quân cùng với quân Đới Lương đi trước, trước hết đưa thư dụ bảo nghĩa hoá phúc, anh em Chỉ Huy 6 người bỏ tay áo hổ thẹn, đi nghênh tiếp Lã Đại. Lã Đại kể tội của anh em Sĩ Huy, rồi sai chém hết. Vua Ngô cho là đất nam đã thanh định rồi, triệu Lã Đại về. Tiết Tống sợ rằng người thay Lã Đại không được giỏi, dẫu sợ nói rằng: "Giao Châu đất rộng dân nhiều, non sông hiểm trở dân dễ khởi loạn, việc kén chọn trưởng lại, hông xét kỹ càng, để đến nỗi xâm ngược nhân dân, cưỡng áp thu thuế, một con cá vàng, đánh thuế một đấu thóc, Chu Phù kết oán với dân, nên sinh ra trộm cướp, châu quận bị phá. Lã Đại bình được loạn Sĩ Huy, oai ra muôn dặm, nhớn nhỏ đều vâng theo. Cứ xem thế, sự làm cho nước yên dân mến, cốt tại dùng được người giỏi, ở ngoài đất hoang vắng, việc hoá hay phúc có ảnh hưởng nhiều lắm, vậy thì kén chọn quan cai trị không thể không xét kỹ càng được". Vua Ngô bèn cho Lã Đại làm Trấn Nam tướng quân, phong tước Phiên Ngung Hầu.

Sách Giao Chỉ chí chép: Trong núi quận Cửu Chân có người con gái là Triệu Âu, cao 1 trượng 2, vú dài ba thước, không lấy chồng, kết đảng cướp bóc quận huyện, thường mặc áo lụa vàng mỏng, đi dép sừng, cưỡi voi ra trận chiến đấu, bị Thứ sử là Lục Dấn đánh thua, sau chết làm thần, việc này xuất xứ ở sách Thiên Trung Ký.

Sử thần bàn rằng: Từ khi nước ta ngoại thuộc các quan Thú, Mục thay đổi luôn, chưa có ai ở châu được lâu như Sĩ Phủ Quân. Theo sử chép, thì ông ở với Hán không bỏ chức công, ở với Ngô cũng công hiến như thường, tuy có tiếng là đồng đốc cả bảy quận, nhưng thực ra thu thuế má, chỉ dùng ăn mặc trông vào có Giao châu thôi. Trong thời gian 40 năm cung ứng cũng nhiều, tài lực một châu lấy gì chịu nổi, sở dĩ quốc dân không chán ông, là vì ông tự xử khiêm tốn, khéo vỗ về dân, người châu lâu ngày càng thêm tín nhiệm, đã không có lòng phản bội, lại không ai kêu ca về nổi tham khắc. Nhân sĩ Hán đến nương nhờ, thì vui được chỗ ở yên, sứ thần nước Ngô mỗi lần đến, thì khéo thù phụng, cho nên bên trong thì được lòng người Việt, bên ngoài thì được vua Ngô tin yêu, có thể gọi là người khôn

đấy. Đến con là Huy, không biết lượng sức mình, để đến nỗi chóng mất nước, đáng thương lắm. Nước ta thông hiếu sách vở, học tập lễ nghĩa, thành ra nước van hiến bắt đầu từ Sĩ Vương. Công đức ấy truyền mãi đến đời sau, há chẳng thịnh lắm ru? Sau khi đã mai táng ông rồi, đến đời Tấn là 160 năm sau người Lâm Ấp vào cướp, đào mả ông lên, hình thể và dung nhan vẫn như người còn sống, chúng sợ lắm, lại phải đắp mả lại như cũ, người ta cho là thần, lập miếu thờ phụng, gọi là Sĩ Vương Tiên, là vì khí linh thiên không tiêu tán đó.

Tư Mã Viêm nhà Tấn mới nhân Vua Ngụy truyền ngôi cho, cử Dương Tắc làm Thái thú Giao Chỉ. Thái thú của nước Ngô là Đào Hoàng chống với Dương Tắc, đánh nhau ở Phần Thủy, chết mất hai tướng, Giám quân là Tiết Hủ giận lắm, bảo Hoàng rằng: "Tự dâng biểu xin đánh giặc mà để mất 2 tướng, thì trách nhiệm ở ai?". Đào Hoàng trả lời: "Hạ quan không được làm theo ý mình, chư quân lại không hòa thuận, nên đến nỗi thua trận". Đến đêm đem vài trăm quân tập kích, lấy được các bảo vật, Hủ bèn tạ lỗi với Hoàng. Đào Hoàng lại theo đường biển đi tắt đến Giao Châu, các tướng đều muốn đánh ngay, Đào Hoàng nghĩ rằng trong thành có phục binh, bèn để toán quân cầm giáo dài ở đằng sau, hai bên vừa tiếp chiến thì quả nhiên phục binh kéo ra, dùng quân cầm giáo dài đón đánh, bắt được Dương Tắc đưa về nộp nước Ngô.

Hoắc Giặc nhà Tấn sai Dương Tắc đi đóng giữ Giao Châu, có lời thề rằng: "Nếu giặc vây thành chưa được một trăm ngày mà thành mất, thì Thử sử phải chịu tội". Đến khi Hoàng vây thành chưa đầy một trăm ngày mà lương đã hết, Tắc xin đầu hàng, Hoàng không cho, cấp lương cho mà bắt cứ phải giữ thành, người Ngô đều can, Hoàng nói rằng: "Hoắc Giặc đã chết, còn ai lại cứu, đợi đủ nhật kỳ sẽ cho, để cho nó đến đây mà không bị tội, ta lấy thành cũng có nghĩa, chẳng hay hơn ư?". Về phần Tắc thì lương thực hết, quân cứu viện không đến, bèn nhận cho hàng. Tắc đã hàng rồi, quan Công Tào là Lý Tộ còn giữ quân không chịu hàng, cậu Lý Tộ là Tê Nhiếp đầu hàng, đi theo khuyên Tộ nên hàng, Lý Tộ trả lời rằng: "Cậu là tướng nước Ngô, tôi là tướng nhà Tấn, chỉ trông vào lực lượng đó thôi" và vẫn giữ thành không chịu hàng, qua một thời kỳ thành mới bị hạ.

Hoàng là người có mưu lược, ai cũng vui lòng để cho Hoàng sai khiến, nên đi đến đâu là thành công. Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương là nơi hiểm trở, quân Mán Mọi hung tợn, đã mấy đời không chịu thần phục, Hoàng đánh bình được hết. Gặp lúc ấy vua Ngô là Tôn Hạo đầu hàng nhà Tấn, xuống chiếu bảo Hoàng quy thuận, Hoàng nhỏ nước mắt mà sai sứ giả đưa ấn tín đến Lạc Dương, vua Tấn xuống chiếu phục chức cho Hoàng. Thời bấy giờ nước Ngô đã bình được rồi, nhà Tấn xuống chiếu giảm bớt quân các châu quận, Hoàng dâng sớ nói rằng: "Giao Châu là nơi hoang vắng ở cách xa hẳn một khu, phía ngoài phải chống với Lâm Ấp và liền với Phù Nam, nước này cậy nước hiểm trở không chịu thần phục, đời đời làm mối lo cho biên cương Thần trước làm người của nước Ngô, đóng giữ ngoài biên giới đến 10 năm, tuy đã giết được kẻ thù của chúng, nhưng mà đất ấy có núi hang sâu xa hẻo lánh,

vẫn còn những kẻ ẩn núp trốn tránh ở đó, vậy chưa rút bớt số quân, tỏ ra mình lẻ loi trống rỗng. Sự biến cố xảy ra bất thường, thần là người của nước đã mất, lời nói chẳng đáng nghe, nhưng đã ở chỗ đó, sở kiến thế nào giám xin mạo muội bày tỏ". Vua Tấn nghe theo. Hoàng ở châu 30 năm, có oai và ân huệ với dân, khi mất cả châu kêu khóc như mất người mẹ hiền vậy.

Hoàng đã chết rồi, quân đồn thú quận Cửu Châu khởi loạn, Thứ sử là Ngô Ngạn đánh bình được, ở lại 25 năm, dân trong châu yên ổn, tự dâng biểu xin người khác thay, vua Tấn cho Cố Bí đến thay, chưa được bao lâu thì chết. Dân châu ấy bức ép con Cố Bí là Tham nhận lĩnh việc châu. Tham chết, em là Thọ cố xin thay chân Tham, nhưng người trong châu không nghe. Đốc Quân ở bộ hạ là Lương Thạc đánh giết Thọ. Thọ bèn giữ châu, chuyên chế công việc, sợ dân tình không thuận, bèn rước con Hoàng là Uy đến lĩnh chức Thứ sử, khi tại chức rất được lòng dân, đến khi chết, em là Thục, con là Tuy nối nhau làm Thứ sử. (Họ Đào từ Đào Cơ đến Đào Tuy được 4 đời, đều làm Thứ sử Giao Châu).

Sử thần bàn rằng: Giao Châu ta từ khi ngoại thuộc Tây Hán triều đình chú trọng việc kén chọn Thứ sử, chưa bị phải người xấu lạm chức, cũng chưa từng cho Thứ sử được chuyên quyền. Từ anh em Cố Tham, Lương Thạc, Đào Huy đều ở ngoài tự nhận làm Thứ sử, có lẽ vì nhà Tấn đương lúc nhiều việc, cho nên chưa kịp hỏi đến việc ấy chăng?.

Lương Thạc giữ Giao Châu, hung bạo làm mất lòng dân chúng. Nhà Tấn cho Vương Lượng làm Thứ sử, sai đánh Thạc. Thạc vây Lượng ở trong thành Long Biên, cướp cò tiết và ấn của Lượng. Nhà Tấn cho Đào Khả làm đô đốc mọi việc quân ở Giao Châu, Khả sai Tham quân là Cao Bảo đánh chém được Thạc, Giao Châu mới bình định được. Người nước Lâm Ấp, Phạm Hồ vào cướp quận Cửu Chân, Thứ sử là Đỗ Tuệ Độ đánh bại quân Lâm Ấp. Nước Lâm Ấp xin hàng. Tuệ Độ làm quan châu ấy, cấm việc cúng bái nhảm, sửa sang nhà học, năm đói thì chẩn cấp cho dân, làm việc công kỹ lưỡng cũng như việc nhà, nên dân yêu mến lắm, cửa thành bỏ ngõ cả đêm, ngoài đường không ai thềm nhát của rơi. Đến khi ông chết, con là Hoảng Văn nối chức, được tập tước Long Biên hầu. Hoảng Văn ba đời làm Thứ sử ở quận (tổ là Đỗ Viện, cha là Tuệ Độ) đến năm ấy bị triệu về nước, đi đến Quảng Châu thì mất.

Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại lại quấy nhiễu biên thù, mang quân cả nước vào cướp. Tự đẩy hai bên biên giới mới nhiều việc.

Nước Lâm Ấp vốn là đất Tượng Quận của Tần, phía đông là biển, phía tây giáp nước Qua Oa, phía nam thông với nước Chân Lạp, phía Bắc tiếp giáp Hoàng Châu nước ta. Khi xưa Dương Mại mới đẻ ra, mẹ y nằm mộng thấy người mang cho vàng, người man di gọi vàng là dương mại. Năm ấy đưa quân vào cướp là Dương Mại con, chứ không phải Dương Mại cha vậy.

Lê Văn Hưu bàn rằng: Khỏe như Bôn và Dục mà còn bé, cũng không thể chống nổi người nhớn tuổi đi khắp khênh và yếu đuối, nước Lâm Ấp quấy nhiễu Cửu Chân, lại sai sứ cống nhà Tống, xin lĩnh cả đất Giao Châu, không biết tự lượng là mình khắp khênh và gày còm đó. Rồi sau vua Lý Thái Tông chém

vua Lâm Ấp là Chế Củ mới biết rằng không có thời vận nào bất tử, khi khuất tất có khi thân.

Thời bấy giờ nước Lâm Ấp tuy tiến công nhà Tống, mà vẫn cướp biên giới, vua Tống giận Lâm Ấp là trái phép và ngạo mạn, sai Đoàn Hòa Chi đi đánh. Người Nam Dương là Tông Xác đòi đòi giữ nghiệp nho, duy có Xác thích nghề võ, thường nói: "Chí muốn cưỡi gió giời, phá sóng biển". Đến bấy giờ đi tòng quan, làm tiền phương mang quân ẩn nấp đón đánh. Hạ được thành đạt Khu Lật, thừa thắng thế đi vào Tượng Phố, Dương Mại mang quân cả đến đánh, trang bị bằng voi, trước sau nhiều vô kể, Tông Xác nói: "Ta nghe biết loài sư tử oai phục được các loài thú". Bèn chế ra hình sư tử để chống với voi, quả nhiên voi sợ chạy. Dương Mại chỉ chạy thoát được thân, bắt được các quý lạ, đều là vật không biết gọi là gì, Xác không hề lấy một tí gì, chỉ có đồ dùng sơ sài như quần áo, khăn lược, vì có công ấy được phong là Vân Xã Hầu.

Nước Tề dùng Phòng Pháp Thừa làm Thứ sử Giao Châu. Pháp Thừa chỉ thích đọc sách, không làm việc. Trưởng lại là Phục Đăng Chi nhân thế mới được chuyên quyền, thay đổi tướng lại, Pháp Thừa giận giam Đăng Chi vào ngục. Đăng Chi đứt lót cho Thôi Cảnh Thục là chồng của em gái Pháp Thừa, được tha ra. Bèn mang quân bộ hạ của mình đánh úp châu thành, bắt Pháp Thừa giam ở nhà riêng, Pháp Thừa lại xin chỉ đọc sách. Đăng Chi không cho, bảo rằng: "Sứ quân tể tướng còn sợ nổi bệnh, không nên đọc sách". Đăng Chi tâu về triều đình rằng: "Pháp Thừa có bệnh ở tâm, không làm việc được". Vua Tề cho Đăng Chi làm Thứ sử (đọc sách là việc hay, duy đọc sách mà bỏ việc, đến nỗi để người khác chuyên quyền, cho đến mất quan, là cái lỗi nghiện sách đó, phạm việc gì làm quá mức trung bình, thì cũng là không hay). Chưa được mấy lâu, nước Tề cho Lý Khải làm Thứ sử; gặp lúc nước Lương nhận sự nhường ngôi của Tề, Lý Khải nhân thế giữ Giao Châu làm phản; Trưởng sử là Lý Tắc đánh bình được. Vua Lương cho Lý Tắc làm Thứ sử.

Nước Lương chia Giao Châu, đặt ra Ái Châu.

Nguyễn Nghiễm bàn rằng: Đời Nhị đế, tam vương đạo đức, giáo hóa lan khắp mọi nơi, nước nào muốn được dự, thì thanh giáo đến nơi, nước nào không muốn dự, thì cũng không cưỡng bách. Xuống đến mạt thế, ở trong nước thì trống rỗng, đối với nước ngoài thì tham lam, mình đã không ra gì mà mưu toan thôn tính người khác, chia ra quận huyện, đặt ra thú mục, kể những đồ lấy được như là mình châu, tê giác, ngà voi đều là vật vô ích, chỉ đầy túi cho bọn hoạt lại đấy thôi, nhất đán có việc gì khẩn cấp, vẫn phải sai đến tướng sĩ, dấn thân chạy hàng muôn dặm để cứu đỡ, quân sĩ mỗi một, vận lương hao tổn Ngạn ngữ có câu rằng: muốn được rộng đất, thì đất tất phải bỏ hoang. Vậy người làm việc nước chớ nên thích làm việc to lớn mà làm.

Trên đây nói về nước ta ngoại thuộc nước Ngô, nước Tấn, nước Tống, nước Tề, nước Lương, khởi từ năm Canh Dần, năm thứ 15 niên hiệu Kiến An nhà Hán, cuối là năm Canh Thân, năm thứ 6 niên hiệu Đại Đồng nước Lương cộng 323 năm.

Sách Thông sử bàn rằng: Giao Châu ta đất rộng, ruộng tốt, tục dân nhu thuận và chậm chạp, người Bắc lợi kỳ nước ta giàu, mà may được dân ta yếu, cho nên tự đời Triệu Vũ thôn tính nước ta, các đời sau nhân đó chia ra làm quận huyện. Nếu gầy nghèo như Ngụy, cứng rắn như Tần họ cũng chẳng dòm ngó làm gì. Lại xem sau Sĩ Nhiếp thì Mục, Thú thay đổi luôn luôn, tha hồ vơ vét, bên trong nước thì Ngô, Ngụy tranh nhau, bên ngoài thì Đát và Mại quen thói bóc lột, giặc cướp của Thục, Tù trưởng đất Quảng không ngày nào không dòm ngó. Quận Nhật Nam, quận Cửu Đức không năm nào không bị binh đao. Dân ta khổ vì tham tàn, sợ việc đánh nhau, không lúc nào quá lắm hơn lúc này. Trong kinh Dịch có cái lý thuyết dĩ và thái tất nhiên. Đất nước Nam ta vua nước Nam ta ở, câu thần ngữ không dối mà đạo giới không sai, người Minh có câu: Trong dải đất non xanh nước biếc, tất có người mặc áo vàng xưng là Trẫm. Trời sinh ra muôn nước, cái gì không phải là trời đặt ra, sao lại giận việc trước làm gì mà không cố gắng để tự cường?.

TIỀN NAM ĐẾ

Tiền Nam Đế, họ Lý, tên là Bí, người làng Thái Bình huyện Long Hưng(1). Tiên tổ Ông là người Tàu, di cư sang nước Nam vào cuối đời Hán, và bảy đời sau thành người nước Nam, đuổi Thái thú nước Tàu, bình nước Lâm Ấp, tự xưng là Nam Đế, ở ngôi vua 8 năm, mất ở Động Khuất Liêu. Vua Nam Đế chán cảnh nội thuộc, khởi nghĩa binh đuổi Tiêu Tư, dựng thành một nước, đổi niên hiệu, cũng là vị hào kiệt thời bấy giờ, bị Trần Bá Tiên đè nén, ôm chí khí đưa xuống thuyền dài, thật đáng thương.

Nam Đế là con nhà hào hữu thế gia có tài văn võ, làm quan với Lương, bất đắc chí bỏ về Thái Bình; bấy giờ Thứ sử là Tiêu Tư, hà khắc tàn bạo, làm mất lòng dân chúng, Vua khởi binh đánh đuổi Tiêu Tư. Lúc bấy giờ có Tinh Thiều là người giàu, giỏi văn chương, đến chỗ tuyển người cầu xin làm quan, Lại bộ là Thái Tôn cho Thiều không phải là họ có danh tiếng, chỉ cho làm quan Lang ở Quảng Dương môn. Thiều lấy làm xấu hổ bỏ về làng, theo Vua Nam Đế khởi nghĩa. Tù trưởng quận Châu Diên là Triệu Túc, là người đầu tiên đem quân đi theo Vua, bởi thế các hào kiệt đều hưởng ứng. Tư biết tin, chạy về Quảng Châu, vua Nam Đế bèn ra giữ châu thành. Gặp lúc vua nước Lâm Ấp đánh cướp. quận Nhật Nam, vua Nam Đế sai tướng là Phạm Tu đánh phá quân Lâm Ấp; oai thế lừng lẫy, nhân thế tự xưng là Nam Việt Đế, đổi niên hiệu là Thiên Đức, quốc hiệu là Vạn Xuân, là ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời vậy.

Vua xây dựng điện Vạn Xuân, làm nơi triều hội, cho Triệu Túc làm Thái phó, Tinh Thiều và Phạm Tu đều làm tướng võ và tướng văn.

Nước Lương do Thương Phiêu làm Thứ sử Giao Châu và Trần Bá Tiên làm Tư mã mang quân xâm lăng Giao Châu. Bá Tiên biết quân của mình sợ đi đánh xa, mới bảo Dương Phiêu rằng: "Chúng ta phụng mệnh Vua đi đánh kẻ có tội dù sống dù chết cũng không quản, không nên lần chần không tiến quân, làm cho thế giặc thêm to, nản chí quân mình", tức thời giục quân đi trước làm tiên phong. Trận thứ nhất đánh ở Chu Diên, trận thứ hai đánh ở Gia Ninh, hai lần đều thắng trận. Vua Nam Đế lui về trong chỗ dân Leò Tân Xương, đóng nhiều chiến thuyền, và ra đóng đồn ở Điện Triệt. Quân Lương sợ lắm, đóng ở cửa hồ không dám tiến. Bá Tiên nói: "Quân ta già yếu không có viện binh, vào chỗ đất tâm phúc người ta, nếu một trận đánh mà không thắng, toàn tính mệnh sao được. Nay nhờ lúc bên địch bị chạy luôn, lòng người chưa vững chắc, chính là lúc ta nên quyết đánh cho kỳ được". Đêm hôm ấy nước sông lên mạnh cao đến 7 thước, chảy vào trong hồ, Bá Tiên mang quân bản bộ theo dòng nước tiến lên trước, quân Lương đánh trống reo hò tiến theo, vua Nam Đế phải lui giữ trong động Khuất Liêu, sai Triệu Quang Phục điều khiển quân đánh Bá Tiên, quân Bá Tiên rất mạnh, Quang Phục tự liệu thế không chống nổi, lui về giữ Dạ Trạch. Dạ Trạch ở quận Chu Diên, quanh co không biết bao nhiêu dặm, cỏ cây rậm rạp, ở giữa có đất bãi nổi lên có thể ở được, bốn mặt bùn lầy, người và ngựa khó đến được, chỉ có thuyền độc mộc đẩy bằng sào đi trên nước, cỏ mới có thể đến được. Nếu không phải người thuộc đường thì hoang mang không biết đường nào, lỡ sa xuống nước, chỉ làm mồi cho rắn rết. Quang

Phục đem 2 vạn quân đóng ở trong Dạ Trạch(2), ban ngày thì tắt hết khói lửa và dấu vết chân người đi, ban đêm thì đem quân ra đánh úp trại quân Lương, lấy những lương thực cướp được của địch, làm lương ăn để chống giữ lâu dài. Bá Tiên cho quân theo gót mà tiến đánh, không thể đánh được. Người trong gọi Triệu Quang Phục là Dạ Trạch Vương đốt hương khấn cầu trời, được cái giáo dài bằng móng rồng, cùng để đánh goặc; tự đó thế quân lừng lẫy, đi đến đâu cũng không ai địch nổi.

Tục truyền: Đời Hùng Vương, con gái Vua là Tiên Dung My Nương ra chơi cửa bể, khi thuyền trở về, đến bãi lạng Chử Gia, đi bộ gặp Chử Đồng Tử trần truồng nấp trong bụi cỏ rậm. Nàng Tiên Dung cho là có duyên trước với nhau, bèn cùng nhau kết làm vợ chồng. Vua nghe biết chuyện ấy, nàng Tiên Dung sợ, trốn ở trên bờ sông, ở đâu thì chỗ đó thành đô hội.

Vua giận cho quân đi đánh, Đồng Tử và Tiên Dung chờ chịu tội, bỗng nhiên nửa đêm có mưa to gió lớn, tất cả nhà cửa người và gà, chó đều cùng bay lên trên không chỉ còn lại nền nhà trơ trọi, nhân thế gọi bãi ấy là Tự Nhiên Châu, cái chằm ấy gọi là Nhất Dạ Trạch, Đồng Tử cưỡi rồng vàng trên trời bay xuống, trút cái móng rồng trao cho Vua, bảo Vua để trên cái đầu mâu mà đánh giặc. Truyện xuất xứ ở sách Lĩnh Nam Trích Quái.

Sử thần bàn rằng: Nam Đế tuy gọi là kiến quốc nhưng Lương vẫn còn sai Thứ sử cai trị châu ấy; Viên Đàm Hoãn mật gửi về nước giả nợ và cho con gái 4, 5 trăm lạng vàng. Âu Dương Thịnh mang về nhiều trống bằng đồng và nhiều đồ châu báu, những quan lại tham tàn đi lại liên liên, dân thì hoặc phục dịch cho Lương, hoặc làm tôi nhà Lý, khổ sở nhiều bề, không biết kêu ai được, sao mà nước ta không may đến thế?.

Vua Nam Đế mất ở động Khuất Liêu. Anh Vua là Lý Thiên Bảo cùng tướng người trong họ là Lý Phật Tử thu hợp những quân linh tinh được 3 vạn người vào quận Cửu Chân vây Ái Châu, bị Bá Tiên đánh phá Thiên Bảo chạy sang nước Ai Lao, thấy chỗ đầu nguồn sông Đào Giang có cái động Dã Năng, đất rộng màu tốt, bèn xây thành ở đó, dựng quốc hiệu là nước Dã Năng, dân chúng suy tôn lên làm vua.

Xét trong binh pháp: "Có ba vạn quân đều sức nhau, thiên hạ khó ai địch được". Nay Lý Bảo, Lý Bí có quân đến năm vạn người mà không giữ được nước, có phải kém tướng tài đâu, không may gặp phải Bá Tiên là người khéo dụng binh. Tóm lại giờ không có lòng giúp, cơ biến xảy ra bất thường, xem lúc trước có câu sấm "nhật phụ mộc lai" nếu 5 vạn người ấy đều có sức mạnh như hổ, beo, không có nước dâng mạnh, sâu đến năm thước, cũng đến bại vong mà thôi. (Dã sử chép: thời bấy giờ có con trâu đen đẻ ra trâu con trắng, có chữ rằng: "nhật phục mộc lai", là chữ Trần, sau Trần Bá Tiên xâm lăng nước Nam quả nhiên đúng câu sấm ấy).

ĐÀO LANG VƯƠNG

(Tên là Thiên Bảo, là anh vua Nam Đế, dựng nước ở trong động Dã Năng, chúng suy tôn là Đào Lang Vương).

PHỤ THÊM:

TRIỆU VIỆT VƯƠNG

(Tên là Quang Phục, là con Triệu Túc, theo Nam Đế đánh dẹp có công, Nam Đế mất, bèn xưng là Vua, đóng đô ở Long Biên giữ nước được 24 năm).

Xét cừu sử lấy Triệu Việt Vương tiếp theo chính thống Tiền Nam Đế, mà phụ thêm Đào Lang Vương; nhưng mà Quang Phục ở đất Đào Giang, chưa thấy được Long Biên, nhưng đối với danh nghĩa thì là thuận, vì nước của anh mình nên vẫn cứ theo cách chép sử của Tử Dương(3) thì thống kỷ mới không rối loạn, mà phép làm sử có chuẩn đích. Trần Bá Tiên cho là Triệu Việt Vương ở chỗ hiểm trở chưa thể phá ngay được, gặp lúc Lương có việc loạn Hầu Cảnh, Bá Tiên phải mang quân về, chỉ lưu Tỳ tướng là Dương Xàn ở lại, giữ nhau với Triệu Việt Vương. Việt Vương tung quân ra đánh giết được Xàn, quân Lương tan vỡ chạy về Bắc. Việt Vương tiến về ở trong thành Long Biên.

Đào Lang Vương mất ở nước Dã Năng, không có con, dân chúng suy tôn Lý Phật Tử làm thừa tự, thống trị dân chúng.

HẬU NAM ĐẾ

Hậu Nam Đế tên là Phật Tử, là tướng có họ với Tiền Nam Đế, đánh Việt Vương mà phục quốc, làm vua 32 năm.

Vua biết dưỡng sức để đợi thời, mà lấy lại được cơ đồ cũ; nhưng lấy nước bằng cách man trá là người bất nghĩa và trông thấy địch là đầu hàng, là người vô dũng, thật đáng khinh bỉ. Vua tự nước Dã Năng xuống miền đông, đánh nhau với Triệu Việt Vương ở Thái Bình, năm lần tiếp chiến, quân hơi lùi, ngờ rằng Triệu Việt Vương có thuật lạ, bèn giảng hòa và訂 ước với nhau; Việt Vương thấy Vua họ là Tiền Nam Đế, không nỡ cự tuyệt, bèn chia địa giới ở châu Quân Thần, (nay là đất Thượng Hạ Cát, huyện Từ Liêm) cho ở phía tây nam trong nước. Vua bèn dời kinh đô sang thành Ô Diên. Nam Đế có con là Nhã Lang có dị chí, bảo vợ rằng: "Xưa kia hai cha chúng ta là thù địch với nhau, nay kết làm hôn nhân, chả hay lắm sao, nhưng mà ông bố vợ ta ngày trước đánh lui được quân địch, cũng phải có mẹo gì chứ?". Vợ mật đem cái đầu mâu rồng cho xem, Nhã Lang ngầm thay đổi cái móng rồng, rồi lấy cớ xin về thăm cha, cáo từ về Ô Diên, mưu tính cùng cha đánh úp Triệu Việt Vương. Quân Nam Đế đến, Triệu Vương không ngờ, thắng thốt đốc quân ra, mở cái đầu mâu để đợi quân địch. Quân Nam Đế tiến lên, Triệu Vương không chống được, bèn dắt con gái chạy về phương Nam, muốn chọn chỗ đất hiểm để ẩn mình, nhưng đến đâu quân Nam Đế cũng đuổi theo sau, chạy đến cửa biển Đại Nha(4), bị nước ngăn trở, than rằng: "Ta cùng đường rồi", than rồi, tự nhảy xuống biển. Triệu Việt Vương mất, người đời sau cho là linh dị, lập đền thờ, nay đền thờ ở huyện Đại An, cửa biển Đại Nha.

Lý Phật Tử đã diệt được Triệu Việt Vương, tự xưng là Nam Đế, đóng đô ở Ô Diên(5).

Nhà Tùy muốn mang quân sang xâm lăng Giao Châu, hỏi Lý Nghiệp xem ai làm tướng được. Lý Nghiệp tiến cử Lưu Phương là người có tài làm tướng, Vua cho Lý Nghiệp làm Tổng quản. Lý Nghiệp có quân lệnh nghiêm chỉnh, mà đối với dân chúng thì nhân từ, sĩ tốt sợ và mến phục, tiến quân vào thành nào thì hiểu dụ cho biết họa phúc. Nam Đế sợ và thấy quân Lưu Phương mạnh nên xin đầu hàng, người nhà Tùy mang Nam Đế về Bắc, họ Lý mất nước.

Trên này là Tiên và Hậu Lý, 3 vua, khởi từ năm Tân Dậu, năm thứ bảy niên hiệu Đại Đồng nhà Lương, đến hết năm Nhâm Tuất năm thứ hai niên hiệu Nhân Thọ nhà Tùy, cộng 62 năm.

Sách Thông luận bàn rằng: Vua Tiên Nam Đế là nhà hào hữu khởi binh, có Long Thiều giúp mưu mô, Triệu Túc giữ việc quân, đuổi được Tiêu Tư, phá nước Lâm Ấp, xưng làm vua nước Nam Việt, quốc hiệu là Vạn Xuân, chống cự với nhà Ngô, giữ được quốc thống, ở vào tình thế rất khó, mà lập nên công nghiệp ấy, nước Lâm Ấp không dám dòm ngó, công của vua Tiên Nam Đế thực là rõ ràng. Tiếc cho một lần thứ nhất bị thua ở Ô Diên, lần thứ hai bị tan vỡ ở hồ Diên Triệt phải lánh ẩn ở Động Khuất Liêu, rồi đến mất nước, đó không phải là tại Vua bất tài, tướng sủy bất võ, cái cơ sự thắng hay bại và thời vận dài hay ngắn ăn khớp với nhau, đều là tại trời cả.

Vua Đào Lang là người đồng bào với Vua, giữ nghĩa cứu giúp khi hoạn nạn, kết hợp các đồng chí, theo đuổi trong buổi gian nan, đương khi gấp rút suy yếu mà khởi lên được, tuy chưa địch được với Bá Tiên, nhưng má chiếm cứ nơi hiểm trở, dựng thành một nước, lấy lại được nước trong khi đã mất, không thể bảo là vô chí được. Gặp phải Triệu Quang Phục là tay cường hào, có lòng tự lợi, không có chí lập nền chính thống, rồi nuốt giận đến chết, cũng đáng thương lắm. Hậu Đế nhờ cơ nghiệp cũ của Đào Lang, thu thập nắm lửa tàn của nước Dã Năng. Năm trận đánh ở Thái Bình, chia cương giới với Triệu, liền đánh úp Triệu, nổi được chính thống nhà Lý, còn có điều đáng khen. Tiếc rằng dàn xếp với Triệu, bình hết Dán Lèo, đã có cái thế nổi dậy được, túng xử chưa dứt khoát được với Triệu, thì nên nghĩ dàn mưu chước đánh hay là giữ, chứ không nên chia đất và thông hôn; đã cùng nhau hòa, lại còn bội ước, cái giáo thần đầu mâu chả đáng là gì, mà nghe gian mưu của trẻ con, theo lối cũ của Triệu Đà, bất trí quá lắm! Đến khi quân Tùy kéo đến, chưa bắn một mũi tên nào, đã chịu nhục dâng ngọc dất dề xin đầu hàng, sao trước thì trí mà sau lại ngu, trước thì hùng mà sau hèn nhát thế? Thật là làm lạ!

1) Thái Bình. Vấn đề quê hương Lý Bí hiện có nhiều cách giải thích khác nhau. Có ý kiến chỉ định Thái Bình nay thuộc tỉnh Thái Bình;

có ý kiến chỉ định Thái Bình là huyện Thái Bình nay thuộc vùng thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây. Riêng chúng tôi (Đinh Văn Nhật - Bùi

Thiết) cho rằng đất Thái Bình nay thuộc xã Tiền Phong, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, ở đây còn

nhiều dấu vết liên quan đến

Lý Bí.

2) Nay thuộc vùng huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3) Tên hiệu Chu Tử đời Tống.

4) Đại An. Cửa biển cũ, nay là vùng các xã Độ Bộ Quần Liêu cũ, nay thuộc huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5) Ô Diên. Nay thuộc phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Ngoại Thuộc Tùy và Đường

Sau khi Lưu Phương đã bình được Giao Châu vua Tùy lại nghe người nói nước Lâm Ấp nhiều của báu lạ, bèn lại sai Lưu Phương đi kinh lược nước Lâm Ấp. Lưu Phương đem quân bộ kỵ ra lối Việt Thường, quân chiến thuyền ra lối Tử Cảnh. Vua nước Lâm Ấp là Phạm Chí chống cự lại, dùng quân cỡi voi to, quân Lưu Phương đánh không lại, bèn đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, ra khiêu chiến giả thua chạy. Quân Lâm Ấp đuổi dần, voi sa xuống hố, đổ ngã chạy rối loạn, quân tinh nhuệ theo đó tiến lên, mấy trận đều thắng, đi quá về phía đông trụ của Mã Viện, 8 ngày đến kinh đô Lâm Ấp. Phạm Chí bỏ thành chạy ra biển. Lưu Phương vào trong thành lấy được 18 cái thần chủ thờ trong miếu, các thần chủ đó đều bằng vàng; rồi khắc bia đá ghi chiến công và mang quân về. Trận đánh này, quân sĩ bị phù thủy chết mất đến 4,5 phần 10, Lưu Phương cũng bị bệnh chết ở dọc đường.

Nhà Tùy cho Khâu Hòa làm Thái thú Giao Châu. Khi nhà Tùy nội loạn, Tiêu Xản sai người chiêu dụ Khâu Hòa. Hòa không theo. Xản nghe tin Hòa có nhiều châu báu, giàu ngang nhà Vua, bèn sai Ninh Trường Chân đánh Hòa. Hòa muốn ra nghinh tiếp, Cao Sĩ Liêm can rằng: "Quân của họ đi xa đến đây, thể không ở được lâu, trong thành ta có quân mạnh, còn có thể đánh được, làm sao mới trông thấy mà đã chịu ngay?". Hòa nghe lời, cho Sĩ Liêm làm Tư mã, mang quân ra đón đánh, phá được quân Ninh Trường Chân. Sau nhà Tùy mất nước, Hòa theo về nhà Đường, nhà Đường cho làm chức Đại Tổng quản Giao Châu.

Nhà Đường đặt ra An Nam hộ phủ, đóng ở Giao Châu.

Tại nước An Nam, có việc khởi loạn của Lý Tự Tiên. Nguyên theo lệ trước các lái hộ Lĩnh Nam chỉ phải nộp một nửa thuế, Đô hộ là Lưu Duyên Hựu bắt phải nộp cả toàn số. Các lái hộ mới oán, mưu với nhau làm loạn. Tự Tiên làm mưu chủ, Duyên Hựu giết Tự Tiên, đảng của Tự Tiên là Đinh Kiến tụ hợp dân chúng vây phủ thành, giết Duyên Hựu. Quan Tư mã Quế Châu là Tào Huyền Tĩnh đánh giết được Kiến.

Người Châu Hoan là Mai Thúc Loan giữ châu tự xưng là Hắc Đế, bên ngoài giao kết với nước Lâm Ấp và Chân Lạp, có đến 30 vạn quân, nhà Đường sai tướng quân là Dương Tư Húc đánh bình được.

Thúc Loan người làng Hương Lãm, huyện Nam Đường(1), nay có đền thờ ở thôn chợ Sa Nam(2), tức là nơi nhà ở của Thúc Loan.

Thời nhà Đường có Tống Chi Đế bị tội đầy ra quận Chu Diên, gặp lúc Loan vây hãm châu Hoan, vua Đường bèn trao cho Đế chức Tổng quản để đánh ông Loan. Đế mộ được 8 người tráng sĩ mặc áo giáp dày, kéo đến tận chân thành mà hô to rằng: "Hễ bọn người Lèo hành động tức thì giết chết"; 700 quân đều phục xuống không dám đứng dậy, mới bình được. Đương thời nội thuộc, Mai Hắc Đế không chịu bọn ngược lại kiềm thúc, cũng là người xuất chúng trong đám thổ hào. Việc thành thì làm nên Lý Bí hay Triệu Quang Phục, không thành thì làm Phùng Hưng, Mai Thúc Loan. Cho nên nêu rõ ra, viết hai chữ to "châu dân" là khen việc làm ấy đó.

Một người dân Giao Châu là Đào Tề Lượng họp đảng, đánh cướp thành ấp. Mẹ Tề Lượng là Kim Thị

thường lấy trung nghĩa dạy Lượng, Lượng ngoan cố không nghe. Bà mẹ tuyệt tình với Lượng, tự làm ruộng mà ăn, tự dệt vải mà mặc. Vua Đường nghe tiếng, xuống chiếu cho hai người đình tráng hầu hạ, nuôi nấng, sứ giả ở bản đạo phải quanh năm đi lại hỏi thăm bà suốt đời.

Nước ta có người quận Cửu Chân là Khương Công Phụ có tài cao, đỗ Tiến sĩ, làm quan với nhà Đường, dần dần thăng đến chức Hàn Lâm Học sĩ. Công phụ tâu bày việc gì đều tường tận xác đáng, vua nhà Đường trọng lắm, tiến lên chức Trung Thư môn hạ Bình chương sự. Vì việc nói thẳng trái ý Vua (can việc hậu táng Đường An công chúa) mà bị bãi. Công Phụ người làng Sơn Ôi đất An Định, cha là Đĩnh, em là Công Phụ cũng đỗ Tiến sĩ. Công Phụ thường theo việc trong lúc hiểm nghèo, tâu bày việc gì đều có ích cho nhà Vua, việc gì xảy đến đều đúng như ông đã dự liệu từ trước. Công Phụ khéo làm văn, làm bài phú "Bạch vân chiến xuân hải", người Đường khen bài ấy là kiệt tác.

Tại làng Đường Lâm(3) thuộc Phong Châu có Phùng Hưng một nhà hào phú có sức mạnh kéo trâu, đánh hổ. Thời bấy giờ Kinh lược sứ là Cao Chính Bình thu thuế nặng. Ông Hưng cùng với em là Hải, xuất phục được các làng ấp ở chung quanh, tự hiệu là Đô quân, Hải là Đô bảo, dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân vây phủ, Chính Bình lo phần mà chết, ông Hưng vào ở trong phủ, cho Hải làm Thái úy, rồi ông mất. Dân chúng lập con Hưng là An làm Đô Phủ Quân.

Ông Hưng đồng lòng với dân chúng, lập em là Hải. Bồ Phá Lặc có sức khỏe đẩy được núi, không chịu theo Hải, lánh ở động Chu Nham. Bồ Phá Lặc lập An là con ông Hưng. An tôn cha là Hưng làm Bồ Cái Đại Vương (tục gọi cha mẹ là Bồ Cái), dân Thổ cho là linh dị, lập đền thờ ở phía tây đô phủ để thờ Hưng.

Nhà Đường cho Lý Phục làm Tiết độ sứ Lĩnh Nam, khi Lý Phục đã đến nơi, dân Nam đều yên lặng; Phục dạy dân làm nghề nung ngói. Nước Nam biết làm nhà ngói là do Lý Phục dạy cho.

Nhà Đường cho Triệu Xương làm Đô hộ. Xương đến nơi, sai sứ dụ Phùng An. An đem quân đầu hàng. Xương đắp thêm La thành cho lại được vững chắc, ở châu 10 năm, dân theo giáo hóa tốt, không dám có lòng chống đối, sau vì có bệnh đau chân, phải xin về nước. Nhà Đường cho Bùi Thái thay làm Kinh lược sứ. Thái san phẳng ao chuôm ở trong thành, hợp làm một thành. Nha tướng của Thái là Vương Lý Nguyên đánh đuổi Thái. Thái chạy về quận Chu Diên. Vua Đường triệu Triệu Xương về, hỏi tình hình, bấy giờ Xương đã 70 tuổi, tâu các việc tinh tế rõ ràng. Vua Đường lấy làm lạ, lại cho làm Đô hộ. Khi Xương đến, người châu vui mừng, mới định xong việc biến loạn.

Sử thần bàn rằng: Vì Duyên Hựu ngược đãi các lái buôn, mà gây ra loạn Đinh Kiến, vì Chính Bình thu thuế nặng nề, mà Anh Hàn phải động binh. Triệu Xương mới đến mà dân chúng đã yên, đến lần thứ hai thì bình được loạn; quan lại kén chọn được các người giỏi hay xấu là hệ trọng thế đó, vậy thì sự kén Mực, Thú không thận trọng được chăng?.

Nhà Đường cho Trương Chu sang làm Đô hộ, đắp thêm thành Đại La, sắm 300 thuyền chiến (mỗi thuyền chở được 25 người, phu chèo thuyền 33 người) thuyền đi lại nhanh như bay. Thời bấy giờ Hoàn

Vương không chịu triều cống nhà Đường. Trương Chu sai quân đánh phá, bắt được voi và gậy, giáo rất nhiều, 2 châu thành Hoan và Ái bị Hoàn Vương đốt phá, Chu sai dân sửa sang lại hoàn toàn.

Liễu Tôn Nguyên làm bài mộ chí Trương Chu, nói rằng: "Trương Công tự khi làm lại đã tập quen việc bang giao, đến khi được mệnh chuyên chinh, mới có chỗ thực hành sở học của mình. Đắp thành lũy, hiểm trở hơn gò núi, muôn đời không phải lo gì, sự lợi do Trương Công làm ra lớn hơn sự đào cang của Cao Biền, công của Trương Công lớn hơn việc dựng đồng trụ của Mã Viện".

Đông hộ là Lý Nguyên Bình (có tên là Gia) lấy có cửa thành có dòng nước chảy nghịch, sợ người trong châu sinh ra lòng phản trắc, rời phủ lý ra sông Tô Lịch ngoài cửa Đông. Quân đương xây thành nhỏ, có người xem tướng nói: "Ông không đủ sức đắp nổi thành lớn, 50 năm sau nữa sẽ có người họ Cao đóng đô ở đó". Đến niên hiệu Hàm Thông, Cao Biền xây La thành, quả đúng như lời người xem tướng.

Thứ sử Phong Châu Vương Thảng Triều làm phản, nhà Đường cho Hàn Ước lĩnh chức Đô hộ An Nam, đánh bình được. Sau Phủ Quân khởi loạn, Hàn Ước chạy về Quảng Châu.

Kinh lược sứ là Vũ Hồn sai tướng sĩ sửa thành, Quân làm loạn đốt lầu thành, cướp kho phủ. Vũ Hồn chạy về Quảng Châu. Giám quân là Đoàn Sĩ Tắc vỗ về dẹp yên được bọn khởi loạn, châu mới được yên.

Nhà Đường cho Vương Thúc một người có tài lược làm Đô hộ. Khi đến phủ lý Thúc cho trồng cây gai làm giậu chung quanh thành. Ngoài hào sâu trồng tre gai, bọn giặc cướp không thể xấn vào được. Thời bấy giờ có bọn người Mán ở Vân Nam vào cướp, đường đi còn cách châu nửa ngày, Vương Thúc vẫn an nhàn, sai người thông ngôn dụ cho họ biết rõ điều lợi và hại, một đêm họp kéo nhau đi hết, lại sai người tạ lỗi nói rằng: "Chúng tôi đi bắt bọn dân Lèo làm phản đấy thôi, chứ không phải vào ăn cướp đâu".

Quan Kinh lược sứ trước là Lý Trác, hà khắc, có lần bắt ép mua một con trâu của người Mán chỉ giả một đấu muối thôi. Người Mán oán giận lắm, xui người Nam Chiếu vào cướp phá biên thù (Vua Nam Chiếu là Phong Hựu sai tướng vây hãm phủ lý, gọi là bạch y một mệnh quân, lại đưa ra 30 người kêu là "chu nỗ khư thư" giữ núp) Phong Châu trước đó có quân đồn thú, gọi là quân Phòng thu, Trác bỏ đi hết, chỉ chuyên giao cho Thủ phiên lĩnh là Lý Do Độc một mình phòng giữ; khi quân Mán đến, Do Độc cô thế phải hàng. Tự đấy nước An Nam mới có cái lo về người Mán. Lại có bọn ác dân muốn làm loạn, nói là nghe tin Kinh lược sứ là Chu Nhai sai bộ hạ là Hoàng Đầu Quân đi đường biển đến tập kích ta. Ngay đêm hôm ấy vây thành đánh trống reo hò, Vương Thúc đương ăn cơm, có người khuyên Thúc nên lánh đi. Thúc nói: "Ta mà bước đi thì thành vỡ ngay" bèn mặc áo giáp, lên trên thành trách móc, bọn làm loạn chạy hết.

Nước Chiêm Thành, Chân Lạp lại sai sứ đi lại như cũ, nhà Đường triệu Vương Thúc về, đổi đi làm Quán sát sứ đất Triết Đông.

Nước Nam Chiếu vây hãm phủ thành, Đô hộ là Lý Hu bỏ châu chạy trốn, nhà Đường cho Vương Khoan thay làm Đô hộ, nước Nam Chiếu lại vào cướp. Thừa cơ đánh phủ thành, Khoan sai sứ cáo cấp với nhà Đường, nhà Đường ra 3 vạn quân châu Kinh, châu Tương, sai Thái Tập chống cự, thế quân thịnh quá, nước Nam Chiếu sợ không dám kéo quân ra, bấy giờ có chiếu sai Thái Kinh đi kinh chế Lĩnh Nam, Kinh lo Tập sẽ thành công, mới tâu về Đường rằng: "Nước An Nam không đáng lo, bọn vũ phu muốn lập công, tụ tập nhiều quân, hao tổn lương thực, xin rút quân phòng thủ về". Thái Tập cố nói rằng: "Không nên, quân Nam Chiếu tất nhiên trở lại, xin lưu lại 5.000 quân, nếu không thế thì quân và lương thực đều thiếu, mười phần tất chết". Tờ tâu về tâu Trung thư, Tể tướng thời bấy giờ tin lời Thái Kinh, không xét đến; quả nhiên vua Nam Chiếu là Mông Thế Long lại kéo đến đánh rất gấp, quân tả hữu Thái Tập đều có sức đánh khi kiệt sức, nhảy xuống nước chết cả. Tướng Mán là Dương Tự Tấn vào chiếm giữ phủ thành, những Di, Lèo ở các khe động, không cứ xa gần, đều về hàng với Mán tướng. Trong trận đánh này, tướng và quan lại nhà Đường nhiều người ẩn núp tại khe động. Nhà Đường xuống chiếu dụ các quan sở tại chiêu dụ họ về và cứu giúp, chẩn tuất cho họ, lại thêm cho 2 vạn quân sai Trương Nhân đi kinh lược nước An Nam, mưu đồ lấy lại phủ thành. Trương Nhân lần chần không dám tiến quân. Lúc bấy giờ viện binh nhà Đường đóng ở Lĩnh Nam, chuyển vận lương thực không được kế tiếp. Trần Phán Thạch xin đóng thuyền to chở được 1.000 hộc, chở gạo đi đường biển đến Quảng Châu, quân mới đủ lương ăn; nhưng các nhà cầm quyền mượn tiếng cố khoán, rồi cướp thuyền của dân buôn, bỏ hàng hóa của họ lên bờ, cho thuyền vào biển, có khi bị sóng gió, thì lại bắt ức người ta phải đền, dân rất khổ sở.

Nhà Đường cho là Trương Nhân nhu nhược không làm được việc, mới cho Cao Biền thay làm Đô hộ. Biền đóng quân ở cửa biển, chưa tiến. Giám quân là Lý Duy Cố ghét Biền, muốn khử Biền đi, giục phải tiến quân; Biền cho 5.000 quân sang sông, hẹn với Duy Cố đem quân cứu viện. Biền đi rồi, Duy Cố đóng quân ở cửa biển không chịu tiến. Biền đến Nam Định, người Man đang gặt lúa, Biền tập kích thu lấy cả số lúa đã gặt được để làm lương cho quân, rồi tiến thẳng đến Giao Châu, đánh nước Nam Chiếu, phá được luôn. Những báo tiếp đến cửa biển, Duy Cố đều giấu đi cả. Vài tháng mà vua Đường không được tin báo, cho Vương Yên Quyền sang thay Biền. Cũng tháng ấy Biền lại phá được nước Nam Chiếu, hơn vạn người đầu hàng. Tướng Mán thu quân còn lại, vào châu thành cố thủ, Biền vây thành càng gấp, quân Mán khôn quẩn quá. Biền hạ được thành lại nhận được tiếp báo của Vương Yên Quyền, là đã cùng Duy Cố đem đại quân ra cửa biển. Biền lập tức giao việc quân cho Vi Trọng Tể, rồi cùng hơn 100 người bộ hạ đi về Tàu. Trước kia Biền cùng với Trùng Tể sai tiểu hiệu là Vương Tuệ Tán và Tăng Côn mang thư báo tiếp đưa về nhà Đường, bọn này đi đến cửa biển trông thấy cờ xí ở phía đông kéo đến, hỏi bọn du thuyền, chúng nói rằng: "Đó là Kinh lược sứ mới và Giám quân đi đến". Hai người bàn nhau rằng: Duy Cố tất nhiên đoạt cờ biểu để lưu chúng ta lại, bèn ẩn náu ở hòn đảo ngoài biển, đợi Duy Cố đi qua rồi, liền đi vội đến kinh đô. Vua Đường được tờ tấu mừng lắm, lập

tức giao cho Biền chức Kiểm hiệu Thượng thư, lại sai sang đánh quân Mán. Khi Cao Biền tự cửa biển trở về, vì Yên Quyên thì mờ ám và lười biếng, động có việc gì thì bẩm mệnh với Duy Cố, mà Duy Cố là người tham bạo, chư tướng không chịu để Duy Cố sai khiến, bèn giải vây, người Mán trốn đi quá nửa. Cao Biền đến nơi lại đốc thúc đánh thành, quân lính tràn qua lũy mà vào, chém được tướng Mán tự là Thiên, lại phá cả bọn Thổ Mán theo làm hướng đạo cho quân Nam Chiếu, bình được hết 2 động giặc Mán. Trước kia tự Lý Trác tham tàn, đến nỗi người Mán làm loạn đến hơn mười năm, đến bây giờ Cao Biền lấy lại được phủ lý, lại đắp cao thêm thành Đại La.

Thành Đại La(4) chu vi 1.982 trượng 5 thước, thân thành cao 3 trượng 6 thước, chân rộng 2 trượng 5 thước, 55 sở vọng lâu, 5 sở cửa cống, 3 ngôi nước, 34 vòm canh. Cao Biền lại đắp con đê vòng quanh 2.125 trượng 8 thước, cao 1 trượng 5 thước, rộng 2 trượng, và làm 40 vạn gian nhà. Thành xây gạch để cho vững chắc, san phẳng tất cả gò đồng, cho nên làm tổn hại địa hình và tổn thương đến long mạch. Nay nền cũ của thành vẫn còn, xây toàn bằng đá xanh.

Cao Biền tự là Thiên Lý, người U Châu, cháu Cao Sùng Văn đời đời chuyên giữ cấm binh, chịu khó theo học, thích bàn luận việc kim cổ. Lúc ít tuổi thờ Chu Thúc Minh làm thầy, trông thấy 2 chim diều bay đều nhau, giương cung lên bắn, khẩn rằng: "Nếu sau này ta được phú quý thì bắn trúng". Bắn một phát trúng luôn hai con, mọi người đều cho là kỳ, vì thế gọi là Lạc diều Thị ngự (nghĩa là quan Thị Ngự bắn rơi chim diều). Khi giặc làm phản, Biền lĩnh cấm binh đi đánh, lập được nhiều công, đến bây giờ làm đến chức Đô hộ.

CAO BIÊN ĐÀO HẢI CẢNG DONG CHÂU

Biền đi tuần đến Dong Châu thấy cửa sông hẹp mà hiểm trở, nhiều đá to ở lòng sông, thuyền đung phải đá là đắm. Biền bèn sai bọn Lâm Phúng, Dư Tồn Cố dẫn hơn 1000 thủy thủ đến khơi đào cho sâu, và dụ bảo rằng, trời vẫn giúp kẻ thuận, thần thì phù người thẳng, nay đào cửa biển để giúp cho dân, nếu ta không có tư tâm, thì có việc gì là khó. Bọn Phúng mộ nhân công khơi đào, hơn một tháng gần lưu thông được, duy giữa dòng nước có 2 tảng đá lớn đứng vững, búa cũng không thể hạ được, đã toan bỏ dở, đến ngày 26 tháng 5, ban ngày bỗng có mây kéo đến tối đen, gió rất to, có sấm sét đến vài trăm tiếng, một lúc trời lại sáng, thì hai tảng đá vỡ tan mất rồi. Cao Biền lại lấy cớ rằng, sứ giả năm nào cũng đến, muốn khơi ra làm 5 lối để ở đó mà hộ tống. Những lối tắt có đá xanh ấy tương truyền rằng Mã Viện không làm nổi, mọi người thợ đều cho là khó khăn. Ngày 21 tháng 6 lại sấm động như trước, các tảng đá lớn đều tan vỡ, đường mới lưu thông được, nhân thế đặt tên là "Thiên oai cảng", hiện nay ở phía tây nam huyện Bắc Bạch, Bạch Châu 100 dặm.

Lê Văn Hưu bàn rằng: Vì một Lý Trác tham tàn, đến nỗi gây nên họa người Mán cướp phá đến vài mươi năm, huống chi lại có người quá tệ hơn Lý Trác nữa. Được một Cao Biền biết đốc thúc, mà bình được vài vạn giặc Mán, huống chi có người hơn Cao Biền nữa. Vậy thì người khéo trị nước nên cẩn thận việc kén chọn Mục và Thú lẫm.

Sử thần bàn rằng: Cao Biền phá Nam Chiếu để cứu vớt dân đời bấy giờ, xây thành Đại La, làm mạnh thế đô ấp muôn năm, công to tát lắm. Đến như việc khơi cửa sông, đặt ra trạm, làm việc công bằng, không hề có chút tư tình nào, vẫn là việc có thể cảm được thần minh, mà được nhiều điểm tốt. Thời Ngũ Đại, Vương Thâm Chi ở đất Mân, những người buôn bán qua lại, có sự ngăn trở ở Hoàng Kỳ, thế mà có một hôm sấm động, chỗ ấy thành ra hải cảng, người Mán theo về với Thâm Chi, vì có đức chính cảm động đến người, nên gọi tên là Cam Đường Cảng. Việc của Cao Biền cũng giống như thế.

Cao Biền đổi đi Thiên Bình, tiến cử cháu là Cao Tầm thay mình (lúc trước Cao Biền đánh Nam Chiếu, Tầm đã làm tiền phong, xông vào rừng tên đạn, xướng xuất cho quân sĩ). Biền đi rồi, tù trưởng Nam Chiếu tên là Pháp lại ngạnh trở, nhà Đường dùng chính sách hoà thân, đem con gái tôn thất gả cho Pháp, Pháp sai tướng là bọn Triệu, Long, My, ba người đi rước vợ về. Cao Biền ở Dương Châu, dâng thư nói ba người ấy đều là người tâm phúc của Nam Chiếu, xin đánh thuốc độc cho chết đi, thì mới tính được quân Mán. Vua Đường nghe theo, ba người ấy chết rồi Nam Chiếu hết bọn mưu thần, suy yếu dần, tự đấy chúng không dám dòm ngó đất nước ta nữa.

Xét lúc Cao Biền làm Đô hộ, những công nghiệp cũng nhiều đáng kể, tự ghi đổi sang Tây Xuyên, trong lòng sinh ra oán vọng, để tha hồ cho Hoàng Sào vây hãm hai kinh đô, người Đường mong Cao Biền còn lập được công, cho Biền lên làm Bột hải Quận vương, nhưng Biền nhờ lúc Trung Quốc điên bái, âm mưu chiếm cứ đất đai, nhất đán thất thế, oai vọng mất hết, tự đấy phải về để ý việc tu tiên, bao nhiêu việc quân giao cho Lã Dụng Chi. Dụng Chi là quân tiểu nhân, gian tà, đem lời phù phiếm dối trá mà coi Biền như đứa trẻ con, từng bị kẻ điên cuồng là Chư Cát Ân nói dối rằng: "Thượng đế cho thần đến giúp đỡ mình", lại hiến Cao Biền một thanh kiếm mà nói dối là của thượng đế vẫn đeo. Cao Biền lấy làm báu, giữ bí mật, xây cất cái lầu cao 8 thước, gọi là lầu Nghênh Tiên, ở trên lầu ăn chay thấp hương mong được gặp tiên. Biền lại làm con chim học bằng gỗ ở trong sân, có đặt máy, chạm vào người thì bay được; Biền mặc áo lông cưỡi lên, làm ra dáng tiên bay, Dụng Chi giam giữ cho Biền chết. Sau Dương Hành mật sai đào dưới đất, bắt được người bằng đồng cao 3 thước, thân bị gông cùm, đóng đinh vào miệng, khắc tên Tiên vào sau lưng. Đó là Dụng Chi làm mê hoặc yểm đảo Cao Biền, nhất đán Cao Biền trở nên ngu muội đến thế; coi với xưa kia có mưu lược phá quân Mán, trí khôn xây La thành(5), và đào hải cảng động đến thiên oai, thành ra 2 hạng người khác hẳn là sao thế? Người trong nước truyền lại rằng Biền rắc hạt đậu xuống đất, dùng phù chú cho hoá ra quân thật, trước kỳ hạn đã đào lên, thì đều là non yếu, không thể đứng được. Lại truyền rằng: Cao Biền cưỡi cái điều giấy đi tìm đất; truyện này cũng chỉ nghe người ta nói thôi. Biền học phép tiên, cùng với chuyện cưỡi chim học đều là ngoa truyền. Ở sách địa lý di cảo ai cũng đều cho đây là môn học địa lý của Cao

Vương. Biền ở nước ta, bận việc quân, không có thời giờ nhàn rỗi, xách túi địa bàn đi tìm phong thủy, tất là đòi Trần có người học địa lý, mượn tên Cao Biền để làm cho thuật của mình thần kỳ đó thôi, sách địa lý di thảo của Hoàng Phúc đại khái cũng thế.

Trên đây nước ta ngoại thuộc về Tùy, Đường tự năm Quý Hợi đến năm Bính Dần cộng 304 năm. Sách thông luận bàn rằng: Nước ta là một đại đô hội ở phương nam. Ruộng thì cấy lúa, đất thì trồng dâu, núi sản ra vàng, bể sản ra ngọc. Bọn nhà buôn nước Tàu, đến nước ta nhiều người làm nên giàu có. Người Tàu thích lắm, có ý lấy nước ta đã lâu lắm, cho nên tự Triệu Đà trở về sau, hơn 1000 năm đã nắm được, dâu còn chịu bỏ, để cho nước ta làm một nước lớn ở ngoài Ngũ Lĩnh; chia ra quận, đặt ra quan, làm cho cỗi đất ta như cái bàn cờ, có một người thổ hào nào nổi lên, thì diệt đi ngay, một quận thú nổi lên, thì Thứ sử họp lại đánh ngay, như Lý Tồn, Lương Thạc ở đời Tấn, Mai Thúc Loan, Vương Thảng Triều ở đời Đường là thế cả. Hai vua Lý và vua Triệu, đương lúc Lương, Trần ở thiên về một nơi miền nam, Giang tả nhiều việc, không có thì giờ để ý đến Giao Châu, cho nên giữ được cảnh thổ mà xưng thế được 50 hay 60 năm, cũng là thời thế xui nên đó.

Đến như quân Mán Nam Chiếu hàng năm vào cướp bóc, vượt sóng gió, qua hiểm trở tranh nhau với người Đường, cũng là tham cái lợi của nước ta giàu có đấy. Trương Chu đánh phá được nước Chiêm, đắp thành Hoan, Ái. Cao Biền trị Nam Chiếu, bảo toàn được Long Biên, đều là có công với đất nước; duy Cao Biền làm quan lâu hơn là Chu, cho nên đàn bà con trẻ trong nước còn nói đến tên Cao Biền, còn những quan Thú, Mục trước hay sau, đều không nói đến.

NAM BẮC PHÂN TRANH

Nước Lương cho Lưu Ẩn làm Tiết độ sứ Tĩnh Hải, và phong làm Nam Bình Vương. Ẩn chiếm cứ đất Phiên Ngung, người Giao Châu là Khúc Hạo chiếm cứ Châu, hai bên đều tự xưng là Tiết độ sứ, lập chí mưu đồ lẫn nhau. Ít lâu Ẩn chết, em là Lưu Nghiễm lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Kiến Hanh, quốc hiệu là Nam Hán, Hạo sai con là Thừa Mỹ làm Hoan hiếu sứ, đến Quảng Châu dò xem hư thực thế nào? Hạo mất, Thừa Mỹ nối ngôi, sai sứ cầu nhà Lương, cho quan chức nhà Lương làm Tiết độ sứ, chia đất làm 12 châu, Vua nhà Hán nghe tin giận lắm, sai tướng là Lý Khắc Chính đánh Giao Châu, bắt Thừa Mỹ đưa về Tàu. Vua Hán ngồi ở Nghi Phượng nhận tù binh, bảo Thừa Mỹ rằng: "Mày cho ta là triều đình nguy, nay lại bị trói đưa về đây có là sao?". Thừa Mỹ cúi đầu chịu phục, bèn được tha.

Họ Khúc là người Hồng Châu, là họ to nổi đời, tiên tổ là Thừa Dụ, tính khoan hòa, yêu người, được nhiều người qui phục, khi Tăng Cỗn bỏ phủ thành, Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ, xin với triều đình Đường, vua Đường nhân thế nhận cho làm chức ấy. Ông Hạo nhờ cơ nghiệp cũ, chiếm giữ La thành, tự

xung là Tiết độ sứ, chia nước ra làm các xứ, phủ, huyện, châu, xã; đặt chức lĩnh trưởng chánh và tá, chia đều thuế ruộng, tha không bắt dân làm nhân công; làm sổ hộ, biên ghi họ tên và niên canh, quán chỉ người dân, Giáp trưởng đốc xuất làm sổ ấy. Chính sự khoan hồng và giản dị, dân được yên ổn làm ăn.

Họ Khúc truyền 3 đời, cộng 51 năm.

Nước Nam Hán có Lưu Nghiễm là thế gia. Tổ tiên ông là An Nhân lấy nghề buôn bán sang ở Nam Hải, cha là Khiêm, anh là Ân, gặp thời buổi nhiều biến cố, vẫn có công với Lĩnh Nam, bèn chiếm giữ cả Nam Hải. Nghiễm đã lên làm vua, là lúc các tay anh hùng ở Lĩnh Nam, chia nhau giữ các nơi. Nghiễm đã lấy được châu Ung, châu Dong, lại bắt được Thừa Mỹ ở Giao Châu, vì tính hay khoe khoang, đã từng nói là nhà mình vốn ở đất Hàm Tân, lấy sự gọi là Man Vương, Man lại làm sĩ nhục, gọi vua Đường là Lạc Châu Thứ sử. Vua Đường Trang Tôn cũng không thể đánh được. Khi chết truyền ngôi cho con là Phần, cháu là Trành, tự lúc xưng đế đến khi mất nước cộng được 55 năm, cũng là tay cừ hiệt đó.

Dương Đình Nghệ (chữ Đình có chỗ viết là chữ Diên), người Ái Châu lúc trước làm tướng cho Khúc Hạo, đến khi Lý Khắc Chính bắt được Thừa Mỹ, lập cách báo thù cho họ Khúc, bèn đặt ra trường đánh vật, chiêu tập các hào kiệt, lấy đại nghĩa khuyến khích họ, đồng mưu với nhau cử binh đánh đuổi tướng Hán là Lý Khắc Chính. Vua Hán cho Lý Tiến thay làm Thứ sử Giao Châu, Đình Nghệ lại vây hãm thành đánh Tiến. Vua Hán sai Trần Bảo đem quân cứu Lý Tiến. Đình Nghệ đón đánh chém được Trần Bảo, bèn giữ lấy thành, tự xưng là Tiết độ sứ nhận lĩnh việc châu. Chưa được bao lâu, nha tướng của Đình Nghệ là Kiều Công Tiễn lại giết Đình Nghệ mà lên thay.

Đình Nghệ nuôi 3.000 giả tử (con nuôi) mưu đồ khôi phục, Lý Tiến biết việc ấy, sai người cấp báo vua Hán.

Sử thần bàn rằng: Cuối đời Hán, Đường phần nhiều nuôi giả tử, là vì đương lúc trí, lực chọi nhau, hay là trong khi hoạn nạn cùng theo nhau, đặc lực trong lúc hoãn cấp, tức thì nhận làm giả tử, không biết rằng lòng lang khó dạ. Dấu của hớ hênh, là xui cho người lấy trộm, thiên tính như thế không thể làm khác được. Đình Nghệ nuôi giả tử đến 3.000 người, thì bị nạn, còn hỏi sao được nữa.

Nha tướng của Đình Nghệ là Ngô Quyền khởi binh từ Ái Châu đánh Công Tiễn. Công Tiễn cầu cứu với Hán, vua Hán nhân lúc loạn, muốn lấy nước Nam, bèn sai con là Hoảng Tháo đi trước, mà tự mình đóng quân ở cửa biển để làm quân cứu viện. Vua Hán hỏi mưu kế với Tiêu Ích, Ích nói: "Đường bề hiểm và xa, Ngô Quyền là người kiệt hiệt, không nên khinh thường". Vua Hán không nghe, Hoảng Tháo cho quân thuyền từ sông Bạch Đằng tiến vào. Bấy giờ Ngô Quyền đã giết được Công Tiễn, nghe Hoảng Tháo sắp đến, nói rằng: "Thằng trẻ con kéo quân đi xa mỗi mệt, quân ta đương nhàn rồi, đối phó với quân của chúng mỗi mệt sẵn, tất nhiên phá được chúng". Sau đó, ông sai người cắm gỗ nhọn bịt sắt ở lòng sông, đợi nước thủy triều lên to, thuyền quân của Tháo vào rồi, lập tức khiêu chiến, giả cách thua

chạy, để cho quân địch đuổi theo. Nước thủy triều rút xuống rất chóng, thuyền của địch đều mắc vào gổ nhọn lật úp cả. Quyền thừa thắng đánh mạnh, bắt giết được Hoàng Tháo, Nghiễm thương khóc, thu nhặt tàn quân bỏ về nước.

Sử thần bàn rằng: Lưu Nghiễm ngấp ngó Giao Châu, thừa lúc Đinh Nghệ mới mất, cậy có quân ứng viện của Công Tiễn, chắc rằng có thể đánh một trận phá được Ngô Quyền, nhân thế lấy được nước nam để như móc túi vậy. Nếu không có một trận đánh to để hỏa nhuệ khí của Lưu Nghiễm, thì cái tình hình ngoại thuộc lại dần dần thịnh lên, cho nên trận đánh ở Bạch Đằng là cái căn bản khôi phục quốc thống đó. Sau này Đinh, Lê, Lý, Trần còn phải nhờ dư liệt ấy. Võ công hiển hách của Ngô Quyền, tiếng thơm nghìn đời, đâu có phải chỉ khoe khoang một lúc bấy giờ mà thôi.

Trên đây là Nam, Bắc tranh giành, từ năm Đinh Mão niên hiệu Khai Bình thứ 1 nhà Lương, đến năm Mậu Tuất niên hiệu Thiên Phúc thứ 3 nhà Tấn, cộng 32 năm (cha con Khúc Hạo 24 năm, Đinh Nghệ 8 năm).

Sách Thông luận bàn rằng: Chu Ôn cướp ngôi vua Đường ở một xó đất Lương Biện, còn các trấn thì chia nát ra, đất Quảng thuộc về Lưu Ân, bỏ Giao Châu mà không tranh đến, tự nhà Lương đến nhà Chu không có chiếc xe ngựa nào đến cảnh thổ Giao Châu. Lưu Nghiễm tuy có chí hăng hái muốn thôn tính Giao Châu nhưng một trận thua Đinh Nghệ, một trận bị nhục với Ngô Quyền, thì cái lòng chực cướp đất Giao Châu nguội như đồng gio tàn. Họ Ngô được thời cơ ấy mới dựng nước, truyền cho con, cũng làm vua một phương như Bắc triều là do ở đó. Khúc Thừa Mỹ nhận chức quan của Lương mà bị cầm tù ở Ngụy Đình; Dương Đình Nghệ đuổi tướng Hán nhận lấy châu, mà bị nha tướng giết hại. Truyện có nói rằng: nếu không có người bị ngã, thì mình nổi lên sao được, là nghĩa thế. Tóm lại, cũng là bởi lòng trời yểm loạn, muốn mở cơ nghiệp nước ta là một đời trị bắt đầu từ đây.

-
- 1) Mai Thúc Loan, quê ở xã Mai Phụ, huyện Thanh Hà, tỉnh Hà Tĩnh, theo mẹ ra sống ở Nam Đường, nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
 - 2) Sa Nam. Nay là thị trấn của huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
 - 3) Nay là xã Đường Lâm thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.
 - 4) Đại La, nay là khu vực các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm của Hà Nội.
 - 5) La Thành, là toà thành lũy bao quanh Đại La (nay thuộc Hà Nội).

TIỀN NGÔ VƯƠNG

Tiền Ngô Vương, họ Ngô, tên Quyền, người Đường Lâm, giết giặc trong nước để phục thù cho chúa, giết địch bên ngoài để cứu nạn cho nước, dựng quốc đô, nối lại chính thống, công nghiệp thật to lớn lắm.

Vua Ngô đời đời là quý tộc ở Đường Lâm(1), cha là Mân làm quan Mục bản châu. Khi sinh ra vua có hào quang sáng khắp nhà, ở trên lưng có 3 mụn nốt ruồi, người xem tướng cho là kỳ, bảo rằng có thể làm vua một địa phương, bèn cho đặt tên là Ngô Quyền. Mắt Vương sáng như điện, sức cất nổi được cái vạc, làm nha tướng của Đinh Nghệ, Nghệ gả con gái cho, sai quản trị Châu Ái.

Vương giết Công Tiễn, phá Hoàng Tháo, tự lập làm vua, tôn Dương Thị làm Hoàng hậu, đặt đủ 100 quan, dựng ra nghi lễ triều đình, định các sắc áo mặc, đóng đô ở Cổ Loa thành, làm vua được 6 năm rồi mất.

HẬU NGÔ VƯƠNG

Tên là Xương Văn, là con thứ vua Tiền Ngô. Dương Tam Kha nuôi làm con, 3 năm sau truất Tam Kha, lấy lại chính quyền, làm vua được 15 năm, quang phục được cơ nghiệp cũ, nhưng vì ở trong nước xảy ra việc binh đao luôn, rồi bị giết chết, đáng thương.

Phụ thêm: Dương Tam Kha người làng Dương Xá, huyện Đông Sơn con Dương Đình Nghệ, anh bà Dương Hậu, tiếm xưng là Vua, bị Ngô Quyền truất ngôi.

Cựu sử để Dương Tam Kha lên đầu, nay theo lối Hán sử chép lớn lên là Hậu Ngô Vương, mà chỉ để Tam Kha phụ theo, để cho rõ là thống hệ nhà Ngô chưa mất hẳn.

Khi Ngô Vương Quyền đau nặng, dặn lại Tam Kha giúp con mình. Tam Kha cướp ngôi, tự xưng là Bình Vương. Con trưởng Ngô Vương là Xương Cập, chạy về nhà phạm Lệnh Công, ở làng Trà Hương, Nam Sách. Tam Kha sai Dương Cát Lợi, Đỗ Cảnh Thạc đi tìm, ba lần đi đều không tìm được. Lệnh Công sợ, bèn giấu Xương Cập vào trong sơn động.

Sử thần bàn rằng: Tam Kha đã cướp ngôi, lại nuôi Xương Văn làm con, là có sao? Xương Văn tất là con bà Dương Hậu, cho nên có tình cậu cháu mà dung cho, còn như tìm bắt Xương Cập đến 3 lần, thì làm được, ấy cái họa họ ngoại như thế đó. Ngô Quyền không biết soi gương xưa, đến nỗi ngôi báu bị mất, đàn con không chỗ nương tựa, Xương Văn sống bên tặc thần, Xương Cập phải nhờ tay nghĩa sĩ, đều tại sót trời. Ngô Quyền báo ơn cho Đình Nghệ, Lệnh Công cũng lại báo ơn cho ông, lòng trung nghĩa được trời đền lại, quả là không sai.

Con thứ Ngô Vương là Xương Văn truất phế Tam Kha.

Tam Kha sai Xương Văn và 2 ông Dương và Đỗ, đem quân đánh hai thôn Thái Bình, Đường Nguyễn, đi đến huyện Từ Liêm, Xương Văn bảo 2 ông rằng: "Ân đức của Tiên Vương ta dân được nhờ nhiều lắm, không may Ngài mất sớm, Bình Vương làm điều bất nghĩa, cướp ngôi của anh em ta, nay lại sai ta

đi đánh dân vô tội, nếu dân khôi phục, thì làm thế nào? Hai ông nói: "Xin theo mệnh lệnh của ông". Xương Văn nói: "Ta muốn mang toàn quân về đánh úp Bình Vương, để lấy lại cơ nghiệp Tiên Vương ta, có nên không?" Hai ông nói: "Được lắm". Bèn kéo quân về đánh úp Tam Kha, dân chúng thì muốn giết Tam Kha, nhưng Xương Văn nghĩ rằng Tam Kha có ân tình với mình, không nỡ giết, giáng làm Trương Dương Công, cho có thực ấp (ở bến Chương Dương Độ(2)) để thu thuế nơi đó mà chi dùng. Vương đã truất Tam Kha rồi, lên ngôi Vua tự xưng là Nam Tấn, rước anh là Xương Cập về, cùng làm việc nước. Xương Cập xưng là Thiên Sách Vương. Thời bấy giờ có người Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh, cậy có núi khe hiểm trở, không chịu làm tôi. Hai Vương khởi binh đánh Bộ Lĩnh, Lĩnh sợ, sai con là Đinh Liễn vào làm con tin; Hai Vương bắt Liễn lên ngọn cây tre, bảo Lĩnh rằng: "Không hàng thì giết". Lĩnh nói: "Trượng phu phải lập công danh có đâu lại bắt chước cách đàn bà yêu con?", nói rồi sai 10 người cầm nỏ nhắm vào Liễn mà bắn. Hai Vương nói: "Ta treo con nó lên, cột để buộc lòng nó phải hàng, nay nó tàn nhẫn như thế, giết cũng vô ích". Bèn thu quân về.

Sử thần bàn rằng: Đinh Tiên Hoàng nhằm bắn con, cùng với việc chia bát canh của Hán Cao Tổ, đều là dùng cách gọi thiên tính để thử xem sao. Nhưng Hán Cao Tổ cậy có Hạng Bá giúp đỡ, nên dám thế, còn Đinh Tiên Hoàng chắc đâu vào lòng bất nhẫn của Ngô Vương, mà dám nói như thế, là vì trong tâm đã không có Liễn lâu rồi. Cho nên sau khi lấy được nước, bỏ Liễn mà lập con út là Hạng Lang vậy.

Thiên Sách Vương chuyên quyền, Xương Văn không dự vào chính quyền nữa. Hai Vương bèn có hiềm khích với nhau. Chưa được bao lâu thì Thiên Sách Vương mất, Xương Văn trở lại ngôi vua sai quân đánh 2 thôn Đường Nguyễn và Thái Bình, khi kéo quân vào, bỏ thuyền lên bộ, Vua bị tên lạc của phục binh bắn tin mà chết, Đinh Liễn trở về Hoa Lư.

CHÉP PHỤ CÁC SỨ QUÂN

Thời bấy giờ vua Nam Tấn mất, trong nước loạn to, các nơi đua nhau nổi lên giữ huyện ấp, cùng xâu xé lẫn nhau.

Ngô Xương Xí tự xưng là Ngô Sứ Quân chiếm cứ Bình Kiều. (Lúc Thiên Sách Vương là Xương Cập bị nạn có lấy người con gái ở Nam Sách sinh ra Xương Xí tức là cháu Nam Tấn Vương Xương Văn).

Kiều Công Hãn tự xưng là Kiều Tam Chế chiếm cứ Phong Châu (nay là Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

Nguyễn Khoan tự xưng là Thái Bình Công, chiếm cứ Tam Đới (nay là huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc).

Ngô Nhật Khánh tự xưng là Ngô Lâm Công, chiếm cứ Đường Lâm (có chỗ gọi là Giao Thủy. (Nay là xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây).

Đỗ Cảnh Thạc tự xưng là Đỗ Cảnh Công chiếm cứ Đỗ Động Giang (nay thuộc huyện Thanh Oai, Hà Tây, chân móng thành cũ hiện còn).

Lý Khuê tự xưng là Lý Lăng Công, chiếm cứ Siêu Loại. (Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh).
Nguyễn Thủ Tiệp tự xưng là Nguyễn Lệnh Công chiếm cứ Tiên Du (nay thuộc huyện Tiên Du, Bắc Ninh. Ở đó hiện có đền thờ).
Lã Đường tự xưng là Lã Tá Công chiếm cứ Tế Giang (nay là huyện Văn Giang, Hưng Yên).
Nguyễn Siêu tự xưng là Nguyễn Hữu Công chiếm cứ Tây Phù Liệt. (Nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội).
Kiều Thuận tự xưng là Kiều Lệnh Công chiếm cứ Hồi Hồ (nay là làng Trần Xá, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ, chữ Hoa nay đổi ra chữ Cẩm).
Phạm Bạch Hổ tự xưng là Phạm Phòng Át chiếm cứ Đằng Châu (nay là huyện Kim Động, Hưng Yên).
Trần Lãm tự xưng là Trần Minh Công chiếm cứ Bồ Hải Khẩu (nay là xã Kỳ Bá thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

Các ông trên này gọi là 12 sứ quân.

Đinh Bộ Lĩnh nghe tiếng Trần Minh Công là người có đức mà không có con, đến theo nương tựa. Minh Công cho làm con nuôi, cho giữ binh quyền để đánh các vị anh hùng khác, đều đánh tan được. Đến khi Minh Công mất, Bộ Lĩnh thống suất cả đám quân ấy. Khi bấy giờ bọn đệ tử của Ngô Tiên Chúa có 500 người từ Đỗ Mộng Giang kéo đến đánh, độ 80 người vào Ô Man, bị người làng là Ngô Phó Sứ đánh thua rồi trở về. Bộ Lĩnh nghe tin cử binh đánh vào động ấy, quân đi đến đâu các bộ lạc đều phải hàng phục, bởi thế lại và dân ở các châu, phủ đều tâm phục mà theo Bộ Lĩnh, suy tôn ông làm Giao Châu súp.

Xét sách Thập quốc Xuân thu chí, Bộ Lĩnh đánh được Lã Xứ Bình, đảng giặc tan vỡ. Sách này lại chép rằng đánh được Ngô Phó Sứ, thế thì Phó Sứ tất là Xứ Bình không sai nữa.

Vua Tiên Hoàng bình được 12 sứ quân, trận này là trận đánh then chốt.

Trên đây là đời nhà Ngô có 2 vua và Tam Kha tiếm ngôi, khởi từ năm Kỷ Hợi đến năm Đinh Mão, cộng 29 năm.

Sách Thông luận bàn rằng: Ngô Tiên Chúa phát tích là danh gia, giết Công Tiễn để báo thù cho Đinh Nghệ liền có trận đánh ở sông Bạch Đằng, làm bại được Cường Hán, quốc thế từ đó mạnh lên, đất Nam bình yên, người Tàu sợ chạy, công nghiệp họ Triệu và họ Lý cũng chưa hơn được, vì mấy năm sau phó thác không được người giỏi, thật đáng cảm khái. Tam Kha ở địa vị là họ ngoại, lân la cướp ngôi vua, bắt chước Vương Mãng, Tào Tháo, làm đầu nêu cho Quý Ly, Đãng Dung, tội ác ấy không bút nào tả xiết. Hậu Ngô Vương ở chỗ thâm cung, nên tặc thần không ngờ đến, ở giữa đường quay về, mà chư tướng không dám trái ý, truất phục được kẻ gian tà dễ như thay bàn cờ, 15 năm giữ cơ nghiệp, đáng gọi là Lương Chúa, đẻ con như thế Ngô Quyền cũng như là không chết. Đến như Thiên Sách chuyên quyền mà mình không được dự chính quyền, Tam Kha cướp ngôi vua mà không nỡ gia hình, luận giả cho Xương Văn là cô tức, nhưng xét bản tâm của Xương Văn thì chỉ biết cung kính anh, để

kính nhường dòng con trưởng, không giết cậu, để mẹ được yên lòng, cũng là người có tư chất tốt, không thể, thì nếu không giết anh là Xương Cập, cũng không để Tam Kha được sống. Duy chỉ có lỗi là để lộ cơ mưu, đến nỗi bị mũi tên lạc, chí khí hăng hái của thiếu niên chưa bỏ đi được, là đáng tiếc đó thôi. Ngô Sứ Quân là con ngành thứ, nối chí lớn của cha chú, khó nhọc lẫn lút ở chỗ thôn quê, mưu đồ giữ lại cơ nghiệp đã mất, chí cũng đáng khen, nhưng vì vô tài, và ít người giúp, thế cùng lực kiệt, được một năm rồi mất ngay, cũng đáng thương. Vì rằng lòng trời muốn thu nhật lại cho họ Đinh, tất nhiên trước hết phải có người khu trừ. Tạo hóa đã có khí số nhất định, người ta làm thế nào mà ra ngoài vòng đúc nặn của tạo hóa cho được. Tự cổ đến nay, chứng nghiệm đã nhiều không phải một việc này, ta có thể biện hộ cho Nam Tấn Vương được.

1) Hiện nay có ý kiến khác nhau về Đường Lâm (quê của Ngô Quyền), một số ý kiến chỉ định là xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Tây; còn có người cho rằng Đường Lâm thuộc Hà Tĩnh hiện nay.

2) Nay thuộc xã Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây.

Nhà Lý Thái Tổ Hoàng Đế

(Ngày trước Viện Vả Tuyền ở chùa Thiên Tâm châu Cổ Pháp, có con chó đẻ ra con sắc trắng, lưng có lông đen, nổi lên hai chữ "thiên tử", người ta bàn đó là cái điềm báo rằng người sinh tuổi Tuất sẽ được đại quý, quả nhiên vua Lý đẻ vào năm Giáp Tuất niên hiệu Thái Bình thứ năm).

THÁI TỔ HOÀNG ĐẾ

Vua họ Lý, tên là Công Uẩn, người Cổ Pháp(1), tỉnh Bắc Ninh, vua Ngọa Triều mất, tự lập làm vua, ở ngôi mười tám năm, là người khoan nhân từ thứ, có độ lượng Đế Vương, nhưng vì chưa tôn chính học, chỉ thích dị đoan, là điều đáng tiếc.

Sách sử chép Phạm Thái Hậu đi chơi núi Tiên Sơn(2), cùng với thần giao hợp mà sinh ra Vua. Lý Khánh Vân nuôi làm con, nhận là họ Lý. Bài ký ở chùa Tiên Sơn có nói: "Thái Hậu cảm tinh anh của Bạch Hâu mà sinh ra Vua, nhà sư Vạn Hạnh rước về nuôi".

Ngoại truyện lại nói: Mẹ Vua năm 20 tuổi nghèo hèn không có chồng, nương tựa người lão Sa môn ở chùa Ứng Thiên, làm việc thổi nấu, khi lửa tắt và bà đương ngủ lơ mơ, lão Sa môn ngẫu nhiên chạm phải, giật mình trở dậy rồi có thai mà sinh ra Vua". Thế thì thật không biết người nào là cha Vua Lý nữa.

Năm Thuận Thiên thứ nhất, Vua về chơi làng cổ Pháp, yết lăng Thái Hậu, theo thứ bậc mà thưởng tiền và lúa cho các bô lão.

Dã sử nói: "Mẹ Vua ở quanh quẩn trong rừng Cổ Pháp hốt nhiên chết, kiến, mối xông đất đầy thành mã, cao bảy thước được chỗ đất tốt chung linh. Đến bây giờ Vua về yết lăng, trông thấy cây cối xanh tốt, loài chim bay liệng cảm động rớt nước mắt, sai đo quanh mộ mỗi bên vài mươi thước làm cấm địa, sau này các triều có phụ táng ở đó đều gọi là Thọ lăng".

Vua sai sứ sang Tống cầu phong, vua Tống nói: "Họ Lê thay họ Đinh, họ Lý lại bắt chước mà thay họ Lê, chẳng khác gì nhau", nên mới nhận lễ xính (lễ hỏi thăm).

Vua lấy có ở Hoa Lư thành thì hẹp, đất thì thấp, muốn thiên đô về Đại La, tay viết chiếu rằng: "Xưa kia nhà Thương đến vua Bàn Canh đã năm lần thiên đô, nhà Chu đến vua Thành Vương đã ba lần thiên đô, không phải là theo ý riêng một mình, là nghĩ đến kế muôn năm về sau. Nhà Đinh và Lê không theo lối cũ của Thương, Chu, cứ để kinh đô ở mãi nơi này, trăm rất đau lòng. Duy có thành Đại La ở giữa khu vực của trời đất, có cái thế long, hổ vững bền, địa thế rộng và bằng phẳng, đất thì cao mà sáng sủa, rõ là khu vực phồn thịnh. Đã xét khắp đất Việt, chỉ có nơi ấy là thắng địa, là nơi đô hội thật là kinh đô của muôn đời sau. Lũ các người nên hiểu ý trẫm. Bách quan tâm đều tâu: "Bệ hạ nghĩ đến kế lâu dài cho thiên hạ, lập nên cơ nghiệp lớn và làm cho nhân dân được giàu thịnh, còn ai dám không theo". Vua bằng lòng lắm, liền sắp sửa di kinh đô, khi thuyền vua mới đến đậu ở dưới thành, thấy có con rồng vàng hiện ra, nhân thế đặt tên là Thăng Long, liền lập nhiều cung điện, cộng 13 sở, xây thành

lũy, sửa sang phủ khố; thăng cháu Cổ Pháp làm phủ Thiên Đức, Bắc Giang gọi là Thiên Đức Giang, thành Hoa Lư gọi là Phủ Thiên Tường, trong phủ. Thiên Đức lập ra tám ngôi chùa, đều có lập bia ghi chép công đức.

Sử thần bàn rằng: Vua Lý Thái Tổ sinh trưởng nhờ cửa Phật, Khánh Vân nuôi lớn, Vạn Hạnh dạy dỗ, thuyết nhân quả ăn sâu ở trong lòng, cho nên khi mới kiến quốc, đã sáng tạo nhiều chùa, cấp điện độ tăng chúng, muốn đưa cả thế giới vào nước Phật, bất luận hiền ngu muốn cho qui Phật, đến đời sau nhà Lý mới khởi lên ngôi chùa cao sát mây, lập nên cột chùa bằng đá cao vót, lấy sự thờ Phật làm việc thường phải có của một nước (lập hơn 300 ngôi chùa, đúc quả chuông nặng đến một vạn hai nghìn cân đồng). Khi khánh thành chùa thì mở hội, xá các tội nhân; một nhà sư tự thiêu, mà cũng tạ ơn Phật, bứt mọc ở chùa Pháp Vân, mà lập nên chùa tự dối mình và dối đến người khác, trên dưới như điên như dại, khiến cho ảo thuật của sư Đại Diên dám hoành hành ở trong cung vua, tà thai của Nguyễn Bông đầu thai làm con thừa tự của nước; đến nỗi vua Huệ Tôn bỏ nước cho con gái nhỏ mà xuất gia đầu Phật; vì nhà sư mà hưng quốc, lại vì nhà sư mà mất nước, Phật cũng không đem chén nước công đức mà độ cho vua cho nước được, phải chăng tại vì vua Thái Tổ, cho nên đến nỗi thế?.

Vua xá hết các thứ thuế cho thiên hạ trong ba năm. Những người Mán trước bị vua Ngoại Triều bắt làm tù binh, đều cấp cho áo mặc và lương ăn mà tha về.

Nhà Tống sai sứ sang phong Vương cho vua Lý.

Sử thần bàn rằng: Vua Thái Tông mới lên ngôi vua, tức thì xuống chiếu tha thuế; năm thứ 7, 8 và 9 lại tha cho dân thuế ruộng, không biết lấy gì mà chi dùng cho đủ? Đại để chính sự triều Lý chỉ cốt chăm nghề nông làm cho nước được giàu. Nguồn tài chính gồm các thứ thuế gỗ rừng, cá biển, buôn bán, thuế thổ sản, thuế đất, đồ cống hàng năm, trong 6 hạng thuế này thì chỉ thu 4 hạng, còn 2 hạng thì khoan thu, cũng vẫn làm cho nước có đủ dùng, thật có phong tục cũ của đời vua Văn Đế, Cảnh Đế nhà Hán.

Vua đặt ra quân tá, hữu túc vệ, mỗi quân có 500 người.

Phong Thái tử Phật Mã làm Khai Thiên Vương, lập ra cung Long Đức ở ngoại thành cho Thái tử ở đó, ý muốn cho hiểu thấu các việc ở trần gian.

Sử thần bàn rằng: Muốn cho Thái tử biết việc ở dân gian, thì nên kén các quan sư phó hiền mà dạy, để biết sự khó nhọc của nhà nông, hà tất phải lập cung ngoài thành mà bắt ra ở đó; đến khi Vua mất, các thân vương Chính Đông và Dực Thánh nổi tà dâm mà gây ra đại biến, nếu không có Phụng Hiệu trung thành, thì ngôi vua của nhà Lý nguy hiểm như treo bằng sợi tóc. Điều này là không biết coi trọng căn bản của nước và giữ thể thống.

NƯỚC CHÂN LẠP ĐẾN CÔNG

Nước này ở về phía nam Chiêm Thành, đi thuyền mất 2 ngày mới đến nước ta. Tục nước ấy phía đông là trên, tay bên hữu là sạch. Đời Đường chia nước ấy ra làm 2, nửa về bắc nhiều núi, gọi là Lục Chân Lạp, nửa về phía nam, gần biển gọi là Thủy Chân Lạp, đất được 800 dặm, vua nước ấy ở thành Bà La,

nay là Đồng Nai; Lục Chân Lạp đất rộng được 700 dặm, gọi là Hạ Khuất quốc tức nay là Cao Miên. Vua thân hành đi đánh Diễn Châu, khi trở về đến Biện Loan, gặp mưa to gió lớn, Vua đốt hương khấn rằng: "Tôi là kẻ có đức, không dám cậy có quân mạnh, chỉ vì Diễn Châu không theo giáo hóa, không thể đánh được. Đến như trong lúc giao chiến, kẻ hay, kẻ dở đều chết cả, đến nỗi trời quở phạt dù có bị chết cũng chẳng dám oán trách gì, chỉ có quân lính xét ra tội cũng đáng tha, xin Thượng đế rộng lòng tha thứ". Nói xong, thì gió yên mưa tạnh.

Vua đòi 10 đạo trong nước làm 24 lộ, hai châu Hoan và Ái gọi là Trại.

Vua định thể lệ các hạng thuế ở thiên hạ:

1. Đầm ao, điền thổ, 2. Đất giồng dâu, và cấy lúa, 3. Sản vật ở núi và ở cao nguyên, 4. Thuế quan ải và muối mắm, 5. Hương thơm của Mán Lào, 6. Cây gỗ ở rừng.

Bấy giờ trong tàu ngựa có con ngựa trắng, khi sắp đem cưỡi thì tất nó phải kêu lên trước, nên gọi tên nó là Bạch Long thần mã.

Châu Vị Long làm phản, qui phụ với Mán, nước Nam Chiếu dẫn tướng Mán là Dương Trường Trung vào cướp, qua đồng trụ đến Kim Hoa Bộ, bố trí quân dinh, gọi là trại Ngũ Hoa, Vua sai Dực Thánh Vương đi đánh, bắt được hơn một vạn quân và ngựa. Xuống chiếu sai Phùng Châu sang Tống báo tin thắng trận, và dâng vua Tống 100 ngựa Mán.

Hoan Châu dâng Vua con kỳ lân.

Lân và phượng là loài mà người không trông thấy, cho nên là điềm lành. Người ta đã không thường được trông thấy, thì con chim có vằn, loài thú có sừng mà bảo là phượng và lân, còn ai phân biệt được. Nhà Lý đã từng đem dâng vua Tống, bị Tư Mã Quang khước từ, biết đâu con lân đem dâng ấy, chẳng phải là con lân của Hoan Châu đem dâng đó chăng?

Vua đắp thành đất Thăng Long.

Vua lại lập 3 bà Hậu nữa. Trước đã lập 6 bà, nay lại lập 3 nữa, cộng là 9 bà.

Vua đi xem các núi sông, đến bến đò Cổ Sở, thấy nước sông sáng, trong suốt, cảm động cảm chén rượu rót xuống sông mà nói: "Nếu có vị nhân kiệt anh linh thì nhận tấm lòng thành của ta". Đến đêm có vị chư thần tự xưng là Lý Phục Man trước giúp vua Nam Đế, cho giữ 2 nơi Đỗ Động và Đường Lâm, quân Di và quân Lào không dám phạm vào đất ấy, đến khi chết, Thượng đế khen là trung, lại cho giữ chức cũ, và lại nói: "Thiên hạ gặp buổi loạn lạc, trung thần ảm dẫu họ tên, khi mặt trời, mặt trăng sáng tỏ ở giữa trời (lúc thịnh trị) thì ai cũng trông thấy". Vua thức dậy nói: "Đó là ý thần muốn hiện hình", liền sai người tô tượng mà thờ; đến thời gian Nguyên Phong nhà Trần, quân Nguyên vào cướp, đến địa giới thì ngựa què không đi lên được, người trong thôn ra cự chiến, giặc phải bỏ chạy. Niên hiệu Trùng Hưng, quân Nguyên lại vào cướp, đi đến đâu thì cướp của, đốt nhà, mà ở ấp vẫn như có người phòng thủ, quân giặc không phạm vào được, đúng như lời vị thần nhân đó.

Dân được mùa lớn, một cây lúa 30 bông trị giá 70 đồng tiền.

Vua mới phong các bà tiên tổ làm Hoàng hậu, lập nên lăng tẩm Thiên Đức và Thái Miếu.
Vua làm vua đã 10 năm mới lập Nguyên Miếu, còn kinh thành Thái Miếu thì không thấy chép đến việc thờ tổ tiên báo ơn xưa, thật thờ ơ và chậm trễ quá lắm.
Vua lấy ngày Vua sinh làm ngày tiết Thiên Thành, bãi trò chơi Trúc Sơn.
Trước kia lấy tre làm một trái núi Vạn Thọ Nam Sơn, làm đủ các hình trạng cầm thú kỳ quái, lại cho người bắt chước tiếng cầm thú kêu để làm vui; bấy giờ vì sợ làm phiền phí cho dân, nên bãi trò chơi này đi, chỉ còn đặt ra yến tiệc thôi. Trò chơi Trúc Sơn này khởi thủy từ vua Đại Hành, các đời sau cũng theo làm như thế, vua Thái Tổ biết là vô ích, mà phiền cho dân, nên bãi đi, là phải lắm; đến vua Thái Tôn sao còn giữ lại làm gì?

ĐÁNH NƯỚC ĐẠI NGUYÊN LỊCH

Vì Đại Nguyên Lịch quấy nhiễu ở biên giới nên sai Dục Thánh Vương đánh phá được. Quân đi vào sâu trại Như Hồng trong đất Tống, đốt kho tàng rồi kéo về.
Trại Như Hồng của Tống ở giáp giới Triều Dương của ta, Đại Nguyên Lịch là đất man mọi sau này Nùng Trí Cao tự xưng là Đại Lịch Quốc, tức là chỗ ấy.

LẬP CHÙA CHÂN GIÁO

Vua Thái Tổ tụng kinh ở chùa này, là đạo tràng sáng sủa; vua Huệ Tôn xuất gia ở chùa này, lại là thế giới phiền não, nên chép lên đây là để răn bảo đời sau.
Vua định số quân ra từng giáp, mỗi giáp là 15 người, dùng một người làm quản giáo, rồi lại đổi gọi là Hỏa đầu, làm Chánh thủ, duy con nhà chèo hát thì gọi là quản giáp.
Bấy giờ có con hát là Đào Thị, có tiếng tốt và giỏi tài nghệ, từng được Vua thưởng; người ta mộ đang tiếng thị ấy, phàm con hát đều gọi là Đào nương, bắt đầu từ đây.

THÀY TĂNG VẠN HẠNH CHẾT

Vạn Hạnh vô bệnh mà chết, người đời bấy giờ bảo là ông hóa thân. Vạn Hạnh có bài thơ rằng:

"[Thân như điện ảnh hữu hoàn vô](#)

[Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,](#)

[Tùy vận thịnh suy hưu bổ úy,](#)

[Thịnh suy như lộ thảo đầu phô"](#)

(Nghĩa là đời người như cái bóng, khi thịnh khi suy, cũng như sương ở trên ngọn cỏ, có rồi lại tiêu tan ngay).

Vua thân đến viếng thăm, lập đàn siêu độ.

Sử thần bàn rằng: Vạn Hạnh có kiến thức cao siêu, thần toán, biết trước mọi việc, cũng là tay xuất sắc trong giới thần; nhưng mà hay xách ẩn hành quái, chỉ tu luyện về thuật, không tu luyện đạo, tạo ra các câu sấm, lưu truyền làm mê hoặc cho đời, mở mào ác nghiệp cho đời sau. Nhà Phật nói rằng: Hết thảy đều do tâm người tạo nên. Vạn Hạnh là thủ phạm đấy. Tiền sử chỉ chép là tử, đáng lắm.

Vua Thái Tổ mất ở điện Long An, Thái tử Phật Mã lên ngôi vua. Lúc trước Vua đau mệt lắm, Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương nghe tin, đưa phủ binh vào phục sẵn ở Long Thành, đợi Thái tử đến thì tập kích; Thái tử biết tin nói rằng: "Ta không có điều gì phụ lòng anh em, mà 3 vị vương lại làm điều bất nghĩa, thế làm sao?". Lý Nhân Nghĩa nói: "Anh em phải hiệp mưu với nhau mà chống kẻ bạn nghịch, nếu không thế thì anh em trở nên cừ thù. Tôn xin ra quyết chiến một trận. Trước kia Chu Công và Đường Thái Tôn đều phải bỏ tình yêu riêng, chỉ nghĩ đến công nghĩa, người đời sau vẫn ca tụng việc muốn che giấu việc ấy". Thái tử nói: "Ta há lại không biết thế, nhưng lòng ta muốn che giấu việc xấu, để cho 3 vương phải biết mà lùi đi, cho toàn tình cốt nhục là hơn. Nếu không được thế, thì ta chỉ hầu ở bên linh cửu Tiên đế còn việc ngoài nhất thiết ủy thác cho nhà người". Nhân Nghĩa trả lời: "Chức phận của chúng tôi, đâu dám từ nan", liền cùng Phụng Hiếu rút gươm đi ra, nói rằng: "Việc hôm nay chỉ có thanh kiếm này thôi" rồi xông thẳng đến trước ngựa giết Vũ Đức Vương, quân của 3 vương phủ đều thua chạy, Đông Chinh và Dực Thánh chỉ còn một thân tháo lui. Phụng Hiếu vào báo tiếp, Thái tử úy lạo nói: "Ta xem sử cũ có Kính Đức cứu nạn cho vua, nay thấy ông lại trung và dũng hơn nhiều". Phụng Hiếu thưa: "Đó là Bệ hạ có đức cảm động đến trời, thần thánh lại phù hộ nữa, chứ chúng thần làm gì được". Sau hết 2 vương phải đến phục tội, Vua xuống chiếu tha tội, lại cho phục tước cũ.

Phụng Hiếu là người làng Bạng Sơn, Ái Châu, khi nhỏ tuổi hùng dũng, bữa ăn đến vài đấu gạo, sức uống không có chừng. Khi 2 thôn Cổ Bi, Đàm Xá tranh địa giới, đem quân ra tranh nhau, Phụng Hiếu bảo bô lão Cổ Bi rằng: "Một mình ta có thể đánh nổi chúng", liền nhổ cây đánh ngay; Thôn Đàm Xá sợ lắm, phải trả ruộng cho Cổ Bi. Vua Thái Tổ nghe tiếng, triệu vào làm tướng. Đến bây giờ có công dẹp được nạn này, sau lại theo vua Thái Tôn đi đánh giặc miền Nam, khi khai hoàn xét định công, Phụng Hiếu nói: "Không muốn quan tước gì, chỉ xin được đứng trên núi Bạng Sơn(3) ném thanh đại đao rơi xuống chỗ nào thì được nhận đến chỗ ấy làm ruộng thế nghiệp" (giữ đời truyền cho con cháu). Vua y cho. Phụng Hiếu lên trên núi ném đại đao đi xa hơn 10 dặm, thanh đại đao rơi xuống đất làng Đa My, lập tức cho ông được nhận ruộng đến chỗ ấy, mà tha không phải nộp thuế, cho nên ở Ái Châu hằng thưởng công thì có tiếng là ném đao.

Lại xét: Trước khi Tam Vương chưa làm phản, một hôm vua nằm mộng thấy vị thần, tự xưng là thần núi Đồng Cổ, bảo Vua rằng Tam Vương sẽ gây ra biến loạn phải đánh bình chướng lên. Đến khi có việc ấy rồi, thì sắc phong vị thần ấy làm tước Vương, lập miếu thờ ở sau chùa Thánh Thọ, phía hữu La thành, là nơi làm lễ minh thệ, đặt đàn ở trong miếu, đọc lời thề ở tước vị thần rằng: "Làm con mà bất hiếu,

làm tôi mà bắt trung, thì thần giết hại đi". Quân thần từ cửa Đông đi vào, uống máu mà thề, là ngày 25 tháng ấy, sau này hàng năm làm lễ ấy, coi là lễ thường phải làm.

Vua thân đi đánh phủ Trường An.

Xưa kia khai quốc vương là Bồ ở Trường An, cậy có núi sông hiểm trở, tụ tập nhiều kẻ vong mạng, vua Thái Tổ không biết, đến bây giờ đốc xuất quân trong phủ làm phản, Vua phải thân chinh, bọn chúng đầu hàng. Quân Vua đến dưới thành, ra lệnh kẻ nào cướp bóc của dân thì sẽ bị chém đầu, dân chúng dâng trâu bò và rượu chắt đường, tuyên chiếu chỉ úy lạo dân, xuống chiếu đưa Khai Quốc Vương về kinh đô Thăng Long, tha tội cho được giữ tước cũ. Quân thần tâu: "Thái tử là căn bản của thiên hạ, xin chọn ngay người hiền đức để yên lòng mong đợi của thiên hạ". Vua nghe lời, sách phong Hoàng tử Nhật Tôn làm Đông cung Thái tử.

Vua cho Lương Nhận Văn làm chức Thái sư, Đinh Ngô Thượng làm chức Thái phó, Đào Xử Trung làm chức Thái bảo; lại đặt ra chức Tả, Hữu khu mật, Tả, Hữu tham tri, và Tả, Hữu phúc tâm. Quan chế triều Lý không thể khảo xét được phẩm cấp thế nào; đại lược chức Tam công chỉ để gia hàm cho các quan, chứ không có chức việc. Những chức việc phải làm thì chia ra: chức quan trong và quan ngoài, quan đề cai trị dân là chức quan trong gọi là Phụ Quốc Thái úy, quan làm việc binh là quan ngoài, gọi là Đô Thống Tướng quân; lại còn có chức Thông Phán là quan làm việc cai trị tạp tụng; ở ngoài biên giới cực xa thì đặt ra chức Mục, cũng như Phục đạo ngày nay, đều dùng thổ hào làm chức đó. Còn đến tư cách để vào làm quan chức, thì tuyển cử rất cẩn thận rồi mới đến việc dùng con các quan, sau mới đến các người nộp tiền để vào ngạch quan. Con cháu các thợ và kĩ nữ thì không được lục dụng. Còn như họ ngoại về Hoàng hậu, không công gì mà lạm nhận, cũng được có danh hiệu là An Quốc, Khuông Quốc, Phúc Tâm cũng có và danh hiệu Tả Hữu, thì thật là quē kịch, không kê cứu gì. Đặt ra Cẩm quân ở trước điện Vua, gọi là các vệ Quảng Thánh, Quang Vũ, Ngự Long, Phủng Nhật và Trùng Hải, mỗi vệ chia ra Tả và Hữu trực, trại quân đóng quanh cả trong Cẩm Thành để bảo vệ, tổng cộng gọi là 10 vệ.

Vua lấy ngày Vua sinh làm tiết Thiên Thánh, lại làm ra núi bằng tre (Trúc Sơn), trên núi cắm xen kỳ xí, treo lẫn đồ bằng loài kim, cho người con hát ở trong núi đó, đánh xênh, thổi sáo, hát múa cho vui. Mùa đông, Vua làm lễ táng Thọ Lăng ở phủ Thiên Đức, đặt tên là "Thần Vũ Hoàng Đế" miếu hiệu là Thái Tổ. (Vua Thái Tổ có 7 mụn nốt ruồi ở dưới lưng, như hình thất tinh).

Nhà Lý
Thái Tôn Hoàng Đế
Thánh Tôn Hoàng Đế
Nhân Tôn Hoàng Đế

THÁI TÔN HOÀNG ĐẾ

Tên là Phạt Mã, con trưởng vua Thái Tổ, ở ngôi 27 năm. Khi sinh ra vua có tướng lạ, lại có nhiều điềm tốt, khi còn nhỏ, bắt lũ trẻ đi dàn hầu ở trước sau, như nghi vệ các quan theo hầu Vua. Thái Tổ trông thấy nói: "Con nhà làm tướng thì nên tập việc quân, đừng gì đến việc dàn hầu ấy". Khi lên ngôi vua, đánh đâu được đấy. Nhưng mà làm việc gì cũng theo lễ, người ta vẫn chê.

Niên hiệu Thiên Thành thứ hai, nhà Tống sai Đồng Dĩnh sang điều tang và lễ, phong cho vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Vua khởi công làm điện Thiên Khánh, để làm nơi xét chính sự. Định ra mũ, áo cho các công, hầu, văn, võ quan.

Vua đi đến Đỗ Động, cây tịch điền. Có người nhà nông dâng vua một gốc lúa chiêm có một bẹ sinh ra 9 bông, Vua xuống chiếu cải tên ruộng đó là ứng thiên.

Đời nhà Lý rất trọng việc làm ruộng, năm nào Vua cũng có đi xe, cày, xem gặt, đủ rõ chính thể của nhà Lý.

Vua thân đi đánh, hạ được Đinh Nguyên. Khi kéo quân về đóng ở Chân Đăng, Đào Đại Nương đem tiến người con gái, Vua lấy làm cung phi, rồi cho đi về.

Xuất quân ra mà rước con gái về, chả còn oai vũ gì nữa.

Vua xuống chiếu cho quần thần khi nói việc nước trước mặt Vua, thì gọi vua là Triều Đình. Thiên tử tự xưng là Trẫm, là Dư nhất thân, thế mà vua Thái Tôn bắt quần thần gọi mình là Triều Đình, Thánh Tôn tự xưng là Vạn Thặng. Cao Tôn bắt người ta gọi là Phạt, danh đã không chính, nên lời nói không thuận. Vua sai sứ sang Tống biểu con voi đã dạy thuần thực, nhà Tống cho giả lại bằng kinh Đại Tạng.

Niên hiệu Thông Thụy thứ nhất (bấy giờ có 2 vị sư Nghiêm và Phạm thiêu mình, thành ra thất bảo, xuống chiếu để thất bảo ấy vào chùa thờ cúng, nhân có việc lạ ấy mới đổi niên hiệu) chế ra cái mũ kim bát giác tiêu giao, (lời chế thế nào không xét đâu được).

Khi Vua thân chinh đánh Ái Châu, trong lúc ban yến cho các tướng súy và quan hầu gần ở hành cung, mật chỉ vào Nguyễn Khánh mà bảo phi tâu rằng: "Khánh tất làm phản". Phi tâu hỏi có gì, vua nói: "Vi y trông thấy trẫm có vẻ mặt hồ thẹn, lời nói và cử chỉ trái khi bình thường, nên biết y có lòng bất trắc". Quả nhiên Phụng Kiền Vương báo tin Khánh mưu phản, phi tâu kinh sợ nói: "Đúng như câu thánh nhân biết trước được các việc chưa xảy ra".

Đúc chuông chùa Trùng Quang. Khi đúc xong không cần đến nhân lực, tự nhiên chuông đi đến chùa được.

Phàm các vật hình tròn thì lăn đi được, chuông đi được là vì hình tròn; cây gỗ tròn đẩy đi cũng thế, có

gi lạ; việc này cùng việc bặt mọc đều do bọn tăng chúng nó đặt ra đó thôi.

Vua cải tên Hoan Châu là Nghệ An

Vua lập đền thờ Hoàng Thánh Đại Vương.

Vua lấy có nha Đô Hộ có nhiều việc án bất ngờ, muốn cho rõ chân tình, vẫn đốt hương kêu cầu, có một đêm nằm mộng thấy vị sứ áo đỏ vàng sắc Thượng đế cho Phạm Cự Lạnh làm chủ ngục, và hỏi rằng: "Có phải vị Thái úy của vua Lê Đại Hành đó chăng?". Khi thức dậy, phong Cự Lạnh là Vương tước, lập đền ở phía tây nam, tuế thời thờ cúng.

Sử thần bàn rằng: Trong lòng không nghĩ gì mà tự nhiên nằm mộng, mới là chính mộng, lòng mình có nghĩ đến việc ấy, mà hốt nhiên có mộng, gọi là mộng nghĩ ra. Cự Lạnh đã nhị tâm trong khi triều đình thay đổi vua, nếu ở nơi âm ty mà bị Đinh Điền và Nguyễn Bặc tố cáo, thì tự mình không trả lời nổi cho mình, còn xét việc án nghi ngờ thế nào được; sắc của Thượng đế, và vị sứ áo đỏ, việc có chăng hay là không có? Mộng của vua Thái Tôn thật không đáng tin, thế mà người đời sau vẫn thờ phụng, thật là mê hoặc.

Vua ta cày tịch điền ở cửa Bồ Hải(4), xây đền thờ vua Thần Nông. Người tả hữu Vua nói rằng: "Cầm cái cày đi cày ruộng là việc con nhà nông, Vua không làm việc ấy". Vua nói: "Không làm thì không xứng xuất cho người ta được". Vua đẩy cái cày ba lần rồi thôi. Vua tự làm tướng đi đánh bắt được Nùng Tồn Phúc, duy có vợ nó là A Nùng và con là Trí Cao chạy trốn thoát.

Tồn Phúc là thủ lĩnh đảng Nùng, giết em nó là Tồn Lộc và em vợ là Dương Đạo, thôn tính cả đất, sắm sửa giáp binh, không nộp cống cho triều Lý; đổi châu nó ở gọi là Trường Sinh Quốc. Hà văn trình tâu rõ tình trạng lên Vua biết, Vua thân hành đánh giặc, khi quân sang đò Lãnh Kinh, có con cá trắng nhảy vào thuyền. Tồn Phúc ẩn nấp ở trong núi và đầm sâu, quân đuổi theo bắt được.

Vua từ Quảng Nguyên ban sư về, xuống chiếu nói: "Từ khi trẫm có đất nước đến giờ, các xứ xa lạ đều xin làm tôi, Tồn Phúc dám đem lòng phản bội, tụ hợp quân ong kiến làm hại dân chúng ngoài biên giới, ta thấy trời đánh kẻ có tội mà bắt được nó". Vừa lúc đó động Vũ Kiến dâng một khối vàng sống, Châu Định Biên nói rằng, ở núi có khí bạc hiện lên, bấy giờ quần thần xin cải niên hiệu là Kiền Phù Hữu Đạo, và tôn hiệu Vua 8 chữ là "Kim dũng ngân sinh, Nùng bình phiên phục". Vua nói: "Đời Đường, Ngu chỉ vẽ cái hình xuống đất mà không ai dám phạm vào, không phải đánh mà khuất phục được quân địch, vì thế nên các ngôi sao không trái phương hướng, mưa to, sét lớn không bị mê muội, có chim phượng hoàng đến chầu, các man mọi theo phong hóa. Trẫm nay tư chất hèn mọn, kém đức, mà ở trên thần dân, có đạo đức gì thấu đến trời đất, mà sánh được với Nghiêu, Thuấn, thế mà giặc Nùng bình được, Chiêm Thành qui phục, trong động sinh ra vàng, dưới đất chảy ra bạc; không biết có sao lại được đến thế, hay là trời muốn cảnh báo trẫm đó chăng? Trẫm rất sợ hãi, tấu nghị của các khanh nên bãi bỏ đi". Quần thần cố kêu nài, mới nhận lời.

Vua xuống chiếu lấy gấm (gấm của Tống) đã có sẵn ở Nội phủ ban cho quần thần.

Trước vua bắt dạy cung nữ dệt gấm vóc, bây giờ dệt xong, mới đem hết cả gấm Tống ra may áo (quan từ ngũ phẩm trở lên thì được áo gấm, từ cửu phẩm trở lên được áo vóc) tỏ ra là không phải nhà Vua dùng riêng.

Người nước ta ưa chuộng gấm vóc, đồ dùng của người Tàu; mỗi năm có tàu buôn đến, thì hao tổn tiền không biết đâu mà kể; có biết đâu rằng trong đời Hồng Đức những đồ mâm, bát, bình, chén dùng ở trong cung vua, đều là của nước ta chế tạo, không thấy nói lấy đồ của Tàu làm quý. Đồ dùng của nước ta tinh xảo chẳng kém gì Trung Hoa, cứ cho mẫu mà bảo thợ chế tạo, thì sao lại chẳng tinh xảo được? Đó là một cách bỏ thói xa xỉ, làm cho nước giàu. Xa nữa thì nên bắt chước vua Lý Thái Tôn, gần thì lấy đời Hồng Đức làm mẫu mực.

Vua xuống chiếu: "Các việc từ tụng trong nước hết thảy ủy cho Khai Hoàng Vương quyết định, lấy điện Quảng Vũ làm nơi xét xử kiện tụng".

Bấy giờ việc hình phục phiền nhiễu, các quan giữ pháp luật chỉ cốt dụng ý thâm độc và khổ khắc, nhiều việc oan uổng vua lấy làm thương đau, sai quan Trung Thư định ra luật lệnh, châm chước vừa phải với thời, chia ra môn loại, biên thành điều mục, làm riêng hẳn thành hình thư của đời ấy, khi ban hành, dân lấy làm tiện lắm. Từ đây pháp luật xử kiện rất là minh bạch, mới lấy năm ấy làm niên hiệu Minh Đạo thứ 1, đúc ra đồng tiền Minh Đạo. Vua lại định lệ cho thực tội, những người tuổi từ 70, 80 trở xuống, cùng những người tật bệnh yếu đuối, người cư tang từ 1 năm mà có phạm tội thì cho thực tội; duy kẻ phạm vào tội thập ác thì không tha.

Đời nhà Chu có hình pháp bát nghị và tam xá. Lời chiếu này của vua Thái Tôn có thể nói là có lòng bất nhẫn; duy Thái tử ở trong cung thì làm Giám quốc, đi ra ngoài là Phủ quân, việc xét tự tụng không phải là chức sự của Thái tử.

Vua cho tô hơn 1000 pho tượng Phật, khánh thành, đặt hội La Hán ở trong sân rồng. Đại xá, tha những người bị tội phát lưu.

Vua xuống chiếu các thứ thuế của dân nộp vào công quỹ 10 phần lấy riêng ra một phần, gọi là hoành đầu, cũng như hiện nay ngoài số thuế có tiền bút chỉ.

Nùng Trí Cao lại chiếm cứ châu Thăng Do, đổi tên châu ấy là Đại Lịch quốc, Vua sai quân đi đánh, bắt sống Trí Cao đưa về kinh đô. Vua thương y có anh và cha đều bị giết, nên tha tội cho y, lại được làm quan ở Quảng Nguyên (nay là Quảng Uyên)(5) như cũ, lại thêm cho các động Lôi Hỏa, Bình An và cho được mang ấn.

Trí Cao là tên gian ác, theo lối phản bội cũ của cha anh nó, đã tha tội, lại còn cho thêm đất, sự thưởng và phạt thật không có pháp luật gì. Đến lúc nó làm rối ở biên giới, thì lại bảo nó là việt trợ cho nước láng giềng, có khác gì thả con hổ cho cắn người ta, rồi sau lo cứu dần dần; là vì mê đắm về lòng nhân nhỏ mọn của nhà Phật, mà quên mất đại nghĩa làm việc nước đó.

Vua xuống chiếu: "Có người nào ẩn giấu người Đạn Nam thì bị tội".

Triều Lý tra xét sổ nhân khẩu rất là tường tế, nghiêm ngặt; dân đinh đến 18 tuổi thì biên vào sổ vàng, gọi là hoàng nam, 20 tuổi gọi là đại nam; quan, chức, đô chủ quản, cấm quân, chỉ được nuôi một tên hoàng nam làm đứa ở, nếu có ả giấu người đại nam thì quan, chức, đô 3 người ấy bị tội như nhau.

Vua bảo các người tả hữu rằng: "Tiên đế thăng hà đã 16 năm nay, nước Chiêm Thành chưa có cho một sứ thần nào sang nước ta, có phải là oai đức của Trẫm chưa đến nước ấy, hay là chúng ta cậy có núi sông hiểm trở đó chăng?. Quân thần thưa: "Đức tuy đã có đến chúng mà oai chưa được rộng". Vua cho là phải.

Vua xuống chiếu đóng tàu chiến tên là Long, Phụng, Ngư, Xá; gặp lúc ấy cái thuận (lá chắn) của vua ở điện Trường Xuân tự nhiên rung động, Vua mới xuống chiếu cho quần thần hội bàn, đều nói: "Cái thuận là binh khí, chim loan bay lượn trước khi có gió, đá đổ mồ hôi trước khi có mưa. Nay sắp đánh Chiêm Thành mà cái thuận tự động trước, đó là thần và người hợp ý nhau, nên vật loại tương ứng như thế, chả còn nghi ngờ gì nữa". Vì thế Vua chinh đi đánh Chiêm Thành, quân đóng ở cửa biển Đại Ác sóng gió im lặng, quân đi qua cửa biển được thuận lợi, Vua xuống chiếu đổi cửa biển ấy làm cửa Đại An. Đi đến núi Mi Cô, có đám mây đỏ nâng đỡ mặt trời, đi qua vịnh Hà Nảo, có đám mây che trên thuyền ngư. Trong ngày ấy nhờ có gió vượt qua được 2 bãi cát dài, đi thẳng đến cửa biển Tư Dung (có tên là Ô Long, thuộc huyện Hương Trà, đất Thuận Hóa, eo biển hiểm ác, núi non khuất khúc, rất cao. Vua Trần Nhân Tông gả Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm, thuyền đậu ở đó, nhân thế đổi tên gọi là Tư Dung. Sau Mạc Đăng Dung lấy có đồng âm với tên y, lại cải tên là Tư Khách, cửa đó tức là cửa Thuận An ngày nay), có con cá trắng nhảy vào thuyền ngư. Được tin Chiêm Thành bày trận voi ở nam ngạn sông Ngũ Bồ, Vua sai bỏ thuyền lên bộ mà đánh, quân Chiêm tan vỡ, Quách Gia Di chém vua nó là Xạ Đầu đem dâng, vua kéo quân vào thành Phật Thệ, bắt cung nữ của Xạ Đầu, kén lấy người nào giỏi hát và biết múa điệu khúc Tây thiên. Quân về đến Lý Nhân, triệu Mị Ê là vợ Xạ Đầu lên hầu Vua. Mị Ê từ chối nói: "Tôi là đàn bà quê, vợ tên mán mọi, không được bằng Cơ Khương, gặp buổi nước mất, chồng chết, tự phận chỉ còn một cái chết nữa thôi". Lập tức lấy chăn quấn mình rồi nhảy xuống nước mà chết. Vua khen là người trinh tiết, phong cho làm Hiệp chính Hựu thiện phu nhân (cư dân ở nơi bà ấy chết, cứ đêm nghe có tiếng khóc ở bên sông, ngày một thấy rõ linh ứng, mới lập đền thờ ở nơi ấy). Vua về đến kinh đô đem tin thắng trận cáo Thái miếu, ban tiệc rượu thưởng công. Quân thần dâng tôn hiệu lên Vua, và xin đổi niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ. Mùa đông năm ấy lại được mùa lớn, Vua xuống chiếu nói: "Vì đưa quân đi đánh nơi xa, làm ngăn trở việc nhà nông, có ngờ đâu lại được mùa lớn. Vậy tha cho dân một nửa thuế phải nộp, để vui lòng những người lặn lội xa xôi".

Vua cho đặt ra nhà trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm, để làm nơi nghỉ cho sứ thần ngoại quốc (tức nhà sứ thần quán Gia Quát ngày nay).

Vua sai chế ra cái xe Thái Bình, sơn thép bằng vàng mui xe lợp lụa bắt voi kéo.

Vua sai Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao.

Tổ tiên Ai Lao là người đàn bà, tên là Sa Đài, trên núi Lào, lội xuống nước bắt cá, xúc chạm vào cây gỗ chìm, rồi có mang thai, sinh ra con trai, sau cây chìm đó hóa ra con rồng ra sông. Nhân vì con rồng liếm vào lưng con trai ấy, người trong bộ lạc đều nhân vẽ vào thân, giống như áo vẽ rồng. Đời Vĩnh Bình nhà Hán, vua nước ấy là Hiền Lật Liễu Báo, xin phụ thuộc vào Trung Quốc, bấy giờ mới thông hiếu với nước Tàu. Vua Minh Đế đặt đất ấy làm 2 huyện Ai Lao và Bác Nam (tức là Vân Nam). Đất đó có rất nhiều bộ lạc, đều gọi là Lào. Tục xứ đó lấy vải quần quanh mình, rồi vào chùa để tránh quân thù, không có chữ nghĩa, chỉ lấy lá cây ghi các việc.

Nùng Trí Cao chiếm cứ động Vật Ác làm phản, vua đánh không được.

Trí Cao chiếm cứ châu An Đức, tiến xưng là Nam Thiên Quốc, đổi niên hiệu là Cảnh Thụy, liền đến cướp Ung Châu của nhà Tống, bắt được người Tống và Nghiên Mân, được biết hư thật của Trung Quốc. Mân bảo Trí Cao xin nội thuộc Tống, dâng biểu cống các sản vật, khi bấy giờ Tống đương hòa thuận với nước ta, lấy có Quảng Uyên là đất thuộc nước ta, từ khước không nhận. Trí Cao bên ngoài thì xin nội thuộc Tống không được, nói dối là bị nước ta đánh riết, nhân thế đem đồ đảng mưu cướp đất biên giới Tống. Một hôm y đốt hết sào huyết, nói dối dân chúng rằng: "Của chức góp bao lâu nay, bị trời đốt hết, không còn gì để sống nữa, cùng kẻ lắm rồi, phải đánh lấy Châu Ung nước Tàu mà làm vua". Nói rồi y liền đốc xuất quân đánh Ung Châu. Trí Cao chỉ muốn làm thuộc quốc của Tống, để chống cự nước ta; đến khi quần bách quá, lại sinh lòng can trộm để cầu may. Lấy được Ung Châu rồi, tiến xưng là Nhân Huệ Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Khải Lịch. Đất biên giới Tống được hưởng thái bình đã lâu, không phòng bị gì, cho nên Trí Cao đánh một trận đã được to, đến đâu cũng đều đắc chí; người Tống lo lắng. Địch Thanh khảng khái xin đánh, vua Tống cho làm Tuyên Huy sứ, nhận tiết việc đi đánh. Trí Cao cự chiến bị thua, mới đốt thành, đương đêm trốn chạy sang phủ Đại Lý, quan ở phủ Đại Lý chém đầu Trí Cao đóng hòm dâng lên vua Tống. Họ Nùng tuyệt diệt. Trước vua Lý xin với Tống đem quân trợ chiến, vua Tống đã cho. Địch Thanh nói: "Nhờ quân nước ngoài để trừ nạn trong nước, không phải là kế hay. Có một Trí Cao, mà hai tỉnh Quảng không đủ lực đánh nổi phải nhờ quân nước ngoài, nếu nước ngoài ấy lại làm phản thì lấy gì chống đỡ?". Vua Tống xuống chiếu đình chỉ viện binh của nước ta. Đến khi Trí Cao bại, mẹ nó là A Nùng lại thu nhặt dư chúng vào cướp, nhà Tống sai Duy Tĩnh đánh úp giết được, từ đây hai động Vật Ác và Vật Dương lại thuộc vào Tống.

Vua sai đặt ra đàn Xã tắc, để 4 mùa cúng tế cầu cho được mùa.

Vua đặt ra tùy xa Long Quân (đạo Long Quân theo xe vua).

Vua sai đặt cái chuông lớn ở sân rồng; dân có sự oan ức gì thì đánh chuông ấy lên, để thấu đến tai vua. Có con rồng vàng hiện ra ở Thụy Minh Các, quần thần đến mừng Vua, thầy Tăng Pháp Ngữ nói: "Rồng thì bay ở trên trời, nay hiện ra ở dưới là bất thường".

Nhà Lý rất thích điềm tốt lành, cho nên quần thần đời ấy chiều chuộng phùng nghinh; có một con thú lạ, bảo là con lân, thì vẽ vờ cho rõ ra lân; một cây cỏ lạ, bảo là cỏ chi, lại vẽ vờ cho thành ra cỏ chi.

Xem sử một đời vua Thái Tôn, thấy chép có vị Phật Quang, chép thần hiện ra, chép có hoa ưu đàm nở, và chép mưa ra thóc ở thêm điện, còn nhiều hơn nữa. Nếu có Pháp Ngữ thường luôn ở đó, tất không có các điều ấy.

Vua mất, miếu hiệu là Thái Tôn, Thái tử lên nối ngôi vua, cải niên hiệu là Long Thụy thứ nhất.

THÁNH TÔN HOÀNG ĐẾ

Vua tên là Nhật Tôn, là con trưởng của vua Thái Tôn, ở ngôi vua 17 năm.

Vua khéo cư xử, nổi được nghiệp, đáng gọi là vị vua tốt, nhưng có việc xây tháp Báo Thiên làm mệt sức dân, làm cung Dâm Đàm phao phí của dân, đó là điều sở đoản.

Niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ hai, mùa đông rét lắm, Vua bảo người chung quanh rằng:

"Trẫm ở thâm cung, đốt than, mặc hồ cừu mà còn rét khổ đến thế này, nghĩ đến tù nhân ở trong ngục thất, bị gió rét thế nào. Vậy bắt phải cung cấp cho đủ chăn chiếu và đồ ăn uống".

Sử thần bàn rằng: Vua Thánh Tôn ở đông cung 27 năm, biết hầu hết những sự khổ sở của người ta, ân tình ở dân gian, đến khi lên làm vua, nhân có rét mướt mà thương kẻ tù giam, suy lòng yêu con mà xét đến các việc án oan uổng (Vua ngồi ở điện xử án, công chúa hầu ở bên, Vua chỉ bảo quan coi việc án rằng: "Ta suy lòng yêu con ta, để làm cha mẹ dân, người dân không hiểu biết, thì nên khoan tha cho". Khuyên dân làm ruộng trồng dâu, chăn cạp kẻ bần cùng, chấn chỉnh việc văn, xét duyệt võ bị, các chính sự tốt, trong sử chép luôn luôn. Vua tôi thân yêu nhau, không có sự cách biệt, cho nên thông hiểu dân tình, không bị ai che lấp, thật là hiền quân đời Lý, cũng là do vua Thái Tôn dạy con có phương pháp đó.

Vua sai xây tháp Báo Thiên 12 tầng, cao vài mươi trượng (có tên gọi là Đại thắng tư thiên bảo tháp, tục truyền: An Nam tứ khí, là tháp Báo Thiên, Chùa Quỳnh Lâm, cái vạc Phổ Minh, chuông chùa Quy Điền).

Vua ra lệnh các quan vào châu phải đội mũ bọc da, đi giày da (vào triều đội mũ đi giày từ đây).

Vua định quân hiệu, gọi là: Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Diệp, Phủng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lực, và Vạn Tiệp, quân lính đều thích vào trán chữ Thiên tử quân.

Chế độ binh lính của nhà Lý đại lược theo quân Phủ vệ của nhà Đường, quân Cấm sương của nhà Tống, mỗi tháng lên cơ ngũ một lần, gọi là đi canh, hết hạn canh lại về quê làm ruộng, quan không phải cấp lương, duy có người trưởng cấm quân theo hầu chực tức vệ, được cấp cho 10 bó lúa, 1 tấm vải, cho ăn gọi là đại hòa, cấp cho lúa mạch gọi là chiêm mễ. Không có phí tổn nuôi lính, mà có công hiệu dùng sức lính, cũng là chế độ hay.

Tuổi Vua đã cao (40 tuổi), mà chưa có con, nhân đi du quan đến làng Thượng Lỗ(6), thấy một người con gái hái dâu đứng nấp trong đám cỏ gianh, lấy về làm vợ, đặt tên là Ý Lan phu nhân, đến chùa hành hương, có mang sinh ra Kiên Đức (có thuật đầu thai thác hóa của Nguyễn Bông).

Vua cấp bổng liền cho quan Sĩ sư Ngụy Trọng Hòa, Đặng Thế Tư và các ngục lại, để nuôi lòng liêm

khuyết.

Sử thần bàn rằng: "Dương Chấn từ khước vàng, Ôn Tảo từ chối tiền, người đời có mấy người được như thế. Nếu không được thế, thì nghèo túng tất sinh lòng tham, cũng là thường tình, mà cho ra làm việc dân, đó là cho lãng chần đê, đưa vịt nuôi chim ưng. Kinh Thư có câu: "Có được giàu mới cho làm quan, cho nên rút bớt số quan mà cho có lương bổng là việc cần lắm".

Chân Dăng dâng con voi trắng, Vua cho là điềm tốt, cải niên hiệu là Thiên Huống Bảo tượng. Xưa kia vua Hiếu Tĩnh nhà Nguyên Ngụy bắt được con voi lớn ở Nam Duyện, thì đổi niên hiệu là Thiên Tượng, ngày nay niên hiệu Bảo Tượng của Thánh Tôn cũng giống như thế; cái bệnh thích điềm tốt đến thế đó.

Vua thân đi đánh nước Chiêm Thành, bắt được vua nước ấy là Chế Củ giải về. Chế Củ xin đem đất ba châu: Địa Lí (nay là Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình), Ma Lệnh (nay là Minh Linh, tỉnh Quảng Bình), để chuộc tội, Vua tha Chế Củ được về nước. Vua đánh Chiêm Thành lâu lắm không hạ nổi, nghe tin bà Nguyễn Phi giúp việc trong cung cấm, mà lòng dân hòa vui, liền nói rằng: "Một người đàn bà mà làm được như thế, đánh Chiêm Thành mà không hạ được, thì bọn con trai ta dùng làm gì được". Lại đi đánh nữa, mới thu phục được.

Vua sai sửa sang Văn Miếu, tô tượng Khổng Tử và Chu Công, thờ cúng đủ bốn mùa.

Có nước đã ba triều vua, mới sửa sang nhà học, chỉ cần có tượng Phật và kinh Phật thôi.

Vua mất, miếu hiệu là Thánh Tôn. Thái tử lên nối ngôi vua, mới 7 tuổi, mẹ đẻ là Ý Lan Lê Thị.

NHÂN TÔN HOÀNG ĐẾ

Tên là Kiên Đức, con trưởng vua Thái Tôn, làm vua được 56 năm. Trong đời vua nước lớn phải kiêng sợ, nước nhỏ mến phục, thần thì giúp, người vui theo, đời được thái bình, có thể khen là vị vua tốt, tiếc rằng tôn sùng đạo Phật và thích điềm tốt quá lắm, là điều đáng chê trách.

Niên hiệu Thái Ninh thứ hai, Hoàng thái hậu là Dương Thị cùng dự việc chính trị giúp Vua; mẹ đẻ Vua là Lê Thị kêu ca với vua rằng: "Mẹ già sinh dưỡng khó nhọc, mới được có bấy giờ, mà người khác được hưởng phú quý, vậy xử trí cho mẹ già sao đây". Vua còn nhỏ tuổi không biết xét đoán ra sao, liền ép bà Hoàng thái hậu phải chết theo vua Thánh Tôn.

Quan Thái sư Lý Đạo Thành lấy chức Tả gián nghị Đại phu ra trấn Nghệ An.

Con chim sẻ trắng đậu ở sân cung cấm.

Tiền Lý thích điềm tốt thành bệnh nghiện, ai ai cũng xu my như điên, con qui, con hươu cũng tự cho là điềm tốt, giống gì cũng đều là điềm tốt cả. Khảo cứu một bộ sử triều Lý, cả trước sau gần 50 lần chép tường thụy, lớn nhỏ gần 30 chục bài chép về việc Phật, việc tầm thường nhỏ mọn chẳng có gì đáng là điềm tốt, thuyết không hư tịch diệt chẳng đáng giáo lý, không quan hệ gì đến chính trị, lại còn làm hại luân thường, tên các người quê hèn, đàn bà hóa, các việc tắm bụi, nuôi sư, nhất nhất chép cả vào sử, cách chép sử như thế đó sao? Than ôi! Nói về tường thụy bắt đầu từ khi có con sẻ trắng, rồi lại đến

truyện con sẽ trắng là hết đời, vậy thì chép con sẽ trắng đó, gọi là yêu quái cũng được.

Vua cho các công thần đến 80 tuổi thì cho được chống gậy và ngồi ghế ở trong triều đình.

Vua mới tuyển các người minh kinh và bác học, lại thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh (người làng Đông Cứu, huyện Gia Định)(7) được dự tuyển, được tiến vào châu Vua giảng học.

Vua sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản lãnh 10 vạn quân chia làm 3 đạo sang xâm lấn đất Tống (1 đạo đi từ Quảng Châu, 1 đạo đi từ Khâm Châu và 1 đạo đi từ Côn Luân). Khi bấy giờ nhà Tống dùng Vương Anh Thạch, là người thích cầu công ở biên giới, quan Tri Châu Ung là Thẩm Khởi theo ý An Thạch, lập mưu xâm lấn đất nước ta, muốn kiếm chuyện để lấy cớ mà dụng binh, mới cấm các châu huyện không được buôn bán với dân ta. Vua ta giận lắm, xuống chiếu cho Lý Thường Kiệt đưa quân đánh hãm Khâm Châu và Liêm. Quan Đô giám Quảng Tây, nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu viện, Thường Kiệt đón đánh ở Côn Luân, chém Thủ Tiết tại trận. Tôn Đản tiến quân lên vây Ung Châu, quan Tri châu là Tôn Giàm hết sức cố giữ thành, quân ta lấy túi chứa đất xếp đồng ở chân thành mà trèo lên, Giàm phải tự đốt mà chết, thành bị hãm, (Giàm bắt 36 người nhà y đều chết trước, cho xác chết xuống cả một hố, rồi mới tự đốt mình, người trong thành cảm nghĩa khí của Giàm, không một người nào chịu hàng, chết gần 10 vạn người, nhà Tống truy tặng cho Giàm là Trung dũng). Thường Kiệt thắng trận, ra tờ bố cáo nói: "Vì nghe Tống thi hành phương pháp "Tham miêu" làm khổ cho dân, nên ta phải ra quân, là muốn cứu vớt dân". An Thạch thấy thế càng giận lắm, cho Triệu Cao làm Chiêu Thái sứ, cho Quách Quỳ là người lão luyện về công việc ở biên giới, làm phó sứ, hiệp cùng nước Chiêm Thành và Chân Lạp đem xâm lấn đất nước ta. Thường Kiệt đón đánh tan ở sông Như Nguyệt, Quách Quỳ phải rút lui, lại lấy mất các châu Quảng Nguyên của ta, vua ta sai Đào Tôn Nguyên ra đưa con voi đã dạy thuần rồi cho nhà Tống, để xin lại đất Quảng Nguyên và dân mà Tống đã dắt voi về. Nhà Tống hẹn với nước ta nếu trả lại hơn nghìn dân Châu Ung đã bắt làm tù binh, thì sẽ trả hết đất ở địa giới nước ta, Vua ta ra lệnh chỉ trả độ 200 người, trai thì thích vào trán chữ "Thiên tử binh" gái thì thích vào tay tả chữ "quan khách" cho xuống thuyền chở đi, lấy đất trát kín cả các cửa sổ, trong thuyền đốt nến, làm cho không biết rõ lúc nào là ngày và đêm, đưa đi đường biển, vài tháng mới về đến nơi. Người Tống giận việc đó lắm, nhưng đã trót hẹn, nên giả 4 châu về cho nước ta.

Nhà Tống lấy được châu Quảng Nguyên, đổi tên là Thuận Châu, cho Đào Bất làm Tri châu. Bất bị chết ngay. Quan quân cũng có nhiều người chết vì chướng khí, nên Tống chán lắm, khi ấy nước ta trả lại tù binh châu Ung và Liêm nên cùng giả đất lại cho nước ta. Tống có câu thơ: "Vì tham voi Giao Chỉ, để mất vàng Quảng Nguyên" là chỉ vào việc biểu voi để xin lại đất này đó.

Tương truyền: Khi Thường Kiệt đánh Tống, cắm trại dựa theo sông Như Nguyệt, có một đêm nghe có tiếng đọc to rằng: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư, Tiệt nhiên định phận tại thiên thư, Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư". Có 2 anh em tướng quân họ Trương, một người tên là Hồng, một người tên là Hát đều là danh tướng của Triệu Việt Vương, sau khi mất thường có linh ứng,

các triều trước phong cho vương tước. Lúc ấy có công lui được quân Tống, vua Lý phong cho một vị là Khước Dịch Đại Vương đền thờ ở sông Long Nhõn Tam ký, một vị là Cảm Linh Đại Vương, đền thờ ở sông Như Nguyệt.

Sử thần bàn rằng: Nước ta đánh nhau với quân nước Trung Hoa nhiều lần, từ vua Nam Đế trở về trước, việc đã lâu rồi, sau này vua Ngô Tiên Chúa đánh Bạch Đằng, vua Lê Đại Hành đánh trận Lạng Sơn, vua Trần Nhân Tông đánh đuổi được Toa Đô, Thoát Hoan, những trận được vẻ vang đó là câu chuyện hãnh diện của nước ta, nhưng đều là giặc đến đất nước, bắt đắ dĩ mà phải ứng chiến. Còn đến đường đường chính chính đem quân vào nước người, khi đánh không ai địch nổi, khi kéo quân về không ai dám đuổi theo, như trận đánh Ung Liêm này thật là đệ nhất võ công, từ đấy người nước Tàu không dám coi thường chúng ta, đến những đồ cống, hình thức thơ từ, không dám hà trách, chỉ sợ lại sinh ra hiềm khích. Đến thơ từ của nước ta đưa cho Trung Hoa chỉ dùng có hai tấm ván sơn đen, liệt tên vài vị đại thần dùng ấn tín Trung thư môn hạ mà đóng vào, thế thì triều Lý được trịch với Tống nhiều lắm.

Quan Thái sư Lý Đạo Thành mất. Khi trước bà Thái hậu Linh nhân tham dự việc triều đình, Lý Thượng Cát cậy là quan Ngự vũ cùng tham dự chính sự, Đạo Thành không hợp ý với Thượng Cát, liền xin bỏ ra làm quan ngoài; Đến khi ông lại vào phụ chánh, kết sức trù hoạch, được nhiều điều bổ ích cho việc trong triều và ngoài biên giới. Nay ông mất đi, ai cũng tiếc.

Lê Văn Thỉnh đi sang triều đình Tống bàn việc cương giới. Văn Thỉnh đi đến Quảng Tây, hội nghị với Thành Trác triều Tống, việc gì cũng ủy khúc, không có biện bạch, lấy lý giải quyết dần, có câu nói bồi thần tranh chấp, vua Tống khen là cung thuận, ban cho áo và đai, nhân thế giả cho nước ta Bảo Lạc 6 huyện Túc Tang 6 động. Văn Thỉnh thung dung chu toàn, không cần phí lời, mà làm vua Tống phải khen, giả cho 6 huyện đã bị xâm chiếm, thật là vị sứ thần giỏi.

Vua cho thì các người có văn học trong thiên hạ, để xung vào làm quan viện Hàn lâm, Mạc Hiến Tích được trúng tuyển, vua xuống chiếu cử ông làm chức Học sĩ.

Vua lập nên Bí Thư Các và định ra việc thu thuế, mỗi mẫu 3 thăng lúa, để cấp lương cho quân. Lê Văn Thỉnh mưu làm phản, bị an trí ở Thao Giang. Văn Thỉnh có người thầy tứ là người nước Đại Lý, biết biến hóa kỳ thuật; khi ấy ông làm chức Tam công cầm quyền chính trong nước, liền manh tâm khởi loạn, gặp khi Vua đi chơi hồ Dâm Đàm (Tây hồ), ngự trên thuyền xem cá, hốt nhiên khởi lên đám mây đen, trong đám tối mờ nghe có tiếng chèo thuyền rẽ nước đến gần thuyền Vua, Vua lấy cây giao ném, chốc lát đám mây đen tan mất, trong thuyền thấy có con hồ, người đánh cá là Mục Thận lấy lưới vung ra chụp lên con hồ, thì là quan Thái sư Lê Văn Thỉnh. Vua lấy có Thỉnh là đại thần có công giúp nước, không nỡ giết, chỉ đem đày ở đầu trại Thao Giang(8) thôi.

Thái hậu phát tiền ở nội phủ chuộc con gái nghèo đem thân cầm bán, về gả cho người hóa vợ. Khi Thái hậu giữ triều chính, thị nữ có tội gì mà bị giết, việc ấy còn nhần tâm làm được, nay mới xám

hỏi làm phúc thì muện lắm rồi.

Lý Giác ở Diễn Châu biết thuật lạ, có thể biến cây cỏ thành người, âm mưu khởi loạn, vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh, Giác chạy sang Chiêm Thành, nói cho biết hết hư thực trong nước, vua Chiêm là Chế Ma Na nhân thế vào cướp nước ta, lấy lại được 3 châu Địa Lý mà Chế Củ đã dâng khi trước. Thường Kiệt đánh được quân Chiêm, người Chiêm lại phải nộp giả lại đất ấy.

Lý Thường Kiệt mất.

Thường Kiệt là tướng tài, nhiều mưu lược lúc nhỏ vì có tướng mạo xinh đẹp, tự thiên, để vào làm Hoàng môn chí hậu, đánh bại được quân Tống, bình được giặc Chiêm, danh vọng, công danh ngày thêm trọng.

Vua đắp đê Cơ Xá.

Vua kén chọn con tôn thất làm con thừa tự. Vua đã cao tuổi, chưa có con thừa tự, nên lập nhiều bà Hậu, làm đàn chay cầu đảo; đến bấy giờ em vua là Sùng Hiền Hầu sinh ra con trai là Dương Úc nuôi ở trong cung, mới 2 tuổi mà thông minh lanh lẹ, Vua rất yêu, xuống chiếu cho lập Dương Úc làm Thái tử. Phu nhân Sùng Hiền có mang thai, vừa lúc vị sư Từ Đạo Hạnh ở núi Thạch Thất đến chơi nhà, nói chuyện về việc cầu tự, vị sư hẹn rằng đến khi sinh tất phải bảo ông trước, đến lúc khó sinh, Sùng Hiền Hầu nhớ tới lời vị sư, sai người đến báo, vị sư lập tức tắm rửa thay quần áo vào trong chùa Thi Giả mà mất, phu nhân liền sinh con trai, tức là Dương Úc. Núi Thạch Thất ở làng Lật Sài, huyện Yên Sơn(9), cao nhọn xinh đẹp, mọc ở giữa đất bằng. Trong sơn động có vết dấu, lót chân in vào đá, hình giống vẩy rồng, người ta nói đó là nơi thi giả. Người làng lấy làm lạ, để thầy vào trong khám mà thờ, hàng năm cứ ngày 7 tháng 3 là ngày đại hội của xứ ấy, đến năm Vĩnh Lạc, người Minh đốt xác ấy đi, người làng ấy mới tô tượng thờ ngang với vua Thần Tôn. Trong năm Quang Thuận đời Lê, vua sai Nguyễn Đức Trinh cầu tự ở trong động, có điềm lạ là phiến đá bay đến, mang về dâng vua, bà Trường Tạc Thái hậu nằm mộng thấy con rồng vàng chui vào hông phía hữu, rồi sinh ra vua Hiến Tôn, từ đây mà đi hiển hiện nhiều sự anh linh.

Dã sử nói: Đạo Hạnh là con Từ Vinh, nhà ấy có tiếng là pháp thuật, chứ không phải là cao tăng; xem ngay việc thì giải đầu thai, là chuyện quái lạ, còn cao tăng thì trong lòng sáng suốt, thấy rõ tình lý, tất không đưa pháp thuật làm mê hoặc người ta. Chép sử thì phải bỏ hết sự quái dị, mà chỉ giữ lấy việc thường có, cũng không nên đưa câu chuyện thần quái làm mê hoặc đời.

Thời bấy giờ dân lưu vong ở kinh đô hay ở quê phần nhiều làm nghề trộm trâu bò, nên dân gian cùng quẫn, vài nhà cày chung một con trâu, Vua ra lệnh cấm giết trâu, ai giết một con trâu phải tội 80 trượng. Vua đi chơi Ứng Phong, xem dân cày ruộng công. Mùa thu năm ấy được mùa, Vua lại đi xem dân gặt lúa.

Bà Ý Lan Thái hậu mất, hỏa táng ở Thọ Lăng.

Vua ra lệnh kén chọn hoàng nam người nào khỏe mạnh xung vào sổ lính Ngọc giai Hưng thánh.

Vua sai đóng 2 thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan, tập tàu chiến, sửa sang áo giáp và binh khí, vua thân hành đi đánh động Ma Sa. Xuống chiếu nói: "Trẫm nhận lấy cơ nghiệp của tổ tiên, thống trị dân đen, coi dân nào cũng như con đỏ, nên nước khác mến lòng nhân mà quí phục. Dân thần của ta, thế mà tên tù trưởng ấy bỏ cả tuế cống, bắt đắc dĩ trẫm phải thân đánh. Vậy lục quân, phải nghe mệnh lệnh của trẫm". Bấy giờ bắt đầu từ Thiên Thu Bộ kéo quân đi; sĩ khí hăng hái lên trăm phần, đánh phá được Ma Sa, bắt tên tù trưởng là Ngụy Phang, rồi hạ lệnh chiêu dụ nhân dân cho về an nghiệp. Khi quân về, khao tướng sĩ, quần thần xin dâng tôn hiệu, đổi niên hiệu là Thiên Phù Duệ Vũ.

Vua cấm dân không được lấy gậy tre, gỗ nhọn đánh nhau.

Vua ra lệnh bắt kẻ trốn tránh, (người đi bắt giữ lại ở nhà riêng, không báo cho quan thì phạt 80 trượng. Các thế gia cướp đoạt kẻ bắt được ấy để làm đũa ở riêng cho mình, thì tội cũng đồng thế). Vua cho chế ra cái ô đi mưa cán không thẳng. Vua cấm không được giết trâu. Trong tờ chiếu nói: "Con trâu là vật hệ trọng cho sự cày cấy, làm lợi cho người không phải ít, mà dám giết để ăn thịt là phải tội".

Nhà Tống trả tên thổ tù làm phản là Mạc Hiến về cho nước ta. Khi ấy Lê Bá Ngọc đánh Quảng Nguyên, bọn phản loạn Mạc Hiến 7 tên trốn vào đất Tống, vua đưa thư sang nhà Tống, nên nhà Tống nghiêm sức bắt trả cho nước ta.

Vua xuống chiếu: phạm đánh người ta đến chết, thì phải tội 100 trượng.

Vua cấm dân gian trong mùa xuân không được chặt cây.

Vua sai Nghiêm Thường sang Tống tạ ân (tạ việc bắt trả Mạc Hiến). Đi đến Quế Phủ, yết kiến ty Kinh lược, được bảo rằng: Hiện nay Đông Kinh đương đều bắt binh mã đánh nước Kim, lần đi này ngựa trạm, người hầu ở chỗ nào cũng thiếu, không bằng hãy trở về. Thường mới trở về. Năm ấy nước Kim có Ly Phần vây hãm kinh đô Biện, bắt 2 Vua đem về Bắc.

Sao thiên cầu xa xuống, có tiếng nổ như sấm.

Vua đau, triệu quần thần vào nhận di chiếu, rằng: "Loài sinh vật không có loài gì là không chết, mà người đời ai cũng thích sống ghét chết, Trẫm không cho là phải. Nghĩ như Trẫm khi ít tuổi đã phải chịu cơ nghiệp lớn, biết kính sợ đã 56 năm nay, nhờ Tổ Tôn phù hộ, biên cảnh được yên, nay chết được theo sau Tiên quân là may lắm rồi: Thái tử Dương Úc sẵn có thông minh thành thật, có thể nối được ngôi báu, quan Thái úy Lưu Khánh Đàm nên nhất tâm phò tá, quan Nội thị Lê Bá Ngọc phải phòng bị các điều bất ngờ, đừng bỏ lời Trẫm việc tang thì để 3 ngày thôi, việc táng cần phải sên nhật". Đến ngày hôm sau thì Vua mất, Thái tử lên ngôi vua, Bá Ngọc tuyên thị các quan phải đến ngoài cửa Đại Hưng đợi mệnh, đóng hết các cửa thành, nghiêm cấm cả nội ngoại; một chốc cửa nách phía hữu mở ra, cấm quân đứng sắp hàng ở dưới điện, dẫn quần thần vào sân rồng. Vua sai Bá Ngọc tuyên dụ chỉ rằng: "Tiên đế đã thăng hà, ngôi trời không thể để không được, Trẫm lên nối ngôi, lo lắng vô cùng, các khanh phải nhất tâm giúp Trẫm không những không phụ lòng Tiên Đế, mà cũng là cùng với nước cùng yên hưởng phúc", quần thần lạy mừng ai nấy khóc cả. Vua xuống chiếu cho thiên hạ cứ yên nghiệp làm

ăn như cũ

Sử thần bàn rằng: Vua Nhân Tôn có học cao minh, hiểu rõ việc đời, biết nghĩ đến người mất người còn, thấu lẽ tử sinh, xem như mấy câu nói khi sắp mất, không phải người không biết đạo lý không quan tâm đến việc sống chết. Tuy thế, vua Nhân Tông nói ra là người biết rõ đạo, vua Thần Tông sở hành lại là thất hiếu. Thề lệ để tang ngắn ngày từ Hán Văn Đế nêu ra trước, vì ông học đạo Hoàng Lão, việc gì cũng lui một nước, nên mới thành ra có lỗi. Vua Cảnh Đế cũng theo như thế, toại thành việc bất hiếu để lại nghìn đời sau. Vua Thần Tôn còn nhỏ tuổi chưa hiểu lẽ, mà quần thần cũng không ai can gián, sao thế?

-
- 1) Nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
 - 2) Núi Tiên Sơn, nay thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
 - 3) Bạng Sơn: Nay là xã Dương Sơn huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa.
 - 4) Cửa Bồ Hải. tức là Cửa Bo, nay là vùng thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
 - 5) Nay thuộc huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. 6) Nay là làng Sủi, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
 - 7) Nay là làng Bảo Tháp, xã Đông Cứu, huyện Gia Lương, Bắc Ninh.
 - 8) Nay thuộc vùng miền tây, tỉnh Thanh Hóa.
 - 9) Nay là chùa Thày, núi Sài Sơn, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

Nhà Lý
Thần Tôn Hoàng Đế
Anh Tôn Hoàng Đế
Cao Tôn Hoàng Đế
Huệ Tôn Hoàng Đế
Bà Chiêu Thánh Hoàng

THẦN TÔN HOÀNG ĐẾ

Vua tên là Dương Úc, con Sùng Hiền Hầu, vua Nhân Tôn nuôi, ở ngôi 11 năm. Khi vua mới lên ngôi hãy còn tính trẻ con, đến khi lớn biết tu bổ chính sự, dùng người hiền tài, cũng là vị vua có thể thành hiền quân được, duy chỉ có việc sùng đạo Phật quá, thích các điềm tốt, là đáng cười thôi. Niên hiệu Thiên Thuận thứ nhất, Vua xuống chiếu: phạm người dân có điền thổ bị lấy sung công và người dân phải biên vào sổ làm điền nhi và lộ ông, nay đều tha hết. (Điền nhi và lộ ông đều là người làm đầy tớ để người sai khiến).

Vua tăng thước vị và phẩm trật cho các quan văn, võ. Lê Bá Ngọc làm Thái phó, tước là Đại liên ban, Mậu du đô làm Giám nghị, tước vị Nội Thượng Chế, để đền công giúp vua khi mới lên ngôi. Vua xuống chiếu: "Trong nước có tang không ai được cưới ngựa và đi xe lam sư" (kiểu xe thế nào không khảo cứu được).

Vua sai sứ thần sang Tống báo cáo việc Vua mới lên ngôi, sai quan đến nước Chiêm Thành tuyên bố tờ chiếu khi Vua lên ngôi.

Nước Chân Lạp vào cướp đất Nghệ An, Vua sai Công Bình đem quân ra đánh ở bể n Ba Đầu Bộ, bắt được chủ tướng và quân lính của địch, quân sĩ về dâng tù binh đã bắt được, Vua cho là nhà Phật phù hộ mới được thế, bèn đến chùa tạ ân.

Từ lúc ra quân đến lúc báo tiếp mới gần hai tháng, truy nguyên công đánh phá được giặc là công của tướng và sự khó nhọc của lính, không có lời khen ngợi úy lạo, mà chỉ quy công cho Phật, thế thì phạm những người lưng đeo áo giáp, tay chống ngọn giáo, đều không có chút công gì đáng khen, còn khuyến khích tướng sĩ sao được?

Quần thần dâng tôn hiệu lên Vua, Vua nói: "Trăm tuổi trẻ nổi nghiệp lớn, thế mà người nước sợ oai đều nhờ các khanh biết tận tâm chức vụ, giúp Trẫm các điều sơ sót không nghĩ tới".

Vua cho độ 4 người lão binh làm thầy tăng.

Lão binh mà độ làm thầy tăng, mất hết khí hùng cường đi rồi. Bỏ kiếm mà lần chuỗi tràng hạt, cởi chiến bào mà khoác áo cà sa, ngồi ở trong cửa không vắng vẻ, sao không nghĩ đến tình của khuê phụ vợ các chiến sĩ đương mong mỏi được vui cảnh cuộc ruộng, đưa cơm trong lúc luống tuổi.

Vua cải cho Lê Bá Ngọc là họ Trương.

Họ của trời cho, không thể người ta làm được, yêu một vị bầy tôi mà cho cải sang quốc tính, người ta còn chê là cưỡng ép, nay Bá Ngọc là đại thần cho cải họ Lê sang họ Trương là nghĩa gì? Đó cũng là việc làm của người còn tính trẻ con đấy!

Vua tôn thân phụ làm Thái Thượng hoàng, thân mẫu là Đỗ Thị làm Thái hậu.

Vua Thần Tôn đã 14 tuổi, tuy không có tư chất như vua Hán Chiêu, nhưng sao lại không biết nhớ đến cái ân vua Nhân Tôn là cha, thì Sùng Hiền Hầu phải là Hoàng thúc, như việc Hiếu Tôn đòi Tống xử với Tú An Hy Vương, là để tỏ ra có một gốc thì mới phải, bây giờ lại tư ân với người đẻ ra mình, là có sao thế?

Dân bắt được con hươu trắng, ở rừng Giang Đê.

Trong sử đời vua Thần Tôn chép đến 29 điềm tốt, mà điềm con hươu đến tám lần, vì hươu mà được làm quan đến ba lần, dò xét hươu mà được thưởng hai lần. Thích hươu như thế, không biết dùng để làm gì, túng xử một con hươu lạc mất, lại đến sai nhiều người vác giáo đi đuổi, thật đáng cười lắm. Vua sai làm thần chủ vua Nhân Tôn, rước vào thờ ở Thái Thất (Thái Miếu).

Chủ là để hình tượng thần ở đó, thần nường tựa vào cái chủ. Tế ngu thì mới làm thần chủ, hết tế ngu thì mới đổi thần chủ, đã đổi thần chủ rồi, thì mới được rước vào thờ ở miếu, là lễ phải thế đó. Cho nên theo lễ thì phải có 2 thần chủ: 1 ngu chủ và 1 thần chủ. Ngu chủ làm bằng gỗ dâu, cao 1 thước 5 tấc, không đề tên thụy; thần chủ làm bằng gỗ táo, rửa nước thơm, lau khăn lụa, đề chữ mực, rồi quét sơn dầu ra ngoài.

Thế chế của nhà Tống: Đưa tử cung (quan tài vua) lên hoàng đường, lễ yếm toàn (bỏ xác chết vào quan tài mà che đậy lại) sắp xong, quan Nội yết rước ngu chủ đến trước quan tài, tâu xin thần linh nhập vào ngu chủ, liền rước lên xe đưa lên điện, chờ che đậy nắp quan tài xong thì làm lễ tế ngu thứ nhất. Từ lần tế ngu thứ hai đến thứ năm đều làm lễ tại Hành cung ở dọc đường, các quan làm lễ. Lần tế ngu thứ sáu làm tại kinh đô, quan Chánh khanh làm lễ; lần tế ngu thứ bảy đến thứ chín thì vua làm lễ, các quan làm bồi tế. Khi chín lần tế ngu xong rồi, thì làm lễ tốt khốc mà rước vào thờ ở miếu. Lễ tế ngu đến chín lần này có từ đời nhà Chu, đến đời nhà Tống không thay đổi. Chu Văn Công đặt ra ba lần tế ngu, đó là lễ tế người sĩ, cận lai dùng làm quốc lễ, theo nhau làm lỗ mỗ, chưa có xét khảo kỹ. Người giữ việc nước cải chính mới được.

Vua xuống chiếu cấm nô tỳ nhà Vương, Hầu không được ỷ thế đánh người, nếu phạm cấm lệnh đó thì phạt gia chủ.

Vua xuống chiếu con gái các quan đến tuổi cập kê chờ để tuyển vào cung cấm, người nào không trúng tuyển nhiên hậu cho đi lấy chồng.

Vua ra lệnh cấm con gái dân gian không được bắt chước lối ăn mặc nhà quan. Cấm thầy tớ nhà quan không được lấy con gái nhà quan.

Sáu cung của nhà vua thiếu gì phi tần, mà cũng phải kén người hiền thực mới phải, đâu lại có xét khắp con gái bách quan để tìm sắc đẹp. Xưa kia Tôn Hiệu, và Tấn Vũ đã làm như thế. Nay vua Thần Tôn cùng một thói ấy, ham mê nữ sắc quá lắm.

Vua xá tội nhân thiên hạ, lại xá tù ở phủ Đô Hộ.

Năm nào cũng xá, thì bọn gian còn sợ gì nữa. Trộm cướp đã có nhiều mà vua Thần Tôn làm cho chúng nó được tụ họp vào sào huyết rừng rậm. Lạm dụng thuyết giới sát của nhà Phật, tha các kẻ phạm tội chết để hại lương dân, lại chỉ làm cho ngắn đời mình lại đó thôi. Như Vũ Hầu đời Hán, không xá kẻ có tội, mới thật là biết cách trị dân.

Nước Chiêm Thành sai sứ đến cống, Vua đương đánh cầu, cho sứ nước Chiêm vào xem. Vua Huy Tôn đời Đường giỏi về đá cầu, tự khoe nếu thi, thì sẽ trúng Trạng Nguyên, người phường chèo nói: "Nếu gặp phải vua Nghiêu, vua Thuấn làm lễ quan, sợ không khỏi bị đuổi ra mất"; lời này thật chê mỉa mai lắm. Vua Thần Tôn đem việc đá cầu khoe với sứ thần nước Chiêm, uy nghi của nước đâu có như thế được?

Nguyễn Mãi ở làng Thái Bình dâng con hươu trắng, lính ở đội quân Tả Vũ Tiệp là Đỗ Khánh dâng con cá vàng, Vua cho là điềm tốt. Lý Phụng Ân là Hạp Môn sứ nói rằng: "Đó là những vật nhỏ mọn có gì là điềm tốt".

Sử thần bàn rằng: Vua Thái Tôn thích điềm tốt, như việc vàng bạc sản sinh ra; như việc có rồng vàng hiện ra, chỉ có một người thầy chùa cho là bất thường. Vua Thần Tôn thích điềm tốt, như việc dâng con hươu, con cá. Đến việc con cá yết từng chỉ một mình Phụng Ân cho là phi thụy, cả triều các quan chỉ đều xu nịnh, một người nhà chùa lại dám nói thẳng, viên quan nhỏ dám can ngăn, các quan văn võ tại triều đáng hổ thẹn lắm.

Vương Cửu là lính ở đội quân Thạch Hưng Vũ dâng con rùa "Lục mâu", trên lưng có hình như quả lựu, Vua xuống chiếu cho quan Học sĩ biện luận hình ấy, thành ra 8 chữ: "Thiên hư hạ thị Thánh nhân vạn tuế"(1).

Sử thần bàn rằng: Giống rùa thiêng là vì nó báo triệu chứng; sau việc rùa ở Lạc Thủy(2), ở đâu cũng thế, chỗ đen chỗ trắng gián cách nhau, có gì là lạ, mà xuyên tạc, phụ hội thành ra hai chữ, bốn chữ, tám chữ, chỉ là tự dối mình đấy thôi. Xưa kia nước Tiêu Tề bắt được 2 con rùa, cũng có chữ Vạn hoan, Vạn tề, có quẻ Thuần tôn, Thuần đoài, mà không cứu vãn được việc mất nước, xem thế rõ ràng con rùa không phải là điềm tốt.

Vua xuống chiếu cho Lý Công Tín được ra vào trong cung cấm mà tâu việc, không ai được ngăn cản. Trong cung cấm không phải là nơi các đại thần được ra vào, nếu mà Công Tín có tà tâm thì bà Lê Hậu đã là Dương Quý Phi của An Lộc Sơn rồi, còn đợi đâu đến Anh Vũ mới dám thất lễ. Việc bất chính trong nhà vua Thần Tôn, là vì không biết phòng bị cẩn thận ngay từ trước đó.

Vua cho vị tăng là Minh Không làm quốc sư: Khi bấy giờ vua đau nặng, thuốc uống vào không kiến hiệu, Minh Không chữa khỏi, nên mới cho làm quốc sư.

Đời truyền lại rằng: Khi Đạo Hạnh sắp thi giải (hònn trút khỏi xác), lấy thuốc và thần chú giao phó cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức là Minh Không mà bảo rằng: "20 năm sau quốc vương có đau thì đem mà chữa", thuyết này xuất xứ ở sách trích quái. Ngoại truyện lại nói: "Từ Vinh là thân phụ Đạo

Hạnh vì pháp thuật bị thầy tăng Đại Điền giết mất, Đạo Hạnh nghĩ cách báo thù cho cha, vào tu đạo ở chùa Hương Tích, đi đường gặp Khổng Minh Không kết bạn cùng đi, đến chùa Vân Mông, nhà thầy trao cho thần thông quyết, ở đó 3 năm rồi từ giã trở về, Đạo Hạnh muốn thử pháp thuật, nấp vào nơi hiểm, hóa làm con hổ để dọa Minh Không, Minh Không biết, trách là có tà hạnh, và lại có lời thần chú, Đạo Hạnh then và hỏi, tạ lỗi nói: "Nghệp thai sinh chưa trừ bỏ hết, dám phiền giải thoát cho". Đạo Hạnh về am, Minh Không về Giao Thủy. Sau nghe Đạo Hạnh thi giải, Minh Không cười, nói: "Vị hòa thượng này còn mộ phú quý ở cõi đời chăng?". Đến khi ấy vua Thần Tôn bị đau, kêu gào muốn hóa ra con hổ, uống thuốc không kiến hiệu, nghe có lũ trẻ con hát rằng: "Dục y Lý Cửu Trung, tu đắc Khổng Minh Không". Bà Thái hậu nghe tiếng hát, mời Minh Không đến, khi tới nơi, trình bày thuyết nhân quả cho vua nghe, vua giác ngộ, khỏi bệnh. Minh Không có câu kệ rằng: "Kỳ lân đồ hậu mạt, nguyệt vọng đảo trung thiên". Người đời bấy giờ không hiểu. Sau vua ở ngôi và tuổi thọ đúng như lời kệ.

Minh Không người làng Đàm Xá, huyện Gia Viễn, lại ở chùa Phả Lại, huyện Giao Thủy có tô tượng thờ, mất vào năm Đại Định thứ 2, được 76 tuổi.

Sử thần bàn rằng: Triều Lý sùng đạo Phật, từ Vạn Hạnh nổi tiếng, nhiều người mộ và bắt chước, đến Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải đều là người Thanh Hải, thờ Hà Trạch Sa Môn làm thầy; lại có Thông Huyền Chân Nhân cũng có đạo pháp cao, cho nên vua Nhân Tôn có câu: "Giác Hải tâm như hải, Thông Huyền đạo hựu huyền". Nhưng mà gọi được rồng xuống, phục được hổ dữ, không phải là tài bình loạn cứu nguy, bước vào chôn không, bay được lên trời, không phải là kế sách trị dân giữ nước, chỉ cũng như loại La Thập, Đồ Trùng đó thôi, có ích gì cho đời, thế mà đời vua nào cũng làm cho Phật giáo thành ra thần dị, còn đến có ông vua để riêng một số dân làm người hầu ở chùa, thì mê hoặc quá lắm.

Trong sử có chép Hoàng Bà mất, Ngô Sĩ Liên cho rằng: Hoàng Bà là "Bảo mẫu". Nếu quả thật là Bảo mẫu, thì chép thế nào? So với cổ lễ thì không có, dùng bằng quốc tâm thì không chính nghĩa. Có quan hệ gì mà cũng chép vào sử.

Nghệ An có động đất, nước sông đỏ như máu.

Gặp năm đại hạn, vua xuống chiếu quần liêu hội nghị. Phạm Tín xin tể Hu để cầu đảo.

Trong thời gian 10 năm không năm nào là không đại hạn, khi thì cầu đảo ở cung Báo Thiên, khi thì cầu đảo ở chùa Pháp Vân, may mà trời mưa, thì quy công cho Thích Già, chưa thấy có một lời nào tự trách mình hay ban một ân điển thương dân nào; đến bấy giờ giao quần thần hội nghị, chính sự thời ấy thiếu sót, dân gian đau khổ, lại không có việc gì đáng nói hay sao? Hội nghị trong một nhà, vẫn cứ mờ mờ mịt mịt, ngoài sự xin tể Hu để cầu đảo, không có việc gì đáng can gián, bày tỏ, chỉ lấy sự dâng tờ biểu mừng điềm tốt làm công việc bổn phận, là tận trung với vua; nhân tài hèn kém, đáng than thở lắm.

Vua bị đau, Hoàng tử là Thiên Lộc mới 7 tuổi, đã được lập làm thừa tự. Khi ấy ba bà phu nhân: Cảm Thánh, Phụng Thánh và Nhật Phụng muốn cải lập người khác, hối lộ cho Từ Văn Thông để tán thành việc đó, vừa gặp lúc Văn Thông được triệu vào thảo tờ di chiếu, Văn Thông chưa dám xin cải, chỉ cầm bút không chịu viết, một lát, ba bà phu nhân đến, cùng ghen ngào nói: "Lũ thần thiếp được biết đời cô lập con trưởng không lập con thứ, Thiên Lộc là con người thiếp yêu, mà mẹ lại có tính ghen, mẹ con lũ thần thiếp tránh khỏi nạn sao được?". Vua bảo rằng: "Thiên Tộ là con trưởng, nên được chịu nhận cơ nghiệp lớn. Thiên Lộc thì nên phong cho làm Minh Đạo Vương". Ngày hôm sau, vua mất, Thái tử là Thiên Tộ lên ngôi vua, cải niên hiệu là Thiệu Minh, tôn bà mẹ là Cảm Thánh Lê Thị lên làm Hoàng Thái hậu.

Sách Quế Hải chí của Phạm Thành Đạt đời Tống, có nói: "Vua Anh Tôn có người anh bị phế, đảng của người ấy chạy sang tố cáo với nhà Tống, nhà Tống lại bắt tội người ấy; ý tất là Thiên Lộc.

Sử thần bàn rằng: "Vua Nhân Tôn nuôi người con nuôi, không đặt quan Sư, Phó hiền để dạy bảo, nên nổi vua Thần Tôn đã đứng tuổi; mà chưa biết lễ nhạc. Vua mất còn để đó, mà đi rước lập Thái hậu, làm con vua Nhân Tôn, mà tôn riêng người sinh ra mình, đều là sự lỗi lầm lớn cả. Đến sự bình được giặc mà tạ ân Phật, dâng con hươu mà cho làm quan, vô cớ mà tha thù tội, kén gái đẹp mà cầm giá thú, hành vi càn bậy, không được một việc gì làm phải lẽ. Kinh Dịch, nói rằng: "Gặp phải vị vua âm nhu, tất phải có bày tôi dương cương để mà giúp đỡ, mới làm nên việc". Vua Nhân Tôn 7 tuổi mà làm vua, được Đạo Thành giúp cho, mà mọi chính sự được sửa sang; Vua Cao Tôn lên 2 tuổi nối ngôi, có Hiến Thành biết lẽ phải mà đánh tan mưu mô phế lập, còn vua Thần Tôn, Anh Tôn thì tả hữu không được người nào, đến nỗi chính sự thiếu sót rồi ren, kẻ gian tà làm loạn triều chính. Cho nên dùng người để lên ngôi tướng, không thể nào không thận trọng được.

ANH TÔN HOÀNG ĐẾ

Vua tên là Thiên Tộ, con trưởng vua Thần Tôn, làm vua được 37 năm. Trong khi lập con nọ phế con kia mà không hoặc về lời người đàn bà, biết gửi con cho người bày tôi hiền cũng xứng đáng là vị vua biết trách nhiệm của mình. Nhưng mà không biết phân biệt kẻ gian tà, không xét công minh việc hình phạt, đến nỗi có thiên tai luôn luôn, giặc cướp, nổi lên, chính sự bỏ bê, là đáng chê trách.

Niên hiệu Đại Định thứ nhất, kẻ đi bói là Thân Lợi tự xưng là con vua Nhân Tôn, tụ đảng chiếm cứ hai châu Thượng Nguyên, Hạ Nông khởi loạn, tiếm xưng là Nam Bình Vương, nói rêu rằng nó có thuật dụng binh giỏi, để uy hiếp các động Mán ở bên giới, ai cũng phải sợ, nôn nao; quan ở biên giới dâng thư báo cấp, vua xuống chiếu cho Lưu Vũ Xung, Hứa Viên đem quân đến đánh, đóng quân ở sông Bắc Đà, gặp toán thủy quân của tên Lợi đánh nhau, Vũ Xung thua; tên Lợi thừa thế xua đuổi cả nhân dân Châu Vĩnh Thông và Cảm Hóa đến đánh phủ Phú Lương, vây hãm thành phủ, kéo quân về cướp kinh đô. Vua sai quan Thái úy Đỗ Anh Vũ đem quân ra cự chiến, gặp quân giặc ở Quảng Dịch, quân Lợi thua chạy, đuổi đến sông Nam Hán, bắt được tên thủ lĩnh là Dương Mục, Chu Ái, đóng cũi giải về kinh

đô, tên Lợi chạy thoát được thân, chạy đến châu Lục Linh, quan Thái phó Tô Hiến Thành bắt được tên Lợi, báo tin lên vua biết. Vua ngự ở đền Thiên Khánh nhận tù binh, chém đầu tên Lợi, và các tên thủ mưu 20 người, người nào bị bắt phải theo gặc, thì tha cho hết, xuống chiếu chiêu tập dư đảng của giặc cho về an nghiệp.

Niên hiệu Thiệu Hưng thứ nhất, đời Tống, quan tỉnh Quảng Tây nói rằng: "Vua Nhân Tôn nhà Lý có người con của cung thiếp sinh ra, không nhận là con, mà lập vua Thần Tôn. Người cung thiếp ấy chạy sang Đại Lý, đổi tên là Trí Chi. Khi vua Thần Tôn mất, Đại Lý cho Trí Chi về nước muốn tranh ngôi vua với Anh Tôn, xin mượn quân của nhà Tống, quan tỉnh Quảng Tây đưa việc ấy tâu lên, vua Tống xuống chiếu khước từ. Chắc rằng Trí Chi với Thân Lợi là một người, sự trần tình để xin nhà Tống cho việc binh, là nói dối để lừa nhà Tống đó".

Lưu Vũ Xung dâng con hươu trắng.

Một đời nhà Lý, chính sự phần nhiều rộng quá và bỏ bê, xem như Văn Trinh mưu làm phản mà không bị chết. Vũ Xung thua trận mà không bị tội, nhất vị nín lặng, chẳng trách Anh Vũ hống hách chuyên quyền được.

Vua định phép chuộc ruộng, nhận ruộng.

Cầm ruộng trong 20 năm được chuộc, ruộng tranh nhau trong 20 năm được thừa kiện, có thừa ruộng bỏ hoang bị người canh tác mà phải tranh kiện, không được để quá một năm. Ruộng đã đoạn mãi mà đã có văn khế hay khoán ước thì không được chuộc. Ai trái lệ này thì bị tội 80 trượng.

Vua cấm giết trâu riêng, có tế tự phải tâu xin, chớ có chỉ cho mới giết. Ba gia đình là một Bảo, người trong Bảo biết mà không cáo giặc, cũng bị tội như người giết riêng.

Vua sai xây dựng các đền thờ thần.

(Các đền thờ như là: núi Tản Viên, Bồ Cai, Ông Nghiêm, Ông Mẫu v.v.).

Người có yêu thuật của nhà Tống là Đàm Hữu Lượng trốn vào châu Tư Lang, nói dối là đi sang sứ, dụ người nước ta đưa đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên. Khi bấy giờ Nam, Bắc thông hiếu với nhau đã lâu, chợt nghe có biên báo, triều đình không hiểu ra sao, vừa gặp Ty án sát Quảng Tây đưa văn thư ước hẹn cùng ta đuổi bắt Hữu Lượng, liền sai lữ Dương Tự Minh đánh bình được, bắt được Hữu Lượng hơn 20 người giao trả cho nhà Tống, quan Tri châu Ung của Tống là Triệu Nguyên nhân lữ Hữu Lượng đem chém cả.

Vua xuống chiếu kén người bổ sung vào Cấm quân, chỉ kén người ở lộ lớn, không được lấy người cô độc.

Vua ra lệnh cấm người Mán Lào ở 2 trấn Đại Thông, Quy Nhân vô cơ không được vào kinh đô. Vua cho lập ra trang Vân Đồn(3). Khi bấy giờ thuyền buôn 3 nước Qua Oa, Lộ Lạc, Tiêm La vào trú ở Hải Đông để buôn bán, có nhiều đồ quý báu của xứ họ, tiến lên Vua, Vua sai lập ra trang Vân Đồn cho các người buôn ấy ở. (Hiện nay châu Vạn Ninh, có phủ Lương An đều người buôn xứ Bắc ở cả, có từ

trước).

Nguyễn Dương lập mưu giết Anh Vũ, không xong, tự tử chết. Khi bấy giờ vua còn nhỏ tuổi, Anh Vũ giữ cả việc nội ngoại, ra vào cung cấm, thông gian với bà Lê Thái hậu. (Anh Vũ người đẹp, khéo múa hát, đời vua Thần Tôn được vào hầu gần Vua, bà Lê Thái hậu yêu tiếng hát và sắc đẹp, muốn tư thông với y đã lâu, đến lúc ấy sửa lại cung Quảng Từ làm rất xa xỉ đẹp đẽ, ngày đêm ăn nằm với Anh Vũ mà Vua không biết) nhân cây có bà Thái hậu yêu lại càng kiêu quá, ở triều đình mà khoa tay nói lớn, sai khiến các quan như sai tôi tớ. Vũ Đới, Dương Tự Minh định kế đánh Anh Vũ, gọi quân sĩ hô lớn rằng: "Anh Vũ làm hung ác, xấu xa, khắp trong ngoài đều biết, lũ thần xin giết y đi". Có chiếu xuống bắt Anh Vũ giam vào ngục, giao quan Đình Úy tra án đó, bà Thái hậu sai người đưa rượt thịt giầu kín vàng bạc vào trong đó, để hối lộ cho Vũ Đới; Nguyễn Dương biết chuyện đó, bảo Đới rằng: "Làm sao anh lại tham của hối lộ mà không tiếc gì đến tính mạng" bèn cầm giáo toan đâm. Đới cướp được cây giáo, ngăn đi nói rằng: "Tội Anh Vũ đáng chết, phải chờ mệnh lệnh của vua, không nên tự chuyên". Dương giận lắm, nói đến cút dái với Đới và nói: "Vũ Đới tắt chết về tay Anh Vũ, đừng hốt rằng ta không bảo trước"; nó xong biết rằng mình cũng không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tử. Vua xét việc án Anh Vũ, phát đày đi xa, làm kẻ làm ruộng, bà Thái hậu lo buồn, lập ra đại hội luôn, xá cho các tội nhân, mong Anh Vũ được dự vào số đó, quả nhiên vì xá tội luôn mà Anh Vũ lại phục chức như cũ, lại cũng được yêu thêm, không kiêng sợ gì, vẫn nghĩ kế báo thù, mật tâu vua rằng: "Trước kia Vũ Đới vô cớ chạy vào cung cấm, tội đó lớn lắm; nếu không trừ sớm đi, sợ lại sinh ra biến loạn". Vua không xét biết gì, liền y theo lời tâu. Anh Vũ lập tức sai Phụng quốc Vệ úy (là người riêng của y đưa vào để tiện sai khiến) đến bắt Đới chém ngay, lũ Dương Tự Minh thì bày đi nơi châu xa khí hậu độc.

Dân đói lớn, một cân gạo trị giá 70 đồng tiền.

Cấm kẻ yếm tự (bị thiếu) không được thiện tiện vào cung vua, các quan triều không được đi lại nhà các vị Hầu, ở trong cung cấm không được tụ năm tụ ba bàn nói chê bai, phụng mệnh hộ vệ ở trong cung vua, không có chiếu thư mà thiện tiện mang binh khí đi qua nơi địa đầu, đều bị tội.

Sử thần bàn rằng: Cái kế của bà Lê Thái hậu phòng người ta cũng chu đáo, nhưng mà tiếng xấu đã rõ rồi, không che giấu được, sợ rằng tiếng xấu ấy thấu đến ngoài, không che giấu được, có kẻ nghĩ khi sẽ bàn luận gì chẳng, và cũng sợ bọn thân quân không biết sớm hôm lúc nào lại sinh biến chẳng, cho nên mới đặt ra nghiêm cấm như thế. Vua Anh Tôn thật là ngốc đại quá.

Trời mưa cát vàng.

Mùa đông, thì học ở trong điện (Bấy giờ phép khoa cử chưa có thể lệ nhất định, nhân có lúc nào muốn kén người mới thi đó thôi).

Người nước Chiêm Thành là Ung Minh Tá Điệp đến cửa nhà Vua xin cho y làm vua, Vua xuống chiếu sai Lý Mông đem quân dẫn về nước, bị vua Chiêm Thành là Chế Bì La Bút giết mất, nhân thế vua Chiêm dâng con gái, Vua nhận, không hỏi gì đến việc ấy nữa.

(Đã khởi binh can bậy, làm cho quân thua nhục quốc thể, lại còn nhận đưa con gái Mường mà không vắn tội, là có sao thế?).

Nông Khả Cầu chiếm cứ Tràng An làm phản, vua thân hành đi đánh, 10 ngày bình được.

Đất Thiên Tràng thì núi và khe suối cũng không hiểm trở cho lắm, thế mà Khai Minh Vương trước kia đã làm phản ở nơi ấy, nay Nông Khả Cầu cũng lại làm phản ở nơi đó; vì rằng đất ấy ở trong thì thông với Thiên quan, ngoài thì liền với đất Nga Sơn Tống Sơn, núi rừng chồng chập, khe suối quanh co, có địa thế cho chúng nương tựa được, cho nên bọn phản nghịch cứ tụ tập ở đó để quấy rối.

Vua cho thu thuế ruộng mùa hạ.

Vua sai xây dựng nhà cửa lớn, làm điện Thụy Quang, đình Thương Hoa, ao Kim Liên, cầu Minh Nguyệt và thuyền Đại Diệp, tàu Vĩnh Chương.

Một triều Lý, dùng sức dân nhiều, không vua nào bằng vua Anh Tôn, trong thời gian 37 năm, hai lần làm miếu, ba lần làm đền thờ, 6 lần đóng thuyền, còn việc xây đàn, xây cửa, làm nhà kho, sửa sang cầu, đều một lần. Nước lụt, đại hạn luôn luôn, mà không thấy ra ân tha thuế hay phát chẩn, ơn huệ của tổ tông đến đây là tiêu tan hết. Duy có hai việc xây đàn tế trời đất và lập miếu Khổng Minh là hợp nghĩa mà thôi.

Vua cho đặt các hộp bằng đồng ở sân điện, cho người nào có việc gì thì bỏ thư vào trong đó.

Khi trước Nguyễn Quốc đi sang sứ nhà Tống về, nói rằng: "Thấy ở sân điện triều đình Tống có đặt cái thùng bằng đồng để nhận sớ tấu, cho được thông suốt tính tình của kẻ dưới". Vua cho làm theo; vừa gặp có lúc kẻ đầu thư nặc danh nói Anh Vũ khởi loạn. Anh Vũ vu cho Quốc làm ra, mới đày Quốc đi Thanh Hóa, rồi đánh thuốc độc cho chết.

Tự cổ đến giờ bọn gian thần bên trong nhờ cậy vào Mẫu hậu, bên ngoài chuyên chế việc triều đình, đều là vì vua hãy còn nhỏ tuổi quá đi thôi. Vua Thủy Hoàng lớn lên, thì Lao Ái phải giết, gian tình của Hồ Hậu lộ ra, thì Đàm Hiên phải chết. Vua Anh Tôn đã ngoài 20 tuổi, việc tư tình của Lê Hậu, gian trạng của Anh Vũ, đều đã biết cả; huống chi sau khi binh biến đã bắt được tội nhân, mà lại ân xá luôn luôn để cho nó được phục chức, rồi nó báo thù Vũ Đới, đánh thuốc độc chết Nguyễn Quốc, chẳng phải chí ngu là gì?

Đỗ Anh Vũ chết.

Vua Anh Tôn lên ngôi vua mới 3 tuổi, thơ ấu hơn Đinh Toàn, Lê Hậu tư thông với Anh Vũ quá tệ hơn Dương Hậu; Anh Vũ là Thái úy giữ binh quyền, mạnh hơn Thập Đạo, mà quần thần tại triều lại không có một người nào làm được như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lê Hậu còn nghĩ gì đến xã tắc nhà Lý mà không đem cho người yêu, để làm như Thăng Minh Hoàng hậu của nhà họ Đỗ; trong thời gian 20 năm, vua Anh Tôn còn được xưng là quả nhân giữ việc biên tế, không đến nỗi như Vệ Vương nhà Đinh bị mũi tên lạc ở Củng Giang, là có sao? Đó là trời đấy.

Tô Hiến Thành làm quan Thái úy, kén người đình tráng xung vào quân ngũ, chọn tướng hiệu thông binh

pháp, am hiểu sách và nghề nghiệp chia cho quản lĩnh quân ấy. Liền lại cho Tô Hiến Thành làm Đô tướng, đưa quân đi tuần phía biển tây nam, an trấn biên giới. Khảo khóa công việc các quan văn, võ, không phạm tội lỗi thì được lên trật. Đinh ra 9 năm một lần khảo, làm lệ vĩnh viễn.

Mùa thu, các học sinh thi.

Nước Chiêm Thành đưa quân Phong Thủy vượt biển vào cướp, vua sai Tô Hiến Thành đi đánh, Chiêm Thành xin hòa, từ khi ấy trở đi phải giữ lễ phiên thần, không dám bỏ thiếu cống hiến. Sứ thần nhà Tống và sứ thần nước Kim cùng đến nước ta, Vua sai lấy lễ tiếp đãi kín, không cho hai bên gặp nhau.

Vua tập cưỡi ngựa và bắn ở phía nam thành Đại La, các quan văn võ tập các cách đánh giặc phá trận.

Vua đi tuần ngoài Hải Đảo, xem khắp hình thế núi sông, hỏi hết các điều tât, khổ trong dân gian, vẽ bản đồ và ghi chép phong tục nhân vật rồi trở về.

Từ khi Hiến Thành cầm binh quyền, việc quân cơ, việc canh biên giới có một phen chấn chỉnh lại hết. Chính sự năm Bảo Ứng với chính sự năm Đại Định, một đằng chăm chỉ, một đằng trễ nải, khác xa nhau. Kinh thi có câu: "Việc gì cũng tốt tại người", thật là đúng.

Vua sai Doãn Tử Tư sang thăm nhà Tống đưa cho 15 con voi đã dạy thuần rồi. Cuối năm Đại Định, vua Cao Tôn nhà Tống đình việc cống voi, đến lúc ấy vua Hiếu Tôn mới tức vị, đưa thư sang mua những con voi đã dạy thuần rồi, để rước khi đi tế giao, vua ta đưa cho 10 con voi làm lễ mừng tức vị, 5 con voi dâng lên để dùng khi đại lễ, làm cái lầu trên lưng voi gọi là La nga (lầu trên lưng voi) và các đồ buộc ở ngà, chân và đầu voi, trang sức bằng vàng bạc, rồi mới đem cho. Tử Tư đi đến quán Hoài Dịch, vua Tống cho dẫn kiến và hỏi han úy lạo.

Từ khi nhà Tống phải bỏ xứ Bắc qua sông sang miền Nam, thì khi sứ thần nước ta có sang chỉ đi đến Quảng Tây giao đồ cống, chứ chưa đến kinh đô, đến khi ấy Tử Tư làm Đại sứ chưa bao giờ có đủ 3 sứ thần, đến khi ấy cho Tử Tư làm Đại sứ, Lý Bang Chính làm Chánh sứ, Nguyễn Văn Hiến làm Phó sứ; người theo làm người giới thiệu đều đặt đủ; Vua Tống thấy ở xa mà đến, rất khen là trung thành, lễ tiếp đãi cũng khác hơn, và xuống chiếu gọi tên nước là An Nam quốc, cho ấn bằng vàng.

Sử thần bàn rằng: Nước ta từ đời Hùng Vương giao thông với Trung Quốc, nhưng còn chưa được có địa vị ở Minh Đường, không được chép vào sách Xuân Thu, là khinh vì nước nhỏ. Đến đời Triệu Đà ở nhà vàng, xưng Đế, nhà Hán phải phong làm Nam Việt Vương, chỉ được ví với Chư hầu ở nội địa, cũng chưa có gì nêu ra là một nước. Sau lại ngoại thuộc Hán và Đường, chia nước ra thành quận, huyện. Đến đời Đinh, Lê thì có đất riêng, mới lập thành một nước, được gia cho chức quan Kiểm hiệu Tam súy, sau tiến lên chức Quận vương; các Vua triều Lý cũng đều như thế. Đến đời vua Anh Tôn một việc bang giao, chu toàn thân mật, sai 3 sứ thần đến quan ải, giữ đủ lễ, làm cho Trung Quốc biết nước đã văn minh, Tử Tư 2 lần đi sứ, tỏ được lòng thành cung thuận, vua Tống phải khen, cho vua ta được là Chân Vương, có quốc hiệu, sau này vẫn làm theo mà không đổi khác được, đó là công vua Anh Tôn,

mà Tử Tư cũng đáng là vị sứ thần. Duy có điều chữ "An" ở trên chữ "Nam", đó là người Tống có ý ngăn ngừa nước ta. Nay muốn chính danh chỉ gọi là Nam Việt, có lẽ phải chờ đến một vị anh quân.

Vua sách phong Long Hãn làm Thái tử, Tô Hiến Thành làm Thái phó để dạy Đông cung. Trước kia Thái tử Long Sưởng gian dâm với cung phi, vua không nỡ giết, chỉ giam thôi; Vua bảo Tể tướng rằng: "Muốn lập Long Hãn làm con thừa tự, nhưng tuổi còn nhỏ, ta thì suy yếu, biết làm sao được?". Vừa lúc đó, người trong nội ẩm Long Hãn ra chỗ Vua, thấy Vua đội khăn, Long Hãn xin để cho đội, Vua chưa cho thì khóc, Vua liền bỏ khăn mà đội cho Long Hãn thì cười ngay; Vua lấy làm lạ, mới quyết định lập làm con thừa tự. Bà Hoàng hậu Lê Thị xin lập Long Sưởng, Vua nói: "Làm con mà bất hiếu, còn trị dân sao được", bèn không nghe lời.

Thái hậu quen làm việc hối lộ biết đầu Hiến Thành lại không là Vũ Đới?.

Vua bị đau, xuống chiếu cho Tô Hiến Thành ẩm Thái tử mà nhiếp chính. Vua mất, bà Thái hậu hối lộ vàng bạc cho vợ Hiến Thành, lại muốn làm việc phế Thái tử lập người khác. Hiến Thành nói: "Làm đại thần giúp Vua còn nhỏ tuổi, lẽ nào lại nhận hối lộ", Thái hậu lại triệu ông vào mà dụ dỗ, ông trút mũ ra mà thưa rằng: "Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, trung thần không ai làm thế. Tôi không dám vâng lời". Việc đó mới thôi.

Trong mấy năm mới làm vua, Anh Tôn chỉ là trẻ con si ngốc, tha hồ cho mẹ cùng kẻ gian thần công nhiên làm vợ chồng, mà không hay biết gì. May mà trời tựa cho họ Lý, Anh Vũ bị trời bắt chết, rồi được có Hiến Thành phò tá ở trong triều, bên tâu ơ bên ngoài; Vua cũng biết răn sợ, dần dần có trí lực biết giảng tập võ bị, kén tướng giỏi, chọn sứ thần, nước Chiêm Thành phải giữ lễ phiên thần, nhà Tống phải tôn như một nước lớn; đến mấy năm sau được có người hiền mà phó thác, làm cho nước yên như sập đá, so với năm trước khác hẳn như hai người, đó là vì có tư chất tốt, nên trong nước được bình yên sáng sủa.

CAO TÔN HOÀNG ĐẾ

Vua tên là Long Hãn, con thứ 6 của vua Anh Tôn, ở ngôi vua được 35 năm; chỉ vì rong chơi không chừng mực, không minh về việc chính trị và hình phạt, nên cơ nghiệp nhà Lý mới suy dần. Niên hiệu Trinh Phù thứ nhất (qua năm mới đổi niên hiệu, biết giữ lễ cổ như thế, là vì có Hiến Thành phò tá). Nhà Tống phong cho vua là An Nam quốc vương.

Bà Chiêu Linh Hoàng Thái hậu ban tiệc yến cho quần thần ở biệt điện, và bảo rằng: "Nhà Vua còn nhỏ tuổi quá, trong nước bị người Mán xâm nhiễu, không bằng lập lại Thái tử cũ để yên nhân tâm". Quần thần đều thưa: "Quan Thái phó đã nhận mệnh lệnh của thiên tử, hiệu lệnh được nghiêm minh, thưởng phạt được công bằng, thiên hạ mến phục, chúng tôi không dám làm trái", đều tạ ân rồi lui ra. Khảo xét việc làm của bách quan, người nào có văn học, tài cán là một hạng, người nhiều tuổi, hạnh kiểm thuần phục, biết thấu suốt việc cổ và kim là một hạng, người không thông văn tự mà cần mẫn được việc là một hạng, cứ theo thứ tự ấy mà cho làm quan, vị nào cũng đáng tài, không có lạm chức và những tệ.

Có hai mặt trời cùng hiện ra một lúc.

Tô Hiến Thành mất, bãi triều 6 ngày, để báo tang.

Hiến Thành bị đau, quan Tham chính là Vũ Tán Đường ngày đêm trực hầu ở bên, quan Giám nghị là Trần Trung Tá có việc khác, không đến thăm nom được, bà Thái hậu hỏi Hiến Thành: "Ai thay ông được?", ông thưa: "Trung Tá có thể thay được", bà Thái hậu nói: "Tán Đường ngày đêm hầu thuốc thang sao không nói gì đến", ông nói: "Bà chỉ hỏi ai thay tôi được, nên tôi thưa là Trung Tá, nếu hỏi đến người hầu hạ phụng dưỡng, không Tán Đường thì còn ai nữa?". Lúc bấy giờ Vua mới 3 tuổi, hãy còn phải bế ẵm, Tổ mẫu thì trăm đường phản phúc, chỉ chực phế lập, chưa lúc nào nguy nghi như lúc ấy, một mình Hiến Thành điều tể không thấy vận động khó nhọc gì lắm, mà ngôi vua được yên, xã tắc được thịnh, không phải là người có đức vọng, tài trí, thì làm sao được như thế?

Thái tử cũ là Long Sưởng tự do làm việc trộm cắp, lại còn âm mưu khởi loạn, vua cho Ngô Lý Tín làm Thượng tướng quân đi tuần hành bắt lũ trộm cướp.

Nước Tiêm La sai sứ thần đến cống.

Có 2 nước Tiêm và Hộc: Đất nước Tiêm thì xấu, không cày cấy được, đất nước Hộc thì tốt, được mùa luôn, nước Tiêm phải nhờ nước Hộc cung cấp cho, sau nước Hộc phải hàng nước Tiêm, hợp lại gọi là Tiêm La, đất rộng nghìn dặm, có núi bao bọc quanh, cao ngất, lởm chởm, khí hậu thì nóng, có chương khí, từ Chiêm Thành đi 7 ngày đêm, mới đến nước ấy. Tục chỉ thích đánh nhau, thổ sản thì có đá hoa, gỗ thơm, sư tử và voi.

Vua Tống lấy có công voi thì đường xa, nhiều cho dân, nên bãi đi. Các công phẩm khác thì chỉ lấy 1/10 định làm thường lệ.

Vua sai thi học trò người nào thông hiểu thi, thư thì được vào hầu giảng sách cho nhà Vua. (Lấy đỗ lữ Đặng Nghiêm, 15 tuổi trở lên).

Niên hiệu Thiên tư Gia thủy thứ nhất (vì bắt được con voi trắng đặt tên con voi là Thiên Tư, nên mới đổi niên (hiệu) thay tằng Tây Vực đến nước ta. Vua xuống chiếu hỏi có sở năng gì không, thay tằng trả lời là thu phục được con hổ, đem thử không hiệu nghiệm gì.

VUA CHO RƯỚC PHẬT PHÁP VÂN ĐỀ CẦU MƯA

Đời bấy giờ truyền rằng: "Có cô Mán ngụ ở chùa Phúc Nghiêm, thay tằng là Am Lê ngẫu nhiên xúc phạm đến, cô ấy có mang rồi sinh ra con gái, đem trả cho thay tằng, bỏ vào trong cái hốc cây rồi đi về. Sau cây ấy đổ, nổi lên mặt nước trôi đến trước chùa, người làng ấy kéo lên không lay chuyển được, cô Mán đó thử cầm lấy, cây gỗ liền theo tay mà đến với cô ấy. Lấy làm lạ, thợ mộc cắt cây gỗ ấy ra, làm 4 pho tượng Phật, tìm đến chỗ để đưa trẻ con gái thì đã hóa ra đá, nhân thế rước vào chùa làm tượng thờ, gọi là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Ngày nay chùa Pháp Vân(4) ở Gia Lâm và ở Thượng Phúc, gặp năm nào đại hạn, cầu đảo có linh ứng, các chùa này đều là linh tích.

Vua đi chơi khắp các sông núi, đến đâu có thần thiêng đều cho tên hiệu, lập miếu thờ.

Theo Kinh Lễ: Hễ có công với dân thì mới được thờ, tục đời sau tôn sùng quỷ thần, nước ta tôn sùng nhiều hơn, cả bốn phương trong ngoài, tìm kiếm đền thờ các vị trung thần, hiếu tử, cao sĩ và tiết phụ, thì trăm chỗ thờ không có lấy một, mà những hạng tà dâm như là bà Thắng Minh đời Lê, Anh Vũ đời Lý thì có đền to, đặt tên hiệu đẹp, dân gian cũng quen thói lập hội thờ cúng, cho là thần thiêng, mong nhờ bảo hộ cho mình. Dân ở thôn quê, ngu muội đã đành, đến các quan Thú, Lệnh cúi đầu lạy lạy, chưa thấy được người nào phá bỏ dâm từ, làm như Địch Nhân Kiệt, đáng phàn nàn than thở. Người giáp Cổ Hoàng làm phản, vua sai tướng đi đánh bình được, - Người giáp ấy thấy co vết chân trâu ở trên cây am la, trông lên là con trâu trắng, người xem bói toán nói: "Con trâu là vật ở dưới đất, mà lại ở trên cây, đó là cái tượng kẻ dưới được ở trên", nhân vì thế người giáp ấy mới làm phản.

Vua cho các kỳ lão từ 70 tuổi trở lên, mỗi người một tấm lụa.

Mưa đá, có hòn đá to bằng đầu con ngựa.

Vua cho thi tam giáo, cho được gọi là xuất thân.

Danh nho đời cổ có học rộng cả bách gia, xuất nhập cả đạo Lão và Phật, nhưng rút cuộc vẫn phải trở lại cầu đến lục kinh; nếu học vẫn lẫn lộn không được thuần nhất, tâm đã tạp không chuyên nhất, thì có ích gì cho việc đời, mà cũng cho được xuất thân.

Vua xuống chiếu cho chọn lọc lại các tăng đồ, là theo lời Đàm Dĩ Mông.

Triều Lý tôn kính, lễ các thầy tăng: Như vua Thái Tổ đối với sư Vạn Hạnh, vua Nhân Tông đối với thầy Minh Không, thiên hạ theo thói gọt đầu, mặc áo đen, nhiều bằng nửa số dân. Vật gì đã quá lắm thì trở lại gốc, là lý thế đó. Vua Cao Tông không phải là ngăn cấm dị đoan, chỉ vì lòng mê quỷ thần, cũng như vua Đường Vũ Tông kính các phương sĩ mà lại bài bác phù đồ. Ngô Công Lý ở Diên Châu nà Đinh Khả ở Đại Hoàng đồng thời làm phản. (Khả tự xưng là con cháu nhà Đinh phiến hoạn dân khởi loạn) vua sai sứ đánh bình được cả.

Vua sai nhạc công chế ra khúc nhạc, gọi là âm điệu Chiêm Thành, tiếng nghe ai oán, ai nghe cũng phải nhỏ lệ. Thầy tăng Nguyễn Thường nói: "Tôi được biết: âm thanh mất nước thì nghe như oán như giận; nay nhà Vua rong chơi vô độ, việc triều đình rối loạn, chế ra âm điệu này, là điềm mất nước đó".

Sử thần bàn rằng: Thanh âm với chính trị thông cảm với nhau; cho nên đời cổ làm ra nhạc là bức ảnh hình dung đức chính. Nhạc âm của nước ta, tiếng thổ và tiếng da khác nhau, nhưng âm từ lưỡi mà ra, duy có tiếng thì thanh hay trọc, cao hay thấp không khác gì Trung Hoa, đem chép vào tiếng Trung hoa không cách xa nhau lắm; thế mà lại dùng âm của Chiêm Thành làm ra nhạc khúc, riu rít tiếng chim kêu, thế là không biến theo văn minh mà biến theo dã man, thật kiến thức hẹp hòi.

Có chim thước đến làm tổ ở các Kính Thiên, sinh ra con non. Quần thần nói rằng: "Xưa kia Ngụy Minh Đế dựng lên Lăng Tiêu Các, con chim thước đến làm tổ ở các ấy". Cao Đường Long nói: "E rằng có chim cưu đến ở đó, ngu thần nghĩ rằng: Các này làm xong, tất cả người họ khác đến ở. Vậy xin vua trước hết phải tu đức mà tạm bãi dùng sức dân quá độ". Vua không nghe.

Bố Trì, chúa Chiêm Thành, bị bày tội là Bố Điền trực đi, đưa gia quyến đến ngụ ở biển Cô La, quan châu mục Nghệ An là Phạm Duyên tâu rằng: "Nó có ý cầu xin giúp đỡ". Vua dai Đàm Dĩ Mông lo tính việc đó, Dĩ Mông thưa: "Nó đem quân đi theo, thì tình hình của giặc bất trắc lắm, tục ngữ có câu: "tổ kiến làm vỡ được đê, tàn lửa làm cháy được cả cái nhà", nay xem Bố Trì không phải chỉ là tổ kiến, tàn lửa mà thôi đâu; chúng ta phải phòng bị mới được". Duyên nói: "Hà tất quá nghi thế". Quả nhiên Bố Trì đem quân đánh úp giết Phạm Duyên, Nghệ An tan vỡ, Bố Trì cướp bóc hết cả rồi về nước. Phí Lang ở Đại Hoàng dâng thư hạch tội Đàm Dĩ Mông một dân hại nước, bị đánh đòn làm nhục, vì chuyện ấy mà để lòng thù oán, tụ tập quân chúng làm phản, triều đình không đánh nổi. Khi bấy giờ cướp nổi dậy ở nhiều nơi, mà Vua thì chỉ chăm về tiền của, ngày ngày cùng bọn cung nữ rong chơi, quần thần đều công nhiên hối lộ, nghe ngoài thành có trộm cướp giả làm không biết. Vua lại có tính sợ sấm sét, Nguyễn Du tự nói có thuật cấm được dấm sét, gặp lúc có sấm, sai thử thuật đó, nhưng không có hiệu nghiệm, hỏi cùng mãi thì y nói: "Thần đã ngửa mặt lên trời đọc thần chú, răn cấm sấm sét, nhưng trời ở trên cao, mà sấm sét cuồng bạo thế đó".

Dân Sơn man ở Quốc Oai nổi lên cướp phá Thanh Oai, Phạm Du, Tri quân Nghệ An, cũng làm phản, chu nạp lũ lưu vong chia quân đóng đồn ở Tây Kết, đường xá bị nghẽn không lưu thông được. Vua sai Phạm Bình Di đưa quân Đằng Châu và Khoái Châu đánh tên Du, Du phải chạy đi Hồng Châu. Vua triệu Du về kinh đô, lại xuống chiếu triệu Bình Di kéo quân về. Bình Di về đến nơi toan vào tâu vua có người ngăn nói: "Lời nói của Du đã lọt vào trước rồi nên thông thả mà xét". Bình Di nói: "Tôi chỉ biết tận trung với vua, sợ gì lời dèm pha của quân gian tặc". Di cứ tiến vào, vua sai bắt giữ cả con Di là Phụ. Quách Bốc là tướng của Di nghe tin đó, đem quân khua trống reo hò kéo vào thành. Vua thấy sự thế gấp quá, lập tức đem Bình Di đâm chết ở Lương Thạch. Bốc xấn vào, lấy xe ngựa của vua chở xác Di và Phụ ra, qua thành xuống bến Đông Bộ, rồi lại vào cung Vạn Duyên, lập Hoàng tử lá Thầm Bộ lên làm vua, lũ Đàm Dĩ Mông đều nhận ngụy chức của Thầm. Vua phải ra Quy Hóa Giang. Khi bấy giờ Thái tử là Kiểu đi đến Lưu Gia Thôn, nghe con gái Trần Lý có sắc đẹp, lấy làm vợ. Nhà Lý có nghề đánh cá làm giàu, nhiều người theo, cũng nổi lên làm giặc. Thái tử đã lấy con gái Lý, mới cho Lý làm chức Minh tự, cho cậu người con gái là Tô Trung Từ làm chức Chỉ huy. Họ Trần chiêu tập hương binh đánh bình được loạn Quách Bốc, rước vua từ Thiên Trường về kinh. Đỗ Anh Kiệt kể tội Dĩ Mông rằng: "Mày làm Đại thần mà lại nhận ngụy chức của lũ nghịch, nay lại còn ở đây mà cùng hàng với chúng ta nữa hay sao?". Dĩ Mông sợ lui mất.

Vua sai Đỗ Quăng đem quân rước Thái tử ở nhà Tô Trung Từ trở về. Thái tử về kinh đô, người con gái họ Trần ấy thì về nhà cha mẹ. Khi ấy Trần Lý bị bọn giặc khác giết mất, con thứ là Trần Tự Khánh thay thống lĩnh quân của cha.

Vua Cao Tôn ở ngôi vua 24 năm, oai quyền ở tay mình, người phò tá cũng không thiếu, thế mà nghe tên tặc thần Phạm Du tố cáo bậy, giết oan Bình Di, mà phải chạy trốn, lặn lội nơi sông nước; Vua Huệ Tôn

lúc ấy là Thái tử đi theo vua cha, lấy con gái nhà dân, cho họ hàng nó làm quan, rút cục vua Cao Tôn cũng nhờ họ nhà thuyền chài phù trì cho mới về được kinh đô, người ta thấy rằng văn võ bách quan của nhà Lý không còn ai và không có quân lính phòng bị, cũng là ý trời đem việc ấy làm cho nhà Trần nổi lên đó.

HUỆ TÔN HOÀNG ĐẾ

Tên là Kiều, con trưởng vua Cao Tôn, ở ngôi vua 14 năm, bị Trần Thủ độ giết. Vua là người tài hèn, gặp hy loạn, vì người vợ đẹp mà gây nên biến loạn, không biết tìm người kế tự, họ Lý mới bị mất nước.

Niên hiệu Kiến Gia thứ nhất, vua sai đưa thuyền rồng đi rước Trần Thị về, anh Thị là Trần Tự Khánh lấy có bấy giờ đương loạn, chưa cho rước về. Vua lại sai Phạm Bồ đi đón rước vào cung lập làm Nguyên phi, cho Trung Từ làm Thái úy phụ chính, phong cho Tự Khánh làm Chương Thành hầu. Bấy giờ đâu đâu cũng có giặc cướp nổi lên, không ngăn cấm nổi, Vua ủy nhiệm cả việc nước cho Đàm Dĩ Mông, mà Dĩ Mông là người nhu nhược, không biết quyết đoán. Chính sự ngày một rối nát, vua sai Đoàn Thượng mộ dân Hồng Châu(5) đi tiểu giặc, Thượng thấy vua còn tính trẻ con, nhân cơ hội chuyên quyền tác oai tác phúc, bị uân thần hạch, phải giam vào ngục tra xét. Thượng rút gươm một thân chạy đi Hồng Châu, xây đồn lũy mà ở, tiếm hiệu là Vương, triều đình không chế ngự được.

Trần Tự Khánh đem quân phạm vào kinh đô, xin rước Vua đi, Vua sinh nghi, xuống chiếu gọi quân các đạo bắt Tự Khánh, giáng Nguyên phi xuống làm Ngự nữ. Tự Khánh đến quân môn tạ tội, lại xin rước Vua đi, Vua lại càng nghi, mới cùng Thái hậu đi Lạng Châu; Tự Khánh nghe tin Vua đi rồi, Ngự nữ lâu nay bị Thái hậu làm khổ, lại đưa quân xin rước Vua như trước, Vua sách phong Ngự nữ làm Phu nhân. Bà Thái hậu cho Tự Khánh là phản trắc, thường chỉ Phu nhân là đảng của giặc, bắt ép phải tự xin rút lui, lại sai người đầu độc nữa, Vua đều ngăn đi cả, đương đêm Phu nhân chạy đến trại quân của Tự Khánh, vừa gặp lúc ấy Tự Khánh đưa thuyền đến đón. Vua đóng ở châu Cửu Liên, gọi Tự Khánh vào châu, cho làm Thái úy Phụ chính. Tự Khánh điều bổ quân ngũ, sắm sửa chiến khí, tập võ nghệ, thanh thế quân mới hơi được chấn khởi.

Người Mán Quảng Oai khởi loạn, Vua sai Nguyễn Nộn đi đánh. Nộn là cư sĩ ở chùa Phù Đổng, bắt được vàng và ngọc bích không tiến Vua, có chiếu bắt, Tự Khánh lấy có Nộn đương mạnh muốn dùng lực lượng của y, tâu xin tha cho Nộn, cho tòng quân đánh giặc để chuộc tội, nhưng bấy giờ đương lúc nhiễu loạn, Nộn chiếm cứ Phù Đổng tự xưng là Hoài Đạo Vương, triều đình không trị nổi. Trần Tự Khánh mất, Vua cho Trần Thừa làm Thừa Phụ quốc Thái úy, khi có sứ tâu không phải xưng tên.

Sử thần bàn rằng: Vua Huệ Tôn tìm sắc đẹp ở trong làng chài lưới, cha chết chưa chôn mà ở trước cửa sai người đi đón con gái, trong cung được lúc lo buồn, bỏ mẹ mà cùng chạy trốn với gái, ân ái như thế, có gì Tự Khánh lại đem quân đến kinh đô, có gì nó lại rước vua, là vì nó muốn đem Huệ Tôn làm của hiếm có, giữ lấy ở tay nó, để sai khiến thiên hạ, cho nên nó thác ra là nhớ em gái, làm cho Huệ Tôn tin

chắc mà giao phó thân cho nó, nếu Tự Khánh không chết, thì nó sẽ chẹt cổ Huệ Tôn mà cướp lấy ngôi báu, còn đợi đâu đến truyền ngôi vua cho con gái nữa? Đại đế là trời muốn cho nhà Trần lên, cho nên đem Ngự nữ làm mê hoặc tâm chí Huệ Tôn; lại muốn đem ngôi vua cho con trai Trần Thừa, cho nên lại bắt Tự Khánh chết đi, để cho Trần Cảnh nhận ngôi vua ở Phật Kim. Đây là tâm tích Tự Khánh và định án nhà Lý, nhà Trần hưng vong như thế đó.

Vua dần dần phát bệnh cuồng, tự xưng là Thiên tướng giáng trần, tay cầm cái mộc và giắt là cờ ơ trên búi tóc mà múa, mỗi một ra mồ hôi nhiều, nóng ráo khát nước, lại uống cả chính sự cho họ Trần, đại quyền dần sang tay người.

Vua xuống chiếu sách phong cho con gái thứ là Chiêu Thánh công chúa làm Thái tử, Vua truyền ngôi cho Thái tử rồi đi tu ở chùa Chân Giáo.

BÀ CHIÊU THÁNH HOÀNG

Bà tên là Phật Kim, lại đổi tên là Thiên Hình, làm vua hai năm, bà là chất âm mà ở dương vị, trái hẳn lẽ thường, là thân gái bé nào có biết gì. Xưa kia dãi rồng làm mất ngôi nhà Hạ, mở ến làm đồ cơ nghiệp họ Lưu, cũng không đến nỗi ác độc ác như thế!

Niên hiệu Thiên Chương Hữu Đạo thứ hai Chiêu Hoàng xuống chiếu truyền ngôi vua cho Trần Cảnh là quan Thị nội Chính thủ.

Bà Chiêu Hoàng mới lên ngôi, bà Trần Thái hậu cùng anh họ là Trần Thủ Độ giữ cả quyền chính ở trong ngoài, tuyển con em các quan xung vào làm sắc dịch ở nội cung. Trần Cảnh mới 8 tuổi, Chiêu Hoàng yêu lắm, mỗi khi chơi đêm thường ở trong bóng tối đùa bỡn, khi thì kéo tóc, khi thì đứng nấp vào bóng nhau. Cảnh bung chậu nước rửa mặt, bà lấy tay vốc nước vảy vào mặt Cảnh, khi Cảnh bung khăn dầu thì bà ném khăn cho. Trần Cảnh lạy mà nói: "Xin xá tội cho, thần xin vâng mệnh". Chiêu Hoàng cười nói: "Mày đã có trí hiểu biết". Từ khi ấy trở đi cùng nằm với nhau như vợ chồng. Thủ Độ sợ việc tiết lộ ra ngoài, sai đóng hết cửa cung, triệu bách quan vào dụ rằng: "Nhà vua đã có chồng rồi". Quần thần xin chọn ngày châu mừng, liền xuống chiếu rằng: "Nhà Lý ta nhận mệnh của trời đã hơn 200 năm, không may hiện không có người thừa kế, Trẫm là đàn bà, tài đức hèn kém, sợ không kham được cơ nghiệp lớn, mỗi khi nghĩ đến việc tìm người hiền lương quân tử, tính đi tính lại một mình, duy chỉ tìm được Trần Cảnh, có văn lại có chất, thật có thể cách hiền lương, uy nghi đường bệ, tài kiêm văn lẫn võ, xét kỹ thấy có hiệu nghiệm rồi, có thể nhường ngôi lớn cho được, để được vừa lòng Trẫm. Vậy các người phải đồng tâm giúp đỡ, để dân được hưởng hạnh phúc thái bình". Chiêu Hoàng liền xuống bệ khuyên mời Trần Cảnh lên ngôi Hoàng đế, cải niên hiệu là Kiến Trung, Trần Thủ Độ làm chức Quốc Thượng phụ Chương lý thiên hạ sự.

Khi bấy giờ Đoàn Thượng chiếm cứ miền đông. Nguyễn Nộn chiếm cứ miền bắc, một mình Thủ Độ phải chống đỡ kẻ phản nghịch ở bên ngoài, lại tự nghĩ mình không biết chữ, chưa quen việc trị quốc, khuyên mời thân phụ vua là Trần Thừa nhiếp chính.

Xưa vua Lý Thái Tổ mới lên ngôi, có đến chơi chùa Phù Đồng, thấy có bài thơ của vị thần đề ở cột chùa rằng: "Nhất bát công đức thủy, tùy duyên hóa thế gian, quang quang trùng chúc chiếu, một ảnh nhật đăng san" người đời bấy giờ không hiểu nghĩa làm sao, đến khi truyền được 8 đời vua, đến vua Huệ Tông tên là Kiểu (hay Cảo) thì là chữ nhật ở trên chữ san, mà lặn bóng; thì câu thơ ấy quả nhiên ứng nghiệm. Như thế nhà Lý hưng và vong đều tại trời cả. Lại địa quyết làng Cổ Pháp có câu: "Tô truyền bát diệp, diệp lạc âm sinh"(6) thì hưng và vong cũng có mạch đất nữa.

Xét nhà Lý có 8 vua nối nhau, 218 năm không có vua nào thất đức lớn, nhiều vua thánh hiền, lâu ăm thái bình, từ tiền cổ đến khi ấy chưa có triều nào hơn. Đại ước cách thống trị của đời vua, chỉ cần pháp độ, chứ không cần người cho lắm, chính sự thì chuộng khoan hậu, không chuộng sự bạo tàn; đương khi vô sự thì cứ theo sách cũ, giữ chế độ cũ, tuy là vua còn nhỏ tuổi, mà vẫn thống trị nổi; đến lúc suy thì pháp độ đổ nát, không lấy lại được, hết oai thế, không thể gượng lên được, quân đội không tinh thần chiến đấu, quan chức không có người đảm đang được việc đó. Đó là vì quá nhân tu, thành ra cô tức, sau khi việc bỏ bê, đến nỗi đấm đui, chất phát thì bị bọn quyền gian lừa dối, nhu nhược thì bị kẻ cường bạo sai khiến, tuy bảo là vua Huệ Tông làm mất nước, nhưng cái mầm mất nước mọc ra đã lâu, đó cũng là tình thế xui nên. Các hàng quan tại triều cũng có Đào Cam Mộc giúp cho hưng quốc, Lê Phụng Hiểu bình định biến loạn trong gia đình, Lý Thường Kiệt mở rộng biên cương. Bá Ngọc phò tá Vua nhỏ tuổi, Đạo Thành giúp đỡ chính sự khi vua mới lên ngôi, Kính Tu, phò tá luôn bên cạnh, Tử Tư giỏi việc bang giao, ông nào cũng có công lớn để lại, duy có người đủ tài lược, phẩm vọng, hết lòng trung thành, gánh vác công việc rất khó, làm cho vua được yên trên ngôi báu, nước được hưởng phúc thái bình, thì lại chỉ có một Tô Hiến Thành là hơn hết. Thế nhưng mà chọn triều Lý thì lẽ vẫn thiếu sót, chính sự thô sơ, chậm chạp, không biết thêm bớt, có nhiều cơ hội làm được, mà không biết sửa sang thể cách chính trị, điều đó là lỗi ở các vị đại thần không sao chối cãi được. Còn đến những việc như là Du Đô dâng chim sẻ để được thăng quan, Vũ Xung dâng hạt châu để mong khỏi tội, Văn Thỉnh hóa ra hổ làm điểm nhục ngôi Sư, Bảo; Tử Khắc dâng con hươu mà được giữ binh quyền. Vũ Đới tha tội Anh Vũ để lưu độc cho triều đình. Đỗ Thanh, Phạm Duyên mắc mưu Bó Trì gây họa ở nơi biên giới; bắt được con voi cũng dâng biểu mừng; xem lưng con rùa mà thành hình chữ, không thể nào gọi là văn được; đưa Ung Minh về nước Mên mà không xong; bị Quách Bốc vào cướp đất nước mà không chống cự nổi, không thể nào gọi là võ được; có chép tên vào sử thường chỉ thấy có chức tước của vị quan ấy, mà không thấy chép công trạng gì, không chỉ là hạng người kiêu dâm, bạo ngược mà thôi đâu, lại là hạng người phẩm cách hèn hạ, tầm thường, làm hỏng việc, hại nước nữa, nhân tài thời bấy giờ đều như thế cả; là vì rằng triều đình, chỉ tin dị đoan, không chuộng chính học, chỉ dùng bọn du nhĩ, không có gì để phấn khởi khí tiết của sĩ phu. Suốt đời nhà Lý chỉ thấy 2 lần nhắc đến lập nhà học, mà quy chế thi cử không nhất định. Sĩ phu ở vào thời bấy giờ không có gì để mà đua học vấn, bồi dưỡng khí tiết; người đã vào vòng sĩ hoạn thì chỉ mượn sự báo tin có điềm tốt để làm bậc bước lên chức cao, người

nào đã hiển đạt rồi thì chỉ y a phụ họa để làm kẻ giữ vững địa vị; như thế thì hỏi sao mà sĩ phong chẳng thối nát, nhân tài chẳng suy kém, bị lôi cuốn và lưu tục, không thụ lập được ở trên đời; có được vài người như Tô, Lý cũng là ngẫu nhiên đó thôi. Cổ nhân có nói: "Trời không cho có hiền tài xuống giúp nhà vua, là tại không biết cách gây dựng lấy nhân tài đó, không thể đổ lỗi tại thời đại không có nhân tài được".

-
- 1) Thư trên trời truyền xuống Vua được vạn tuế.
 - 2) Vua Vũ bắt được con rùa ở Lạc Thủy theo vết trên lưng rùa mà làm ra Hồng Phạm cửu trù.
 - 3) Nay là đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.
 - 4) Tức là chùa Dâu, nay ở xã Khương Tự, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
 - 5) Hồng Châu. Nay thuộc đất tỉnh Hải Dương.
 - 6) Truyền ngôi được 8 đời, tức là 8 lá rụng xuống rồi âm khí sinh ra, ý nói nhà Lý có 8 vua, khi mất ngôi vì có vua đàn bà.

THÁI TÔN HOÀNG ĐẾ

Vua tên Cảnh, được bà Chiêu Hoàng truyền ngôi cho, làm vua được 33 năm. Tiên tổ vốn là người tỉnh Phúc Kiến, nước Trung Hoa, đến ông tổ là Kinh sang nước Nam ở làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Trần Thừa, làm nghề đánh cá, lấy bà Lê Thị làm vợ, đến năm Mậu Thìn sinh ra vua Thái Tôn.

Vua là người khoan nhân, có độ lượng đế vương, lập ra chế độ, điển chương đã văn minh đáng khen, nhưng chỉ vì tam cương lộn bậy, nhiều sự xấu xa trong chốn buồng khuê.

Niên hiệu Kiến Trung thứ hai, cho Trần Thủ Độ giữ việc hành quân đánh giặc.

Khi bấy giờ chỗ nào cũng có giặc cướp nổi lên, như là các dân Mán ở Tản Viên và Quảng Oai, đều bình định được cả; duy còn Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang, Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu, thế lực đương mạnh tuy có đánh mà không bình được, Thủ Độ xin Vua phong Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo Vương, chia cho đất Bắc Giang, Đông Ngàn. Lại cũng có hện phong vương cho Đoàn Thượng nữa, nhưng Thượng không đến, chiếm cứ Hồng Châu, Đường Hào, xây thành ở Yên Nhân, gọi dân làm lính để tự giữ lấy. Nộn đem quân đến đánh nhau ở Đồng Dao, Thượng bị thua chết, con là Văn đem cả gia thuộc đầu hàng. Thanh thế của Nguyễn Nộn lừng lẫy, Thủ Độ lấy làm lo, sai người mang thư đến mừng Nộn, và cho Ngoại Thiên công chúa, để xem tình hình Nguyễn Nộn động tĩnh thế nào. Nộn làm riêng nha tướng cho công chúa ở, nên không được tin tức gì. Nộn đã thôn tính được quân Thượng, tự xưng là Đại Thắng Vương, nhưng biết rằng thế không đứng vững được, hện đến tháng 10 thì vào châu, đến khi ấy đau nặng, vua sai người hỏi thăm, Nộn miễn cưỡng ăn cơm rồi phi ngựa chạy, làm ra vẫn khỏe mạnh, chưa được bao lâu thì Nộn chết, bộ tướng của Nộn là Phan Ma Lôi ăn trộm con ngựa trốn đi mất, không biết đi đâu (Ma Lôi là người nước Chiêm Thành, Nộn thu dụng làm đũa ở, khéo biết dụng binh, liệu sức địch mà tính đường thắng), trong nước từ đây mới thống nhất.

Sử thần bàn rằng: Thủ Độ thậm vô mưu, chịu trách nhiệm chuyên chinh, không được thành công gì, bắt miễn phải cắt đất phân phong cho Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng để che lỗi mình cầm quân không được việc gì; đến khi thanh thế Nộn to quá, lại đưa thư đến mừng, công nhiên lấy lễ định quốc đãi nó, thậm chí gả công chúa cho nữa thì càng tỏ ra là vô mưu quá lắm, không sợ nó cười cho hay sao? Thủ Độ giết Thượng hoàng nhà Lý ở chùa Chân Giáo, lấy bà Trần Thị là Thái hậu nhà Lý làm vợ (giáng làm Thiên Cực công chúa, để gả cho Thủ Độ cho tiện). Thượng hoàng xuất giá đi tu, có một hôm ngồi xỏm ở sân chùa nhỏ cỏ, Thủ Độ trông thấy nói: "Phải nhỏ hết cả gốc" Thượng hoàng nói: "Ta biết ý mày rồi". Sau nhân khi đi ra chơi ở Đông Thị, nhân dân trông thấy Thượng hoàng có người cảm động đến phải khóc, Thủ Độ sợ nhân tâm nhớ vua cũ, sinh ra biến cố chẳng, sai người đem hương hoa đến, nói rằng: "Thượng phụ có lời thỉnh". Thượng hoàng giận lắm, khấn rằng: "Chúng mày đã lấy cả thiên hạ của nhà ta, lại còn muốn hại thân ta nữa, con cháu chúng mày sau này cũng phải chịu như thế". Lập tức tự ải chết; Thủ Độ sai đục thành đưa linh cữu ra, đưa đến phùng An Hoa hỏa táng, để cốt ở tháp Bảo

Quang.

Sử thần bàn rằng: Thủ Độ và Huệ Hậu thừa cơ vua Huệ Tôn bị bệnh cuồng, xui giục bắt phải xuất gia, để cho thành cái mưu truyền quốc cho nhà Trần; thần dân nhà Lý tuy bức bách về oai thế; nhưng sao lại chẳng có lòng nhớ vua cũ; nhất đán gặp vua cũ đi ở trong phố phường, xưa kia thì nhà vàng cờ đỏ, ngất ngưỡng là vị cửu trùng, nay thì lê đôi giày cỏ, chống cái gậy tre, thất thểu là một người nhà chùa, người có lương tâm ai không rơi lệ. Nhân tâm như thế, khởi hữu không xảy ra những việc bất ngờ, cho nên tất phải bức bách cho chết đi, công nhiên nói là Huệ quan Đại sư(1) đã lên cỏi niết bàn, để tuyệt vọng của người ta, mà ngăn ngừa được biến cố khác; tâm địa Thủ Độ thật nham hiểm lắm. Lại còn quá tệ hơn nữa là: Thái hậu là người đàn bà góa của nhà Lý, đương triều vua Huệ Tôn đã là mẹ của Thủ Độ, sao lại nỡ muối mặt, táng tâm đến thế, cái ngày thầy tăng chùa Chân Giáo lên cỏi niết bàn lại là ngày Kiến gia Hoàng hậu bị hạ giá(2) tuy đã đổi tên gọi là công chúa, nhưng ở trong họ còn là anh em gần; vì con nhà chài lưới chẳng biết lễ nghĩa là gì, tập tục loạn luân như thế, từ đời Kinh, Hấp đã có thế rồi. Không may cho vua Huệ Tôn gặp phải, tự cho mình là giai nhân, có biết đâu việc dâm loạn trong nhà họ, cũng như đó rách không giữ nổi con cá lớn, đã từ lâu rồi. Than ôi! Gây dựng nên triều đình nhà Trần là triều đình dâm loạn như loài chim muông là tự việc Thủ Độ lấy Thiên cực mở đầu ra đó. Còn đến việc Thủ Độ chỉ bị tiếng giết vua, mà nhà Trần phải chịu họa báo ứng. Vua Thái Tôn là con rể đã cướp nước lại còn giết cha vợ, sau này Quý Ly đối với nhà Trần cũng là con rể mà cướp nước lại còn cha vợ mà giết con rể; sự hưng vong như giấc mộng, việc báo ứng như cái vòng tròn, ăn ở bất nghĩa có ích gì đâu?

Vua sách phong bà Chiêu Hoàng làm Hoàng hậu tuyển con gái đẹp con nhà lương thiện vào làm cung nhân.

Vua định thể lệ tiền tiêu, dân gian sử dụng tính mạch tiền, một tiền là 69 đồng, tiền thượng cung một tiền là 70 đồng.

Vua xuống chiếu phàm các văn thư, trạng khế dùng cách in tay vào nửa tờ giấy.

Vua ra lệnh thi Tam giáo.

Theo thể lệ cũ triều Lý: hàng năm cứ ngày 4 tháng 4 bách quan vào triều rồi lui ra ngoài cửa tây thành, đến đền thờ thần Đồng Cổ, đọc lời thề rằng: "Làm tôi phải tận trung, làm quan phải thanh bạch, ai trái lời thề này thì thần minh hại người ấy". Trai gái đến xem đông như kiến, cho là việc vui, và long trọng. Thi lại viên bằng cách thức Bạ đầu, (thể thức công văn tư đi lại, gọi là Bạ đầu).

Vua duyệt định sổ đinh, hàng năm cứ đến mùa xuân, xã quan phải khai báo nhân khẩu, người có quan tước thì con cháu được tập ấm, mới được làm quan; người giàu lớn lên mà không có quan tước, thì suốt đời làm lính.

Vua định ra quốc triều Thông phán Hình luật, lễ nghi cộng 20 quyền. Định luật đồ sai dịch, (Tội nặng

vừa thì bắt làm việc cày công điền, tội nhẹ phải làm cỏ ở Thăng Long Phụng Thành, lệ thuộc vào quân Tứ Sương).

Vua chia kinh thành làm 61 phường và đặt ra ty Bình Bạc. Vua xuống chiếu: các ty, nha xét kiện, tụng thì được lấy tiền Bình Bạc, (Bình nghĩa là xét đoán, là lấy tiền xét kiện), sau vua Thánh Tôn đổi Bình Bạc ty ra là An Phủ sứ.

Vua cho hoạn quan là Nguyễn Bang Cốc được lĩnh Chư Binh Nữ. (Binh ở đây nghĩa là tướng, Nữ là quyền then chốt).

Vua cho đào các cửa biên Trầm, Hào, từ Thanh Hóa vào đến phía nam Diễn Châu.

Vua xuống chiếu: "Các nhà trạm đều tô vẽ tượng Phật".

Tục nước ta: vì nắng bức, nên lập ra nhiều đình quán ở dọc đường cho hành khách nghỉ ngơi, tránh nắng. Khi Vua còn hàn vi, thường vào nghỉ ở một cái đình, có thầy tăng bảo rằng: "Cậu bé này ngày sau phải đại quý", nói rồi, không biết thầy tăng ấy đi đâu mất, cho nên đến khi bấy giờ phàm chỗ nào có quán trạm đều tô vẽ tượng Phật.

Thi Thái học sinh, lấy đỗ: Trương Hanh, nhất giáp, Đặng Diễm, nhị giáp, Trần Chu Phổ, tam giáp. Nước ta có khoa thi mà chia ra giáp, đệ từ đây trước nhất; sau này định ra 7 năm một khoa thi, đủ cả tam khôi, điều lệ khoa thi ngày thêm đầy đủ, ân điển ngày một long trọng, ở đó mới sản xuất lắm nhân tài, so với triều Lý thịnh hơn nhiều.

Triều đình ban bố tên húy của nhà Vua. (Vì có ông tổ xưa có tên là Lý, nên bỏ chữ Lý, để tuyệt lòng dân trông ngóng nhà Lý nữa).

Vua đại sát người tôn thất nhà Lý. Vua xuống chiếu bắt các người họ nhà Lý phải đến lễ tiên hậu ở Hoa Lâm, Thái Đường, đào một hố sâu kín, làm nhà lên trên, khi giật dây thì chôn sống cả.

Thượng hoàng mất, cho quan Thái úy là Liễu Phụ chánh, sách phong làm Hiến Hoàng. (Tôn kính anh ruột đến nỗi sách phong là Hoàng, cái tên thật là bất chính, Trần Liễu manh tâm khởi loạn, vị tất không phải do việc này).

Vua phong cho Phùng Tá Chu là Hưng Nhân Vương, Phạm Kính Ân làm quan Nội hầu. Hai người này đều là cựu thần nhà Lý, nhất đán đổi chủ, cam làm ung khuyến, ý tất lữ ấy đều là thân thuộc họ ngoại nhà Trần, cũng là một phường với Trung Từ, Tự Khánh, cho nên thủy chung vẫn được tin yêu, ân thưởng hơn người khác. Nhà Lý mất, nhà Trần lên, vẫn là sở nguyện của những kẻ ấy, đâu còn đem lễ nhượng mà trách kẻ ăn trộm bao giờ?

Vua xuống chiếu định thể lệ lương bổng các quan văn võ, (tất phải có lương bổng, nhiên hậu mới bắt người ta thanh liêm được).

Nước lụt lớn vỡ vào cung Lệ Thiên, Hiến Hoàng Liễu phải đi thuyền vào triều, đi qua nơi ấy thấy cung phi cũ của nhà Lý, bắt ép tư thông; Đình thần hặc tội Liễu, bị giáng làm Hoài Vương, đổi tên cung ấy gọi là Thượng Xuân.

Nhà Trần vì dân loạn mà mắc đắc quốc, cho nên trời làm nước lụt để cảnh cáo, Liễu lại làm quá tệ, dân ác không còn biết sợ là gì, lại lấy chữ Thường Xuân mà đặt tên cung, thật xấu xa quá lắm. Vua xuống chiếu định pháp chế in tay vào các văn thư, khế ước, (Phàm lập ra chúc thư, và văn khế điền thổ, vay nợ, thì người làm chứng in tay vào 3 hàng trước, chủ bán in tay vào 4 hàng sau). Vua lấy vợ của anh là Trần Liễu lập làm Hoàng hậu. (Tức Thuận Thiên Công chúa họ Lý), giáng bà Chiêu Thánh xuống làm Công chúa. Bấy giờ bà Chiêu Thánh không có con, mà vợ Liễu đã có mang 3 thánh, Thủ Độ và bà Thiên Cưng mật mưu lấy cho vua làm Hoàng hậu, Liễu giận lắm, tụ tập đại quân ở Đại Giang làm loạn; trong lòng vua bất tự an, đương đêm ra ở với Phù Vân Quốc sư ở núi Yên Tử (thầy tăng này là bạn cũ vua Thái Tôn), Thủ Độ đưa quần thần đến mời vua về kinh đô, vua nói: "Ta tuổi trẻ không cha, chưa kham nổi việc nước, nên không dám ở ngôi vua, để làm nhục cho xã tắc", Thủ Độ nói: "Vua ở chỗ nào tức là triều đình ở đó, xin phá núi để xây dựng cung điện", Quốc sư xin với Vua rằng: "Bệ hạ nên hỏi loan không nên để cảnh sơn lâm của đệ tử bị phá hủy", Vua mới chịu về. Liễu tự nghĩ mình thế cô, lên đi thuyền độc mộc đến nơi vua ở xin đầu hàng. Thủ Độ nghe tin, đi thẳng đến thuyền Vua ngự, to tiếng rằng: "Phải giết giặc Liễu". Vua vội vàng giấu Liễu đi, đưa thân nhân ra nhận, Thủ Độ ném thanh kiếm nói: "Thủ Độ này là con chó săn thôi, biết đâu sự thuận hay nghịch của anh em nhà Vua". Vua phải giảng giải mãi, rồi cho Liễu đất An Sinh làm nơi ở riêng, và phong cho Liễu làm An Sinh Vương, mà giết những kẻ theo làm loạn.

Vua Thái Tôn đương đêm quan sông Bàn Than, vào chùa Yên Hoa ở núi Yên Tử, tiếp kiến Trúc Mộc Thiền sư, muốn trụ trì ở đó, vừa gặp Thủ Độ đi yêu giá kéo đến. Thiền sư nói: "Làm vua phải lấy lòng dân làm lòng mình, dân chúng muốn thế thế, xin Vua hỏi loan, sau này Hoàng tử trưởng thành có thể nói ngôi lớn được, Nhiên hậu hãy bỏ vào núi mà tu luyện", Vua cho là phải. Bấy giờ vua mới 4 tuổi, đã có ý chán trần tục, cho nên các Vua triều Trần đều bắt chước theo như thế, là vì sở đắc ở Trúc Lâm bí quyết.

Vua Thái Tôn làm hại nhân luân, lấy bà Thuận Thiên, Phụ Trần cũng thông gian với bà Chiêu Thánh, mình cướp vợ anh, thì người khác lại cướp vợ mình; tuy là tự ý đem cho, nhưng cũng là trời làm cho tâm thần tối tăm mà làm việc càng bậy đó, tạo hóa khéo thật.

Tết Đoan Ngọ, nhớ viếng Khuất Nguyên và hiền nhân xưa như lũ Giới Tử Thôi, từ khi ấy hàng năm lấy làm lệ thường.

Vua lập sổ đình, tuyển đình tráng vào làm lính, định 3 bậc: Thượng, trung, hạ. Lại định ra quy chế nhà cửa, thuyền, xe cho các vương hầu và các quan văn võ.

Vua thân hành đi tuần biên giới, vào địa giới nhà Tống, đi qua châu Khâm và Liêm, tự xưng là Trai lang, bỏ thuyền ở đất Tống, chỉ dùng thuyền Kim Phượng và Nhật Quang mà đi, người châu ấy không biết là Vua; đến lúc biết, liền chằng xích sắt ở dòng sông để chặn đường thủy, Vua liền trở về, nhỏ vài chục cục sắt đem về.

Vua Thái Tôn đi lần này thật là cuồng bạo, bất quá muốn xem sông núi ở nội địa Tống, cho là người Tống chẳng làm gì được, chung quy vì sự đi chơi này mà gần bị người Tống làm khốn, thoát được miệng hùm là may đó, có phải là còn huyết khí thiếu niên, chưa được định tính đó chăng?

Vua sai chia trong nước làm 12 lộ, đặt ra chức quan An phủ, Trấn phủ, chánh và phó để cai trị.

Các xã và xách (xã nhỏ) đặt ra chức Đại hay Tiểu Tư xã (ngũ phẩm trở lên làm chức Đại Tư xã; lục phẩm trở xuống làm Tiểu Tư xã) hoặc là kiêm 3, 4 xã, Xã chánh, Sử giám làm xã quan. Lập sổ hộ: người dân 20 tuổi là đại hoàng nam, 17 tuổi, là tiểu hoàng nam, 60 tuổi là lão. Nhân đinh mà có điền thổ thì phải nộp tiền và thóc (1 hay 2 mẫu phải nộp 1 quan, 3 hoặc 4 mẫu nộp 2 quan, 5 mẫu trở lên nộp 3 quan. Thuế ruộng 1 mẫu phải nộp 100 cân thóc), người không có ruộng thì được miễn hoàn toàn. Theo lệnh nhà Thành Chu: Lấy hạ sĩ hay trung sĩ làm chức Lý tế, Lư tư, bổ quan chuyên chủ chính sự trong làng; đời Hán đặt ra Tam lão, Sắc phu, còn có ý nghĩa cổ; đời sau coi khinh rẻ chức xã trưởng, cho những bọn hèn hạ bỉ ổi ra làm, ra khỏi làng thì bị nhục về roi vọt của quan phủ, về nhà riêng thì bị cường hào lấn át, chính họ cũng tự coi rẻ thân họ, chỉ lần lừa làm kế no bụng, bóc lột dân nghèo, vì thế dân càng khổ thêm, không chỉ một tham quan ô lại làm hại dân mà thôi. Trong năm Cảnh Trị đời Lê có đặt ra xã trưởng, quan Huyện xét công trạng xã trưởng tư lên Bộ. Bộ sẽ kén chọn cho làm quan, coi trọng nhiệm vụ, để cho làm chính sự trong một làng, đó cũng là lương pháp vì dân. Tôi trộm nghĩ nên kén hàng quan đã về hưu mà cho làm xã quan, ủy cho hết thảy công việc giáo hóa dân làng, mà Lý Chính phải lệ thuộc vào xã quan, xét việc làm mà phân biệt, để người ta vui lòng mà làm, Nhiên hậu mong thành hiệu được.

Vua phân phái các văn thần nhậm chức các phủ hay lộ. Phủ có chức Tri phủ, châu thì có Tào Vận sứ.

Vua định qui chế quân lính, kén người đỉnh tráng xung vào các đôi quân: Tứ Thiên, Tứ Khánh, Tứ Thần, Thiên Thuộc, Thiên Cương, Chương Thánh, Cung Thần, Thánh Dực, Thần Sách; cần thừa ra thì sung vào Trạo nhi Doan đội.

Vua ra lệnh định ra quan trong và quan ngoài, 15 năm một lần xét duyệt. (Quan viên nào khuyết thì cho Chánh kiêm chức Phó, Chánh và Phó đều khuyết thì bổ quan nơi khác đến kiêm, chờ khi mãn năm khảo duyệt, mới bổ vào chức khuyết ấy). Thời bấy giờ trong nước vô sự, các quan tại chức lâu quá, vị nào ở quán và các 10 năm mới được xuất thân, vị nào ở sảnh và cuộc thì 15 năm. Chức Tể tướng cũng phải kén con cháu tôn thất mà hiền tài mới được làm.

Vua xuống chiếu thi ở điện để chọn lấy người danh sĩ. Cho đỗ: Trạng nguyên là Nguyễn Hiền, Bảng nhãn là Lê Văn Hưu, Thám hoa là Đặng Ma Lã, và hạng xuất thân có từng bậc (2 khoa Nhâm Thìn và Kỷ Hợi duy chỉ gọi là Giáp và Ất) lấy đủ tam khôi từ khoa này trước nhất.

Vua xuống chiếu khi người thông tam giáo các khoa. (Khoa thi Bính Thìn, lấy đỗ Kinh Trạng nguyên là Trần Quốc Lại, Trại Trạng nguyên là Trương Xán. Chia trấn Thanh và Nghệ gọi là Trại, mới phân biệt ra Kinh và Trại. Lệ chia ra Kinh và Trại này cũng như nhà Thanh chia ra Hán và Mãn).

Sử thần bàn rằng: Đạo chỉ có một thời, ngoài "nhất trung" ra, không còn đạo gì nữa; cũng như Trương Dung xem chim hồng mà hiểu rằng: "Người Việt gọi là chim Phù, người Sở gọi là chim Ất, về người thì có người Việt người Sở, chứ chim Hồng vẫn là một loài ấy thôi. Nhà Phật tự tôn đạo của mình lên, mới có thuyết 3 người bạn là: Mao Đầu (chứng Già Diệp Bồ tát giáng sinh là Lý Lão Tử), Na Ân (chứng Hộ Minh Bồ tát sinh ra Thích Già), ư thì người đời tin tưởng mê hoặc, đặt ra phương pháp mặc và ăn, mong được thành tiên, ăn chay, tụng kinh, mong được thành Phật, xét đến tôn chỉ vẫn trống không; gọi là sa môn và đạo sĩ ăn chay tụng niệm, thì thi để làm trò gì.

Vua đắp đê Đinh Nhĩ từ ngọn nguồn" sông đến cửa biển để ngăn nước lớn; đặt ra quan Hà đê sứ, để đốc xuất việc làm đê; do đặc số điền địa đắp đê bị mất mà tính giả tiền. Bắt đầu có đắp đê từ đây. Lại kén các vị quan ít việc làm chức Hà đê sứ, hàng năm cứ đến mùa nghỉ làm ruộng thì đắp đê và đào ngòi, để phòng khi bị nước lụt và đại hạn. Lại bắt trồng cây am la(3) ở thân đê.

Vua sai Thuật sĩ đi quan sát khắp núi sông trong nước, nơi nào có vụng khí thì yểm cho mất đi (như là núi Chiêu Bạc, sông Bà Lễ đều bắt thợ đục và đào cho sai hình đi).

Thế tục truyền rằng: Cao Vương (Biên) xem xét mạch sông núi nơi nào là đại địa, đều có đặt thành bài ca, hoặc là nói chỗ đất này đã lập chùa, đắp đường, đào giếng và chôn sắt để yểm đi rồi, ý giả đều là Thủ Độ làm cả, mà đổ cho Cao Vương, để làm cho thuật của mình là thần kỳ đó thôi.

Vua xuống chiếu bắt: trong nước gọi là quốc gia, đổi Đô, Vệ, Phủ gọi là Tam ty viện (Phụng tuyên viện, Thanh túc viện, Hiến chính viện).

Vua biết lấy bài minh cho Hoàng tử, để dạy cho biết: trung hiếu, hòa tôn, ôn lương, cung kiệm.

Con An Sinh Vương là Quốc Tuấn đoạt hôn, (bắt cô dâu sắp cưới để chiếm đoạt).

Thiên Thành Công chúa được hứa gả cho Trung Thành Vương, định đến ngày vọng tháng ấy làm lễ hợp cẩn, Vua cho mở hội, bày các đồ vật đưa dâu. Khi bấy giờ Công chúa đã đến ở nhà Nhân Đạo Vương (cha Trung Thành Vương), Quốc Tuấn mê về sắc đẹp, muốn đoạt lấy, đương đêm lên vào nơi Công chúa ở mà thông gian. Thụy Bà Công chúa (cô Quốc Tuấn và nuôi Quốc Tuấn làm con) biết chuyện ấy, sợ có tai họa, lập tức đến gõ cửa vua tâu vua biết, và Nhân Đạo Vương bắt giữ Quốc Tuấn rồi, xin vua thương cho. Vua sai người đến nhà Nhân Đạo Vương không thấy động tĩnh gì, vào buồng nằm của Công chúa, thì thấy Quốc Tuấn ở đó. Nhân Đạo Vương bấy giờ mới biết. Thụy Bà công chúa xin đem 10 mâm vàng làm lễ cưới, vua bắt đắc dĩ phải gả cho Quốc Tuấn mà đem 2.000 khoảnh ruộng ở Ứng Thiên(4) trả lại lễ cưới của Trung Thành Vương. Điều này thật là lỗi ở Quốc Tuấn thiếu niên khinh bạc, nhưng cũng do gia phong bất chính của nhà Trần, ai ai cũng thế cả, nên không biết dâm loạn là đáng hổ thẹn nữa.

Vua ban yến cho quần thần, khi rượu say đều đứng lên giang tay nhau mà hát; quan Ngự sử Trần Chu Phổ cũng giang tay nhưng không hát câu gì khác, duy chỉ nói rằng; "Sử thần hát" thế thôi, đến sau yến tiệc, có người đeo cái mo gõ vào đó để làm tử lệnh, làm như thế càng thô鄙 lắm.

Nước Chiêm Thành đưa thuyền đến cướp biên giới, sai sứ đến nói cầu xin lại những đất đã dâng trước, vua giận lắm, chính thân đi đánh, bắt được Vương phi nước ấy là Bồ Gia La, rồi trở về. Vua lập ra Viện Quốc học, tôn tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử để thờ phụng. Vua xuống chiếu cho nhân sĩ trong nước đến việc ấy giảng sách ngũ kinh, tứ thư.

Vua lập ra nhà học, tôn chuộng nghề văn, dựng lên ngôi nhà, giảng tập việc võ, cả văn và võ có vẻ rực rỡ lắm, cho nên có các ông Hán Siêu, Trung Ngạn, Nhật Duật, Ngũ Lão nổi nhau xuất hiện, Văn Trinh và Hưng Đạo là bậc danh nho, danh tướng lừng lẫy thời bấy giờ, là kết quả của sự tôn chuộng văn võ đó.

Vua định ra thể lệ các phục sức, xe ngựa và người theo hầu của các quan văn võ, chia ra từng bậc, (Tôn thất được đi kiệu đầu phượng, sơn đỏ, lọng tía; quan tam phẩm trở xuống đi kiệu Vân đầu, lọng xanh; quan lục phẩm trở xuống thì lọng đen. Người theo hầu nhiều lắm là một nghìn người, ít là một trăm người. Lọng tía thì 4 cái, lọng xanh thì 2, lọng đen thì 1).

Vua ra lệnh bán quan điền, cày 1 mẫu thì nộp 5 quan tiền.

Vua nằm mộng ra đi chơi, thấy vị thần chỉ một người mà nói: "Người này làm chức Hành khiển được", đến khi ra đi chơi ở ngoài hoàng thành, thấy người con trai, mặt mũi, hình dáng rất giống người ở trong giấc mộng, Vua triệu lại hỏi, trả lời đúng như các lời trong giấc mộng. Theo lệ xưa: chức Hành khiển duy chỉ dùng người hầu gần vua làm thôi (theo việc triều Lý dùng Lý Thường Kiệt) Vua mới cho làm chức ấy mà ngại khó, liền cho người ấy 400 quan tiền để tự thiến mình, và cho tên là Phạm Ứng Mộng. Hoàng tử là Nhật Duật mới sinh.

Xưa kia đạo sĩ cầu tự cho Vua, khi lạy dâng sớ xong nói rằng: "Thượng đế đã cho Chiêu Văn giáng sinh ở trần 4 kỷ", quả nhiên sinh được con trai, trên lưng có chữ "Chiêu Văn" nhân lấy chữ ấy đặt tên; đến năm 40 tuổi, bị đau, con ông Nhật Duật đặt đàn chay cầu đảo, đạo sĩ lạy dâng sớ xong, nói rằng: Thượng đế cười nói; "Làm gì mà quyến luyến trần tục ở lâu thế? Nhưng vì con có hiếu mà thành, lại cho thêm 2 kỷ nữa". Cho nên Nhật Duật hưởng thọ được 77 tuổi.

Sử thần bàn rằng: Việc kỳ quái gì cũng có thể có được, nhưng là vì tinh thần gây nên, hoặc giả ở trong khoảng hình như có và không, chứ trời có nói gì đâu. Đạo sĩ bởi đâu mà được có lời truyền dạy rõ ràng thế? Xưa kia nhà Chu có mộng xin 9 tuổi, mà cho 3, chép ở Lễ Ký, thế nho còn cho là vị tất đã có; huống chi con Nhật Duật đâu có được lòng thành cảm thấu trời như vua Văn Vương? Chả qua là nhà Trần tin chuộng quỷ thần, nên vin theo lời hoảng hốt mà phụ hội thêm vào, cho ra thần dị đó thôi.

Doãn đưa cả gia quyến chạy sang Tống, (Doãn là con An Sinh Vương), Thổ quan là Hoàng Bính bắt trả về cho nước ta, bởi thế mà quan ải càng thêm nghiêm mật, Bính nhân thế đưa gia quyến đến cửa khuyết dâng người con gái, Vua nhận lấy.

Nước Mông Cổ ngày mạnh dần, Bính là vị quan giữ đất cho nhà Tống, biết nhà Tống sắp mất nước, nên đưa gia quyến về với ta, để tránh nạn giặc Hồ, rồi giặc Hồ lại xâm lấn nước Nam, Bính vẫn không

tránh thoát. Ích Tắc, Lê Xí cũng cho là nhà Trần tắt mất nước, mới đem cả gia quyến đầu hàng quân Nguyên, mong được phú quý, thế mà Trần không hề mất nước, chỉ bọn đó chịu sự nhục đầu hàng giặc. Làm bầy tôi mà phản bội nước nhà có ích gì đâu. Lũ ấy không đáng nói đến, nhưng cũng chép lên đây, để răn bảo những bọn thần tử mà có nhị tâm.

Quân Mông Cổ đến xâm lấn nước ta. (Khi trước Hà Khuất chủ trại Quy Hóa cho trạm chạy tâu rằng "Có sứ Mông Cổ đến", Vua xuống chiếu sắm sửa binh khí, đem cả quân thủy và bộ ra chống giữ biên giới, trao quyền tiết chế cho Quốc Tuấn), Vua tự làm tướng ra chống giữ, đóng quân ở Sông Lô, tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai sai người đến dụ Vua đầu hàng, 3 lần đến, Vua đều bắt giam cả, ra lệnh chư tướng đưa nhiều quân ra chờ lệnh, quân giặc đến sông Thao, vua tự đốc chiến, quan quân phải lui, duy có Lê Phụ Trần một ngựa ra vào trong trận giặc, sắc mặt vẫn thản nhiên. Lúc ấy có người khuyên vua đóng quân ở lại để cự chiến. Phụ Trần nói: "bệ hạ hãy làm như đánh tiếng bạc cuối cùng, hãy tạm lánh đi, tôi xin chận hậu". Quân giặc bắn loạn, Phụ Trần lấy ván thuyền che cho vua, được khỏi nạn, lui về giữ ở sông Thiên Mạc, theo Vua bàn việc cơ mật, Vua ngự ở thuyền nhỏ, triệu Nhật Kiêu để vấn kế, Nhật Kiêu lấy ngón tay thấm nước viết 2 chữ "Nhập Tống" vào mạn thuyền. Thủ Độ nói: "Đầu tôi chưa đến đất, Bệ hạ không phiền phải nghĩ gì khác cả", vua liền cùng Thái tử ngự lâu thuyền, tiến lên Đông Bộ Đầu, đánh nhau với quân Mông Cổ phải trốn về, đến Quy Hoá, trại chủ là Hà Bổng lại tập kích phá tan quân giặc. Khi ấy Mông Cổ mới lấy được Vân Nam, quân du kích kéo sang không chủ bụng đánh, nên bấy giờ gọi là Phạt tặc. Giặc rút lui hết, Vua về kinh đô, bách quan vẫn yên như cũ, xét định công ban thưởng, cho Phụ Trần làm chức Ngự sử Đại phu, gả bà Hoàng hậu cũ là Chiêu Hoàng cho ông, và nói rằng: "Trẫm không được khanh thì đâu có ngày nay, nên cố gắng, mong sao được thành công".

Xưa kia Vua cho tả hữu ăn quả am la, không cho Hoàng Cự Đà, đến khi đánh nhau với quân Nguyên ở Đông Bộ Đầu, Cự Đà đi thuyền trốn trước, đi đến Hoàng Giang, gặp Thái tử, Cự Đà tránh mặt, quan quân gọi y lại hỏi: "Quân Nguyên đâu"? Cự Đà nói: Không biết, cứ hỏi người ăn quả am la thì biết". Thái tử đem việc ấy tâu lên Vua, xin giết đi, để răn bảo kẻ bất trung. Vua nói: Xưa có Dương Châu không được dự ăn thịt dê, đến nỗi thua về quân Trịnh, tội Cự Đà là lỗi ta, tha chết cho y theo đi đánh giặc để chuộc tội".

Sử thần bàn rằng: Lời can gián của Phụ Trần thật là trung, chận hậu quân ở sông Lô thật có công, lấy quan tước mà đền công và lòng trung thành ấy là được rồi; sao lại làm nhục bà Hậu cũ mà gả cho Phụ Trần. Xưa Hầu Cảnh đem vợ Thái tử gả cho tướng Quách Nguyên Kiến, Kiến từ chối rằng: "Đâu có Quý phi lại giáng làm vợ người thường", rồi không chịu trông mặt bà phi ấy. Phụ Trần nhận sự gả ấy, lại không bằng tên nghịch tặc còn có lương tâm. Ở nước Ngô có người đưa cỏ bồ nạt hỏi vợ, người vợ giận mà chết, không chịu nhục; nay bà Chiêu Thánh vui thích sự gả đó, lại không được bằng người đàn bà thường dân còn có liêm sỉ. Ôi! Dâm phong của nhà Trần tập nhiễm đã quen; bà Thiên Cưng là Thái

hậu mà lấy người bày tôi, bà Thuận Thiên là chị dâu mà lấy em chồng, cho nên bây giờ bà Chiêu Thánh cũng là Hoàng hậu mà lấy người bày tôi làm chồng, Phụ Trần là bày tôi mà lấy bà Hậu làm vợ, mẹ ấy con ấy, chị ấy em ấy, vợ ấy chồng ấy, vua ấy tôi ấy, thật không bằng cảm thú.

Sứ thần Mông Cổ đến đòi lễ cống hàng năm, vua sai Phụ Trần đi sang Tàu định lệ 3 năm một lần cống. Vua truyền ngôi cho Thái tử Hoảng, lui về ở Bắc Cung, Thái tử lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Thiệu Long lấy con gái An Sinh Vương tên là Thiều làm Hoàng hậu.

Lời bàn: Mấy năm đầu vua Thái Tôn có tính tà dâm, đều do Thủ Độ xui bảo cả; đến mấy năm sau để ý học vấn, tấn tới được nhiều, lại càng nghiên cứu điển cổ trong kinh sách, có làm ra sách "Khóa Hư lục" mền cảnh sơn lâm, coi sinh tử như nhau, tuy ý hơi giống đạo Phật không hư, nhưng mà ý chí thì khoáng đạt, sâu xa cho nên bỏ ngôi báu coi như trút giầy rách thôi.

-
- 1) Tên hiệu là Huệ Tôn khi đã xuất gia.
 - 2) Trước làm Hoàng hậu, sau lấy Trần Thủ Độ được phong là Linh từ Quốc mẫu.
 - 3) Không biết tiếng Việt tên là gì, chỉ biết trồng cây ấy ở hai bên thân đê để giữ cho đê khỏi bị lở.
 - 4) Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

THÁNH TÔN HOÀNG ĐẾ

Tên là Hoảng, con trưởng vua Thái Tôn, ở ngôi vua 21 năm, tính trung hiếu và nhân thứ, biết tôn người hiền, trọng đạo học, nhưng quá mê tín đạo Phật, không phải là thịnh đức của Đế vương. Niên hiệu Thiệu Long thứ 4, Mông Cổ sai Mạnh Giáp cầm thư sang dụ, đại lược thư rằng: "Nước Nam vẫn yên ổn như xưa, lễ nhạc phong tục nhất thiết y theo bản quốc, không nên thay đổi, đã có răn bảo các tướng ở biên giới không được thiện tiện động binh nhiều nơi bờ cõi, không nên sợ hãi gì".

Thi lại viên bằng thư toàn.

Vua cử Quang Khải làm chức Thái úy.

Chế độ nhà Trần: các Vương, Hầu đều ở nhà riêng ở làng của mình(1), như làng Vạn Kiếp của Quốc Tuấn, Quắc Hương của Quốc Hiền; đến khi vào làm Tể tướng mới giữ việc nước, nhưng chỉ cầm đại cương thôi, quyền hành thì về tay quan Hành khiển; đó cũng là ý bảo toàn danh dự cho tôn thất. Lại còn khi giặc Hồ vào cướp, thì các vị ấy lại có hương binh đưa ra làm đạo quân cần vương, lại cũng là thế lực vững chắc giúp cho nhà vua nữa.

Thượng hoàng đi Tức Mặc, đổi dinh ở phủ Thiên Trường làm cung Trùng Quang, mà ở tại đó, lại được lên cung Trung Hoa, làm nơi ở cho vua khi đến châu hầu Thượng hoàng.

Trần Thủ Độ mất - 71 tuổi, được tặng là Thượng Thư Trung Vũ Vương - Thủ Độ tuy không học vấn gì, nhưng có tài lược hơn người, thân làm Tể tướng, việc gì cũng để ý, vì thế mà giúp vua gây dựng nên vương nghiệp, giữ trọn vẹn công danh; Vua Thái Tôn làm bài văn bia ở sinh từ, trọng đãi một cách đặc biệt.

Thượng hoàng ban yến cho quần thần ở điện Diên Hiền, có sao chổi hiện ra ở phận vị sao Liễu, sáng rực trời; Thượng hoàng ra coi, bảo rằng: "Sao Liễu là địa phận Lâm An, không phải là thiên tai ở nước ta", lại vẫn ăn yến đến xong, tháng 10 năm ấy thì vua nhà Tống mất.

Mông Cổ sai Nậu Lạt Đình đến nước ta, Vua sai Vũ Hoàn đi sang thăm trả lại.

Mông Cổ đến bảo rằng: "Trước có sai sứ thần sang thông hiếu, vì người chấp sự mê, lạc ấy không thấy trở về, nên mới có đạo quân sang năm trước". Trước kia Ngột Lương Hợp Thai bình xong Đại Lý, đưa quân sang xâm nước Nam, 3 lần sai người sang dụ đều bị bắt cả mới phạm vào đất Hồ Lệ, Thượng hoàng phải lánh đi ra ngoài, Mông Cổ vào kinh đô, tha 3 người sứ giả ra khỏi nhà ngục, thấy có tre trói vào thân, cởi trói ra thì một người chết, liền tha bò giết cướp, ở lại 9 ngày, vì không chịu được nắng nực phải về. Thượng hoàng cho đón đánh. Mông Cổ lại sai 2 sứ thần trước dụ Vua phải vào châu, Thượng hoàng không nghe, lại thấy cung khuyết ở kinh đô bị chúng tàn phá, giận quân Mông Cổ tàn bạo, liền trói 2 sứ thần thả cho về, nên có việc Lạt Đình đến hiểu bảo, có câu trói 2 sứ thần, là ý trách ta đó.

Vua cho phép Vương hầu, Công chúa được khăn điện lập ra trang trại. Vương hầu có điện trang bắt đầu từ đây.

Lại định lệ phong cho tôn thất, y theo đồ ngũ phục(2).

Vua xuống chiếu kén chọn văn học sĩ sung vào quan ở Quán và Các, Đặng Kế được kén làm Hàn Lâm Học sĩ, liền được thăng chức Trung Thư. Theo quy chế cũ: không phải người trong họ Vua thì không được làm chức Hành khiển. Những người văn học được giữ quyền binh bắt đầu từ đây.

Vua phong cho em là Ích Tắc và Nhật Duật làm Vương. Ích Tắc ham học, thông kinh sử, giỏi văn chương. Xây nhà để tập hợp văn sĩ tứ phương đến đó giảng tập, như Mạc Đĩnh Chi, Bùi Phóng do ở đó ra, mà hiền quý ở đời.

Vua cho định ra quân ngũ (mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người) kén người trong tôn thất có học tập võ nghệ và hiểu rõ binh pháp cai quản đạo quân này.

Khi lui châu, vào hầu riêng. Vua bảo tôn thất rằng: Thiên hạ này là của tổ tôn, nên phải cùng tôn thất chung hưởng phú quý, khi vui khi buồn có nhau, truyền cho con cháu, chớ quên lời này thì là phúc cho xã tắc. Mỗi khi yến ẩm ở Lan Đình, chiều tối chưa về được thì Vua cho đặt cái gối dài, chăn lớn cùng nhau nằm liền giường. Đến khi có lễ triều hạ, thì lại có vị thứ rõ ràng, vì thế các Vương, Hầu ai cũng hòa vui, kính sợ, không dám khinh lời trái lễ.

Sử thần bàn rằng: Nhà Trần xử với tộc thuộc hòa vui không hiềm nghi gì, trong đạo vua tôi ở với nhau như người nhà, khi vô sự thì thơ từ xướng họa, vui vẻ hết đường; khi hữu sự thì đồng lòng góp sức, thân hơn chân tay, đó là phong tục tốt của đời ấy, ít ai theo kịp. Vua Thánh Tôn có tư chất nhân hậu, được môn học tâm tính; đã từng học qua Cơ Cừ Lục của vua biết được các bài tụng Đả mã, Toàn quy, có nghĩa tinh vi nhập thần; ngoài ra câu nào cũng huyền diệu, chữ nào cũng thiết thực, không phải thâm đạo không làm được thế; cho nên gặp việc mà suy rộng ra đều là có thiên lý, hòa vui với anh em, có thể tưởng tượng được tấm lòng chí thành, nên mới có hiệu quả chống nổi giặc mạnh khi bấy giờ, và sự dạy bảo thân yêu họ hàng còn để lại về sau, thật là vị vua hiền.

Vua và anh là Quốc Khang châu Thượng hoàng. Quốc Khang múa lồi Hồ, làm trò vui, Thượng hoàng cởi áo ngự ban cho; Vua cũng ra múa Hồ để xin áo, Quốc Khang nói rằng: "Quý nhất là ngôi Hoàng đế, thần không dám tranh với Nhị Lang, đáng Chí Tôn cho thần vật mọn này, Nhị Lang muốn đoạt lại chăng?". Thượng hoàng cười nói: "Mày coi ngôi vua với cái áo bằng nhau à?". Cùng vui đùa với nhau thỏa mãn rồi mới thôi.

Sứ thần Mông Cổ là Hốt Lung Hải Nha đến dụ về việc biên giới, Vua nhận tờ chiếu của vua Mông Cổ mà không lay. Mông Cổ đưa tờ điệp dẫn nghĩa Xuân Thu mà trách, vua sai phục thư rằng: "Quốc vương không nên ngang với sứ thần; và theo quốc tục nước tôi nhận tờ chiếu thì để ở chính điện, rồi lui tránh sang nhà khác, đó là lệ xưa". Mông Cổ lại đưa điệp nói: "Người nhà Vua tuy nhỏ, nhưng có mệnh của Vua là trọng; tờ chiếu trước thì lấy có nước nào cũng có tục riêng, không muốn thay đổi tục cũ, có lẽ nào lấy sự không lay tờ chiếu của Vua là theo tục hay sao". Chúng lại dụ Vua phải thân vào châu, đưa con sang làm con tin, biên dân số, phải chịu quân dịch, nộp thuế, đặt quan giám trị, cộng 6

việc, Vua đều không nghe. Lại có điệp hỏi địa giới cũ có đồng trụ do Mã Viện lập lên, Vua sai người trả lời: "Lâu năm tiêu tan mất, không có vết tích gì", Mông Cổ lại đổi quốc hiệu là Nguyên sai sứ thần sang dụ Vua phải sang yết kiến, Vua chối từ là có bệnh đau chân không đi được.

Sử thần bàn rằng: Đương lúc bấy giờ người Nguyên hùng cường gian ác, chăm chú muốn nuốt đất Nam, cho nên tìm nhiều cách sang trách ta, gây nên mối dụng binh, vua ta cũng tự giữ nghiêm trọng, không chịu khuất chút nào, có thể gọi là người hùng.

Vua sai đồng tử là Đỗ Giã Hòa đi sang nước Nguyên. Khi bấy giờ Nguyên đòi nước ta phải nộp các hạng người có danh sắc, Giã Hòa đỗ khoa Thân đồng, nên tuyển cho đi.

Vua xuống chiếu cầu các người hiền lương và minh kinh làm chức Tư Nghiệp nhà học quốc tử, vào hầu giảng sách cho Vua.

Nhà Tống chỉ còn ở mảnh đất Lâm An, thường bị người Nguyên đến xâm lấn, phải dùng thuyền biển chở cả vợ con, của cải đến Cát La Nguyên, đặt ra phường Giai Tuân, gọi tên là Hồi Kê. (Người Tống đem thuốc bắc sang buôn bán với nước ta, người nước ta gọi là Kê quốc nên có tên là Hồi Kê). Vua lập con trưởng là Thâm làm Thái tử, kén nho sĩ vào chức hầu Đông Cung; lại làm ra 2 quyển Di Hậu Lục cho Thái tử.

Người Nguyên cử Diệp Thức Nghê làm chức Đạt Lỗ Hoa Xích để giám trị, động làm việc gì như có người kìm giữ ở bên, bị họ lấn át, xin đổi chức quan sai sang đó gọi là Dẫn Tiến sứ. Vua Nguyên không cho, lại đem quân đi tuần biên giới, xem địa thế nước ta, quan giữ biên giới của ta đem việc ấy tâu lên, Vua sai Lê Khắc Phục đến giải thuyết, lại sai Đào Thế Quang lấy tiếng là đi mua thuốc bắc, sang Long Châu dò thám tình trạng người Nguyên.

Thượng hoàng mất, theo lệ cũ, khi nào Vua mất, thì kéo chuông ở triều. Khi ấy Thiệu Dương Công chúa đã lấy chồng rồi, thường sai người đến thăm hỏi bệnh tình Thượng hoàng, tả hữu thưa rằng đã bình phục. Hôm ấy, Công chúa đương ở cũ, nghe tiếng chuông ở triều liên hồi, thất kinh nói: "Có lẽ Thượng Hoàng mất" thương khóc quá rồi cũng mất theo, người trong nước đều tỏ lòng thương xót. Vua Thái Tôn đã truyền ngôi rồi, thường đi chơi các chùa Quỳnh Lâm, Hoa Yên, gặp lúc Đức Thành người Tống đi thuyền biển đến, Vua mời vào nói chuyện. Đức Thành hỏi lý Thích già độ người ta thế nào, vua đọc câu kệ rằng: "Thiên giang hữu thủy thiên giang thủy, vạn lý vô vân vạn lý thiên" tùy câu hỏi mà trả lời, đều thành câu văn nhã như là những câu: "Xuân vũ vô cao hạ, hoa chi tự đoạn trường"(3) và câu: "Mạc vị vô tâm vân thị đạo, vô tâm do cách nhật trùng quan"(4) Đức Thành lại hỏi: "Các vị đế vương ngộ đạo được thì được nhân duyên gì?". Vua nói: "ta và người như hai mộc mà cùng một hỏa, phóng ra thì rộng cả kiền khôn vô cùng, thu lại thì mảy may có thể hết được; thân người ta ai cũng có minh châu sáng suốt, mùa xuân đến thì hoa tự nhiên nở". Đức Thành phục là ngộ đạo.

Vua Thái Tôn đến nhà ngự, hốt nhiên thấy con rết leo lên áo, lấy tay gạt xuống đất, có tiếng kêu, trông ra là cái đinh sắt, nhân thế mới xem bói, nói rằng: đó là triệu 10 năm. Lại đùa bảo Mặc Lão xem cho

biết tốt hay xấu, Mặc Lão nói: "Thấy có một cái rương vuông, bốn bên đều có chữ Nguyệt, trên rương có một cái kim, cái lược". Vua Thái Tôn giải nghĩa rằng: Rương là gỗ vuông, bốn bên đều có chữ nguyệt là bốn thág. Cái kim có thể đâm vào vật gì, đó là triệu vào nằm trong gỗ, chữ sơ là cái lược đồng âm chữ sơ là xa nghĩa là xa nhau". Đương khi nói Vua đùa, có câu: Chóng đến mồng một sẽ có thay phiên. Vua xem quẻ nói rằng: "Đó là ngày mồng một sẽ chết. Đến khi ấy quẻ đúng lời xem bói."

Vua Dụ Tôn có làm thơ khen vua Thái Tôn:

"Đường, Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,(5)

Đường xưng Trinh Quán ngã Nguyên Phong.

Kiến Thành tru tử An Sinh tại,

Miếu hiệu tuy đồng đức bất đồng."

Bà Chiêu Thánh mất. Bà đã bị giáng là Công chúa, rồi gả cho Phụ Trần, khi ấy mất đã 61 tuổi. Hiện nay ở tỉnh Bắc Giang, có đầm Minh Châu, giữa đầm có phiến đá to, người ta truyền lại rằng: Bà Chiêu Thánh cấp hòn đá nhảy xuống đầm mà chết, trên bờ đầm có miếu Chiêu Hoàng. Đó là thổ dân nơi đó bênh vực hồi mộ cho bà Chiêu Hoàng mà đặt ra thuyết ấy.

Bà Chiêu Hoàng nhất sinh ra là người dâm, cuồng, lầy chồng không vừa lứa đôi, đâu còn trinh tiết như lời người ta truyền lại.

Vua truyền ngôi cho Thái tử, Thái tử lên ngôi vua tự xưng là Hiếu Hoàng.

Vua Nguyên nghe tin vua Thái Tôn mất, có ý muốn lấy đất nước ta sai Sài Xuân đến lấy cớ rằng Vua ta không thỉnh mệnh vua Nguyên mà tự lập làm vua, trách bắt Vua ta phải vào chầu, Vua ta nói: "Vì sinh trưởng ở thâm cung không quen phong tục, thủy thổ chưa thể nào yết kiến vua Nguyên được". Xuân phải trở về; Vua sai Trịnh Đình Toàn sang Nguyên dâng con voi đã dạy thuần, người Nguyên giữ sử thần ta ở lại không cho về.

1) Hầu Vương đều được một vài làng để thu thuế khóa làng đó làm bổng lộc, gọi là thực ấp.

2) Bảng kê người họ xa hay gần để định lễ để tang trở.

3) Mưa xuân không chỗ cao hay thấp, cảnh hoa tự nhiên có cảnh dài, cảnh ngắn.

4) Đừng bảo vô tâm là đạo dẫn, vô tâm lại còn cách một lần cửa nữa mới đến đạo.

5) Đường và Việt đều có vua Thái Tôn, Đường hiệu Trinh Quán, Việt hiệu Nguyên Phong, Đường Thái Tôn giết anh là Kiến Thành, vì làm phản, Việt cũng có anh là An Sinh làm phản mà không giết, là hơn Đường Thái Tôn.

NHÂN TÔN HOÀNG ĐẾ

Tên là Khâm, con trưởng vua Thánh Tôn, ở ngôi vua 14 năm, tôn vị 5 năm, xuất gia tu hành 8 năm, hưởng thọ 51 tuổi, sự nghiệp trong đời vua Nhân Tôn hơn cả các đời trước, cũng là vị vua hiền của nhà Trần.

Niên hiệu Thiệu Bảo thứ nhất, người Nguyên đánh nhà Tống, Thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu cống vua Tống nhảy xuống biển, những người theo xuống biển mà bị chết đuối đến hơn 10 vạn người. Năm ấy nhà Tống mất nước. (Năm trước có ngôi sao lớn sa về phía Nam, rơi vào biển, đến hơn 1.000 vì sao nhỏ cùng rơi theo, đó là điềm báo trước).

Ban mẫu quan xích (thước đo gỗ, thước đo lụa cùng một niên hiệu).

Em Đỗ Khắc Chung là Thiên Nghiễn tranh tụng với người ta, tình và lý đều kém hụt, người đó đón xe vua mà bày tỏ tố cáo, vua hỏi quan giữ việc hình ngục, thưa rằng: "Án đã thành rồi, nhưng hình quan thoái thác không chuẩn y"; Vua nói đó là sợ Khắc Chung đấy, sai Trần Hùng Thao xét lại, quả nhiên Lý Thiên Nghiễn gian. Hoạn quan áo xanh dự vào pháp luật bắt đầu từ Hùng Thao trước.

Sử thần bàn rằng: Thiên Nghiễn cậy thế, quan tòa ngâm việc, tiểu dân bị oan ức không kêu đầu được, sai quan khác xét lại, là phải lắm rồi, nhưng mà trong các quan khanh tướng khởi hủu không còn người đáng sai, mà có gì lại sai Hùng Thao là hoạn quan? Sau này quyền bính di chuyển mất dần, sự gian trong giới quan dần nảy nở, đã khơi ngòi rồi, không ngăn lại được nữa, thật đáng tiếc.

Trịnh Giác Mật ở Đà Giang làm phản, vua xuống chiếu cử Nhật Duật đến dụ Giác Mật đầu hàng.

Giác Mật xin điều khoản rằng "tôi không dám trái mệnh vua, nếu ân chủ quá bộ đến nơi chúng tôi thì tức khắc tôi xin đầu hàng". Nhật Duật đem theo 5, 6 đứa nhỏ đi đến nơi, quân sĩ ngăn không muốn để ông đi, Nhật Duật nói: "Nếu chúng phản bội ta, thì triều đình còn có vị vương khác lại đến, không lo ngại gì". Khi đến nơi, người Mán cầm gươm giáo đứng chờ sẵn, Nhật Duật không nhìn đến, cứ đi thẳng vào, Mật mời ông ngồi lên trên, ông vốn thông hiểu tiếng Mán, cùng với Mật ăn bốc bằng tay, uống bằng mũi, người Mán vui lắm, Mật đem cả gia quyến đến xin đầu hàng; không mất một mũi tên nào mà bình được Đà Giang. Nhật Duật đưa Mật đến cửa Khuyết, vua khen ngợi, liền tha cho Mật trở về.

Nhật Duật đi lần này cùng với việc Tử Nghi một ngựa đến Hội Ngộ, giống như nhau, vì rằng đã sẵn có danh vọng lớn và lòng tin thật, nên quân dịch bắt giác phải hàng phục, trong khi ông tỏ phong độ và lời nói có khí phách, nhưng không phải là chính pháp của bậc danh tướng.

Cử Trần Di Ái (hàng chú Vua) đi sang Nguyên. Trước kia người Nguyên liền dụ Vua ta vào châu thượng hoàng dâng biểu xin đưa con hay em vào làm con tin, đến lúc ấy lấy có Di Ái là người tôn thất nên sai đi, vua Nguyên giận, liền lập Di Ái làm quốc vương sai Xuân đem quân hộ tống về nước, Xuân kiêu ngạo vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào, quân sĩ cản lại, Xuân dùng roi ngựa đánh bị thương ở đầu, đi đến điện Tập Hiền, Vua sai Quang Khải tiếp kiến khoản đãi, Xuân nằm không chịu ngồi dậy, Quốc Tuấn xin đến nơi xem nó làm trò gì, lúc ấy Quốc Tuấn đã cắt tóc mặc áo vải, làm ra dáng vị hòa

thượng nước Tàu, Xuân đứng lên vái và mời ngồi, đối diện uống nước chè, tên hầu của Xuân cầm cái roi đứng sau Quốc Tuấn, tự đập đầu nó chảy máu, Quốc Tuấn không đổi sắc mặt, đến khi trở ra về, Xuân tiến ra tận cửa.

Bọn sứ thần nhà Nguyên kiên ngạo, khinh mạn, không chỉ một Sài xuân, như Từ Diễn, Hoàng Thường đều có ý khinh rẻ, thế mà trong khi giao tiếp, hàm xúc ý tứ, khi cương khi nhu càng nâng cao quốc thể, đó cũng là một thuật làm cho chúng phải sợ người Nam.

Cấm người làng Thiên Thuộc không được vào học.

Luyện tập quân thủy và quân bộ. Khi bấy giờ Nguyễn Chương đi sang sứ Nguyên trở về, nói rằng: "Sang năm là kỳ khởi binh của chúng". Vua thân hành đốc xuất Vương, Hầu điều động cả quân thủy và bộ tập chiến, cử Quốc Tuấn làm quan Tiết chế, kén quân hiệu người nào có tướng tài thì cho chia ra thống suất các bộ ngũ. Duyệt binh lớn ở bên Đông Bộ Đầu, chia quân đóng ở các xứ Bình Than, giữ các nơi hiểm yếu.

Nhà Nguyên sai Trần Nam Vương là Thoát Hoan đi đánh nước Chiêm Thành cậy có đất nước hiểm trở, vững chắc, không chịu theo, phàm các sứ thần Nguyên đi qua các nước ấy đều bị bắt giữ. Chúa Nguyên giận cho quân đến đánh, Nguyên lại sai Hành Xảo đất Kinh Hồ là Toa Đô đem quân hội chiến, lại sợ nước ta thông mưu với Chiêm Thành, đòi nước ta cung cấp lương để giúp cho quân, quan tỉnh Lạng Sơn là Lương Uất tâu Vua biết: "Toa Đô nói dối là mượn đường, thật ra là xâm lấn nước ta". Có con cá sấu đến sông Lô, sai Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống giữa sông, cá sấu tự nhiên bỏ đi. Vua cho việc này giống việc Hàn Dũ làm văn đuổi cá sấu, cho Thuyên đổi họ là Hàn. Thuyên giỏi làm văn quốc ngữ, nhiều người bắt chước. Nay các thơ Nôm gọi là Hàn luật, là bắt đầu từ đây.

Cử Trần Khánh Dư làm Phó Đô Tướng quân. Trước kia Nguyên sang xâm nước ta, Khánh Dư thừa lúc bất ngờ tập kích, Thượng hoàng khen là người có trí và thao lược, phong làm Thiên tư nghĩa dũng (nguyên là Nhân Huệ Vương), sau vì tư thông với Thiên Thụy Công chúa, vì tội ấy mà bị mất tước, (Công chúa là người đã hứa gả cho con Quốc Tuấn là Hưng Võ Vương Nghiễn, vua sợ mất lòng Quốc Tuấn, sai đánh trượng chết đi, nhưng lại tiếc người có tài, ngầm bảo đừng đánh chết), lui về ở Chí Linh, vì trước có nghề bán than, khi ấy vua đi Bình Than, hội bách quan bàn định kế sách đánh Nguyên hay là giữ; hốt nhiên có thuyền lớn chở củi gỗ, nhân được nước thủy triều lui và gió to, đi qua Bình Than, chủ thuyền đội nón cỏ mặc áo lụa ngắn, Vua chỉ vào mà nói: "Người kia có phải Nhân Huệ Vương không?", sai quân lính chạy theo gọi lại, nói: Vua triệu người. Khánh Dư nói: "Ông già buôn bán than, có việc gì mà triệu?". Vua nói: "Quả thật Nhân Huệ rồi, người thường tất không dám nói câu ấy". Khi đến trước mặt Vua, vẫn mặc áo lụa ngắn yếm kiến. Vua nói: "Nam nhi lạc phách đến thế kia a?". Vua cởi áo ra cho, cùng bàn việc binh, nhiều điều hợp ý, nên cho làm chức ấy.

Hoài Văn Hầu Quốc Toản cũng ở trong đoàn hổ giá, vì còn trẻ tuổi, không được dự nghị, lấy làm xấu hổ lắm, tay đương cầm quả cam bóp bẹp lúc nào không biết, lui về nhà, đốc xuất hơn nghìn gia thuộc,

sắm sửa chiến thuyền và binh khí; kéo cờ to đề 6 chữ "Phá cường địch báo hoàng ân" (1), thân hành đi trước quân sĩ, mỗi khi đối trận với giặc, không ai dám đương đầu với ông, đến khi mất, Vua rất tiếc, tự làm bài văn tế ông.

Thượng vị hầu là Trần Lão làm thư nặc danh chê trách việc nước, Vua xuống chiếu trị tội, bị phát vãng làm lính.

Vua sai Trần Phủ sang Nguyên yêu cầu hoãn việc quân. Khi Phủ trở về nói: "Nguyên sai Thoát Hoan và A Lý Hải Nha cầm quân, giả danh là đánh Chiêm Thành, thật ra là chia nhiều đường sang xâm nước ta", Thượng hoàng triệu các phụ lão trong nước đến điện Diên Hồng vấn kế, vạn người đều cùng nói đánh, (giặc Hồ vào cướp chỉ có việc đánh thôi, sao lại phải hỏi đến phụ lão làm gì, là ý muốn xét biết lòng dân, làm cho họ cảm kích, vẫn còn theo ý khát ngôn của đời cổ).

Quân của Thoát Hoan kéo đến biên giới, đưa thư cho nước ta, nói là mượn đường đánh Chiêm Thành. Vua sai phục thư nói: "Từ nước tôi đến nước Chiêm Thành, cả đường thủy và đường bộ không đường nào tiện". Thoát Hoan lại nói có hưng binh, thật là vì Chiêm Thành không phải vì An Nam. Vua sai Quốc Tuấn đem quân chặn ở núi Kỳ Ôn, Kỳ Cấp, quân Thoát Hoan không tiến lên được, phải do ải Khải Ly, qua cửa Chi Lăng, quan quân ta đóng ở Vạn Kiếp. Vua ngự thuyền lẹ đi Hải Đông, đã muộn mà chưa ăn sáng, tiểu tót Trần Lai dâng cơm gạo hầm, vua khen là trung. Vừa lúc ấy Quốc Tuấn điều động quân các lộ đến hội, kén người khoẻ mạnh làm quân tiền phong, quân thế lưng lẩy thêm, Vua cho câu thơ đề ở thuyền rằng; "Cối Kê cự sự quân tu ký, Hoan, Diễn do tồn thập vạn binh"(2). Các vị vương là Nghiễn, Uất, Tảng, đều đốc các toán quân đến hội, dưới sự chỉ huy của Quốc Tuấn.

Quốc Tuấn có gia nô là Giã Tượng và Yết Kiêu. Kiêu giữ thuyền ở bến đò Bãi, một mình Tượng theo ông đi; quan quân ta bị thất lợi, Quốc Tuấn muốn noi theo đường sơn cước mà tiến quân. Tượng nói: Kiêu chưa gặp vương, tất không nhỡ thuyền đi nơi khác. Vội đến bến đò Bãi, quả nhiên còn độc một thuyền của Kiêu ở đó, Quốc Tuấn mừng lắm nói: "Chim Hồng và chim học bay được cao, tất phải nhờ có lông cánh mạnh, nếu không thì chả khác gì chim thường; liền kéo thuyền đến cả sông Vạn Kiếp, chia quân đóng giữ Bắc Giang. Người Nguyên chia ra 2 đạo quân mà đánh, quan quân ta phải lùi, 20 vạn chiến thuyền bị quân giặc cướp mất cả, quân giặc thừa thắng kéo lên Gia Lâm, Đông Ngàn, bắt được tên quân nào của ta ở cánh tay đều có thích 2 chữ "sát thát" bằng mực, thì giận lắm, lại càng chém giết mạnh hơn. Vua muốn cho người dò tình hình quân giặc, mà khó kén được người, Đỗ Khắc Chung xin đi, Vua khen là có chí khí hăng hái, nói rằng: "Biết đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa hay như kỳ ký". Liền sai Chung đi đến trại quân Nguyên xin hòa, Ô Mã Nhi hỏi vặn về hai chữ sát thát, cho là vô lễ, Chung trả lời: "Chó nhà người ta cắn chó người vì không phải là chủ nó, lòng trung phần của quân lính tự thích chữ đó, quốc vương tôi nào biết được, tôi là cận thần sao lại không có các chữ ấy thích vào tay" rồi giơ tay cho chúng xem. Ô Mã Nhi nói: "Đại quân ở xa đến, sao nước người không đến yết kiến, lại dám kháng cự?". Chung trả lời: "Vì tướng quân không theo cánh của Hàn Tín bình

nước Yên, hãy đóng quân ở biên giới, cho đem thư đến trước, nếu bảy giờ không chịu thông hiếu, mới là có lỗi; nay lại bức bách nhau quá, loài thú cùng quá cũng phải cắn lại, huống chi là người". Ô Mã Nhi nói: "Đại quân chỉ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, Quốc vương phải đến tương kiến ngay, thì trong nước được yên; nếu không thì chỉ trong khoảnh khắc, núi sông sẽ phá bẳng như bình địa, lúc ấy không hối lại được nữa". Khi Khắc Chung về rồi, người Nguyên bảo nhau rằng: "Chúng nó đương bị oai hiếp, mà vẫn ăn nói có vẻ mặt tự nhiên, không hạ Vua xuống là tên ăn trộm Chích, không nịnh vua ta là vua Nghiêu, thật khéo ứng đối, nước chúng có người giỏi, chưa dễ tính được đâu". Khắc Chung về thì quân Nguyên lại theo gót đến, cự nhau với quân ta. Thoát Hoan lên sông Nhĩ Hà, cột liền bè vào làm cầu, cho quân qua sông; quân ta theo hai bên sông lập đồn để cự lại, không được; ngày đã về chiều, quân giặc qua được sông vào kinh thành, Vua sai đưa Thiên Tư Công chúa cho chúng, để thư nạn cho nước (Công chúa là em gái út của vua Thánh Tôn, đem gả cho Thoát Hoan thật không còn kế sách gì, đáng cười lắm).

Trần Bình Trọng (con cháu vua Lê Đại Hành, làm quan với Trần, được đổi họ Trần, phong làm Bảo Nghĩa Vương) đánh nhau với quân Nguyên ở bãi Đà Mạc, thua, bị bắt, quân giặc hỏi quốc sư, ông không trả lời, ông nói: Thà ta làm quỷ nước Nam, không thềm làm vương đất Bắc", rồi bị chúng giết, Vua được tin thương xót quá.

Vua triều Quốc Tuấn đến vấn kế. Bảy giờ quân Nguyên bày hàng thuyền ở từ Hoàng Giang trở lên, đầy khắp hai bên sông, Quốc Tuấn ở thượng lưu sông ghép tre làm bè, chứa đá sỏi, thừa lúc gió bắc thuận dòng thả xuống, chiến thuyền theo sau, thuyền của Nguyên bị bè tre nửa vướng chặt, quân ta nhân cơ hội ấy đánh giáp lại, phá được quân giặc.

Vua rước Thượng hoàng đi Tam Trĩ Nguyên, Thoát Hoan vào thành biết Vua đã đi rồi, đuổi theo càng gấp. Khi bảy giờ xa giá đã chạy trốn, Quốc Tuấn có tiếng là người có kỳ tài, lại có điều hiềm khích của An Sinh Vương, dân chúng dễ lòng ngờ vực; khi ấy ông theo vua đi tay cầm gậy gỗ đầu có bịt sắt nhọn, ai cũng ngấp nghé nhìn xem sao, Quốc Tuấn lập tức tháo bỏ sắt nhọn ấy đi, chỉ còn gậy gỗ không, dân chúng mới được yên lòng.

Bảy giờ quân Nguyên dò biết vua ở nơi nào rồi, lại gặp lúc tướng Nguyên là Toa Đô đem quân từ Chiêm Thành về, hợp với quân của Thoát Hoan, chia cho Tả thừa đi đường thủy, Hữu thừa đi đường bộ, cùng tiến quân; Vua phải bỏ thuyền lên đường bộ, dẫn quân về phía đông, còn chiến thuyền thì bị quân Nguyên bắt mất cả, Vua lại phải lấy thuyền do cửa biển Nam Triệu vào Thanh Hóa.

Con Quốc Khang là Kiến cùng thuộc hạ là Lê Xí đầu hàng quân Nguyên (Toa Đô đưa Kiến về Yên Kinh, gia nô của Quốc Tuấn đón đường bắn chết Kiến).

Lũ Trần Ích Tắc cũng đưa gia quyến đầu hàng quân Nguyên. Ích Tắc 15 tuổi đã thông hiểu thư sử, tự phụ là thông minh, vẫn ngầm ngầm có lòng cướp ngôi con cả, đã từng gửi thư riêng nhờ bọn lái buôn Vân Đồn đưa đi, xin quân Nguyên sang nước Nam, đến khi ấy quân Nguyên đến xâm lăng thì y liền đầu

hàng, mong được có cả nước Nam. (Xưa vua Thái Tôn nằm mộng thấy vị thần 3 mắt, nói rằng bị thượng đế phạt, giáng xuống trần xin ký thác vào Vua, sau lại đi về bắc. Đến lúc sinh ra Ích Tắc trên trán có vết ấn ở trong như một mắt nữa).

Chiêu Văn Vương là Nhật Duật đánh bại quân Nguyên ở Hàm Tử Quan, hồi trước Toa Đô từ Chiêm Thành ra, hội quân ở Ô Rí, liền đến cướp đất Hoan và Ái, tiến lên đóng ở Tây Kết, Vua và quần thần bàn rằng: "Quân giặc bao năm đi xa, vận lương hàng vạn dặm, thế tất mỗi mệt, quân ta thư thả đánh quân bị khó nhọc sẵn, tất phá được chúng". Sai khinh binh đón đánh, đánh nhau ở Hàm Tử Quan, trong quân của Nhật Duật có người ăn mặc lối người Tống, cầm cung tên ra đánh, Thượng hoàng lấy có người Tống và người Thát Đát tiếng nói và ăn mặc giống nhau, sợ không phân biệt, sai người truyền cáo rằng: Đó là người Thát Đát của Chiêu Văn Vương đây, lên nhận kỹ. Người Nguyên thấy có người ăn mặc lối nhà Tống, cho là có người Tống giúp sức, đều tan vỡ chạy mất. Xưa lúc Tống mất nước, có nhiều người chạy về nước ta trong bọn có Triệu Trung là người mạnh giỏi, Nhật Duật thu dụng làm gia tướng. Cho nên công đánh được Nguyên, là công Nhật Duật nhiều hơn cả.

Vua rước Thượng hoàng thân chinh, đánh bại lớn quân Nguyên ở Tràng An, giết và bắt được vô kể. Lúc bấy giờ Toa Đô cùng Thoát Hoan đóng quân cách nhau 200 dặm, quân Thoát Hoan thua, mà quân Toa Đô còn chưa biết, cùng với Ô Mã Nhi từ đường biển đi đến sông Thiên Mạc, muốn đến làm viện binh cho Thoát Hoan, quân du kích đi đến Phù Ninh, Phụ Đạo là Hà Đặc lên đóng ở Trĩ Sơn để cố thủ, lấy tre đan thành hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đêm thì dẫn ra, dẫn vào; lại khoét thủng cây lớn, cắm mũi tên lớn vào đó, để cho giặc nghi sức tên bắn mạnh đến thế; quả nhiên giặc sợ không dám giao chiến, quân ta nhân thế cố sức đánh phá được. Em Đặc là Chương lấy trộm được cờ xí trốn về dâng Vua, xin dùng hiệu cờ giả làm quân giặc, đương đêm đến phá quân dinh, giặc không ngờ là quân của ta, liền tan vỡ. Vua tiến quân lên đóng ở Đại Mang, Tổng quản của Nguyên là Trương Hiến đầu hàng, đại phá quân Nguyên ở Tây Kết, chém được Nguyên súy Toa Đô, bắt được đồ đảng của chúng 5 vạn người, Ô Mã Nhi phải trốn, dùng một thuyền nhỏ ra biển được thoát chết. Thoát Hoan cũng phải thu quân chạy về nước, Lý Hoảng đi tập hậu; đến Sách Giang chưa kịp qua đò. Quốc Tuấn mai phục sẵn trong rừng nứa, dùng nỏ bắn ra, Hoảng bị trúng mũi tên chết; quân ta đuổi theo, quân Nguyên mất đến quá nửa, tướng sĩ đánh thù tử mới hộ vệ Thoát Hoan ra được khỏi địa giới, rồi về Tàu. Vua trông thấy thủ cấp Toa Đô, động lòng nói "Làm tôi phải như thế này", rồi sai đem mai táng. Sau lại vì Toa Đô đốt cung điện, tàn bạo bách tính, sai tẩm dầu cái đầu ấy mà đốt đi, để răn bảo dân chúng.

Sử thần bàn rằng: Mỗi lần có tin báo quân Nguyên sang cướp, thì tất là Vua thân hành ra ngoài trông coi quân, khi đi đông, đi tây, không đi nhất định đường nào, khi ở trên bộ, khi ở thủy không đóng nhất định ở đâu, đó không phải là rát, là vì Vua ở bên ngoài, thì dễ hiệu triệu thiên hạ. Cổ lệ lòng hăng hái của quân sĩ, chư tướng thì tiện việc tâu xin mệnh lệnh, tam quân thì vui lòng xông pha, lính tráng đều là quân của nước, của nhà giàu là của nước, có cơ hội nào thì cổ động quân sĩ xông vào trước, gặp tình

thế không may thì tùy tiện mà chống giữ; khi tiến quân thì nhanh như chớp nhoáng, khi lui về thì như rồng rắn ẩn thân, giặc không biết đâu mà lường đạc được, nếu chỉ nấp giữ ở trong thành, thì địch coi đó là sào huyệt, chúng sẽ chặn đường không cho vận lương đến, và giữ viện binh không vào được, đến nổi lương hết, lực cùng, chẳng nguy lắm sao. Có tin giặc đến mà Vua lập tức đi ra ngoài, đó là kỳ kế, liệu sức giặc và tính cách đánh của nhà Trần.

Vua rước Thượng hoàng về kinh đô, tuyên công trạng và phong chức tước cho công thần, trị tội kẻ đã hàng quân giặc.

Cho đưa tù binh Chiêm Thành trả về nước (người Chiêm Thành bị Toa Đô bắt thì đều cho về hết).

Vua xuống chiếu định số nhân khẩu ở trong nước. Triều thần can rằng: "Dân đương lao khổ, mà định số nhân khẩu, không phải là việc cấp". Vua nói: "Lúc này chính là lúc nên xét định, để cho chúng đừng dò sự điêu tàn của ta". Quần thần đều phục là phải.

Lúc ấy quân giặc mới rút lui, dân bị thương đau chưa khỏi, dân lưu tán chưa kéo về, thôn xóm đồng ruộng điêu tàn xơ xác, chiêu tập võ về dân còn chưa xong, mà đã vội vàng làm sổ đinh; trong việc làm ấy thì phải quan chức tra xét, dân chúng hội họp, phí tổn về ăn uống; con gà, đùi lợn tránh sao khỏi phí, sổ mới, lệ cũ so sánh khó đều, sau khi binh lửa, mà phải bỏ nghề nghiệp đi hầu tra cứu nhiều dân quá lắm; quần thần biết nói phải để chữa lỗi lầm, Vua trên lại trái lời can mà đặt điều để che lỗi; thế mà quần thần không cố can gián, mà lại khen phục, có phải gần như xiểm nịnh không?

Thoát Hoan thu về nước, vua Nguyên giận lắm, bãi quân đánh Nhật Bản, đưa hết quân sang đánh Nam, hẹn đến tháng 8 thì xuất quân sang xâm lấn nước Nam; phong Trần Ích Tắc làm vua nước Nam, sai đưa về nước. Lưu Tuyên can rằng: "Liên liên năm nào cũng dụng binh, tật bệnh chưa lại sức, nay lại đưa quân đến viêm nhiệt, tứ dân đều phải bỏ nghề nghiệp mà đi đánh, không phải là kế sách hay". Vua Nguyên nghe theo, tha quân tỉnh nào về tỉnh ấy, cho Ích Tắc ở Ngạc Châu, cấp cho khu ruộng Hán Dương để mà sinh nhai.

Vua hỏi Quốc Tuấn rằng: "Năm nay quân Nguyên tắt lại sang, chưa biết tình thế chúng thế nào?". Quốc Tuấn trả lời: "Nước ta hưởng thái bình đã lâu, dân không biết đến việc binh, vì thế, năm trước quân giặc đến có kẻ đầu hàng, có kẻ trốn tránh, may nhờ oai linh tổ tiên và thần vũ của Bệ hạ, mà đánh đuổi chúng. Nếu lần này chúng lại sang, thì quân ta đã quen chiến đấu rồi, quân chúng thì sợ phải đi xa xôi, tất là phá được".

Nhà Nguyên lại sai Thoát Hoan đốc suất 7 vạn quân Mông Cổ, Hán Khoản sang xâm lấn nước ta, Trương Văn Hổ vận tải 17 vạn thạch(3) vạn lương thực đi theo. Khi ấy hốt nhiên có biên báo, nhà cầm quyền xin kén tráng đinh xung vào quân ngũ, Quốc Tuấn nói: "Cần luyện tập quân cho tinh, chứ không cần nhiều; túng xử có 10 vạn quân như quân Bồ Kiên mà không tinh luyện có làm gì được". Vua hỏi: "Giặc đến thì làm thế nào?". Quốc Tuấn trả lời: "Năm nay thế giặc dễ đánh, không đáng lo".

Quân Thoát Hoan đến Nam Quan, chia ra ba đạo tiến sang. (Trình Bằng Phi do đạo tây đi vào Vĩnh

Bình, Ô Mã Nhi đi đường biển vào An Bang, Áo Lỗ Ma đi theo cửa Nữ Nhi Quan). Tướng bộ quân của Nguyên là Bằng Phi đánh trại Phù Sơn, quân ta đón đánh, bắn bằng tên thuốc độc, quân giặc hơi phải rút lui, chiến thuyền của Nguyên đến cửa biển An Bang, quân ta thắng thốt không phòng bị sẵn, phải bỏ thuyền chạy, bị quân giặc lấy mất nhiều chiến thuyền; Nhân Đức độc lực cố đánh, quân giặc chết đuối mất nhiều, lấy lại được thuyền chiến. Thoát Hoan sai Bằng Phi kéo quân đánh Vạn Kiếp, hợp với quân Ô Mã Nhi thuận theo dòng sông xuống phía đông, đến thẳng kinh đô, qua sông Phú Lương, đóng quân ở bên thành, quan quân ta đến đánh, không được lợi. Vua phải rước Thượng hoàng đi về phía nam. Khi bấy giờ Quốc Tuấn làm Thống tướng, nhất thiết các việc ở biên giới đến ủy cho Phó tướng Vân Đồn là Trần Khánh Dư. Đến lúc này Ô Mã Nhi đưa thủy quân ra cửa biển Đại Bằng đón thuyền lương của Văn Hổ, nhưng không gặp, Khánh Dư đến đánh không lợi, Thượng hoàng được tin, sai trung sứ khóa tay giải đến nơi Vua đóng quân, Khánh Dư nói: "Xin chịu nhận quân kỷ, nhưng xin rộng cho 3 ngày để lo đánh lại", Trung sứ theo lời xin; Khánh Dư đoán chừng thuyền quân của giặc đi qua rồi, thuyền lương tất phải theo sau, liền thu thập tàn tốt chờ ở đó, lát sau, quả nhiều thuyền lương của Văn Hổ kéo đến, đón đánh đại phá được, gạo phải chìm xuống biển, bắt được nhiều quân sĩ và khí giới, dâng thư báo tiếp, Thượng hoàng tha tội trước không hỏi đến, và nói: "Quân giặc chỉ trông nhờ vào lương thực, nay bị ta bắt mất, không thể nào ở lâu được". Mới thả bọn quân đã bắt được trở về trại quân Nguyên để cho chúng biết. Quân Nguyên thiếu lương ăn, không còn chí chiến đấu nữa, cho nên năm nay bách tính không bị thảm khốc quá như năm trước, thật là công Khánh Dư.

Lúc trước Khánh Dư ở Vân Đồn, tục nơi ấy chỉ có nghề buôn bán để sinh nhai, ăn mặc đều nhờ vào bọn dân Tàu, nên cái gì cũng theo phong tục Tàu. Khánh Dư hạ lệnh nói: "Quân trấn giữ Vân Đồn, là để ngăn phòng giặc Hồ, không nên đội nón của Tàu, sợ khi vội vàng khó phân biệt, nên đội nón Ma Lô(4) để cho phân biệt". Khánh Dư đã mua thứ nón ấy chở đầy thuyền đem về, người trại Vân Đồn tranh nhau đến mua nón, giá bán cao lắm, 1 cái nón trị giá 1 tấm vải, được lợi kể hàng nghìn tấm vải; người Tàu làm thơ mừng ông có câu: "Gà chó Vân Đồn đều phải sợ", nói thác là người ta sợ oai danh của ông, nhưng thật là chê bai ngầm đó. Sự tham bĩ của ông đại loại như thế.

Khi Khánh Dư ở trấn Vân Đồn, có người cáo giác là tham bĩ, quan Hành khiển đưa sự trạng tâu Vua, Khánh Dư nói: "Tướng là chim ưng, quân là con vẹt, đưa con vẹt để nuôi chim ưng, có gì là lạ". Việc đánh lui được giặc trong đời Trưng Hưng, ai cũng khen nhiều về trận thắng ở sông Bạch Đằng của Hưng Đạo, nhưng không bằng trận thắng ở Vân Đồn của Khánh Dư, là trương bản của các trận thắng khác đó.

Thoát Hoan vào chiếm thành Thăng Long, thật ra lấy chỗ Vạn Kiếp làm đại đồn, mà Phả Lại làm nơi tựa, ngày đêm mong đợi thuyền lương của Văn Hổ vận theo đường biển đến. Đến lúc này quân tuyệt lương đói, liền dẫn quân về Vạn Kiếp, sai A Bát Xích đi cướp lương thực của làng xóm lân cận, được hơn 4 vạn gạo, mưu toan chia cho các đồn, để làm kế cố thủ; tướng sĩ cấp dưới nhón nháo kêu rằng:

"Không còn kho tàng nào có thể làm lương được, không gì bằng kéo quân về là hơn". Thoát Hoan nghe lời ấy, liền quyết ý kéo quân về, sai Ô Mã Nhi đưa chiến thuyền đi đường thủy kéo về trước. Trước kia, Quốc Tuấn lấy có An Bang(5) là con đường mà quân Nguyên về Bắc tất phải đi qua, sai cắm gỗ sắn ở lòng sông Bạch Đằng che cỏ lên trên, đề chờ quân giặc. Đến khi quân giặc của Ô Mã Nhi kéo về, Quốc Tuấn thừa lúc thủy triều lên, ra khiêu chiến, giả thua chạy, quân giặc đuổi theo, mực nước xuống thấp, thuyền mắc vào cây, Nguyễn Khoái lãnh đạo quân Thánh Dực giao chiến, lại gặp được đại quân của Vua đến theo, tung ra đánh mạnh, đại phá được quân giặc, nước triều lui rất gấp, thuyền của giặc đều vướng vào cọc gỗ, lật úp cả, chết đuối vô kể, nước sông đỏ ngầu, bắt được Ô Mã Nhi dâng lên Thượng hoàng, khi dẫn y lên thuyền ngự, rót rượu cho uống. Bằng Phi đi đường bộ, hộ vệ Thoát Hoan trốn về, quan quân ta đã chặn đón trước ở ải Nội Bàng. Người Nguyên tự đắc, không thoát được, vừa đánh vừa chạy, quân ta đứng trên cao dùng nỏ bắn xuống; tướng sĩ Nguyên ngã như rạ, Thoát Hoan chỉ một thân đi đường tắt Đan Ba trốn về.

Sử thần bàn rằng: Ngô Tiên Chúa phá quân Lưu Hoảng Tháo, Trần Hưng Đạo bắt được Ô Mã Nhi, đều ở sông Bạch Đằng, là võ công vẻ vang nhất của nước ta, danh tiếng các vị hào kiệt ấy cùng với non sông nghìn đời nhớ mãi, dấu vết hôi tanh của Hán và Nguyên, cũng theo mãi với nước non. Giang sơn nước Nam, sách trời định rõ, người Bắc tuy có cật trí lực chực chiếm cứ, nhưng dù có lấy được cũng không thể nào giữ được, vậy thì tham binh có làm gì được. Trương Hán Siêu làm bài phú sông Bạch Đằng có câu: "Bình khí chôn vùi trong đồng cát, xương khô chất đồng thành non cao; trận đại thắng ở sông này là do tự Đại Vương đã định liệu trước", nghiền ngẫm kỹ lời và ý câu văn, mô tả được trận thua của Hán và Nguyên, rất là thiết thực.

Vua nước Thượng hoàng về phủ Long Hưng, dâng tù binh quân Nguyên lên Chiêu Lăng - Lúc trước người Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng, không phạm vào Tử cung(6); đến khi quân giặc thua, thì thấy chân ngựa đá ở lăng đều lấm bùn, cho nên khi yết lăng có câu thơ: "Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã, sơn hà thiên cổ điện kim âu"(7), đó là cảm thấy thần linh của ông cha phù hộ ngầm cho mới được thế. Khi xe Vua đã về kinh đô, cung điện bị giặc đốt phá, vào ở tạm nhà thị vệ. Đại xá cho trong nước, phạm xứ nào bị binh lửa thì được tha thuế khóa hoàn toàn, ngoài ra tha có từng hạng một.

Lệ cũ: Tòa Hàn Lâm nghĩ soạn tờ chiếu, quan Hành khiển tuyên đọc chiếu. Nên dự thảo tờ chiếu thì đưa đến trước để tập đọc, để khi tuyên đọc hiểu cả âm và nghĩa, cho dân dễ hiểu. Bấy giờ quan Tả phụ Lê Tông Giáo cùng quan Hàn lâm Đình Củng Viên bất hòa với nhau, Củng Viên không đưa bản thảo trước, Tông Giáo đòi không được; đến ngày lễ, Vua đã ra rồi, mới giao tờ chiếu, Tông Giáo đọc không được thông, chỉ cúi đầu lặng yên, Vua bảo Củng Viên đứng đằng sau mách bảo, Tông Giáo xấu hổ. Vua dụ rằng: "Củng Viên là văn sĩ, người là Trung quan sao lại bất hòa với nhau đến thế? Người làm quan Lưu thủ ở Thiên Trường có thổ sản như tôm biển, cam ngọt, tổng tặng qua lại nhau, thì có hại gì". Từ đấy trở đi hai người lại thân mật với nhau lắm.

Sứ thần bàn rằng: Vua tôi triều Trần thân nhau như một, người ở xa không hiềm là xa mà kiêng kỵ; người ở gần không dám cậy gần vua mà khen chê bậy; lại biết kính lễ sĩ phu, nên các bậc nho được vì có văn học mà tự trọng, mà có phong tục tốt của cổ nhân. Có người nói: Vua bảo Tòng Giáo như thế, chả là mở lối cho người bày tôi giao thiệp tư đi chăng? Trả lời: việc làm thì hơi giống thế, nhưng thật không phải thế, kia như Xuân Thu chê Tế Bá tư giao, kinh Thi có câu ca: Tặng cho quả dưa, trả lại quả mận, tư giao ấy không giống việc này.

Vua sai Đỗ Thiên Nghiễn đi sang Nguyên (Thiên Nghiễn là em Khắc Chung, đã có công về việc đi sứ Nguyên, nay lại tiến cử em). Trong tờ biểu đem đi, đại lược nói: "Đại quân về rồi, mà thiên sứ chưa thấy đến, vậy xin sai bồi thần kính dâng lễ mọn, đến trước cửa vua trần tình, lễ thờ nước lớn tôi không dám thiếu. Ô Mã Nhi đã khởi hành về nước, người trong nước ai cũng biết, đã giúp cho hành trang và sai người hộ tống đi lối đường biển, sớm muộn sẽ về đến kinh đô".

Đưa Ô Mã Nhi trở về nước. Dùng kế của Hưng Đạo; kén người thạo nghề đi biển làm phu thuyền, đương đêm đục thủng thuyền cho chìm, Ô Mã Nhi chết đuối.

Trả tù binh Nguyên cho về như lũ Tích Lệ Cơ, Đường Ngột Phản, đồng thời khởi trình với Ô Mã Nhi, đều được đi thuận tiện cả; duy có Ô Mã Nhi là người gian hiệt quá, mà lại đa sát, khi quân Nguyên đến, y bảo người nước ta rằng: "Chúng mày đi lên trời hay xuống đất, ta cũng đuổi theo; chúng mày trốn lên núi, xuống biển ta cũng theo đi". Nên người nước ta giận y lắm, duy có một mình y bị chết đuối: mà trả lời với Nguyên rằng: Nước lớn thuyền chìm quan Tham chính người cao lớn, khó vớt lên lắm. Nguyên cũng biết là nói dối, không hỏi vặn làm gì.

Chữ tín là quý báu nhất của nước; đã bảo cho về, lại còn dùng kế giết đi, quỷ quyệt như thế, thủ tín với lân bang sao được. Đến sau này vua Lê Thái Tổ cũng trả người Minh về nước, có người nói đến sự đục thuyền cho đắm. Vua không dùng: người Minh cũng không nghi gì. Như thế mới thật là Vương giả có đại tín.

Khi Thoát Hoan trở về, Vua sai Nguyễn Đức Vinh, Đoàn Khải Khung mang lễ vật theo đi; Vua Nguyên giận lắm, muốn cho quân sang lần nữa, nên giữ cả sứ thần ở lại không cho về; đến khi đưa lũ Tích Lệ Cơ về đến nơi, mới cho sứ thần ta về nước, và lại sai Lưu Đình Trục sang tuyên dụ, giục Vua mau vào châu, Đình Trục đi đến cửa điện xuống ngựa; Vua sai Quốc Tuấn mời vào viện Tập Hiền, bảo cho biết duyên cớ Ô Mã Nhi bị chết đắm và nói là Vua tuổi già không đi xa được. Đến lúc Đình Trục cáo từ trở về, Hưng Đạo vẫn kính thuận như lời trong tờ biểu đã nói: Từ đây hai bên Nam và Bắc lại thông hiếu với nhau.

Định công đánh được Nguyên, tiến phong Quốc Tuấn làm Hưng Đạo Đại Vương. Đỗ Khắc Chung được đổi là họ Trần, còn các người có công tiến lên trước tiên mà phá trận giặc, đều được ghi họ tên mà vẽ hình tượng; hoặc có người còn oán vọng không vừa ý, thì dụ bảo rằng: "Các người biết chắc quân giặc không đến nữa, thì tuy có cho lên đến cực đẳng, Trẫm cũng không tiếc; vạn nhất chúng lại

đến nữa, mà các người lại có công, thì lấy bậc gì mà thưởng cho được". Ai cũng vui vẻ phục lời đó. Duy có Phùng Sĩ Chu thì lúc quân Nguyên đến, Vua sai ông bói, tâu rằng: Tất đại thắng, Vua mừng rỡ nói: "Nếu quả đúng như lời người, thì sẽ có trọng thưởng"; đến khi bình được giặc, Vua nói: "Thiên tử không có đùa", nên cho Sĩ Chu làm chức Hành Khiển; lại có Trần Khiển, Vua cũng sai bói, bói được quẻ Dự và Chấn, nói rằng: Mùa hạ sang năm thì quân Nguyên thua, đến khi Nguyên lại sang, lại sai bói, được quẻ Quán và Hoán, nói rằng: "Sông Bạch Đằng là nơi quân Nguyên tẩu tán. Hai quẻ đều ứng nghiệm cả, cho nên cũng cho làm chức An Phủ". Lại phong Nguyễn Khoái làm liệt hầu, cho một quận để làm nơi hưởng lộc, gọi là Khoái Lộ (Tức là phủ Khoái Châu, Hưng Yên).

Trị tội những kẻ đầu hàng giặc, (Trần kiện, Trần Lộng đều bị tước xóa tên trong sổ họ nhà vua, cải là họ Mai, duy có Ích Tắc vì có anh em ruột thịt nhà vua, không nỡ phạt, chỉ gọi tên là Á Trần, ý bảo là nhu nhược hèn như đàn bà, cho nên thời bấy giờ có tên gọi là Á Trần và Mai Kiện).

Lúc quân Nguyên đến xâm lăng trong bọn thần liêu nhiều kẻ đi lại biểu xén ở trại giặc, đến khi giặc tan, bắt được nhiều tráp đầy tờ biểu xin đầu hàng. Thượng hoàng sai đốt tất cả đi, để yên lòng kẻ phản trắc. Duy có người đã đầu hàng rồi thì tuy thân ở triều đình của địch, nhưng cũng tuyên xử tội lưu đày hay tử hình, tịch thu điền sản; còn các quân và dân mà hàng giặc thì tha cho tội chết, chỉ bắt chuyển chở gỗ, đá làm cung điện để chuộc tội, có 2 làng Ba Điểm, Bàng Hà khi giặc đến đã đầu hàng trước, thì bắt tội dân 2 làng ấy chỉ bị sai khiến làm tôi tớ, không được vào làm quan.

Vua Thái Tôn đốt tờ hàng biểu, cũng như vua Quang Vũ đốt văn thư, độ lượng đế vương rộng lớn đến thế.

Thượng hoàng trở về Thiên Trường, trông thấy cung khuyết không bị giặc xâm hại đến, có làm thơ rằng:

(8)"Cảnh thanh u vật diệc thanh u,

"Thập nhị thần chu thử nhất chu,

"Bách bộ sinh ca cầm bách thiết,

"Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu,

"Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,

"Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu,

"Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh,

"Kim niên du thắng tích niên du".

Từ năm Thiệu Bảo nổi việc binh đao, hai lần đánh quân Nguyên, may mà xã tắc lại yên, giang sơn y như cũ, tuy rằng lòng trời giúp cho, nhưng nhân sự cũng rất gian nan, hạp vương hầu ở Bình Than, đãi phụ lão ở Diên Hồng, không hạng nào là không hỏi đến; khi vào Thanh Hóa, khi ra Hải Đông, lúc đi Đại Bàng, lúc về Thiên Trường, không nơi nào là không đi đến. Nhất đán rửa rạch bụi Hồ, lại yên thế nước, về thăm cố hương, mắt trong cảnh đẹp, tai nghe chim ca, chén rượu dưới trăng, tiếng đàn trên suối, nghỉ lại khi đi Chí Linh, Vạn Kiếp, trận đánh Đại Than, Bạch Đằng, những lúc con thuyền lênh đênh, dùng bát cơm hẩm, vua tôi, cha con vẫn nhất tâm lo sao cho qua cơn sóng gió, sở dĩ vì có hoài cảm ấy mà làm bài thơ trên này.

Vua thân đi đánh nước Ai Lao. Triều thần can rằng: "Giặc Hồ mới lui, vết thương của dân chưa lành, sao lại đã hưng binh". Vua nói: "Chỉ nên xuất binh vào lúc này; lân bang sẽ bảo ta có bao nhiêu quân sĩ, voi ngựa mất hết, sắp có sự khinh rẻ ta, nên phải đại cử để thị oai". Quần thần đều nói: "Thánh nhân lo xa, không ai nghĩ kịp"

Thượng hoàng mất (Đỗ Quốc Kế nói: thần được biết khi cư tang không làm cho ai đau thương, xin vua nên cưỡi ngựa thay cho kiệu do người khiêng. Vua nghe lời, nên chỉ dùng yên ngựa mộc). Cử Phí Mệnh làm quan An phủ Diễn Châu. Mệnh ở nơi làm quan, có tiếng tham ô, Vua triệu về đánh trượng, sau lại được tiếng là công bình, thanh liêm, dân Diễn Châu có câu ca: "Diễn Châu An phủ thanh như thủy"(9).

Lập Hoàng tử Thuyên làm Thái tử.

Nhà Nguyên sai Trương Lập Đạo đến nói: "Quân sang năm trước không phải chú ý của vua, là vì biên thần dèm pha mà sinh ra đó"; nhân tiện lại yêu cầu Vua phải vào châu, Vua cáo từ là có tang, liền sai Nguyễn Đại Pháp dâng biểu lên tạ lỗi: Sứ thần đi đến Ngạc Châu, thấy Ích Tắc ngồi ở sảnh đường, nói rằng: "Mày có phải là thư nhi nhà Chiêu Đạo Vương đó chăng?". (Chiêu Đạo Vương là con vua Thái Tôn, anh cùng mẹ với Ích Tắc). Đại Pháp nói: "Việc đời biến chuyển, ta trước là thư nhi, nay là vị sứ thần một nước, cũng như quan Bình Chương (chức của Nguyên cho Ích Tắc) xưa là con vua này lại là tên giặc đầu hàng" Ích Tắc xấu hổ lắm, từ đấy khi trông thấy sứ thần nước ta, không dám ngồi ở sảnh đường nữa.

(Từ khi Ích Tắc đầu hàng, người Nguyên thường cho quan dẫn về nước, nhưng không xong, thì cho ở Ngạc Châu, trải qua các đời vua Thế Tổ, Thanh Tôn và Vũ Tôn nhà Nguyên, chúng thương tuổi già vẫn trọng đãi, lời trong tờ chế cáo phong Ích Tắc đại lược có câu: Quân nhà vua đã vài lần đưa về, cũng như với kẻ chết đuối, cứu kẻ bị cháy, gần 30 năm ở tỉnh Hồ, được có quan tước và nhà ở, trải qua 4 triều, vẫn một dạ trung thành. Ích Tắc 76 tuổi thì mất).

Vua đi chơi, gặp gia đồng các nhà vương hầu, tất gọi tên đến hỏi: Chủ mày đâu? Vẫn răn bảo các vệ sĩ

không được quát mắng những người ấy, vì khi có hoạn nạn xưa, chỉ có lũ chúng ở lại, vua cảm công lao đã hộ tống, mà cho ân huệ đó.

Lời bàn: Khi nước rút thì bờ bến mới hiện ra, gặp vận cùng thì lòng tiết nghĩa mới rõ rệt; khi vô sự và khi lâm nạn, hoàn cảnh khác mà lòng người thường thay đổi mới biết những kẻ mồm mép, sốt sắng không bằng người lão thực mà chuyên nhất. Hai lần đánh lui quân Nguyên, trèo non lội biển, gỏi giáo nằm sương, thật là công lao to lớn của chư thần, yên người mà yên lân cả chim quạ đậu nóc nhà, quen mặt nhớ tên, gặp ở đường cũng ân cần thăm hỏi, có tình chủ bộc thân yêu nhau. Vua Nhân Tôn như thế thật là khoan hậu.

Vua truyền ngôi cho Thái tử, Thái tử Thuyên lên ngôi Vua, cải niên hiệu là Hưng Long.

Vua Nhân Tôn 16 tuổi làm Thái tử, đã có chí đi tu, xin nhường ngôi vua cho em, vua Thánh Tôn không cho, đến khi nhận truyền ngôi, ban ngày thì làm việc nước, ban đêm vẫn tụng kinh, đến đây lại cùng các vị tăng Pháp Loa (Đồng Kiên Cương), Huyền Quang (Lý Đạo Tái) vân du các núi An Tử, Lô Âm, giảng cứu nội điển nhà Phật.

Khi trước Nguyên Đại Phạp sang sứ Nguyên, vị từ thần làm tờ biểu, làm các lời kéo dài lời vãn, có ước hẹn sang năm sẽ đến cửa vua Nguyên; đến lúc ấy Nguyên lại sai Lương Tăng đến trách, giục phải vào châu. Thượng hoàng từ chối là bị đau, lại sai Đào Tử Kỳ đưa tờ biểu sách bằng vàng chúc tụng vạn thọ dâng Nguyên, vua Nguyên giận, câu lưu Tử Kỳ ở Giang Lăng, nghị lại đem quân sang, sai Quốc Kiệu, Cát Ai chia 2 đường thủy và bộ cùng sang, mà cho Ích Tắc đi theo quân đến Tràng Sa, gặp lúc vua Thế Tổ nhà Nguyên mất, vua Thành Tôn lên nối ngôi, mới xuống chiếu bãi việc sai quân ấy, liền cho Tử Kỳ về nước. Nguyên lại sai Lý Hán làm tờ chiếu dụ, đại lược nói: "Vì vua Nguyên mới lên ngôi, khoan tha cả mọi việc, đã có sắc bãi quân An Nam rồi, từ nay trở đi thì nên nghĩ kỹ về việc sợ oai trời, thờ nước lớn". Bà Khâm Từ Hoàng Thái hậu mất (Thượng hoàng làm chuồng hổ, sai quân sĩ bắt hổ, Vua ở trên lầu xem, vì thêm lầu thấp, con hổ thoát ra khỏi chuồng, rồi nhảy lên lầu, Hoàng hậu cùng thi nữ lấy chiếu che cho Thượng hoàng, con hổ vội vàng nhảy xuống, không động chạm gì đến Thượng hoàng. Lại một lần xem đấu voi ở sân rồng, con voi đột nhập, tả hữu chạy cả, duy chỉ còn một Thái hậu ở lại, xem thế đủ biết Thái hậu cũng là bậc anh hùng trong nữ lưu).

Bà Khâm Từ Thái hậu mất rồi, bà Truyền Từ Hoàng hậu mới được chủ việc trong nhà; tính bà thẳng mà dạy bảo thì nghiêm, vua Anh Tôn lại phụng thừa rất cẩn trọng, Thượng hoàng khen lắm, nói bằng tên gọi vua là Hiếu Hoàng, không thẹn gì với tên đó, thì nên lấy tên ấy mà gọi Quan gia(10) sau này.

1) Phá giặc mạnh, báo ơn Vua.

2) Ông nên nhớ việc trận Cối Kê xưa, vua Việt Câu Tiễn bị quân Ngô đánh thua bắt đem về giam ở Ngô. Ở Thanh và Nghệ còn có 10 vạn quân.

3) Tức như tạ của ta bây giờ, nhưng không biết bao nhiêu cân hay lượng.

- 4) Không rõ kiểu nón nào.
- 5) An Bang. Nay là tỉnh Quảng Bình.
- 6) Quan tài của vua.
- 7) Hai lần yên được xã tắc, ngựa đá cũng khó nhọc, sơn hà bền vững nghìn đời như cái âu bằng vàng.
- 8) Vịnh cảnh vật Thiên Trường, mừng rằng đã bình được giặc, lần đi này vui hơn lần đi trước.
- 9) Quan An phủ Diên Châu trong sạch như nước.
- 10) Khi Thượng hoàng còn sống thì gọi Vua là quan gia.

ANH TÔN HOÀNG ĐẾ

Tên là Thuyên, Thái tử của Vua Nhân Tôn, ở ngôi vua 21 năm. Vua khéo thừa kế nghiệp vua, làm cho nước thịnh trị, thái bình, cũng là vị vua anh minh trong đời Trần.

Niên hiệu Hưng Long thứ hai. Thượng tướng là Quang Khải mất.

Quang Khải có học thức, thông hiểu các thứ tiếng Hán mọi, và ngoại quốc mỗi khi có sứ nước Tàu sang, tất cử ông xung vào bàn tiếp. Khi xưa theo vua Thánh Tôn đánh giặc, vua Thái Tôn triệu Quốc Tuấn muốn cho làm chức Tư đồ, ông từ chối nói: "Vua đi xa, Quang Khải hổ giá, mà Bệ hạ tự tiện cho thân quan chức, e có điều không tiện, Thần không dám nhận, đến khi vua Thánh Tôn trở về kinh đô, việc ấy mới thôi. Quốc Tuấn và Quang Khải vẫn không hiệp ý với nhau, đến sau thì lại thân mật với nhau, đồng tâm mà giúp nhà vua, hai ông là có công đầu hơn cả. Khi mất, ông 54 tuổi, con ông là Văn Túc có tiếng về văn học thời bấy giờ, cháu là Oai Túc, tăng tôn là Nguyên Đán cũng đều có tiếng; phúc trạch sâu dày, cùng với nhà Vua lâu dài mãi mãi.

Khen thưởng tiết phụ là Lê Thị (chồng là Phạm Mưu sang sứ Nguyên rồi mất) Lê Thị được tin, thương xót không ăn, chết theo, Vua xuống chiếu cho vàng và lụa để an ủi.

Trần Thời Kiến làm quan An Phủ sứ Thiên Trường, có người dân quê đem biểu ông mâm cỗ, hỏi lý do, thì người ấy trả lời; vì ở gần công đường của ông, chứ không thỉnh cầu điều gì, được vài hôm, quả nhiên người ấy nhờ ông có việc, ông móc họng thổ ra. Đến lúc ấy làm quan kiểm pháp, có việc kiện, lấy lý do mà đoán quyết, có việc gì thì ứng phó theo phép, người ta đều khen là người xử kiện giỏi, sau làm chức Giám nghị Đại phu (Thời Kiến người làng Cự Xá, huyện Đông Triều, tính cương trực, là môn khách nhà Hưng Đạo). Vua cho ông cái hốt, ngự chế bài minh khắc vào cái hốt ấy rằng(1) "Thái Sơn tinh cao, tượng hốt trình liệt, linh trĩ chãi gốc, vĩ hốt nam chiết".

Cử Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử Trung Tán. Khi bấy giờ Thượng hoàng về kinh đô, các người trong và ngoài không ai biết, đi bách bộ xem khắp cung điện, không thấy Vua đâu, lấy làm lạ, mới hỏi, biết rằng Vua uống rượu xương bồ say quá, cung nhân vào gọi không dậy được, Thượng hoàng giận lắm, lập tức về Thiên Trường, xuống chiếu cho bách quan phải họp để điểm mục, đến quá trưa, Vua mới tỉnh, sợ lắm, đi bộ qua chùa Tư Phúc, trông thấy học sinh Đoàn Nhữ Hài, bảo rằng: "Ta vì quá say rượu, đắc tội với Thượng hoàng, muốn có tờ biểu tạ lỗi, ngươi thảo cho ta". Nhữ Hài phụng chỉ làm xong ngay, lập tức dùng thuyền nhanh đơm về Thiên Trường, sai Nhữ Hài mang tờ biểu đi theo. Thượng hoàng hỏi đó là người nào, nội thần tâu là người của quan gia dâng biểu, Thượng hoàng không trả lời. Đến chiều, gió mưa to kéo đến, Nhữ Hài vẫn quỳ không đứng lên. Thượng hoàng hỏi người quỳ ở giữa sân còn đó không, sai đưa tờ biểu vào xem, thấy từ ý rất khẩn thiết, mới triệu Vua vào bảo rằng: "Trẫm còn có con khác có thể nối ngôi vua được, trẫm còn sống mà còn như thế, sau này còn biết đến thế nào". Vua cúi đầu tạ lỗi, Thượng hoàng lại hỏi ai làm bài biểu đó, Vua trả lời: "Người học trò là Đoàn Nhữ Hài". Thượng hoàng triệu Nhữ Hài bảo rằng: "Tờ biểu của người soạn ra đó, rất vừa lòng ta". Liền cho quan gia lại được phục vị, bách quan lại trở về triều đình như cũ. Vua cho Nhữ Hài làm chức

Trung Tán, khi ấy Nhữ Hải mới 20 tuổi, có kẻ chế giễu rằng: "Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ, khẩu tồn nhữ xú Đoàn Trung Tán"(2).

(Nhữ Hải người làng Trường Tân huyện Gia Lộc, là cận thần nhà Vua, một lời nói hay một cử chỉ của Vua đều biết rõ. Xem thực lục có chữ nào làm liền cải chính ngay).

Nhữ Hải là người học trò, được Vua biết đến trong khi bất ngờ, thảo bài biểu, theo Vua đi, một mình săn sóc bên vua, trong lúc làm bày biểu bày tỏ hết được ý của vua Anh Tôn, suốt một ngày đứng ngoài trời, vẫn hồi được lòng Thượng hoàng. Trong chỗ cha con có điều rất khó tả được, thế mà làm Thượng hoàng hồi tâm một cách dễ dàng như thế, có phải là bậc kỳ tài đời ấy và có duyên sẵn đó chăng? Câu giễu cợt miệng hơi sửa chữa xấu được nào?

Thượng hoàng đi tu hành ở Long Động núi An Tử, từ biệt các cung tần, cho được tự tiện hoặc đi hoặc ở lại người nào không muốn về quê thì cấp cho nhà ở và ruộng ở chân núi mà sinh nhai. Một hôm Thượng hoàng về đến Thiên Trường, Vua và Quốc Tuấn đến triều, Thượng hoàng nói: "Nhà ta vốn thuộc hàng làm nghề chài lưới, đời nào cũng chuộng hùng dũng cứ thích hình con rồng vào đuôi". Lúc ấy thợ thích chữ đã chờ sẵn, vua thừa lúc Thượng hoàng nhìn đi nơi khác, liền lén chạy, Thượng hoàng cũng không bắt ép phải thích vào đuôi. Vua nhà Trần không thích hình rồng vào đuôi, từ việc này đầu tiên. Thích vào đuôi như đây, cũng là loài thích chữ vào trán kẻ có tội; vua Chu Cao Tổ nói: Có lẽ đầu Vua lại còn vẽ xanh vào người; tuy là câu nói để giải sự nghi ngờ hoặc của người ta, cũng là câu nói cương quyết không nên làm như thế. Tục thích rồng vào đuôi của nhà Trần, theo mãi không biết đổi, tự hạ mình bằng người mọi rợ vẽ mình thật hủ lậu quá.

Vua thích đi vi hành, thường đem ra xóm quân lính ở, có lũ vô lại ném gạch ngói trúng vào trán Vua, Thượng hoàng thấy vết thương hỏi biết duyên cớ, tấm tắc lâu lắm (Việc này như việc vua Hán Vũ Đế ở Bách Cốc; đi như thế cũng nguy hiểm lắm).

Nhữ Lâm vâng mệnh đi sứ sang Nguyên, mật vẽ đồ bản cung điện và giấu mang theo cấm thư; việc phát giác, vua Nguyên không nổi trị tội, chỉ sai đuổi về, và dụ bảo từ nay trở đi có sai sứ thần phải kén chọn cẩn thận. (Đi sứ mà không cẩn thận, gần làm lỡ việc nước, đó là gương sáng cho các vị sứ thần, và cũng được biết nhà Nguyên đối với nước ta xử hậu quá thật).

Tục nhà Trần người cùng họ lấy làm vợ chồng lẫn với nhau, có một người tên là Quốc Khang vì làm quan quản Diễn Châu, lấy con gái người trong châu làm vợ, sinh ra con là Tư Nghĩa, Quốc Trinh. Từ đấy đều cho con cháu Quốc Khang làm chức Tri châu.

Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn mất ở tư đệ tại Vạn Kiếp. Vua có đến hỏi thăm bệnh ông và nói: "Nếu quân Tàu lại sang xâm lấn, thì dùng kế sách nào?". Ông tâu: "Xưa kia Triệu Vũ Đế cho tiểu dân yên tĩnh, dọn quang đồng ruộng, đại quân mới ra đánh Tráng Sa; nhà Đinh và Lê đắp được thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống, thời thế bấy giờ khác, nhà Lý dùng Thường Kiệt đánh châu Khâm và Liêm, là vì có thế. bản triều ta vua tôi hợp sức, mà Toa Đô bị bắt, là trời xui khiến nên thế. Đại khái lũ

chúng cây có lối đánh bằng binh khí dài, ta thì cây có đoản đao, đem binh khí ngắn chống với thứ dài, là lối thường của binh pháp. Nếu thấy quân chúng đến mạnh như gió và lửa, thế đó dễ chống; nếu chúng lối lẩn dần như tầm ăn, không cần chống được, thì phải xem xét cơ biến như thế cờ, tùy thời mà hành động, cần nhất là dùng ít sức của dân, giữ vững căn bản, đó là thượng sách.

Quốc Tuấn là con An Sinh Vương, có tài lược cả văn và võ, xưa An Sinh Vương có sự hiềm khích với vua Thái Tôn, lúc sắp mất, dặn Quốc Tuấn rằng: "Mày không lấy được thiên hạ cho ta thì ta chết không nhắm mắt được". Quốc Tuấn thừa vâng, nhưng trong lòng vẫn không cho là phải. Đến khi trong nước bị giặc cướp, binh quyền ở cả tay ông, ông đem việc ấy ra hỏi hai gia nô là Giã Tượng, Yết Kiêu, thì hai người cùng nói: "Đại vương đã phú quý rồi, còn chúng tôi thì thê đến già vẫn làm gia nô, không muốn làm như thế, để tiếng xấu ở nghìn đời". Quốc Tuấn cảm động phát khóc.

Lúc bấy giờ quân Nguyên có thế rất mạnh, vua Thánh Tôn hỏi thử Quốc Tuấn: "Hay là ta hãy đầu hàng đi?". Ông tâu: "Trước hết chém đầu thần đã, rồi hãy đầu hàng". Vua Thánh Tôn khen lắm, đã làm bài văn bia ở sinh từ của ông, coi là Thượng phụ. Lại cho ông được tự tiện cho ai tước vị gì cũng được, rồi sẽ tâu sau, nhưng ông giữ phận người bầy tôi, không dám cho một ai (có người nhà giàu bỏ thóc ra cấp cho quân lính, ông chỉ cho tên lang tướng giả, nhưng vẫn đợi tâu có được, nhiên hậu mới cho). Ông lại còn tiến cử người hiền tài cho nước (Dã Tượng, Yết Kiêu đều là gia thần của ông, có công to vào việc bắt được Toa Đô. Các ông Trương Hán Siêu, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trục, Phạm Ngũ Lão, Trần Thời Kiến đều là môn khách của ông, đều có văn chương, chính sự nổi tiếng đời bấy giờ) khi sắp mất có dặn con phải hỏa táng, đem tro tàn chôn ở trong vườn An Lạc lấp đất, trồng cây lại như cũ, để không cho ai biết chôn ở đâu. Ông có đem việc cha ông dặn ra hỏi các con ông, Hưng Võ Vương nói: "Họ khác còn không nên, huống chi người cùng họ". Quốc Tảng nói: "Tổng Thái Tổ là ông làm ruộng, mà biết thừa thời ấy thiên hạ". Quốc Tuấn cho lời Hưng Võ là phải, rút gươm kể tội Quốc Tảng. Khi châu Lạng Sơn bị có tật dịch, người ta phần nhiều cầu đảo ở đền thờ ông. Khi có giặc, thì đến đền thờ ông mà cầu xin, hề nghe thấy tiếng kêu ở hộp kiếm, thì tất đại thắng.

Hung Đạo đã soạn một bộ sách Chư Gia binh Pháp gọi là sách Binh thư yếu lược, do tập Chư gia binh pháp làm ra Bát quái cử cung đồ, gọi là Vạn Kiếp tôn truyền, Khánh Dư đã làm bài tựa. Ngoại truyện có nói: Nguyễn Sĩ Thành chết rồi lại được sống lại, tự nói ra việc trên thiên đình rằng: Đông triều có người con gái là vợ tên khách buôn Phúc Kiến, nằm mộng giao cấu với con long tinh, đẻ ra con làm loạn tặc nước Nam, Thượng đế nghe thấy thế, lập tức sai thanh y đồng tử xuống trần để trị giặc đó. Bấy giờ bà Phu nhân Trần Liễu nằm mộng thấy đứa bé mặc áo xanh chạy vào trong bọc mà sinh ra Quốc Tuấn. Đến khi quân Nguyên sang xâm lấn nước Nam, có tên Nguyễn Bá Linh làm tướng, là con của người con gái Đông Triều, quả nhiên bị Quốc Tuấn bắt được ở An Bang rồi giết đi. Tên ấy chết rồi làm yêu quái, đàn bà con gái tiếp xúc với nó là bị bệnh, gọi là Phạm Nhan, phù chú không trị nổi nó, chỉ xin được cái chiếu ở đền thờ Hưng Đạo đem về nằm, thì nó phải chạy xa, không dám phạm

đến. Hiện nay ở Vạn Kiếp ở đền thờ Hưng Đạo, ở sông Nam Sách có đền thờ Phạm Nhan.

Thông luận bàn rằng: Hưng Đạo cũng như Phần Dương(3), mà cảnh ngộ lại khó hơn, là người họ nhà vua, giữ binh quyền, bị tiếng ngờ vực, có tài văn ,võ, mà không dám cậy tài; anh hùng lừng danh hai nước, mà không dám khoe công; thế lực có thể lật núi lấp sông mà lúc nào cũng kính cẩn như có vua ở trước mặt, xem đến việc làm của ông, thì đại nghĩa chứ không theo lời cha, chỉ biết có nước chứ không biết đến nhà, bỏ cái sắc nhọn đầu gậy để đi hổ giá, rút gươm mà kể tội con, sự trung thành ấy tỏ như mặt trời. Ví với Phần Dương còn cao hơn một bậc.

Hoàng tử tên là Chiêu mới sinh, khi bấy giờ hậu cung khó khăn về sự nuôi con trẻ, Vua ủy cho Nhật Duật nuôi hộ.

Vua định thể chế mũ áo các quan văn võ (quan võ đội khăn và áo lồi mới, quan văn đội mũ đen chữ Đinh, quan hầu thì đội mũ xanh có hoa như lồi cũ. Áo các quan văn, võ vạt trước dài 1 thước làm chuẩn đích; các quan văn võ không được mặc áo tay rộng, quan hầu không được mặc xiêm. Lại xuống chiếu cho các quan văn võ toàn dùng mũ chữ Đinh, thêu hoa tía có xen lẫn sắc biếc).

(Trong đời Bảo Thái nhà Lê mới chế: Quan võ đội mũ "đan diệp", quan văn đội mũ "trùng diệp", mùa thu, đông thì dùng bằng đoạn, mùa xuân và hạ dùng the, là do Tể tướng Nguyễn Công Hãng chế ra, phân biệt quan văn và võ, cùng với lồi mũ Bộc đầu buộc lấy tóc, bắt đầu từ Vũ Văn chế ra, là thể chế nhất định không thay đổi).

Đạo sĩ là Hứa Tôn Đạo theo thuyền buôn từ nước Tàu sang, vua xuống chiếu cho ở bến An Hoa. Khoa môn phù thủy có từ lúc này.

Đoàn Nhữ Hải vâng mệnh đi sứ nước Chiêm Thành. Theo tục xưa, sứ thần nước ta đến, trước hết lạy quốc vương Chiêm rồi mới mở tờ chiếu, cứ theo tục ấy không thay đổi. Lần này Nhữ Hải nghĩ cách thay đổi lệ ấy, liền đến thẳng nơi đặt bàn, để tờ chiếu của vua lên bàn, bảo vua Chiêm phải lạy tờ biểu, rồi sau mới tuyên đọc; tuy ở trước mặt quốc vương nhưng lấy tiếng là lạy chiếu của Vua, tỏ ra là sứ thần không chịu khuất. Sau này các sứ thần ta không lạy vua Chiêm, từ Nhữ Hải trước tiên.

(Trong sử chép: Con trai đẻ ra có 2 đầu và con gái mới đẻ ra cũng có 2 đầu, là vì nhà Trần lấy vợ người cùng họ, âm dương không phải lứa đôi, nên có tai biến lạ như thế).

Thi công sĩ, lấy Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng nguyên, (Đĩnh Chi người Chí Linh, tổ là Hiền Tích đỗ khoa Thái Học sinh năm Bính Dần đời vua Lý Nhân Tôn). Bùi Mộ đỗ bảng nhãn (người Thanh Oai), Trương Phóng (người Thanh Hóa) đỗ Thám hoa. Cách thi: Thơ thì dùng ngũ ngôn trường thiên, phú thì 8 vắn, kỳ thứ 3 thi chế, chiếu biểu, kỳ thứ 4 thi văn sách. Lấy đủ 3 vị đầu, được dẫn ra Long môn, Phụng thành chơi phố phường 3 ngày (Đĩnh Chi thông minh tuyệt vời, mà tướng người thì thấp và xấu, vua hiềm rằng mặt quá xấu, ông liền làm bài phú Ngọc tỉnh liên để tự ví mình với sen).

Thể lệ cũ: Người cầm quyền đều dùng người tôn thất, duy đến đời vua thì không kể gì đến thân hay sơ, nếu không có tài thì không dùng làm chấp chính. Như Đoàn Nhữ Hải là người học trò, có tài mà không

hiềm cất lên mau chóng, được làm chức Trí khu mật viện.

Trước Thượng hoàng đi sang Chiêm Thành còn hứa gả Công chúa cho vua Chiêm là Chế Mân, đến lúc ấy vua Chiêm sai Chế Bồ Đài dâng biểu, tiền vàng và lấy 2 châu Ô và Lý làm lễ cưới, Vua gả Huyền Trân Công chúa cho vua Chiêm (Việc này các triều thần đều nói là không nên, duy có Đạo Tài chủ trương là phải, nên người đời bấy giờ lấy việc Chiêu quân mà làm thơ chế giễu).

Nhà Trần quen làm lối này, cốt được lợi trông thấy, đưa má phấn đánh đổi lấy tràng thành, việc gả Ngoạn Thiềm cho Nguyễn Nộn, gả Thiên Tư cho Thoát Hoan, đều lối gả ấy cả. Nhà Trần được Ô Châu và Lý Châu, đổi tên là Thuận Hoá, La Thủy đổi là Hồng Đà Bồng, người dân nơi ấy không phục, mới sai Nhữ Hải đến tuyên báo cho biết đức ý nhà vua, để vỗ về cho yên.

Sau vua Chiêm Thành mất, theo tục nước ấy, bà Hoàng hậu phải vào hỏa đàn chết theo, vua sai Khắc Chung đến viếng, nói thác là Hoàng hậu phải ra bờ biển chiêu hồn, rồi rước linh về, thì khi vào hỏa đàn mới có người chủ trương, người Chiêm tin là thật; đến khi ra ngoài biển, Khắc Chung đem thuyền cướp rất nhanh bà Huyền Trân về. Nhân vì thế hai người tư thông với nhau, đi đường biển cho thật chậm, hơn một năm mới về đến nơi. Hưng Nhượng thấy thế ghét lắm, mắng rằng: "Người này để trong nước là không hay, tên nó là Khắc Chung có lẽ nhà Trần ta hết đời vì người này chăng?".

Ngày sóc tháng 11, mặt trời có vàng tròn hai vòng trong 3 ngày.

Thượng hoàng mất ở am Ngọc Vân (tự hiệu là Trúc Lâm Đầu đà Điều ngự Giác hoàng), xưa kia Thượng hoàng xuất gia, ở ngọn Tử Tiêu Phong núi Yên Tử (tự hiệu là Trúc Lâm Đại sĩ), chị gái là Thiên Thụy đau nặng, tự đi xuống thăm và nói nếu chị ở cõi âm, xin hãy đợi em. Rồi về núi, đem hậu sự dặn Pháp Loa, ngồi yên lặng hóa đi. Quả nhiên mất cùng ngày với bà Thiên Thụy, Pháp Loa rước lên hỏa đàn, cháy còn lại 1000 hột xá ly, rước về kinh đô, vua lấy làm ngờ, quần thần xin bắt tội Pháp Loa; Thái tử Chiêm (9 tuổi) hầu ở bên, hốt nhiên trong bọc có vài hột đưa ra xem, kiểm lại trong hộp thiếu số hạt ấy, Vua cảm động khóc, không có ý nghĩ gì nữa.

Thượng hoàng học thức yên bác, rất uyên thâm đạo Phật, có làm ra sách: Thiết chủ ngữ lục, Tăng già toái sự, Thạch Thất ngữ ngữ, còn truyền lại ở đời. Vua Nhân Tông đề câu kệ ở chùa Cổ Chân rằng: "Thế số nhất tức mặc thời tình lưỡng hải ngân, ma cung hồn quán thậm, Phật quốc bất thăng xuân". Có một hôm, ở am Ngọc Vân Thượng hoàng giục triệu ngay Bảo Ly, khi Bảo Ly đến Doanh Tuyền, thấy hai con rồng vàng, lấy làm lạ, vua Nhân Tông nói: "Ta sắp đi đây, sao ngươi lại đến muộn thế"? Ngày sóc tháng 11 trời đất âm u, mưa to, vượn kêu gào, chim hót thảm thương, đến nửa đêm, sao sáng vàng vạc, vua Nhân Tông hỏi là giờ gì? Trả lời là giờ Tý, Vua nói đó là giờ ta đi; lấy tâm ấn trao cho Pháp Loa, liền nằm hóa ở am Ngọc Vân. Lại trong năm Trùng Hưng, tạc bia ghi chép các việc, thế là qui mô đi tu có ước định sẵn, xếp đặt yên cả. Và trong văn bia nói tiên đề thế nhà Trần vốn người An Sinh, huyện Đông Triều, sau di cơ đến Tức Mặc, cho nên lấy đất An Sinh làm nơi tu hành, đó là tâm pháp truyền đời của nhà Trần.

Vua Nhân Tôn lấy thân người ta là hình thể của trời đất tạo cho, không luyến tiếc gì, nên lúc sắp hóa mọi việc giao phó cho các tăng, không một lời nào nói với Tự Hoàng. Lại có chỗ nói: "Vị Chân Nguyên Thượng nhân xếp hàng 3 vị tổ là: Vua Nhân Tôn là Thích Già tái thế, Pháp Loa là Già Diệp, Huyền Quang là A Nàn(4).

Điều Ngự(5) trút áo rồng, bỏ ngai vàng mà thế phát tu hành ở trên núi, tịch tĩnh mà chứng được nhân thừa dứt trần tục mà thành được chính giác; cùng Pháp Loa có duyên từ mấy đời, từ khi gặp được nhau ở Nam Sách, rồi cho tên là Thiện Lai, đi theo thụ giới là thuyết pháp, tham thiền vắng cảnh ở các nơi Linh Sơn, Long Động, Sùng Nghiêm, Vân Mộng, thoát hết phiền não mà đến cõi thanh tịnh, giữ được phẩm hạnh cao, ngộ được chân lý, hết thấy vinh hoa phú quý ở đời không vật gì làm cho động tâm; thế nên vua Nhân Tôn xuất gia lên ở núi, vui về sự hóa thân ở am Ngọa Vân; Pháp Loa thì quên hết lợi thế di chúc, hòa hòa rồi mới tâu vua biết, người đời đều khen là đạo đức cao mà tin lòng, vua Anh Tôn cũng phải kính trọng mà không nỡ bắt tội.

Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Nguyên mừng vua Nguyên mới lên ngôi (Nguyên Vũ Tôn mới lên). Đĩnh Chi người thấp bé, người Nguyên khinh bỉ. Trong phủ Tể tướng nhà Nguyên có bức tranh thêu chim sẻ vàng đậu trên cành trúc. Đĩnh Chi kéo con chim sẻ xuống xé nát ra, người Nguyên hỏi có sao? Ông nói: "Cổ nhân có vẽ mai và tước, chưa thấy vẽ trúc và tước (sẻ). Trúc là quân tử, tước là tiểu nhân, bức trướng thêu này là đưa tiểu nhân đặt lên trên quân tử, nên tôi vì Thánh triều mà trừ mối tệ ấy đi. Đến khi vào châu, có người ngoại quốc dâng cái quạt, ông phụng mệnh làm bài minh vào cái quạt, sứ thần nước Triều Tiên làm xong trước, có 4 câu, 16 chữ, Đĩnh Chi trông thế bút viết, biết được bài của sứ thần Triều Tiên rồi, liền theo ý mà làm phiên câu văn đi, lại dẫn thêm 3 câu ở trong truyện làm câu kết, được khen thưởng hơn, đủ biết ông có tài và nhanh lắm, người Nguyên càng thêm thán phục.

Bài minh của sứ Triều Tiên:

Uẩn long trùng trùng, Y Doãn, Chu Công.

Vũ tuyết thê thê, Bá Di Thúc Tề(6).

Bài của Đĩnh Chi:

Lưu Kim thước thạch thiên địa vi lô, nhĩ ư tư thời hê Y Chu cự nho;

Bắc phong kỳ thê vũ tuyết tái đồ, nhĩ ư tư thời hê Di Tề ngã phu.

Y, dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hữu thi phù(7).

Khi rước di hài vua Nhân Tôn về táng ở Đức Lăng, lúc tử cung(8) sắp đưa ra, người xem chật cả cung, lấy roi mà mở lối đi cũng không được, vua sai Trịnh Trọng Tử dẹp mở đường. Trọng Tử đến sân rồng gọi đạo quân Long Dực hát khúc Long Ngâm, dân chúng kéo đến đó xem, cung điện mới rộng chỗ đi được, lại lấy những câu hát ở dọc đường, phổ vào khúc hát, làm cho có tiếng hát liên mãi, không cần phải truyền bảo gì, mà khi đi lên, đi xuống, quanh chuyển, không còn lo nghiêng lệch nữa. Người đời bấy giờ khen là có xảo tú.

Xá lý của vua Nhân Tôn chia làm hai phần: một đưa về táng ở Đức Lăng, một thì để ở tháp An Tử. Có thầy tăng chùa Siêu Loại là Trí Thông đốt tay cháy từ bàn tay đến cánh tay, cứ ngồi nghiêm nhiên không đổi sắc mặt. Vua Nhân Tôn hỏi, trả lời rằng: "Thần đốt đèn đỏ", lửa tắt rồi về tăng viện ngũ kỹ, đến khi thức dậy chỗ phỏng lên đều khỏi cả. Đến lúc ấy xá lý vua Nhân Tôn đưa để ở bảo tháp, thầy tăng ấy liền lên núi hầu hạ.

Vua đặt ra đạo binh Tỏa Kim Cương đồ, thích 3 chữ tên đạo quân vào trán, theo lệ đạo binh Chân Thượng (binh mà gọi là đồ, là theo lệ cũ của nhà Lý).

Vua lấy con gái thầy tăng người Hồ vào cung (thầy tăng này về mặt già, cổ kính, tự nói là đã 300 tuổi, đi được ở trên mặt nước, lại có thể thu gọn cả ngũ tạng lên trên lòng ngực, để cho trong ruột trống rỗng, chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau cải và họ).

Vua thân đi đánh Chiêm Thành. Lúc trước vua Chiêm là Chế Chi sai người vào cống (Người ấy là chủ trại Câu Chiêm). Vua sai Nhữ Hải mật ước hẹn với người ấy; đến khi vua thân đi đánh, sai Nhữ Hải đến trước chiêu dụ; đến Câu Chiêm, nhắc lại chủ trại lời ước hẹn khi trước, y bảo Chế Chí đưa cả gia quyến đi đường biển đến đầu hàng. Khánh Dư thừa cơ theo ở sau muốn cướp công. Nhữ Hải nghe biết, tâu lên Vua, Vua giận xuống chiếu bắt cắt chân giám quân là Nguyễn Ngỗi, Khánh Dư sợ tạ lỗi và nói: "Thần sợ lũ chúng ra ngoài biển lại đổi lòng chẳng, nên đi theo đó thôi". Việc này không phí một mũi tên mà bình được Chiêm Thành là công Nhữ Hải (Khi bấy giờ Vua đóng quân ở Câu Chiêm, Minh Hiến Vương bàn luận làm cho lòng quân hoang mang, Vua giận, đuổi ra ngoài dinh, xuống chiếu cho Chư quân không được thu nhận, Minh Hiến phải nằm ngoài cánh đồng, Phạm Ngũ Lão mới vào trong trại quân, nói rằng: "Vua trách mà đuổi Minh Hiến, vạn nhất bị quân giặc bắt được, chúng sẽ nói là bắt được thân vương của ta, sợ nhục đến quốc thể. Tôi đành chịu tội trái mệnh Vua, chứ không nỡ để cho quân giặc lợi dụng". Vua biết chuyện cũng không xét đến việc ấy nữa).

Vua về đến sông Thâm Thị, hốt nhiên gặp trận gió to, dây thuyền đều đứt cả, thuyền ngự trôi ra giữa dòng sông, Vua lên đầu mũi thuyền xảy chân, được (tên nữ quan) bám vào cùng lên được trên mũi, các thuyền khác đều mắc vào bãi cát. Vua xuống chiếu sắp chỉnh lại nghi trượng rồi về kinh đô (Khi Vua đi thân chinh, đến cửa Cầu Hải, ban đêm nằm mộng thấy vị thần nữ khóc nói: "Thiếp là cung phi nhà Tống, bị giặc bức bách, khốn khổ vì sóng gió, Thượng đế thương cho làm Hải thần. Nay xin giúp Vua để lập công". Khi tỉnh dậy, Vua triệu các cố lão đến hỏi kỹ sự thật, sai tế rồi mới kéo quân đi. Chuyến đi này biển yên lặng không sóng, lại còn bắt được quân giặc, Vua sai lập đền thờ ở cửa biển, tứ thời cúng tế).

Vua truyền ngôi cho Thái tử Chiêu, Thái tử lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Khánh. Vua đã nhận ngôi rồi, có sứ thần nhà Nguyên đến, Vua mặc áo giao lĩnh lụa vàng, khăn vàng. Sứ giả khen rằng: "Phảng phát nhu người trong làng tiên". Sau có sứ giả nào đến cũng nói: "Ta nghe nói Thái tử về người thanh tú, như thần tiên có phải không?".

Trả lời: "Có thật như thế. Đó cũng là phong vận, tiêu biểu của nước".

Vua tiên tôn Chiêu Vương lên làm Nguyên tổ, Cung Vương lên làm Ninh tổ, Ý Vương lên làm Mục tổ, Vương thì tôn lên làm Đế, Phu nhân thì tôn lên làm Hậu.

Vua Chu Vũ làm vua, thì truy tôn hai vị Tổ lên làm Vương; vua Tống Tổ được nước, cũng truy tôn bốn đời làm Đế, là lẽ phải vậy đó. Nhà Trần được thiên hạ, cho phong tổ tiên làm Vương, đã là việc mà nhân tâm bất an. Đến lúc ấy đã qua bốn đời vua, mới gia tôn hiệu làm Đế, là lỗi để chậm. Nhưng mà vua Anh Tôn cũng còn cử hành việc tiên tôn ấy, chả còn hơn không làm, cứ bỏ đó mãi hay sao?

-
- 1) Ý nói cái hốt cứng rắn như núi Thái Sơn, khó ai bẻ nổi; ngụ ý khen ông.
 - 2) Quan Trung Tán họ Đoàn miệng còn hơi sữa, mà đã làm chức quan trọng.
 - 3) Quách Tử Nghi, danh tướng đời Đường.
 - 4) 3 vị này gọi là Trúc Lâm tam tổ.
 - 5) Tên vua Nhân Tôn khi xuất gia.
 - 6) Khi nóng bức thì quạt đắc dụng như Y Doãn, Chu Công, khi mùa đông giá rét thì xếp xó như Bá Di, Thúc Tề bị chết đói.
 - 7) Ý đoạn trên cũng như bài của sứ Triều Tiên, có thêm được đoạn chữ ở sách Luận Ngữ, ý là: Ai dùng ta thì ta làm, ai không dùng ta thì ta để đó. Điều ấy chỉ mảy với ta mới có được thôi. Hay hơn về câu này mà lại được là chữ sách cổ nhân, dùng rất đắt.
 - 8) Quan tài của Vua gọi là tử cung.

Minh Tôn Hoàng Đế

Tên là Chiêu, con thứ tư vua Anh Tôn, ở ngôi vua 15 năm, tống vị 28 năm, hưởng thọ 85 tuổi. Vua biết sửa sang chính trị tiến đến văn minh, làm sáng tỏ công nghiệp của tiền nhân; có lòng trung hậu, mở đường lối cho con cháu theo; duy chỉ tiếc rằng không xét rõ sự gian của Khắc Chung đến nỗi Quốc Chân phải chết, đó là kém sáng suốt.

Niên hiệu Đại Khánh thứ hai, Vua xuống chiếu: "Cha con, chồng vợ và gia nô không được thừa kiện lẫn nhau".

Đế nhà Hán có điều luật trong người họ (5 bậc để tang) phải dung thứ, che chở lẫn nhau, đời vua Thái Tôn nhà Đường có lệ cấm các gia nô cáo giác chủ nhà; vì đó có quan hệ đến luân thường, làm cho phong hóa được thuần hậu. Vua Minh Tôn vốn là người ở hậu với họ hàng, người dưới có trùng tên với người tôn trưởng, tất phải cải tên đi; ngày giỗ các bà cô, ông chú đều có cái thiệp nhỏ kê ra để giao cho Hoàng tử, suy lòng tốt ấy ra, nên mới có lời chiếu này. Nhưng mà Quốc Chân là họ nhà vua, vì có tên gia nô Trần Phẫu tố cáo mà bị giam vào ngục, điều này thì còn dạy dân sao được?

Nguyên sử chép: Năm ấy quân nước ta đến châu Trấn Yên, lấp sang 2 châu Quy Thuận và Dưỡng Lợi; nói dối rằng Tri châu là Triệu Giác bắt người buôn nước ta lấy một khối vàng, xâm lấn một nghìn khoảnh đất, cho nên đến để báo thù, sứ giả nhà Nguyên là Lưu Nguyên Hanh xét hỏi việc này, đưa điệp dụ nước ta, đại lược nói: "Hán đặt ra 9 quận, Đường lập ra 5 quận, An Nam thuộc vào trong số ấy, đã dâng bản đồ sang và cống, phận trên dưới đã rõ ràng, hai bên đi lại vẫn có ân huệ, làm sao lại không yên phận, mở đầu sự xâm lược đất đai, tuy việc xâm lược này là nhỏ, nhưng có y mưu toan lớn lắm. Ai bày ra mưu này, ai chủ trương việc này, nên xét rõ người ấy, đem đến mà trừng phạt ngay ở nơi đất này". Nước ta phúc điệp nói: "Lũ chuột ở biên giới tự chúng gây nên lên việc không hay này. Bản quốc biết sao được?". Việc đó đến triều đình Nguyên, vua Nguyên xuống chỉ phải chờ sứ thần An Nam đến sẽ hiểu bảo. Đó là việc lớn thuộc về bờ cõi, mà không thấy trong sử chép, có lẽ nhà làm sử bỏ sót, vậy biên chép lên đây để biết rõ ý của nhà Nguyên cốt muốn yên không muốn động đến binh đao.

Đài quan dâng sớ nói: Trần Khắc Chung làm tướng không làm cho âm dương điều hòa, đến nỗi có nước lụt và đại hạn. Không làm được công trạng gì, xin bãi chức Khắc Chung. Khắc Chung nói: "Tôi làm chức quan gần Vua, chỉ biết làm điều gì đáng làm, còn như đại hạn thì nên hỏi long vương, qui cữu cho tôi thế nào được?". Sau nước sông lên to, Vua thân đi sửa trị đê, Đài quan nói rằng: "Bệ hạ nên sửa sang đức chính". Khắc Chung nói: "Dân đương bị nạn nước lụt, việc cứu chữa cần cấp lắm, còn có đức chính nào lớn hơn việc ấy nữa. Tất phải ngồi yên định thần mới gọi là tu đức chẳng?".

Lời bàn: "Quan Tể tướng đổ lỗi cho Long vương, Đài quan chê trách việc nhỏ nhặt; hai bên đều có lỗi cả. Xưa kia Bính Cát hỏi việc con trâu ho, mới nghe thì là viên vông, nhưng còn biết trọng chức vụ của mình. Nay Khắc Chung đổ lỗi cho Long vương, vậy thì chức vụ của y là gì? Còn dùng y để làm gì nữa.

Nguyễn Bính là một người thanh liêm, thẳng thắn, khi đi sứ Nguyên trở về, không mua một vật gì; đến

lúc ấy đi Nghệ An làm sổ đinh dân, khi về triều, đem bao nhiêu tiền bổng thu được tiến nộp lên, Vua sai thu nhận, nói rằng: "Đề tỏ ra Bính không gian dối". Lại có Phí Trục là người sáng suốt, lúc bấy giờ ở Thiên Trường có trộm cướp nổi lên như ong, tên Văn Khánh làm đầu đảng, có kẻ nhận là bắt được, giải lên quan, tra hỏi đều thú nhận, ai cũng cho là thật, duy có Trục hỏi vặn mãi, việc án ấy lâu không xử được. Thượng hoàng nói: "Nó đã thừa nhận rồi, còn nghi gì nữa?". Trục tâu: "Không bị roi vọt tra khảo mà tự nhiên nó thú nhận, thần nghi lắm". Độ một tháng sau, quả nhiên bắt được tên Văn Khánh thật, từ đây Thượng hoàng khen Trục là giỏi.

Thượng hoàng mất, Thượng hoàng có tính khiêm tốn, yêu mến người cùng họ; phụng thờ vua Nhân Tông rất kính cẩn, năm trước ham uống rượu, vua Nhân Tông răn bảo, thì tuyệt không uống nữa. Ban quan tước cho nhiều người, vua Nhân Tông nói: "Có một nước bằng bàn tay, sao quan triều nhiều đến thế"; từ đấy trở đi rất tiếc tước phẩm. Khi vua Nhân Tông mất, bà Tuyên Từ Thái hậu còn sống, dặn Thượng hoàng rằng: "Ngày sau sẽ coi là di mà phụ táng ở bên lăng, có vẽ địa đồ về huyệt táng mà trao tay Thượng hoàng, đến khi Thái hậu mất, Thượng hoàng theo di mệnh phụ táng ở Đức Lăng, bách quan tâu: "Lăng tẩm không nên động nào". Thượng hoàng nói: "Mệnh của tiên đế, ta không dám trái; nếu có sự gì bất lợi thì ta tự nhận cả". Đến mấy năm nay, lại càng cẩn thận việc hình án, có kẻ gia nô nhà quan là Hoàng Học bị người làng kiện, dùng kế gian xảo được khỏi tội. Thượng hoàng biết việc ấy, bảo vị Hình quan rằng: "Người giỏi xét án phải dùng cả tình và lý; tình ngay lý gian, không nên lấy lý mà bỏ tình, đã biết tình ngay hay gian rồi, lại còn phải xét đến lý ngay hay gian nữa, thì gian trạng sẽ bày ra. Tên Học gian và còn kiệt hiệt, được tránh khỏi hình phạt, đó là quan không làm hết chức vụ". Sau khi tôn vị, vẫn còn tự xét xử mọi việc, lúc nhàn hạ thì lưu tâm sách vở, có làm ra bài tập "Thủy Vân tùy bút", đến khi mất sai đốt hết đi.

Gốc thiên hạ ở tại gia đình, có dạy bảo được gia đình, nhiên hậu mới dạy được người trong nước. Kinh Thư khen vua Nghiêu trong nước được thái bình thịnh trị, tất do thân mến cửu tộc làm đầu; Kinh Thi khen vua Văn Vương được hiệu quả trị gia bang, tất phải làm khuôn phép cho vợ trong nhà trước đã. Xem như vua Anh Tông thờ cha mẹ kính cẩn, xử với họ hàng hòa thuận, vua Nhân Tông khen là có hiếu, vua Minh Tông noi theo nếp ấy, trong nước được văn minh thịnh trị, dân được giàu có, thuần hậu; đó chả phải là gốc bởi tu thân tề gia là gì?

Gia pháp nhà Trần rất nghiêm về danh phận trên dưới, Hoàng phi Huy Tư là vợ vua Anh Tông và mẹ Minh Tông; đương thời vua Anh Tông, cái kiệu của Hoàng phi đi là của Bảo Từ Hoàng hậu ban cho, vua Anh Tông cho là không phải phép chưa đáng được đi, không cho dùng. Đến lúc tử cung của vua Anh Tông từ Thiên Trường đưa đi, thuyền của Bảo Từ Thái hậu có 8 thuyền kéo dây dắt, thuyền của Huy Tư Hoàng phi có 2 thuyền dắt, có kẻ chiều ý lấy thêm dây buộc vào thuyền Hoàng phi Trần Hựu nói: "Thuyền của Thái hậu có 8 thuyền kéo dây là đúng phép tắc, phận kẻ trên người dưới rõ ràng lắm, sao còn được thêm dây kéo vào thuyền của Hoàng phi?", nói rồi rút gươm cắt dây kéo thuyền của Hoàng

phi, thế mà Hoàng phi không giận, vua Minh Tôn lại còn khen, khuyến khích người có khí tiết như thế, lo gì không có bấy tôi trung thực.

Thượng tướng là Phạm Ngũ Lão mất. Khi Ngũ Lão mới ngoài 20 tuổi, Hưng Đạo trông thấy làm lạ, gả con gái nuôi cho. Ông xuất thân trong hàng ngũ, mà hình như không lưu ý vào nghề võ lắm, nhưng trị quân rất có kỷ luật, đối đãi với tướng hiệu như người trong nhà, nên các đạo quân của ông tất là quân lính thân nhau như cha con, đánh đâu cũng thắng; ông lại thích ngâm thơ, có câu rằng:

"Hoành sát giang sơn cáp kỷ thu (hay châu),

"Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu;

"Nam nhi vị liễu công danh trái,

"Ta thích nhân gian thuyết Võ Hầu".

Ông người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, vị là danh tướng đời bấy giờ, khi mất đã 66 tuổi, chỗ nhà ông ở nay làm đền thờ, có liệt vào hàng quốc tể. (Danh tướng đời Trần như Hưng Đạo có bài hịch, Ngũ Lão thích làm thơ, không phải chuyên về võ mà thôi đâu).

Con gái Ngũ Lão là thứ phi vua Anh Tôn, khi Anh Tôn mất, về chùa Đăng Bảo Sơn, làng Phù Ủng, than rằng: "Chùa này do Tiên quân lập ra, làm nhà ở nơi đây có thể ở để thờ phụng Tiên quân, toàn cả trung và hiếu là ý nguyện của tôi", liền sửa lại chùa mà đến ở đó.

Bấy tôi nhà Trần có Đặng Tảo, Lê Chung người thì bưng cái hồ ở trong cung cấm, người thì xách cái túi ở trong dinh trại, chức quan còn nhỏ chưa được ngôi cao sang như Tam Công, giàu có đến vạn chung, duy được có vinh hạnh tri kỷ, chỉ một mình biết thôi; cho nên có tấm lòng nhớ mến vua, đến ở nơi lảng tảm mà thờ phụng, để báo ơn tri ngộ đến trọn đời cũng là một cách tỏ lòng trung với vua, cũng đáng khen.

Đời bấy giờ các quan trong triều như là: Trần Thời Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Độ Thiên Lư, Mạc Đĩnh Chi (Vua biết Đĩnh Chi là người liêm khiết, sai người đem 10 vạn quan tiền để trong cửa nhà ông, Đĩnh Chi đem việc đó tâu Vua biết, Vua nói: "Không ai nhận tiền ấy, thì cho Khanh lấy mà chi dùng"), Nguyễn Dữ, Phạm Mai, Phạm Ngộ (2 ông này họ Chúc, Vua lấy có họ Chúc không phải là phong tộc, cho đổi là họ Phạm. Các ông này làm quan có phong độ, ngạnh trực dám nói thẳng, có phong độ đại thần). Nguyễn Trung Ngạn (nguyên tên là Cốt, vua Anh Tôn cho đổi tên là Trung Ngạn), Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (người làng Cổ Định, huyện An Khang), Lê Cư Nhân, là lúc nhân tài thịnh nhất hơn triều các vua khác. (Thời bấy giờ sứ giả nhà Nguyên là Ô Hợp Mưu đến báo vua Nguyên mới lên ngôi, cưỡi ngựa đi đến tận cầu Tây Thấu mà không xuống ngựa, người bạn tiếp tranh biện không được; Vua sai Trung Ngạn ra đón, lấy lý mà biện chiết, Hợp Mưu lập tức xuống ngựa đi bộ).

Trần Bang Cẩn làm quan Đại Hành khiển, là người nho nhã có thao thủ, giản dị, trầm tĩnh không lẻo loẹt, Vua cho bài thơ vào bức tượng vẽ của ông rằng:

"Hình dung cốt cách nại đông hàn.

Tướng mạo đường đường riệc khả khan,

"Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận,

Tân lý nan miêu cảnh cảnh đan"(1)

Niên hiệu Khai Thái thứ nhất, Vua đúc tiền kẽm rồi lại cấm liền.

Cải chức Hành khiển làm chức Môn Hạ sảnh, chức Nội thư Hỏa cục vẫn theo cũ gọi là Nội Mật viện. Nguyễn Trung Ngạn làm chức Tri Thánh Từ Cung sự, tính ông sơ lược, bấy giờ có Bảo Võ Vương được ban áo đen ở vào hàng Thượng vị hầu, Trung Ngạn lại để vào hàng áo tía. Vua thương người có tài, việc ông làm đó chỉ là lầm lẫn, nên cho ra làm chức An Phủ sứ Thanh Hóa. Ông có bài thơ tự phụ rằng:

"Giới hiền tiên sinh lang miếu khí,

"Diện linh dĩ hữu thôn ngư chí,

"Niên phương thập nhị Thái Học sinh,

"Tài đẳng thập lục xung Đình Thí.

"Nhị thập hữu từ nhập gián quan.

"Nhị thập hữu lục Yên Kinh sứ"(2)

Người ta bàn tán là khoe khoang. Sau ông vào làm quan trong triều chính cũng giữ được tiếng tốt trọn đời.

Trương Hán Siêu làm quan Hành khiển, hặc Phạm Ngộ làm hình quan mà nhận hối lộ, Vua sai khám xét ra sự thật. Hán Siêu nói tư với người rằng: "Tôi ở trong triều chính, được Vua tin, nên phải nói, biết đâu còn có khám xét nữa", Vua biết, nói: "Hành khiển là quan ở Sảnh (Hành chính), Thẩm hình là quan ở Viện (tư pháp) đều do ta ủy nhiệm, có đâu lại tin người này mà nghi người kia. Đến khi khám xét, thì Hán Siêu bị lý khuất, bị phạt 300 quan tiền, thăng Ngộ lên chức Tham tri, ngang hàng với Hán Siêu.

Giết quan Thượng tể là Quốc Chân, khi ấy tuổi Vua đã cao, mà chưa định người nào để nối ngôi, Quốc Chân tự cho mình là cổ mệnh đại thần (mệnh Vua trước để lại), và là cha bà Hoàng hậu, nhất quyết phải đợi Hoàng hậu sinh ra con cả rồi hãy lập; Văn Hiến muốn lật đổ Hoàng hậu mà lập Hoàng tử Vượng, mới đem vàng hối lộ Trần Phẫu là gia thần Quốc Chân, bảo phải vu cáo Quốc Chân mưu phản, Vua lại tin lời, đem việc ấy hỏi Trần Khắc Chung: Khắc Chung là đồ đảng với Văn Hiến, và cùng mẹ Hoàng tử Vượng đều là người ở Giáp Sơn, liền thưa rằng: "Bắt hổ về, tha hổ ra thì khó"; vì thế Quốc Chân bị tội, sau vợ cả, vợ lẽ tên Phẫu ghen tuông đem việc Văn Hiến nhận hối lộ tâu lên Vua, cứu xét ra sự thực, xử tên Phẫu phải lăng trì; chưa kịp đem hành hình, thì gia nô của Triệu Võ (là con Quốc Chân), cắt thịt tên Phẫu mà ăn sống gần hết; Văn Hiến bị giáng làm thường dân, tịch thu cả gia sản.

Sử thần bàn rằng: Chưa sinh con cả mà có con thứ đã lớn, lẽ nào lại bỏ trống ngôi Thái tử mà để đợi? Huống chi việc Hoàng hậu sinh con sớm hay muộn, có hay không, chưa biết chắc được, tôn xã là trọng, kể gì con cả với con thứ nữa; lại nữa, đã lấy người nối ngôi rồi, bấy giờ mới sinh con cả, tai mắt thần dân đã quen rồi, có lẽ nào đưa một đứa trẻ mới lọt lòng mà thay giữ quyền giám phủ, thay đổi cả sự ngưỡng vọng của thần dân hay sao? Xưa kia vua Đế Ất tin lời quan Thái sử mà dòng dõi nhà Thương bị mất, những việc đó đủ để làm gương cho đời sau.

Sách lập Hoàng tử Vượng lên làm Thái tử, liền truyền ngôi vua cho, Thái tử Vượng lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Khai Hựu.

Các Hoàng tử ngôi hầu, Thượng hoàng bàn đến nhân vật dạy Hoàng tử, chỉ nên lấy người thiện, không nên dùng đến người ác, sợ rằng Hoàng tử bắt chước. Thượng hoàng nói: "Nghe biết điều thiện thì bắt chước, điều ác thì nên tránh. Vậy thì thiện và ác đều là thầy mình cả". Thượng hoàng xuất gia đi tu, thường ăn chay, Văn Bích vốn bài xích đạo Phật, nhân nói rằng ăn chay thì có ích lợi gì. Thượng hoàng nói: "Tổ khảo ta thường ăn chay, nên ta bắt chước, còn lợi ích gì thì không biết đến" Hiệu Khả khen Thượng hoàng hơn vua Anh Tôn, Thượng hoàng đổi sắc mặt mà nói: "Khen người ta mà bảo người đó hơn cha, có thể biết người nói ấy là bất hiếu". Hiệu Khả xấu hổ lạy phục xuống đất.

Thượng hoàng đi tuần thú Đà Giang. Quân Mán Ngu Hống làm phản, Thượng hoàng định đi thân chinh, Trần Khắc Chung nói "Sông Đà nhiều khí độc, nước chảy mạnh, không lợi cho sự hành quân, Chiêm Thành không chướng khí độc, các triều trước đã có đánh, bắt được chúa nó, nay không gì bằng đưa quân ấy đi đánh nước Chiêm Thành". Thượng hoàng nói: "Giặc quấy nhiễu biên dân, nên cứu gấp ngay, sao lại so sánh tình thế khó với dễ, đương giận người này lại sang giận người kia bao giờ". Khắc Chung cúi rạp xuống tạ lỗi (Thượng hoàng đi đến sông Bạch Hạc, có đồng đá ở giữa dòng sông, các thuyền phân nhiều mắc cạn ở đó, cầu đảo vị thần sông ấy. Phụ Võ Đại Vương nói: "Thuyền ngự đi được yên lành, thì sẽ có khen thưởng". Sau năm mộng vó vị thần nói chưa được phong thưởng gì, liền phong thêm cho 2 chữ).

- 1) Hình dung là cốt cách, tướng mạo đẹp, vẽ được hết, duy có trong tâm tốt khó vẽ nổi.
- 2) Tự kể hành trạng: Khi ít tuổi đã có chí lớn; 12 tuổi là Thái học sinh; 16 tuổi đỗ thi Đình, 24 tuổi đi sứ sang Yên Kinh.

Hiển Tôn Hoàng Đế

Tên là Vương, con thứ của vua Minh Tôn, ở ngôi vua được 12 năm, Vua có thiên tư sáng suốt, lại gặp lúc nước thái bình, tiếc rằng làm vua không bao lâu, chưa thấy làm được việc gì.

Niên hiệu Khai Hựu thứ hai, Bảo Từ Thái hậu mất. Tính bà rất nhân từ, yêu con các thứ thiếp cũng như con mình sinh ra, đôi đũa phi, tần rất có ân huệ; ức chế các tư gia, không đem ân điển cho bầy ai bao giờ. Đời bấy giờ khen là hơn cả các vị mẫu hậu.

Chiêu Văn Vương là Nhật Duật mất (77 tuổi). Ông thông hiểu khắp thư sử, biết rõ âm luật, đời bấy giờ khen là người uyên bác, các chế tác ở triều đình đều do tay ông làm ra. Có sứ thần Chiêm Thành hay sứ Mán đến, thì ông nói chuyện bằng tiếng Chiêm hay tiếng Mán, vua Nhân Tôn khen là người phiên lặc thác sinh, sứ giả nhà Nguyên đến, không cần ai phải phiên dịch, ông tiếp chuyện vui vẻ như thường, sứ Nguyên ngờ ông là người Chân Định (nước Tàu) sang làm quan ở nước Nam. Ông rất giỏi về liệu tình thế của bên địch, trận đánh Chương Dương, là chiến công của ông to nhất trong năm Trùng Hưng. Cao sang vị thân vương, thờ 4 triều vua, 33 lần chuyên giữ một trấn quan trọng; ở trong nhà không ngày nào là không có chèo hát vui chơi, người ta ví ông cũng như Quách Phấn Dương đời Đường.

Trần Khắc Chung mất, Khắc Chung là người kiêu mà tâm địa nhỏ nhất, làm ra bộ cẩn thận, mà vẫn không giấu được bản tính. Thường cùng Sĩ Cỗ đánh cờ bạc, suốt ngày không hề nghỉ, có được hay thua một vài quan tiền, lấy làm khổ tâm lắm. Bạn bè có tiệc đầy tuổi con, khánh thành nhà mới, mời đến là đi liền; nhà lang thuốc có món ăn ngon cũng đến; quân lính có biếu món ăn, thì khen nịnh vợ nó; người thức giả khinh y lắm.

Khắc Chung đã vô lễ làm ô nhục bà Huyền Trân, mưu đồ giết Quốc Chân vô tội, cười đùa với thiên tai không lòng kính trời; đại hạn mà đổ lỗi cho Long vương, khinh khi cả quí thần; chỉ việc xiêm nịnh luôn cúi, mà các vua đời bấy giờ không biết là kẻ gian tà.

Khi phụ táng Bảo Từ Thái hậu ở Thái Lăng, Vua sai bách quan chọn ngày tốt, có người nói năm nay bất lợi, bác bỏ ngày đã chọn ấy đi. Thượng hoàng hỏi rằng: "Người biết sang năm ta chết hay sao?". Thưa rằng: "Không biết". Lại hỏi: "Nếu sang năm chưa chết thì nên hoãn việc hỏa táng; nếu sang năm chết mà đã táng được Mẫu hậu, chẳng hơn chết mà không làm được việc hay sao? Trong lễ có sự chọn ngày là trọng việc đó mà thôi, sao lại câu nệ việc họa hay phúc thế được". Việc táng vẫn thi hành. Xưa kia: Khi đưa đám tang vua Đại Tôn đời Đường, vua Đức Tôn thấy xe tang không đi chính đường đã đặt sẵn lại đi tránh sang hướng Đinh và Vị, hỏi có tại sao? Các quan thưa: "Vì bản mệnh Bệ hạ tại hướng Ngọ, nên xe tang tránh hướng Ngọ". Vua nói: "Có lẽ nào mưu đồ tư lợi cho mình, mà bắt xe tang đi không chính hướng như thế", liền truyền lệnh cứ thẳng hướng Ngọ mà đi. Nay vua Minh Tôn bác lời chọn ngày, đều là có hiếu tâm, không mê hoặc về hủ tục.

Thượng hoàng thân đi đánh nước Ai Lao, cử Nguyễn Trung Ngạn làm Phát Vận sứ, thanh thế quân lừng lẫy, quân nước Ai Lao trông thấy phải trốn xa, Vua xuống chiếu cho Trung Ngạn mài vách núi đá ghi chép chiến công vào đó, rồi kéo quân về, chưa được mấy lâu, lại kiến nghị vua thân đi đánh nữa,

nhưng bị chứng đau mắt, có người xin hoãn việc ấy, Vua không nghe; đi đến Nghệ An, nghe tin nước Ai Lao xâm lấn Nam Nhung, đương đau cũng cố đi, sai Đoàn Nhữ Hài làm đốc tướng, các đạo quân đều do ông điều khiển, Nhữ Hài nghĩ rằng quân Ai Lao yếu thế, đánh tất phải được, muốn lập kỳ công để kiêu ngạo với đồng bối; đến khi đánh nhau, quân giặc phục sẵn voi mà đánh giáp vào, quan quân to thua to, Nhữ Hài cũng ngã xuống nước, Thượng hoàng nghe tin nói: "Không phải Nhữ Hài không biết liệu tình thế quân giặc, chỉ vì làm to quá mà đến nỗi". Thế mới biết người ta không nên mong ước quá phận hạn của mình.

Trong việc này, Đỗ Thiên Lư cũng đương đau mà cố xin hỗ giá, nói rằng: "Thà chết ở ngoài quân dinh, chứ không chịu chết ở trên giường đệm". Thượng hoàng khen là khí khái, cho đi theo, cũng bị chết ở đất giặc.

Vua thì gượng đau mà xuất quân, Tướng thì gượng đau mà đi hỗ giá, lấy sự chết ở trên giường đệm là hèn, lấy sự chết bọc thây bằng da ngựa làm hùng tráng; ở đời có người mang chấn vào trúc trúc, mới có một đêm; vắng nhà, đã tự kiêu ngạo với bọn tỳ thiếp, thật đáng cười.

Cử Nguyễn Trung Ngạn làm Tao Vận sứ, kiến nghị lập ra kho chứa thóc, chức các thóc thuế điền để phòng chẩn cấp cho dân bị đói, vua xuống chiếu bắt các lộ phải thi hành.

Đó là di ý kho Thường Bình đời cổ, đến mùa thì bán và đong, khi chẩn cấp đã có sẵn, không đến nỗi lâm sự mới hốt hoảng đi làm, dân không phải dất nhau đi lại khổ sở, quan không phải đốc thu phiên bản, phát ra được chóng chia ra khắp, cũng là một chính sự hay.

Hung Hiếu Vương đi đánh quân Mán Ngưu Hồng bình được. Khi kéo quân về, viện lệ cũ khi Nhân Huệ định được Nam Nhung, mà xin thưởng cho kẻ giữ thuyền. Thượng hoàng nói: "Khi xưa Khánh Dư đánh Nam Nhung, phải lấy gỗ đóng lấy thuyền, đó là thuyền coi giữ ở đất giặc, không phải thuyền giữ Nghệ An của mình. Việc này nay khác với việc trước". Thừa rằng: "Nếu không có thuyền để giữ, thì chiến sĩ giữ lâu thế nào được?" Thượng hoàng nói: "Nếu thế, trước hết phải thưởng người ở trong triều đình; Kinh đô không giữ được yên, quân sĩ đi đánh giặc thế nào được?". Hung Hiếu không trả lời được. Vua đổi quyển lịch Thụ thời gọi là Hiệp kỷ lịch. Bấy giờ Đặng Lộ là quan Hậu Nghi Lang, làm ra "Linh lung nghi", để khảo nghiệm hình tượng ở trên trời, đều được phù hợp.

Vua mất, (hiệu là Hiến Tôn) Hoàng tử Cao lên ngôi, Vua cải niên hiệu là Thiện Phong.

Cử Nguyễn Trung Ngạn làm chức Tri Khu mật viện sự. Quy chế cũ: Cấm quân thuộc vào Thượng Thư sảnh đến khi ấy đặt ra viện Khu mật quản lĩnh đạo quân ấy. Trung Ngạn kén đình tráng xung vào sổ khuyết trong cấm quân, lập ra sổ sách. Viện Khu Mật quản lĩnh cấm quân từ Trung Ngạn trước nhất.

Dụ Tôn Hoàng Đế

Tên là Cao, con thứ 10 của vua Minh Tôn, ở ngôi vua 38 năm. Việc văn võ đều sửa sang chu đáo, trong nước bình yên, ngoại bang mến phục, khi nước được đại trị rồi, thì sinh ra ham mê chơi bời, cơ nghiệp nhà Trần từ đấy suy dần.

Phụ chép: Hôn Đức Công Dương Nhật Lễ.

Niên hiệu Thiệu Phong thứ hai, sửa lại tòa Ngự sử đài đã xong. Thượng hoàng đến thăm, về cung rồi quan Giám sát Doãn Định mới đến, dâng sớ kháng nghị: Thượng hoàng không nên đến Ngự sử đài, lời lẽ rất kích thích, Thượng hoàng nói: "Đài cũng là một ở trong cung điện, sao lại không vào được? Và lại trong đài trước kia có chỗ Thiên tử giảng học, đó là lệ cũ được vào Ngự sử đài". Định còn cố sức tranh chấp, bèn bị mất chức (Định cũng là điên cuồng, nói điều không đáng nói, cốt để che lỗi mình không ở công sở, bị mất chức là phải).

Bấy giờ đói kém, mất mùa, phần nhiều dân tụ họp làm trộm cướp, cũng có nhiều người làm thầy tăng và làm đũa ở cho các thế gia; gia nô các nhà Vương hầu càng nhiều lắm.

Đặt ra 20 đô phong đoàn ở các lộ để bắt trộm cướp (Dân bị cùng khổ đi làm trộm cướp, không phát thóc kho để chuẩn cấp cho dân lưu vong, chỉ nhờ vào sức Phong đoàn để lòng bắt bọn giặc cỏ, thật là cùng cực).

Thi Thái học sinh. Cách thi: ám tả cổ văn, kinh nghĩa và thơ phú.

Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành đến hỏi việc lập đồng trụ, Vua sai Phạm Sư Mạnh đến biện luận.

Xưa kia, thuyền buôn người nhà Tống đến nước ta, tiến người Tiểu Nhân Quốc (thân dài 7 tấc, tiếng như ruồi nhặng, không hiểu tiếng nói) lại tiến vải Hỏa cán (giặt bằng lửa, giá mỗi thước 300 quan tiền, chế ra áo ngự dụng để ở Nội Phủ). Bảo Oai Vương tên là Nghiễn tư tình với cung nữ, ăn trộm thứ áo ấy; một hôm mặc vào trong mà vào chầu, khi tâu việc lộ cửa tay áo ra, Thượng hoàng trông thấy lấy làm nghi, sai kiểm duyệt lại, quả nhiên có bị mất, cung nhân bí mật lấy lại, đem vào cung tiến lên, Nghiễn vì việc ấy mà bị tội.

Cho người học sinh Đỗ Tử Bình làm chức Thị giảng.

Lời bàn: Nước đến khi sắp mất, thì trời tất sinh ra một người để phá hoại. Từ đây trở đi, việc hấn khích ở biên giới Nhật Nam ngấm ngấm mở ra dần, tai họa của Duệ Tôn đã phục sẵn, cho nên đem chuyện một người học sinh mà chép lên sách, là đánh dấu bắt đầu loạn từ đây.

Vua đặt ra trấn Vân Đồn. Xưa đời Lý các thuyền buôn do các cửa biển thuộc Diễn Châu đi đến, đến lúc bảy giờ đường biển đổi rời dần, cửa biển thì nông cạn, phần nhiều các thuyền buôn đến đậu ở Vân Đồn buôn bán, cho nên mới có lệnh đặt ra trấn này.

Làng Thiên Cường, trấn Nghệ An, có người con gái biến thành con trai.

Trâu Canh có tội, được tha khỏi chết. Xưa Vua mới lên 4 tuổi, đêm trung thu chơi thuyền trên Tây hồ, bị chìm xuống nước, tìm thấy ở trong cái đò đánh cá, gần tắt thở, Thượng hoàng sai lang thuốc là Canh cứu chữa, Canh nói: "Châm chích thì sống lại, nhưng chỉ bị dương nuy thôi". Đến khi Vua lớn lên,

Canh lại tiến phương thuốc lấy mật người đồng nam hòa với Dương khởi thạch mà uống, rồi tư thông với người con gái cùng cha mẹ, thì ứng nghiệm; Vì thế Vua tư thông với Thiên Ninh Công chúa, quả nhiên kiến hiệu; Canh vì có ấy được ra vào trong cung trông nom thuốc, liền tư thông với cung nữ; việc phát giác, vì có công chữa Vua sống lại, nên được miễn tội chết.

Tên Canh là người nước Tàu, con Trâu Tôn, khi quân Nguyên sang xâm lấn nước ta, vì có nghề làm thuốc được theo quân lính đi, đến lúc quân Tàu thua, ở lại núi Long Châu, làm nghề thuốc nên giàu, và cũng nhân vì đó mà thất bại, người ta truyền lại vì nơi ở có núi đá bức áp, nên giàu có không được lâu).

Chế Mỗ nước Chiêm Thành chạy sang nước ta, dâng một con kiến lớn dài 1 thước 9 tấc, và voi trắng, ngựa mỗi thứ một con.

Lúc trước chúa Chiêm là A Nan còn sống, con là Chế Mỗ làm con rể Bố Điền; Bố Đẻ và Bố Đẻ bề ngoài tuy thân với nhau, nhưng bên trong vẫn tranh quyền, đến khi A Nan chết, Bố Đẻ đuổi Chế Mỗ đi mà tự lập làm vua, Chế Mỗ phải chạy sang nước ta, xin cho quân đưa về nước. Khi bấy giờ Hưng Hiếu Vương trấn ở Hoá Châu, phải đảm nhận việc ấy, nhưng để chậm trễ ngày này sang ngày khác; chưa biết bao giờ được có thời kỳ về nước. Chế Mỗ nhân kể chuyện cũ Chiêm Thành: Xưa quốc vương nuôi một con khỉ, rao hỏi người trong nước có ai dạy khỉ biết nói, thì cho vạn bạc, có một người đến xin nhận, nói rằng phải dùng hết 100 bạc thuốc mới kiến hiệu, quốc vương mừng mà nhận lời. Ý người đó nghĩ rằng trong thời gian 3 năm, quốc vương, chính mình và con khỉ, tất có một người chết, thế là chỉ nhận bạc mà bất tất phải thành việc. Chế Mỗ sang cầu xin, mong được về nước, cũng giống như thế. Triều đình nghe biết chuyện ấy, mới nghị cất quân đi, sau ngăn trở về việc vận tải lương, quân lại kéo về, Chế Mỗ liền sau đó cũng chết.

Sử thần bàn rằng: Nước nhỏ phụng sự nước lớn, là vì nước lớn làm yên được hoạn nạn mà giữ cho nước nhỏ khỏi bị mất nước; sao lại không đem quân cứu giúp, làm mất lòng thành của Chế Mỗ qui thuận, cho bố đẻ được thành tội ác giết nghịch; để cho chúng thấy mình bất lực, tỏ lòng coi khinh; chưa mấy lúc mà nước Chiêm vào cướp Hoá Châu, quan quân bị thua, đến nỗi chúng kéo quân bức bách đến kinh đô, đuổi xe Vua. Nước Chiêm quấy rối mãi đến khi nhà Trần mất nước, thật là tại việc này làm cho chúng coi khinh đó, Trung Ngạn không nhận lỗi được, khi bấy giờ binh quyền ở tay Trung Ngạn, mà không biết mưu tính việc nước, cho nên bị chê trách.

Trần Hữu Lượng khởi binh ở Giang Châu, sai sứ giả sang nước ta xin hòa. (Hữu Lượng là con của Ích Tắc, cuối đời Nguyên cùng vua Minh Thái Tổ khởi binh).

Cháu Hưng Đạo Vương tụ họp các gia nô trốn chủ của các nhà Vương, Hầu làm trộm cướp bóc các xứ Lạng Sơn và Nam Sách.

Lúc nhà Trần đương thịnh, đánh được nhà Hồ, nhờ sức các gia nô của Vương, Hầu nhiều lắm; đến khi nhà Trần gần suy, chúng tụ tập làm trộm cướp, bị tai hại về gia nô của Vương, Hầu lại càng nhiều; có

người nói vì nhà Trần cho Vương, Hầu được mở phủ đệ riêng, nuôi riêng gia nô cho nên di hại về sau đến thế, nhưng không phải. Lúc mới đầu có nhiều vị tôn thất hiền tài như là Quốc Tuấn, Nhật Duật, ông nào cũng sáng suốt tri nhân, biết chế ngự người dưới, người lớn người nhỏ ai cũng tỏ hết tài năng, người lương thiện, người hạ tiện ai cũng được lòng; hơn thì như Phạm Ngũ Lão kém thì cũng được như Dã Tượng, Yết Kiêu nhờ vào sức các người ấy rất nhiều còn đến các ông Huệ Túc, Bảo Oai thì kém cỏi, gian tà, chỉ biết đua ngựa, chơi chim và thích ăn ngon, bọn môn khách mới có câu ca ngẫm đến cá ngon, gia nô mới có ước nguyện được miễn roi vọt; cho nên kẻ thác tử(1) thì thích nghề ngao trong phong trần, kẻ hèn kém thì chỉ nghĩ đến cái miệng bụng, như thế không xoay ra làm trộm cướp sao được? Ôi! Ví khiến, Phàn Nhước Thủy được một chức quan, thì không ai qua vượt nổi nơi hiểm Thái Thạch; Vương Đình Tấu được thuộc vào đạo quân nào, thì chưa đến nổi phát ra cái nạn Lư Long. Người làm việc nước phải biết rõ những việc đó.

Trương Hán Siêu mất. Siêu có tài văn chương và chính sự, rất thích bài kích di đoan. Vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên, nơi ông ở là Phúc Am, cách An Đăng có một bến sông, ông yêu mến sơn thủy núi Dục Thúy, dựng nhà ở đó, nay hãy còn di tích khắc vào đá, ai trông thấy cũng mến chuộng. Có điều sở đoản là: không cho giao du với người đồng liệt, chỉ quen thân bọn trung quan (hầu cận vua); như tên tù trưởng Lạng Giang, tên thầy tứ chùa Quỳnh Lâm, đều mộ chúng giàu mà gả con gái cho bọn phi loạn, đời bấy giờ chê lắm. Lê Cư Nhân đã gọi ông là người nhà quê đá cầu, vì người thôn quê đá cầu phần nhiều không trúng, để ví với ông tính việc nhiều điều không đúng lẽ phải.

Lê Cư Nhân mất, Cư Nhân làm Hình quan, xét việc án ở nhà riêng, bị Đài quan hạch, Vua hỏi đến, ông tâu thật, Vua nói: "Sao không hỏi hộ nói tránh đi". Ông thưa: "Thà rằng thân bị tội, chứ không dám bùng bít vua, làm quan mà nói dối quân thượng, thì còn làm gương mẫu chi liên thuộc sao được?".

Chu Đức Dụ khởi binh (người làng Thái Bình nước Tàu, sau đổi tên là Chu Nguyên Chương, là vua Minh Thái Tổ).

Thượng hoàng đi chơi núi Kiệt Đặc, khi trở về, trong thuyền ngự có con ong vàng đốt vào má bên tả, bị đau rồi mất, (người đời nói là Quốc Chân hóa yêu mà làm ra thế đó).

Vua Minh Tôn lên ngôi vua đã lâu, rồi bà đích mẫu mới sinh ra con trai, đến ngày đầy năm, có người xin hành lễ theo Thái tử, các quan lấy làm việc khó xử. Vua Minh Tôn nói: "Còn lễ nghi gì nữa? Trước vì chưa sinh con cả, nên tạm ơ ngôi vua thôi, nay đã sinh rồi, đợi lớn lên thì ta trả lại ngôi, có khó gì đâu". Nói rằng: Việc như thế từ tiền cổ đến giờ sinh nhiều sự nguy hiểm. Vua Minh Tôn nói: "Cứ thuận nghĩa phải mà làm, có gì đáng lo" rồi phải làm theo lễ Thái tử, nhưng chưa được bao lâu thì con vị con cả ấy chết.

Vua Minh Tôn khuyên bảo các con rằng: "Biển lận mà được giàu, chả thà tán tài cho nghèo, dù có bị thiếu thốn, nhưng không mất hạnh kiểm của quý nhân".

Đến lúc Vua đau nặng triều đình nghị làm chay, muốn đem thân thay cho Vua, nhưng Vua không nghe.

Bà Thái hậu thả các sinh vật cầu cho Vua bình phục, Vua nói: "Thân ta không thể đem dê, lợn ra mà đổi được".

Trâu Canh xem mạch, nói là chứng phiền muộn; lập tức Vua đọc ra bài thơ:

"Chẩn mạch hưu ngôn phiền muộn đa,

"Y sinh lương lễ yếu điều hòa,

"Nhược ngôn phiền muộn vô hưu yết,

"Chỉ khùng trùng chiêu phiền muộn đa"(2).

Vua lại sai lấy tập thơ của Vua làm ra mà đốt đi, thị thần chần chờ mãi, Vua nói: "Vật đáng tiếc gì còn chả tiếc được, thì còn tiếc gì cái ấy nữa". Các con đến thỉnh giáo, Vua nói rằng: "Chúng mày xem cổ nhân, điều thiện thì theo, còn phải dạy gì".

Thời bấy giờ liền năm đói kém, một thăng gạo giá một tiền đồng. Vua đại xá cho thiên hạ, cải niên hiệu là Đại Trị, xuống chiếu cho các người giàu ở các lộ bỏ thóc ra cho người nghèo, các quan sở tại ước lượng giá tiền mà phát cho.

Ngô Bệ tụ tập dân chúng ở núi Yên Phụ, kéo cờ yết bảng rằng: "Chẩn cứu bản dân" từ Đại Liêu đến Chí Linh thuộc về y hết. Vua xuống chiếu cho các lộ phải bắt nã tên ấy, đưa về kinh đô chém đầu. Vua Minh Thái Tổ đánh nhau với Trần Hữu Lượng sai sứ sang nước ta thông hiếu, Vua sai Lê Kính Phủ đi sứ sang nước Tàu để xem tình hình hư thực thế nào.

Vua ngủ ngày ở Lương Phong Đường, chỉ một mình Tạ Lai hầu ở bên, rút gươm ra xem, Vua thức dậy, sai đem chém Tạ Lai.

Vua bắt các nhà Vương, Hầu làm các trò hát vật, Vua duyệt định, người nào hơn thì thưởng. Khi trước lúc đánh phá Toa Đô, bắt được con hát là Lý Cát hát giỏi, các thiếu niên, con hầu đều tập lối hát Bắc, thuật tích cổ Tây Vương Mẫu hiển đào, 12 người mặc áo gấm đánh trống, thổi tiêu, thay nhau trở ra, trở vào làm trò vui (Tiếng hát rất thâm, làm cho ai cũng động lòng cảm khái). Nước ta có truyện tích hát chèo trước đây. Lại họp các nhà giàu như là làng Đình Bảng, ở tỉnh Bắc Giang, làng Nga Đình ở Quốc Oai, vào trong cung đánh bạc làm vui, một tiếng bạc nghìn quan tiền. Lại sai trồng vườn hành, làm cái quạt đem bán để lấy lợi. (Có những khúc hát Giáng Hoàng Long, Yến Giao Trì, âm và điệu gần đều như cổ).

Làm vua một nước mà mở sòng đánh bạc để lấy hồ, trồng rau bán lấy lợi, ví với Tây Viên đời Hán, thì càng đáng bỉ hơn nữa.

Có tên Ngô Dẫn là Trại chủ Đại Lại, cha tên ấy được viên ngọc con rết, mang sang Vân Đồn bán cho thuyền buôn, nhân vì thế mà giàu, vua Minh Tôn gả Nguyệt Sơn công chúa cho nó, tên Dẫn cậy giàu,

chỗ nó ở đặt riêng có tỳ thiếp, lại còn có nhiều câu khinh khi Công chúa, công chúa tâu lên Vua, tịch thu gia sản của nó. Lúc trước thì mộ nó giàu mà gả con gái cho, đến sau nhân cái lỗi của con rể si ngốc mà tịch thu tài sản; lòng thích của nặng quá lắm.

Vua khởi làm các viện thổ mộc lớn, đào ao ở vườn rau, xếp đá làm núi, 4 mặt đều khơi sông lưu thông, trồng hoa cỏ khắp nơi, nuôi nhiều giống cầm thú; phía tây ao trồng hai cây quế. Dựng cung điện đặt tên là Lạc Thanh Điện, lại đào riêng cái ao nhỏ, bắt người Hải Đông trở nước biển mặn về chứa ở đó, để nuôi con đồi mồi, cá, thường luồng và các giống hải vật; bắt người Hóa Châu chở cá sấu về thả ở đó. (Chứa nước mặn, nuôi cá sấu, lại là kỳ tướng, vua Tùy Dương Đế, Tống Huy Tôn cũng có núi có biển, lại không được cái chân thú này).

Nước Chiêm Thành cướp biên giới Hóa Châu. Tục Hóa Châu hàng năm cứ đầu mùa xuân thì hội cả trai gái chơi đánh đu ở Bà Dương. Người Chiêm phục ở ngọn nguồn, nhân ngày hội ập đến, bắt người chơi xuân đem về nước.

Quan Phòng Ngự sứ ở Lạng Giang là Thiều Thốn (người Thanh Hóa) khéo võ về quân sĩ, ai cũng vui vẻ, sau vì có em kiêu ngạo bị tội lây, mất chức, quân sĩ làm câu ca rằng: "Trời không rõ oan, Thiều Công mất quan". Khi xếp hành trang sắp về, lại có câu: "Thiều Công tây qui, lòng ta thương bi". Triều đình nghe biết chuyện, lại cho phục chức, lại có câu: "Trời đã rõ oan, Thiều Công phục quan". Thiều Thốn là vị biên tướng, mà trong quân ngũ nhớ tiếc và vui mừng rõ ra ở ba câu ca như thế, vì khi ở trong quân một lòng võ về an ủi, cùng nhau cam khổ mà không đẩy chúng vào nơi đau buồn. (Lê Quát là quan Hữu Bộc Xạ, người Thanh Hóa, khi nhỏ tuổi du học ở kinh đô, có người bạn đi sứ sang Yên Kinh, Quát có thơ tiễn rằng:

(3)"Dịch lộ tam thiên quân cứ yên,

"Hải môn thập nhị ngã hoàn sơn,

"Trung triều sứ giả yên ba khách,

"Quân đắc công danh ngã đắc nhàn".

Thức giả biết ngày sau Quát tất được sang. Quả nhiên đỗ cao làm quan đến sử tướng, hơn cả ông bạn).

Vua ngự thuyền nhỏ đến chơi nhà Trần Ngô Lang ở làng Mễ Sở đêm về kinh đô, đến sông Chử Gia, mất cả bảo kiếm và bảo tỳ; thấy thế tự biết rằng đời mình ngắn, lại càng buông lòng vui chơi. Vua Thái Tổ nhà Minh lên ngôi, sai Dịch Tế Dân sang hỏi thăm nước ta, vua sai Đào Văn Đích sang nhà Minh đáp lễ lại.

Vua sai triệu Huyền Vân là đạo sĩ ở Chí Linh đến kinh, hỏi phương pháp tu luyện, đặt tên cái động của

Huyền Vân ở là Huyền Thiên động.

Trước khi Vua mất, nhân vì vua chơi trăng, hóng gió, uống rượu say quá, triệu Bùi Khoan đến cùng uống, Khoan dùng kế giả tảng uống hết một trăm thăng rượu, được thưởng lên hai bậc. Vua thân ra tắm ở sông, liền bị đau, rồi mất, tên hiệu là Dụ Tôn. Thời bấy giờ sứ nhà Minh là Ngưu Lượng mang ấn mới sang, đến nước ta, thì vua Dụ Tôn đã mất, Lượng có thơ viếng. Cung Định Vương Chân ra đón tiếp và có thơ tiễn Lượng, có câu rằng:

"Viên Tản sơn thanh Lô thủy bích,

Tùy phong trực nhập ngũ vân phi"(4)

Lượng đoán rằng ngày sau tất lên ngôi vua, quả đúng như lời.

Bà Hiến Từ Thái hậu đưa con thứ của Dục, (Cung Túc Vương) là Nhật Lễ lên làm vua, cải niên hiệu là Đại Định (Nhật Lễ là con người hát chèo Dương Khương, mẹ y đóng tấn hát Tây Vương Mẫu hiển đào, lúc ấy đương có thai, nhan sắc kiều diễm, Dục yêu vì sắc đẹp lấy làm vợ, đến khi đẻ, nhận làm con mình. Bà Thái hậu lấy có Dục là đích trưởng mà mất sớm, nên lập con làm vua). Nhật Lễ đã lên ngôi, có người nói là hát chèo vô loài, giám mạo nhận để được ngôi báu, Thái hậu hỏi hận lắm, Nhật Lễ ở trong cung bỏ thuốc độc cho bà, bà mất. Thái hậu có tính nhân hậu, tuy là phận vợ cả, vợ lẽ khác nhau, nhưng vẫn ăn ở nhân từ, trong tình cốt nhục không điều gì đáng chê trách, ở hết đạo làm mẹ, đời gần đây chưa được người nào được như bà. Khi xưa vua Minh Tôn ngự ở Bắc Cung, người giữ cửa bắt được con cá trong giếng Nghiêm Quang, trong mồm có vật gì, móc ra, có lời chú yểm tên húy vua Dụ Tôn, Cung Túc và Thiên Ninh, xét hỏi kín biết rằng bà thứ phi mua con các đó. Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác là con thứ phi. Vua Minh Tôn muốn xét cho ra mà trị tội, Thái hậu xin bỏ việc đó đi; đến đời vua Dụ Tôn, có người lại đem việc ấy ra, Thái hậu cố sức cứu, nhiều người can vào việc đó mới khỏi tội).

Nghệ Tôn Hoàng Đế

Vua Nghệ Tôn tên là Chân, con thứ ba vua Minh Tôn, ở ngôi vua được ba năm. Vua bình được nạn ở trong triều, lấy lại được ngôi báu, có công dựng nền Trung Hưng, sáng tỏ trong trời đất, mà vẫn đề tâm về sự điềm đạm, không cho sự được ngôi làm vui thích, cũng là vị hiền quân đời Trần. Tiếc rằng đức nhân từ thì có dư, mà tính cương đoán thì không đủ, để cho nước ngoài xâm lấn, trong triều có kẻ gian thần, nhòm ngó ngôi báu, dần dà đến nỗi mất nước.

Niên hiệu Thiệu Khánh thứ nhất, Nhật Lễ được ngôi vua rồi, chỉ chăm chơi bời yến tiệc; lại quay lại họ Dương, bách quan và tôn thất đều thất vọng, quan Thái tử là Nguyên Trác cùng Thiên Ninh Công chúa đương đêm đưa các tôn thất vào trong thành giết Nhật Lễ. Nhật Lễ trèo qua tường phục ở dưới Tân Kiều, tìm không được, liền tan tác kéo về. Đến khi trời gần sáng, Nhật Lễ vào cung, chia người lòng bắt 18 người chủ mưu; Nguyên Trác bị hại, Thiên Ninh Công chúa mật báo Cung Định Vương rằng: "Thiên hạ của tổ tiên ta, sao lại bỏ cho người khác, ông nên tránh đi, tôi đưa gia nô đi bình cái nạn này". Nguyễn Nhiên cũng biết Nhật Lễ muốn hại Cung Định Vương khuyên ông phải đi ngay, Cung Định Vương liền đi Đà Giang, ước hẹn kín với em là Kính hội với quân Thanh Hóa mà khởi binh. Lúc ấy Nhật Lễ tin dùng tên Ngô Lang, Ngô Lang âm mưu với Cung Định Vương. Mỗi lần đem quân đi đánh, thì lại mật báo phải theo Cung Định Vương, nên bao lần cho quân đi không có người nào trở về cả. Ngô Lang làm nội ứng, bách quan cũng thứ đệ đi theo, cố nài xin Cung Định Vương trở về triều, để quét sạch nội nạn. Quân của Cung Định Vương đi đến Kiến Hưng, hạ lệnh phế Nhật Lễ làm Hôn Đức Công; rồi làm lễ cáo Thái miếu, nói rằng: "Việc ngày nay thật ý tưởng tôi không có ngờ, vì để cho xã tắc khỏi rối loạn mà tôi không tránh được, thật tự hổ thẹn lắm". Ngay hôm ấy lên ngôi vua, đổi niên hiệu, xuống chiếu các xe kiệu đều dùng sơn đen, không được sơn son thếp vàng. Quân tiến đến đóng ở bến Đông Bộ Đầu, Ngô Lang bảo Nhật Lễ phải tự tay viết thư kể tội mình, bỏ ngôi ra đón. Vua trông thấy Nhật Lễ úy lạo mãi, các tướng đều có lòng phẫn, rút gươm hô to rằng: "Kẻ có tội đã bắt được rồi, sao lại lấy nhân đức đàn bà mà bỏ mất ý nghĩa việc đánh giặc này". Liền đuổi Nhật Lễ ra, bắt giam ở phường Giang Khẩu. Nhật Lễ triệu Ngô Lang đến, nói dối rằng: "Có lọ vàng chôn cất ở trong cung, nhờ lấy hộ"; Ngô Lang quỳ xuống nghe lời. Lễ liền đánh Lang đến chết, việc đó đến tai Vua, Vua sai đánh bằng tay chân không giết Nhật Lễ và truy tặng cho Ngô Lang chức Nhập nội Tư mã, tên thụy là Trung Mẫn. Nhất thiết các chế độ đều theo như cũ.

Vua nói: "Tiền triều ta lập quốc cũng đã có pháp độ riêng, không theo chế độ nhà Tống, vì rằng Nam và Bắc mỗi bên làm vua một nước, không nên rập theo của họ, trong năm Đại Trị, bọn thư sinh làm việc nước, không hiểu rõ sơ ý khi lập pháp, liền bỏ cả pháp độ cũ của tổ tiên, theo về tục Bắc. Nay là lúc sơ chính, nhất thiết theo thể lệ trong năm Khai Thái". Vua lấy có Nguyễn Nhiên có ơn với mình, cho làm chức Hành khiển, Nhiên không biết chữ, phê phó việc gì phải vạch chữ rõ mà bảo cho y viết. Quan Quốc tử Tư nghiệp là Chu Văn An mất, Vua sai quan dụ tế, cho tên là Văn Trinh, được thờ ở Văn Miếu theo hàng tiên hiền.

Văn An là người thanh tĩnh, giữ tiết hạnh rất khắc khổ, không cầu gì lợi lộc cao sang, chỉ ở nhà đọc sách, có nhiều học trò làm nên to, như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm đến chức Hành khiển, cũng phải giữ lễ thầy trò, lạy ở dưới giường ông ngồi; có điều gì không phải là trách mắng ngay; ông là người nghiêm nghị đáng sợ là thế. Vua Minh Tôn cử làm quan Tư nghiệp, dạy Thái tử; vua Dụ Tôn ham chơi nhiều quyền thần làm phạm pháp, ông dâng sớ xin chém 7 tên nịnh thần, không có trả lời, ông liền treo trả mũ áo rồi trở về quê. Ông mến cảnh núi Chí Linh, đến làm nhà ở đó. Vua Dụ Tôn muốn ủy thác chính quyền cho ông, nhưng ông không nhận. Thái hậu nói: "Bậc hiền sĩ thanh cao, vua cũng không bắt người ta làm tôi được, giao chính quyền cho ông ta thế nào được". Thiên hạ ai cũng khen là có khí tiết cao. Khi bình xong nội nạn, ông mừng lắm, chống gậy lên yết mừng Vua, rồi lại trở về núi.

Chu Văn An người làng Quang Liệt, huyện Thanh Đàm(5), chỗ ông ở liền với trường Đại học, ông xây một nhà đọc sách ở gò lớn, trước là cái đầm nước trong, hiện nay có đền thờ ông ở nơi đó. Ông ẩn cư ở núi Phụng Hoàng, huyện Chí Linh. (Đền thờ có bài văn bia là Nguyễn Công Thái, tiến sĩ triều Lê, soạn ra. Ở núi Phụng Hoàng có bia và bài ký, do tiến sĩ Lê Duy Đản lập lên). Lê Quát hiệu là Mai Phong học trò cao của Chu Văn An.

Sách Xư Dị Ký: Long vương có con út ham học, nghe biết Chu Văn An dạy học trò, liền lên ở cõi trần để vào học, mà không ai biết, gặp lúc nắng hạ, nhà làm ruộng mất mùa, tiên sinh giảng xong bài, ngồi yên có vẻ lo buồn, mới đến hỏi tiên sinh có sao lại buồn, Tiên sinh nói: "Vi gian thần cầm quyền, không biết việc điều hòa âm dương, đến nỗi có đại hạn, người có lòng nhân đều phải đau xót, ta cũng không sao quên được", liền đứng ra thưa rằng: "Tiểu sinh có tài gì đâu, làm thế nào kéo được máy tạo hóa được, nhưng cũng xin thử làm chút ít, may ra cũng đủ sức" bèn cầm hồ nước đổ vào nghiên mực, một lúc có cơn mưa như giội; rồi lạy tạ thầy, từ đây xin thôi học. Khi về đến bên sông Nhuệ Giang, chợt gặp vị thiên sứ hỏi có làm mưa đó; liền ngã xuống đất hóa ra con giao long, người trong làng đào đất lấp lên, gọi là "giao long hạc túc", đối ngạn với Quán sở, hơn tháng sau thấy có linh ứng, người làng đó lập đền thờ, nay vẫn hãy còn.

Vua trừ bỏ cách cắt chân ruộng bãi cát bồi, bỏ lệnh điểm duyệt tài sản.

Trước kia, vương hầu có ruộng ở ven sông thì bãi cát mới bồi ở liền ruộng, đều thuộc quyền sở hữu; đến thời bà Chiêu Từ Thái hậu mới lập ra pháp luật cắt chân, chặn lấy ruộng mới bồi, để thu lấy thuế. Nhà quyền quý nào chết hay bỏ đi, thì tài sản thuộc về con cháu, đến đời vua Dụ Tôn mới có lệnh phải kiểm duyệt, châu báu nộp hết vào công, đều là những người bày tôi chỉ thu nhặt mở mào ra đó. Nay đều bỏ hết cả lệ ấy đi.

Nước Chiêm Thành vào cướp kinh đô, do cửa biển Đại An, theo chiều gió đi một đêm đến thẳng cửa biển Thái Tổ (nay là phường Phục Cổ huyện Thọ Xương). Vua đi thuyền sang sông Đông Ngàn để đánh giặc. Khi bấy giờ thái bình đã lâu, biên giới và các thành không có quân phòng giữ, nên giặc đến

không có quân lính để chống cự, quân giặc vào thành cướp của bắt người, cung điện rỗng không. Trước, mẹ Nhật Lễ trốn sang nước Chiêm Thành, dụ chúng vào cướp, để phục thù cho Nhật Lễ, người Chiêm đặc chí, hàng năm làm lo cho biên giới, quốc gia từ đây mới sinh ra nhiều việc.

Nước Chiêm từ đời Dương Mại, Phạm Chí trở về sau, vẫn làm mối lo cho nước ta, thời gian nhà Lý và Trần tuy có bị nhiều trận thua to, cũng vẫn khi phục, khi phản vô thường, đến cuối đời Trần thì chúng lại quật cường lắm.

Vua lập em vua là Kính (Cung Tuyên Vương) là Thái tử chế ra 14 chương Hoàng Huấn cho Thái tử, đến khi truyền ngôi, lại làm bài châm 150 câu mà cho.

Vua lấy người họ ngoại là Lê Quý Ly làm Khu mật Đại sứ (2 người cô và chị Quý Ly đều là cung nhân của vua Minh Tôn, một thì sinh ra vua Duệ Tôn, nên lúc sơ chính Vua càng tin dùng, lại gả Công chúa cho nữa).

Vua truyền cho Thái tử Kính lên làm vua. Vua Nghệ Tôn là người hiếu hữu, bình xong loạn Nhật Lễ mà không có lòng tham vị, bỏ con mà lập em, làm cho người Minh khen là có lòng coi thiên hạ là công như Nghiêu, Thuấn.

Vua cho Trương Hán Siêu được tòng tự vào đền thờ Khổng Tử.

Nhà Trần cho 3 người được tòng tự vào đền thờ Khổng Tử: Chu Văn An là hơn cả, Hán Siêu là nhâm; còn đến Tử Bình thì chặt bỏ xác ra từng tấc một cũng chưa hết tội, sao lại được xen vào hàng cung đình lễ nhạc. Nay ở nhà phía tây Văn Miếu vẫn còn bài vị thời Chu Văn An. Còn Hán Siêu và Tử Bình thì đã tước bỏ đi rồi, không biết từ đời nào, xem thế có thể thấy lòng người ta cùng một nhân tâm, thiên lý.

Duệ Tôn Hoàng Đế

Tên là Kính, con thứ 11 vua Minh Tôn, em vua Nghệ Tôn, khi vua Nghệ Tôn chạy loạn, thì quân lính và binh khí đều do tay vua thu nhặt, cho nên mới được truyền ngôi.

Niên niệu Long Khánh thứ nhất, Vua bổ sung quân ngũ, sửa sang chiến thuyền để phòng có việc đánh Chiêm Thành.

Thi Tiến sĩ, lấy đỗ: Trạng nguyên: Đào Sư Tích, Bảng nhãn: Lê Hiếu Phủ, Thám hoa: Trần Đình Thâm. Và có các hạng xuất thân. Lệ cũ: 7 năm một lần thi, còn thi Đình không có lệ nhất định. (Học sinh Tam quân thuộc quan, học sinh thị thân, học sinh tướng phủ, đã có phẩm tước rồi, đều được dự thi).

Tuyển dân đình xung vào quân ngũ, xưa kia quân túc vệ chỉ có đạo quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần, sau đặt thêm đạo Oai Tiệp, Bảo Tiệp, Tả Ban, Hữu Ban đều có đặt ra quân hiệu, có chức Đại Đội trưởng và phó.

Vua định ngạch quan hầu, đặt ra 6 cục Cận thị Chi hậu, lấy các vị vương hầu, tôn thất làm chức Chánh chương.

Vua cấm quân nhân không được mặc lối áo quần người Tàu và bắt chước tiếng nói nước Chiêm và Lào.

Vua đại duyệt cả quân thủy và quân bộ ở sông Bạch Hạc, xuống chiếu cho Thanh Hoá, Nghệ An vận lương đến Hoá Châu, đợi Vua sẽ thân đi đánh Chiêm Thành, quan Trung tán là Lê Tích nói: "Việc đem quân đi đánh là việc lớn nguy hiểm, về phần tướng sủy thí không nên muốn được công trạng mà muốn đánh lúc nào cũng được; hướng chi mới bình xong nội nạn, vết thương đau của dân, của nước chưa lành, thần trộm nghĩ không nên hưng sử". Vua không nghe, khi kéo quân đi đến sông Bát Tràng, có người dân quê đương cử hành đám tang, vua xuống chiếu bắt phạt 30 quan tiền.

Trước kia chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga quấy nhiễu biên giới, Vua sai Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ ở Hoá Châu, người nước Chiêm đem vàng dâng Vua, Tử Bình lấy vàng ấy làm của riêng mình, mà nói rằng người Chiêm vô lễ, nên đánh, Vua mới quyết ý thân đi đánh Chiêm, quan quân đi đường biển đến Nhật Lệ, thì đóng quân ở đó thao luyện, rồi lại tiến đóng ở động _ Mang; người Chiêm lập đồn lũy ở ngoài thành Đồ Bàn, nơi ấy đường núi thì hẹp, tứ vi đều là rừng rậm; quân giặc phục trong rừng Tượng Lâm, quan quân ta không biết, giặc sai dâng thư trá hàng, nói rằng Chúa nó đã trốn đi rồi, chỉ còn thành trống không, nên tiến mau vào, không nên để lỡ cơ hội; Vua tin lời, lập tức cưỡi ngựa vẫy quân tiến lên. Đỗ Lê can rằng: "Chúng đã xin đầu hàng, thì ta hãy sai một người biện sĩ đưa thư vấn tội, để dò xét tình hình hư hay thực của chúng, như kế của Hàn Tín phá quân nước Yên khi xưa, mới được". Vua nói: "Quân ta đã đi vào sâu rồi, không một người nào dám xung phong; việc binh cần phải thần tốc, chần chờ thế nào được; người thật gan dạ đàn bà", bèn cho mặc áo đàn bà, rồi quan quân như đàn cá nổi nhau kéo đi, đội trước đội sau xa cách nhau, bị phục binh giặc xông ra chặt đứt làm đôi, quân ta vỡ, Vua mất ở trong đám loạn quân, Đỗ Tử Bình thống lĩnh toán hậu quân không ứng cứu, chạy thoát lấy thân; Lê Quý Ly đốc vận lương, được tin trốn về trước. ngày hôm ấy ở kinh đô ban ngày

mà mờ tối, chợ và phố xá phải đốt đuốc để buôn bán. Khi kéo quân về, Đỗ Tử Bình bị bắt xuống làm lính.

Việc hành binh này, họ Lê và Đỗ 3 lần dâng sớ can ngăn, mà Vua không nghe, liền treo trả mũ bỏ đi. (Đỗ là người Phù Đổng, tính thích thắng, có chí khí lớn; khi nhỏ tuổi sang học ở Tây Hồ, xem các tướng tập bắn, nói rằng: "Nghề này làm không khó gì". Các tướng nói: "Mày có bắn trúng được không?", trả lời: "Xin bắn thử"; bắn ba phát trúng cả ba. Một tướng muốn đem về nuôi, nhưng ông không chịu theo, cứ du học, sau đỗ Tiến sĩ, làm quan thanh liêm và nghèo, không tậu nhà, ruộng; con cháu nối đời làm quan, vẫn giữ được nề nếp nhà, có tiếng ở đời bấy giờ).

Lời bàn: Vua Duệ Tôn mật mưu việc nghĩa cử, quét sạch nội nạn, không phải tài anh hùng không làm được thế; đến việc này thì nhận lời đầu hàng của giặc mà không xét là thật hay giả, vào nơi hiểm trở mà không dò xét cẩn thận, cứ kéo quân lũ lượt đến, đến nỗi mắc mưu trá hàng, ba quân tan hết, làm trò cười cho quân Mán, thật là lỗi khinh địch, cự gián, rước lấy tai vạ vào mình.

Thượng hoàng lấy cớ Vua bị chết vì quốc nạn, mới lập con Vua là Nghiễn nối ngôi vua, cải niên hiệu là Xương Phù. Nước Chiêm Thành lại vào cướp, do cửa biển Thiên Phù kéo vào, thẳng đến kinh đô.

Sử thần bàn: Lúc nhà Trần đương thịnh, mỗi lần quân Nguyên sang là bị thua kéo về; đến lúc nhà Trần suy, mỗi lần quân Chiêm đến, cướp bóc no chán rồi về; quân Nguyên là giặc mạnh, quân Chiêm là mán rợ nhỏ, sao nhà Trần đối với quân Nguyên thì mạnh thế, đối với quân Chiêm thì yếu thế, chả qua là tại người cả; Vua Nghệ Tôn, rút rút, không được bằng vua Nhân Tôn có hùng tài; mà bấy tôi càng kém nữa, không bàn mưu kế với ai được, không giao phó biên giới cho ai được, cửa biển không có quân phòng, trên sông không có đồn canh giữ, quân giặc đến thì mê man, quân giặc đi thì lại cô tức; thậm chí đem cả thần tượng chạy đến An Sinh, đem hết của báu giấu ở Thiên Kiện, không kể gì để tự thủ, thấy giặc đi làm mừng; nếu mà Bồng Nga chưa chết, không biết nhà Trần lúc ấy chống đỡ bằng cách gì. Tử Bình giỏi về nghề ăn cắp vàng, không biết trù liệu việc binh, Quý Ly giỏi về ăn cướp nước, không biết cách làm tướng, đáng than phiền cho thời vận và nhân tài khi bấy giờ nhiều lắm.

Vua sai Trần Đình Tham sanh nhà Minh báo tang, nói rằng vua Duệ Tôn đi tuần về biên giới bị chết đuối. Nhà Minh từ chối rằng: "Theo lẽ có 3 điều không nên viếng là: Bị khiếp sợ mà chết, bị áp bức mà chết và bị chết đuối". Đình Tham tranh biện mãi, nói rằng: "Vì Chiêm Thành bạn nghịch, vua Duệ Tôn vì việc nước mà bị nạn, thế là có công với dân, sao lại không viếng?". Nhà Minh lại phải sai sứ sanh viếng thăm.

Thời bấy giờ nhà Minh đương nhòm ngó nước ta, chỉ muốn tìm cớ, Lý Thiệu Trường nói: "Nước người ta em chết vì quốc nạn, mà anh lập ngay con người em làm Vua, nhân sự như thế, thì có thể biết thiên mệnh thế nào"; việc ấy mới bỏ đi.

Phế Đế

Phế Đế tên là Nghiễn, con trưởng vua Duệ Tôn. Vua Duệ Tôn đi đánh miền Nam mà bị mất, vua Nghệ Tôn mới lập làm vua, sau bị giáng làm Linh Đức Vương, ở ngôi vua 12 năm, là người hôn ám, hèn kém không làm được việc, để quyền về tay kẻ dưới, làm cho xã tắc nghiêng đổ, đến thân cũng không giữ được, đáng thương lắm.

Niên hiệu Xương Phù thứ hai, nước Chiêm Thành lại vào cướp, Vua sai Đỗ Tử Bình chống cự, quan quân tự tan vỡ, quân giặc thừa kế đến kinh đô, Lê Giác bị giặc bắt, chúng bắt phải lạy chúng, Giác nói: "Ta làm đại thần một nước lớn, đâu phải lạy chúng mày", quân giặc giận đem giết đi. (Giác là con Lê Quát, được truy phong là Trung Vũ Hầu; con là bính làm chức Cận thị Chi hậu cục Chánh chương).

Thời bấy giờ đương có việc quân, mà phủ kho trống rỗng; Đỗ Tử Bình kiến nghị theo phép đánh thuế dong của nhà Đường, mỗi một hộ phải nộp 3 quan tiền, từ đây thuế mới nặng thêm. (Lệ cũ: ruộng cấy hay bãi dâu mới đóng thuế, không cấy trồng thì miễn thuế. Ruộng phải nộp thóc, bãi dâu phải nộp lụa, đã định sẵn thành ngạch, sinh thêm ra thì không tính đến, chết đi thì không trừ; đến bây giờ lại bắt phải cung rao dịch (bắt đi làm việc).

Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm Tướng quân. (Quý Ly khi nhỏ học Sur Tề, dạy cho nghề võ, Đa Phương là con Sur Tề, đã bị quân Chiên bắt, nay mới trốn về, được Quý Ly tiến cử, người đời bấy giờ bảo là đáng lo vì chúng gây nên vây cánh).

Vua sai quân dân chuyển vận của cải của nước đến giấu ở nước Thiên Kiện, các thần tượng ở lăng cũng về rước về An Sinh, phòng khi có quân Chiêm Thành lại vào cướp Diễn Châu, vua sai Lê Quý Ly thống lĩnh thủy quân, Tử Bình thống lĩnh bộ quân để phòng ngự. Khi giao chiến, Nguyễn Toàn Ngao quay thuyền trở lại tránh tên đạn của giặc, Quý Ly chém đầu đem rao các trại quân. Các trại quân thúc trống reo hò mà tiến lên, chúa Chiêm là Chế Bồng Nga thua trận trốn chạy. Từ đây Tử Bình kêu là có bệnh, xin giải binh quyền (rồi chết liền), Quý Ly một mình lĩnh chức Nguyên nhung.

Vua sai đốc xuất các người tăng chúng cường tráng ở thiên hạ tạm làm lính, để đánh Chiêm Thành. Bấy giờ quân Chiêm cướp Thanh Hóa, quan quân đóng ở núi Long Đại; Nguyễn Đa Phương cắm gỗ ngăn giữ cửa biển Thần Đầu, người Chiêm đưa cả quân thủy và bộ lên trên núi, lấy đá ném xuống, thuyền quân bị tổn hại nhiều, Đa Phương không đợi lệnh của Quý Ly mở gỗ cắm ở cửa biển ra mà đánh, quân Chiêm thua to, tản mát vào núi. Đa Phương đốt hết cả rhyền của giặc, lại đốc quân vây núi, giặc chết đói nhiều, dư chúng phải bỏ chạy, quân ta đuổi theo đến Hóa Châu rồi mới về. Được tin thắng trận, Vua cho Đa Phương làm Kim Ngô Vệ Đại Tướng quân.

Khi Lê Quý Ly lĩnh chiến thuyền đi đánh Chiêm Thành, mới đóng thuyền lớn có hiệu là Diêm Dã, Ngọc Đột, Nha Tiệp, khi ra biển bị sóng gió đánh bể nát nhiều, liền trở về; người Chiêm nghe tin, dẫn quân đi đường bộ theo chân núi đường Quảng Oai mà đến kinh đô, Thượng hoàng sai Lê Mật Ôn chống giữ, đi đến chân Tam kỳ (thuộc Quảng Oai), quân giặc đã phục sẵn, lính và voi đều xông ra,

quan quân ta thua chạy. Được tin báo, Thượng hoàng đi Đông Ngàn để tránh giặc, một người học trò là Nguyễn Mộng Hoa kéo thuyền ngư xin ở lại để đánh giặc, nhưng Thượng hoàng không nghe.

Từ đời nhà Lê và Lý trở lại, quân Chiêm Thành rất hèn nhát, hễ quân ta đến thì giặc chạy hoặc hàng; đến bảy giờ Bồng Nga nghĩ thay đổi tục cũ, dạy cho biết phương pháp đánh trận, người Chiêm từ ấy mới dũng mãnh chịu quen khổ sở, nên thường làm mối lo cho biên giới của ta.

Thượng hoàng ở cung Bảo Hòa, các bầy tôi chia phiên trực ở bên, hỏi các việc cũ, biên tập thành tám quyển, nhan đề Bảo Hòa dư bút.

Nhà Minh đánh Vân Nam, sai Dương Bàn đến đòi quân lương, Vua sai Trần Nghiêu Du vận lương đến đầu địa giới Thủy Vũ đưa cho; nhà Minh lại yêu cầu 20 thầy tăng. Xưa kia nước ta đưa Nguyễn Tôn Đạo (hoạn quan) đến Kim Lăng, Tôn Đạo nói thầy tăng người Nam là đạo tràng khoa cúng lễ hơn thầy tăng người Bắc, nên bảy giờ mới cầu xin. Tôn Đạo lại nói phương nam nhiều hoa quả tốt, nên nhà Minh cầu xin các cây cau, vải, mít, long nhãn, nước ta có đưa cho, nhưng vì không chịu được rét, chết khô cả. Tôn thất đại thần là Nguyên Đán thấy quyền bính ngày một xuống tay kẻ dưới, biết rằng Quý Ly tất cướp nước, mưu đồ tránh hậu họa, bèn xin cáo lão, về Côn Sơn vui cùng trúc đá, tự hiệu là Băng Hồ, ngầm ủy thác con là Mộng Dữ cho Quý Ly, sau này tôn thất nhà Trần đều bị giết hại, duy có con cháu Nguyên Đán là còn.

(Nguyên Đán hay thơ, có tập thơ Băng Hồ phát hành ở đời, có thơ gửi cho liên hữu nói ý những việc hưng vong cổ kim có thể để làm gương, các ông sao nữ không can gián gì. Lại gửi cho Trang Định, đại ý nói đêm nay cáo vào chuồng gà, chả xơi được mẹ tất là xơi con. Trang Định chỉ còn biết than thở).

Minh sứ đến mượn đường đi đánh Chiêm Thành, đòi 50 con voi, từ Nghệ An đặt nhà trạm cấp lương cỏ, đưa đến Vân Nam.

Lời bàn: Từ khi Tôn Đạo đưa tình hình trong nước mách cho nên nhà Minh, cực ngôn nhân vật thịnh, vàng ngọc giàu, cho nên nhà Minh mặc ý yêu cầu, nào đòi lương đòi voi, không năm nào ngơi. Quân gian nịnh kéo phùng nghênh để được lòng người. Nhà Trần sai Tôn Đạo sang Bắc mà hồng việc nước, nhà Minh tin Tôn Đạo lấn đất Nam mà mở ra hấn khích ở biên giới, đến cả gia đình Tôn Đạo cũng tan nát theo, đáng lấy đó làm răn.

Hồ Tôn Thốc làm quan An Phủ, có xâm đến của dân, vua Nghệ Tôn lấy làm lạ mà hỏi, thì tạ lỗi rằng: "Một người được ân vua, cả nhà được hưởng thiên lộc. " Vua tha tội cho (Tôn Thốc người ở Diễn Châu, Nghệ An, nhỏ tuổi đã đỗ, chưa có tiếng, gặp tiết Nguyên tiêu, có vị pháp quan họ Lê mở hội treo đèn, Tôn Thốc ở ngay trên đám tiệc làm 100 bài thơ, từ đấy tiếng lừng kinh đô).

Vua cho Quý Ly là cờ và thanh kiếm: (là cờ đề rằng: "Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức").

Quý Ly lấy dụ chỉ của Thượng hoàng phết Vua làm Linh Đức Vương. Khi trước có sao chổi, Vua cùng Thái úy Thích bàn mưu nói: "Thượng hoàng yêu dùng họ ngoại, Quý Ly muốn làm gì được nấy; nếu không tính trước, tất sau này khó chế ngự được". Mưu ấy tiết lộ, Quý Ly biết, Đa Phương khuyên nên

ra ở núi Đại Lại, để chờ biến chuyển, Cự Luận nói: "Không được, đã ra ngoài rồi, thì khó lòng giữ được toàn". Quý Ly nói: "Túng xử không phương kế gì, thì ta phải tự tận, không thể nhờ tay người khác được". Cự Luận nói: "Thượng hoàng có nhiều con trưởng đích xuất, mà lại lập cháu làm vua, tục ngữ có câu: "Chưa thấy ai bán con để nuôi cháu" đem câu ấy động đến tai, rồi cải lập Chiêu Định, trở tai họa thành ra phúc, dễ như trở bàn tay. Quý Ly mặt râu, Thượng hoàng cho là phải. Sáng sớm hôm ấy, nói thác rằng Thượng hoàng đi An Sinh, triệu Vua đến bàn việc nước, Vua chưa ăn cơm đã đến ngay, lập tức bị dẫn ra chùa Tư Phúc giam kín, rồi ra nội chiếu nói: "Vua Duệ Tôn mất không trở về, thì lấy con đích làm Vua, là theo lời cổ đó, những vì quan gia lên nối ngôi, hãy còn tính trẻ con, đức tính thất thường, không thể làm chủ một nước được", nên giáng làm Linh Đức Vương, rước Chiêu Định vào nối ngôi Vua. Chưa được mấy lâu, lại đem buộc cổ cho chết.

Cung nhân của vua Duệ Tôn, là mẹ Linh Đức Vương là em gái họ của Quý Ly. Vua Duệ Tôn đi đánh miền Nam bị chết, bà này đã cắt tóc làm ni cô, đến khi vua Nghệ Tôn lập Linh Đức làm vua, bà cố từ chối không được, lại vào ở trong cung, nói chuyện với Thái úy Thích có vẻ lo lắng: "Con tôi bạc phúc, khó kham được trách nhiệm to. Tiên hoàng mất đi, tôi không chết theo được, không còn muốn trông đến việc đời nữa, huống chi còn nỡ trông thấy con nguy đến thân hay sao". Rồi bà mất.

Con út vua Nghệ Tôn là Chiêu Định Vương Ngung được lập lên làm vua, cải niên hiệu là Quang Thái. **Lời bàn:** Vua Nghệ Tôn già lẫn quá lắm, trước kia đã nhường ngôi cho em, lại lập cháu làm vua, không coi ngôi vua là của riêng, lòng đó sao quang minh thế. Đến khi tuổi già, mê hoặc về câu bán con nuôi cháu, chia ra khinh và trọng trong chỗ con cháu, không nghĩ rằng: xã tắc là trọng, người nào hiền đức thì lập lên, còn phân biệt con với cháu làm gì. Vả lại trong hàng con vua Nghệ Tôn duy chỉ Trang Định lớn tuổi mà hiền đức, Quý Ly vẫn sợ xưa nay, thanh ngôn rằng tất phải lập ông ấy làm vua, để cho ông có lời từ chối; ông đã từ chối rồi; liền khen ông là đại đức, để ngăn ý Nghệ Tôn không định kiến gì, làm tin sự giả dối của nó làm cho thật. Lão già 60 tuổi, trao ngôi vua cho đứa trẻ 10 tuổi; gửi con cho qua già, mà dặn nó: "Đừng thịt con ta, đừng phá hủy nhà ta", không biết rằng con qua già có tin được đâu. Than ôi! Lòng người muốn làm mất nước của người ta, tất phải làm hôn mê trí lự của kẻ đương cực, như có vật gì che mắt mắt đi, người đứng xem bên ngoài tuy có sáng suốt, nhưng vì hoàn cảnh dờ dằng trái ngược, không làm gì được, nên mới đến nỗi thế đó.

Thuận Tôn Hoàng Đế Và Thiếu Đế

Thuận Tôn tên là Ngung, con út của vua Nghệ Tôn, ở ngôi vua 9 năm, bị Quý Ly giết. Tuy làm vua mà chỉ giữ hư vị, làm vị vua bù nhìn. Năm đẻ và ngày chết đều bị tà thần cầm vận mệnh, thật đáng thương.

Niên hiệu Quang Thái năm thứ hai, người ở Thanh Hóa là Nguyễn Thanh mạo xưng là Linh Đức, lánh nạn vào Lương Giang, dân hưởng ứng theo.

Người Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa, Quý Ly đem quân chống cự; quân giặc đắp ngăn thượng lưu sông, quan quân ta cắm gỗ ở Bàn Nha đối lũy với nhau. Quân giặc phục voi, giả tảng nhổ trại về, Quý Ly kén dũng sĩ đuổi theo, thủy quân mở cây gỗ ra đánh nhau, quân giặc tháo đập nước, đưa voi ra xông vào trận, quan quân ta thua to, Quý Ly trốn về, xin thêm chiến thuyền để chống cự. Thượng hoàng không cho, vì thế y xin trả lại binh quyền, không đi đánh nữa.

Thượng hoàng sai Trần Khát Chân đi đánh giặc, quân ra đến Hoàng Giang, gặp quân giặc, Trần Nguyên Diệu kéo quân đầu hàng giặc trước.

Việc này Quý Ly trốn trước, Đa Phương trốn theo, thế mà còn cho rằng: toán quân đi giữ gìn sau cùng, là công của mình, có vẻ khéo khoang, thế là những người thua bỏ chạy 50 bước cười người chạy 100 bước, lại không xấu hổ với quân lính buộc thuyền giữ cây gỗ đó hay sao? Còn tài cán gì mà khoe khoang.

Quý Ly nói dèm pha với Thượng hoàng rằng mỗi trận ở Bàn Nha, vì Đa Phương mà đến nỗi thua. Thượng hoàng nói nên trừng phạt bằng tội nhỏ; Quý Ly nói: "Đa Phương dũng mãnh, thôi sợ nó sẽ bỏ đi sang Minh hay sang Chiêm mất, thả hổ di hoạn, không bằng giết đi là xong" liền bắt phải tự tử. Đa Phương than rằng: "Vì có tài mà được sang cũng lại vì có tài mà đến chết, ta chỉ tiếc rằng không chết ở trong chiến trận thôi".

Yêu tăng là Phạm Sư Ôn chiêu tập bọn vô lại tụ ở Quốc Oai, 2 vua phải đi về phía bắc để trị nạn; Sư Ôn vào ở trong cung khuyết 3 ngày; Thượng hoàng sai Phụng Thế đánh bắt được, Sư Ôn chịu tội chết, các tên bị bắt phải theo, được tha chết không hỏi gì.

Cuối đời Trần, hễ quân giặc đến là lánh đi, đành rằng bọn cuồng khẩu khó chống cự, đến lũ giặc đói ở thôn quê cũng vào được cung khuyết, mà cũng không dám kháng cự, sao lại nhát đến thế. Vua Nghệ Tôn trị quốc thì không sửa sang võ bị, Quý Ly giữ chủ bình thì không quen tướng lược, các thành trì, đồn canh chả lưu ý gì đến, một tên yêu tăng khởi lên mà vua phải chạy vất vả, thế còn gọi là trong nước có người tài sao? Trước kia vua Nhân Tôn không ngồi trong thành mà giữ, ra ngoài mà liệu cách đánh giặc, có hèn nhát như thế đâu?

Chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga cùng tướng là La Khải đem quân đến xâm lược nước ta, vua sai Trần Khát Chân chống cự, gặp nhau ở Hải Triều; người Chiêm chưa tụ quân được hết, Bồng Nga ra trước để xem tình thế, tiểu thần của y là Bĩ Lậu Kê bị tội, chạy về với quan quân ta, chỉ thuyền sơn màu xanh mà bảo rằng: đó là thuyền quốc vương; Khát Chân sai hỏa súng cứ nhắm thuyền ấy mà bắn

đến một lúc, bắn suốt qua Bồng Nga, quân giặc tan vỡ cả. Nguyên Diệu lấy xác Bồng Nga chạy về với quân ta, Khát Chân đóng hòm thủ cấp dâng lên Vua, Thượng hoàng nói: "Ta và quân Chiêm giữ nhau mãi, nay mới được trông thấy đầu này, khác gì Cao Tổ trông thấy đầu Hạng Võ". Bách quan đều hô mừng "vạn tuế". Tướng Chiêm là La Khải thu tàn quân đi đường bộ theo ven núi chạy về nước, giữ nước tự lập làm vua, con Bồng Nga là Ma Nô sợ bị giết, chạy về nước ta.

Mở kho tàng ở núi Thiên Kiện lấy các cửa cải bán giấu ở đó khi trước, bị núi lở, không khai được, liền bỏ đó.

Quan Tư đồ Nguyên Đán mất. Thượng hoàng đến hỏi thăm và hỏi về hậu sự, ông đều không nói gì, chỉ xin kính nhà Minh như cha, yêu nước Chiêm như con, thì nước được vô sự; ông có làm thơ rằng:

"Nhân ngôn ký tử dữ lão nha.

"Bất thức lão nha liên ái phân"(6).

Là ý khuyên can Thượng hoàng việc gửi vua Thuận Tôn cho Quý Ly.

Nguyên Đán có cô con gái tên Thái, sai nho sinh Nguyễn Ứng Long dạy học, Ứng Long tư tình với cô Thái, Nguyên Đán liền gả cho, sau sinh ra con là Nguyễn Trãi khai quốc công thần đời Lê. Nguyên Đán ở động Thanh Hư, núi Côn Sơn, cháu ngoại là Nguyễn Trãi có làm bài ca. (Chép ở Hoàng Việt vận tuyển).

Lời bàn: "Nguyên Đán là tôn thất nhà Trần, gặp vận nước không may, chỉ lấy sự rút lui để toàn thân là đắc sách, biết chơi thắng cảnh ở động Thanh Hư, mà không hỏi đến xã tắc ở Thiên Trường an hay nguy; chỉ mưu tính cho anh em Mộng Dữ, mà không nhìn gì đến cha con vua Nghệ Tôn được lợi hay bị hại; đến khi vua hỏi đến hậu sự, cũng không nói rõ; không biết rằng: Quý Ly đã không che chở gì cho mình, thì sao còn đưa Mộng Dữ gửi nó? Vua đã mất nước, bây tôi toàn một mình thế nào được? Lời răn dạy của cố nhân đúng lắm.

Trang Định Vương xưa cùng Linh Đức mưu tính giết Quý Ly, việc tiết lộ, bị nó oán, vẫn để lòng nghi và lo sợ, phải trốn đi, đến Vạn Ninh, người trại đó không cho ở, Thượng hoàng sai Nhân Liệt chạy theo gọi về; Quý Ly ngầm sai người giết đi.

Lời bàn: Trang Định là con Vua mà trốn đi, gặp phải người trại đó có dã tâm, tên tướng mọn hạ độc thủ; trên có vua cha không xét cho cái có phải bỏ đi, cũng không biết đến nguyên do đến nỗi chết. Vua Nghệ Tôn già lẫn đến thế, thật đáng giận lắm.

Mùa hạ đại hạn, Vua xuống chiếu cầu có người nói thẳng việc triều chính bảy giờ. Bùi Mộng Hoa dâng thư: "Thần nghe câu trẻ con hát rằng: "Thâm tai Lê sư", tất nhiên Quý Ly có dị chí. Thượng hoàng đem lời ấy bảo Quý Ly, vì thế Mộng Hoa đành ẩn lánh không dám ra.

Không rõ Mộng Hoa xuất thân là hạng thế nào, túng xử ở nơi giang hồ mà có lòng lo cho Vua, lại càng tỏ là khí tiết chi sĩ, tự cao như chim hồng bay ở lưng trời, Quý Ly làm thế nào mà lưới bắt được. Thật đáng là hào kiệt

Đặt chức Giang quan Tuần thủ ở các xứ, để trông coi việc lòng bắt giặc cướp.

Mông Trang bàn rằng: Kẻ ăn trộm cái vòng thì bị giết, kẻ ăn trộm cả nước thì được phong tước hầu; đặt ra chức phòng giữ giang quan, chẳng qua là kẻ bắt trộm nhỏ móc túi cướp níp đó thôi. Trong dân gian không có việc đào tường, lên cửa, mà nhà Trần đã có mối lo đổi ngọc thay vạc rồi.

Quý Ly làm ra 14 thiên minh đạo dâng lên Vua; để Chu Công làm tiên thánh, ngồi hướng mặt phía nam, Khổng Tử làm tiên sư, ngồi hướng mặt phía bắc. Trong sách Luận Ngữ có 4 chỗ đáng ngờ, như là: Yết kiến Nàng Nam Tử, khi ở nước Trần bị Tuyết Lương và Công sơn Phạt Mật mời. Khổng Tử muốn đến v.v... cho Hàn Dũ là đạo Nho, bọn Châu, Trình, Chu tử thì học bác tạp mà tài hèn, chỉ chăm trộm cắp ý nghĩa cổ nhân. Thượng hoàng khen ngợi lắm. Đoàn Xuân Lôi trợ giáo trường Quốc Tử chống lại nói là không nên làm thế, bị lưu đày ra châu gần.

Lời bàn: Nhan Uyên nói: đạo của Phu tử lớn lắm, thiên hạ không chỗ dung nạp nổi, cho nên ở Lỗ bị trục, ở Tề bị cùng khôn, ở Vệ bị thiệt hại, ở Thái bị vây, bị Yến Anh dèm pha, bị Võ Thúc chê trách, là lời người đồng thời, lại có kẻ truất xuống làm trung hiến, giáng làm tiên sư, thật là người mù che mặt trời, mặt trăng không ánh sáng, có làm tổn hại gì được các vì sáng đó. Còn đến bảo Xương Lê(7) là đạo Nho, Liêm, Lạc(8) là trộm cắp. Đạo học các vị này khi ở Bắc, đã bị khuất trong thời bấy giờ, sang đến Nam, lại cũng bị đời sau bài bác, các ông thật là gặp ách vận, đáng than.

Quý Ly tìm kín được dòng máu họ Hồ, muốn trở lại họ cũ, bèn lấy tên Hồ Cương làm người tâm phúc. Thượng hoàng sai vẽ hình tượng Chu Công, Hoắc Quang, Chư Cát Lượng, Hiến Thành làm bức Tứ phụ đồ (4 vị giúp vua) cho Quý Ly, lại dụ rằng: "Nếu vua có thể giúp được thì giúp, nếu hèn kém quá thì cứ tự nhận lấy". Quý Ly thề rằng: "Đâu dám có mưu đồ khác, nếu có thì trời không chứng". Bấy giờ Thượng hoàng nằm mộng thấy vua Duệ Tôn đưa quân lính đến, miệng đọc thơ rằng:

"Trung gian duy hữu xích chủ hầu,

"Ân cần tiêm thượng bạch kê lâu,

"Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,

"Bất tại tiền đầu tại hậu đầu".

Thượng hoàng chiết bài thơ này rằng: Thượng hoàng sinh năm Tân Dậu là bạch kê (gà trắng), Quý Ly là mỏ đỏ (xích chủ), khẩu vương là chữ quốc, hưng vong sau này sẽ thấy. Vì thế nghĩ lo lắm, nhưng quyền binh đã về tay nó rồi, không thể làm gì được nữa, Thượng hoàng liền mất, hiệu là Nghệ Tôn.

Sử thần bàn rằng: Vua Nghệ Tôn lúc trước làm cho rằng Quý Ly là người gửi con cháu được, đến lúc mất hết quyền, mới biết là trúng kế của nó, đến năm tàn sắp chết mới tỉnh ngộ, xem trong đồng tính, vây cánh tôn thất không có ai, xét ngoài triều thần, thân đảng của tên gian thần đã bền chắc, không còn sao được, hỏi thì đã muộn. Cho nó bức tranh tứ phụ, là mong còn kéo lại phần nào chăng? Càn nói: khả phụ, khả thủ, mặc nó muốn sao thì làm, chứ có phải thật bụng mong nó giúp Vua như 4 vị ở trong bức tranh đâu. Đến chuyện nhà Trần lấy vợ người cùng họ, là răn sợ bị họ ngoại lấy mất nước như nhà

Lý, thế mà con cái họ Hồ vào làm phi tần nhà Trần sinh hai vị vua, để làm cái mầm Quý Ly nắm quyền, con gái họ Trần gả về họ Hồ, sinh một cháu ngoại, để làm cầu nối cho Hán Xương xin quyền nhận việc nước; thật là trời mượn việc đó mà làm nhà Trần mất nước, báo thù cho vua Lý Huệ Tông, con tạo xoay vần khéo đến thế.

Vua xuống chiếu, cho Quý Ly vào ở trong sảnh đài, gọi là Họa lục. Quý Ly biên tập thiên Vô Dật để dạy Quan gia; có lệnh gì thì xưng là Phụ chính Cai giáo Hoàng đế.

Ngày xưa nhà Lương có Hầu Cảnh tự hiệu là Vũ trụ Tướng quân, nay Hồ Quý Ly tự xưng là Cai giáo Hoàng đế, thật là một khoảng điên của bọn tà thân từ thiên cổ đến giờ.

Cấm bách quan không được dùng lối áo tay lớn, đồ dùng dân gian không được sơn son thếp vàng.

Nhà Minh sai Hanh Thái đến xin giúp cho quân, và voi, cùng lương thực cấp cho quân. Thời bấy giờ nhà Minh đánh quân Mán làm phản ở Long Châu, nên âm mưu đặt ra kế đó, muốn mượn tiếng để bắt người nước ta, Hanh Thái mật bảo cho Tri châu, vì thế nước ta không cho quân lính và voi, chỉ cấp cho lương, cũng không được nhiều, đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.

Mới ban hành tiền giấy "Thông bảo hội sao".

Phương pháp làm tiền giấy: giấy 10 đồng vẽ rau tảo, giấy 30 đồng vẽ sóng nước, giấy một tiền vẽ mây, giấy hai tiền vẽ con rùa, giấy ba tiền vẽ con lân, giấy năm tiền vẽ con phượng, giấy một quan tiền vẽ con rồng. In xong, cho dân đổi lấy tiền; cấm không được chứa tư dùng tư thứ tiền bằng đồng.

Định thể cách thi cử nhân. Năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, thi trúng, lại phải thi một bài văn sách, rồi định thứ bậc, chia ra kinh và trại, có tuyển đủ tam khôi (ba vị đỗ đầu).

Thể cách thi: kỳ thứ một: một bài kinh nghĩa, có phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, đại giảng, tiểu kết, hạn 500 chữ; kỳ thứ hai: Thơ Đường luật, phú cổ thể, hoặc là tao, tuyển, cũng từ 500 chữ trở lên; kỳ thứ ba: Bài chiếu như thể của đời Hán, bài Chế, Biểu như thể tứ lục đời Đường; kỳ thứ tư: một thiên văn sách hỏi về kinh, sử và thời vụ, hạn 1.000 chữ trở lên

Phương pháp khoa cử của nhà Trần đến đó mới đủ; các nhân tài thu dụng được, trong đó có Nguyễn Ước Trai là giỏi hơn cả, còn thì để giúp cho đầu đời Lê như là: Lý Tử Tấn, Võ Mộng Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng đều là cự phách trong làng văn. Duy có kính nghĩa thì từ Minh có trước, cùng lý trí dụng không thiết gì yếu bằng, cũng có thể suy rộng ra mà thi hành được.

Định cách chức mũ và phẩm phục các quan văn và võ. (Nhất phẩm áo màu tía, nhị phẩm màu đại hồng, tam phẩm màu hoa đào, tứ phẩm màu lục, ngũ phẩm trở xuống màu xanh biếc). Quý Ly làm thơ và kinh nghĩa bằng quốc ngữ. Sai các thầy đàn bà dạy các cung nhân. Các ý nghĩa thì theo ý kiến của mình, không theo tập truyện của Chu Tử.

Quý Ly lúc trước đỗ thi Hương, lại thi trúng khoa Hoàn từ, cho nên mới dám xính thông minh, không biết rằng lối học chương cú của mình, đã biết thế nào chỉ qui của thánh hiền, như là 4 điều ngờ sách Luận ngữ, tự nghĩ ra thi nghĩa, thật là con ếch ngồi trong giếng nước, không thể nói chuyện biển cả

được; cũng như con vượn xé trộm áo Chu Công.

Sai quan Thượng thư Đỗ Tĩnh xem xét và đo đạc động An Tôn ở Thanh Hóa, xây thành đào hào, lập nhà miếu và xã tắc để sẽ thiên kinh đô vào đó. Phạm Cự Luận can ngăn. Quý Ly nói: "Chí ta đã quyết định rồi, nhà ngươi còn nói gì?". Nhữ Thuyết nói: "Xưa kia nhà Chu và Ngụy thiên đô, đều có sự không may; đất Long Đỗ của ta có núi Tản, sông Lô, cao sâu, phẳng rộng; nước Việt ta mở nghiệp lấy nơi đó làm căn bản, người Nguyên chịu phục trù, giặc Chiêm nộp đầu, những việc trước có thể kinh nghiệm rõ, vậy xin nghĩ lại".

(Cự Luận đi đánh giặc cỏ Hồng y ở Tuyên Quang bị giặc vây hãm rồi chết).

Thành Tây Đô của Quý Ly ở tại các ấp Hoa Giai, Phương Giai, Tây Giai thuộc huyện Vĩnh Phúc(9), ra vào có 4 cửa thành, là các đường phố khi trước, nên đặt tên như thế, hiện nay còn vết xây đá; tả và hữu thành bách cận với núi đá, một con sông từ Ai Lao chảy đến là Lương Giang hợp lưu ở trước mặt; một cha con họ Hồ ở đó, thân bị bắt, nước bị mất, đành là ăn ở bất nghĩa nên tội, nhưng cũng là tình thế nơi này mà đến nỗi.

Đổi tên Nghệ An là Lâm An, Trường An là Thiên Quan, Lạng Giang là Lạng Sơn, Diễn Châu là Vọng Giang.

Xuống chiếu rằng: Đời cổ nước có nhà học, hương đảng có nhà Tự, xóm ngõ có nhà Tường, đều là nơi để tỏ rõ giáo hóa, hậu phong tục; ngày nay đã lập ra quốc học mà ở các châu huyện hãy còn thiếu, nên phải đặt ra học quan, cho học điền; phủ thì được 15 mẫu, để cung cấp việc lễ ngày sóc và đèn sách; các giáo, Huấn sinh viên, hàng năm kén người ưu tú cống lên triều đình, sẽ thân hành thi để kén chọn.

Lời bàn: Quý Ly thì phiên mà vụn vặt giống như Vương Mãng, xính học thuật thì lại quá hơn, thích việc đời cổ giống như Vũ Văn, tài kinh tế thì không bằng. Tự lúc đảm đương việc nước, đổi hết chế độ cũ, đặt ra Thượng Lâm tự mà bãi sở Đăng Văn, phát hành tiền giấy thông bảo, mà cấm dùng tiền thực chất, định lễ khoa cử lập quy chế học, đổi tên châu trấn, phân biệt cấp bậc mũ áo, để sửa sang nên đời thái bình; nhưng mà gốc đã lỗi rồi, còn thi hành điều gì được nữa? Huống chi nhà Minh đương chăm chú xâm miền Nam, lại không biết phòng bị, quên mất sự giữ vững cửa ngõ, chăm thay đổi hòn ngói, cái xà nhà hư nát, làm như thế chỉ chóng mất nước thôi.

Xuống chiếu hạn chế người đứng tên ruộng. - Người thường dân không được có quá 10 mẫu, thừa ra phải tiến vào của công. Thời bấy giờ các nhà tôn thất cho gia nô riêng ra đắp đê ở miền duyên hải, ngăn nước mặn, khai khẩn thành điền, lấy làm trang ấp riêng; nên khi ấy mới có lệ hạn chế ruộng. Nhà Minh đưa 2 người họ Nguyên là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí ở nước ta, cho tên Đại Hồ là Địa Phục Cơ, tên Tiểu Hồ là Địa Bảo Lang.

Lũ trẻ con hát rằng Thâm lai Lê sư, mà nhà Minh lại đưa tên Hồ sang an trí, đó là triệu chứng cha con Quý Ly phải bỏ nước mà đi, và lời sấm vua Lê Thái Tổ hưng sư.

Quý Ly bức bách Vua phải thiên đô. Ngự giá đi đến đồn Đại Lại, 2 người cung nhân là Trần Ngọc Cơ,

Trần Ngọc Kiểm nói mật với Vua rằng: "Thiên đô tất có sự cướp ngôi, cướp nước". Quý Ly nghe biết, giết 2 cung nhân ấy đi; vì có đã trót có lời thề với vua Nghệ Tôn, (câu tình nguyện giúp con Vua) nhưng vẫn muốn trái lời thề đã lâu, mới ngầm sai đạo si Nguyễn Khánh thuyết với Vua rằng: "Nơi đó cảnh đẹp thanh u, khác chốn trần gian, bản triều chỉ sùng Phật giáo, chưa có theo tiên chân du, Chúa Thượng mệt nhọc về việc nước, không gì bản triều ngôi cho Đông Cung, để giữ lấy sức khỏe", liền lập nên Bảo Thanh Cung ở phía nam núi Đại Lại, rước Vua đến ở đó, truyền ngôi cho Hoàng tử Án, đổi niên hiệu là Kiến Tân, Quý Ly lấy là Quốc Tổ nhiếp chánh, đề cái bảng rằng: "Cai giáo Hoàng đế thánh chỉ" ngay ngày hôm ấy lên ngự điện ở kinh đô mới.

THIẾU ĐẾ

Tên là Án, con trưởng vua Thuận Tôn, ở ngôi vua được 2 năm, Quý Ly phế làm Bảo Ninh Đại Vương.

-
- 1) Phóng đảng không giữ đức hạnh.
 - 2) Xem mạch không nên nói phiền muộn, chỉ nên điều hòa thuốc mà chữa, nếu cứ nói đến phiền muộn mãi, e rằng sinh mãi phiền muộn không hết.
 - 3) Đại ý: Ông đi sứ, tôi về ẩn dật, ông làm nên công danh, tôi được nhàn rồi.
 - 4) Theo luồng gió sẽ đưa tới nơi có mây ngũ sắc.
 - 5) Nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
 - 6) Người ta bảo gửi con cho quạ già, biết quạ già có thương không?.
 - 7) Tên Hàn Dũ.
 - 8) Chu Đôn Di và Trình Tử.
 - 9) Nay thuộc xã Vĩnh Tiến, Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

VUA GIẢN ĐỊNH ĐẾ

Vua tên là Ngỗi, con thứ vua Nghệ Tôn, hiệu là Giản Định. Cuối đời Hồ, Vua khởi binh phục hưng nhà Trần, ở ngôi vua hai năm, bị quân Minh bắt, đó tuy là lòng trời, nhưng cũng tại người làm hồng việc. Tháng 2, niên hiệu Hưng Khánh thứ nhất, Hồ Trưng tiến quân đến Lỗi Giang, người Minh chiếm cứ hai bên bờ sông đánh giáp lại, quân Trưng thua, Quý Ly, Hán Thương cùng về Thanh Hóa, dân chúng kinh đô và các lộ, phần nhiều theo giặc Minh mà phản họ Hồ, rồi đầu hàng quân Minh, người Kinh và người các lộ bị người Minh xử tàn khốc, ai cũng có dị chí mưu phản lại Minh.

Nhà Minh xuống chiếu tìm con cháu họ Trần, kỳ lão nói: "Bị Lê Quý Ly giết hết cả, không còn ai nối dõi họ Trần được. An Nam vốn xưa là đất Giao Châu, xin phục lại quân huyện như xưa, để đổi mới cho dân". Nhà Minh bèn đặt ra quận Giao Chỉ, có chức Bố chính Án sát và các phủ huyện nha môn. (Nhà Minh cầu con cháu nhà Trần, đâu phải là chân tâm, cốt để che tai mắt người nước Nam đó; quốc dân cũng biết như thế, chẳng là thuận theo chúng cho xong, chứ có thích gì lập ra phủ huyện).

Quý Ly chạy ra cửa biển Diễn Canh, người Minh đuổi theo, quân Hồ bỏ thuyền tự tan vỡ, Ngụy Thức xin 2 cha con Hồ tự đốt mình, nói rằng: "Vua nước đã mất, không chịu chết ở tay người khác". Quý Ly giận chém Thức; lại chạy đi Kỳ La(1), dân nơi ấy có bộ lão đến yết kiến, nói: "Nơi này tên là Cơ Lê, có điềm không hay, xin đừng ở lại đây" (Bộ lão này không muốn cha con Hồ ở đây, nên phiên vận đi, để dọa y đó), Quý Ly lại chém người này. Người Minh kéo thẳng đến Nhật Nam, bắt được Quý Ly ở bãi biển Chỉ Chỉ, bắt được Hán Thương ở cửa biển Kỳ La, bắt được Quốc Trung ở núi Cao Vọng, ngoài ra còn bao nhiêu người đều bị bắt hết; duy có quan Hành khiển Ngô Miễn nhảy xuống nước chết, vợ y là Nguyễn Thị nói: "Chồng tôi tử tiết, thế là đắc sở rồi; nếu tôi còn sống là phụ chồng tôi, tôi không nỡ thế"; rồi cùng nhảy xuống nước mà chết.

Kỳ La có núi Thiên Cầm(2), là nơi 2 cha con Hồ bị bắt, nên gọi tên là Thiên Cầm. Lại trong cừu sử: Khôi thường chơi ở đó, nghe tiếng sáo trời, nên gọi tên là Thiên Cầm, chữ Cầm là đàn viết làm chữ cầm là bắt.

Người Minh tính lấy được 48 phủ, châu, 3.169.500 hộ, 121 con voi, 420 con ngựa, 35.700 con trâu, 8.865 cái thuyền.

Trước Hoàng Hối Khanh trấn Thăng Hoa, lấy thổ quan là Đặng Tất, Phạm Thế Căng làm người tâm phúc. Tất cùng Châu Phán, Nguyễn Lỗ, vì công trạng mà ghét nhau, gặp lúc ấy cha con Hồ bị người Minh bức bách, viết thư cho Hối Khanh sai Lỗ thống lĩnh dân thiên cư, làm quân cần vương, lại sắc phong Ma Nô làm quận vương, để vỗ về dân chúng Chiêm Thành; Hối Khanh đều ẩn giấu không bảo cho dân chúng. Đến khi Chiêm Thành ra quân muốn lấy lại đất cũ, Hối Khanh bỏ về Hóa Châu, có một mình Ma Nô kháng cự với Chiêm, sức kiệt bị hại. Lúc Hối Khanh trở về Hóa Châu, có lời thề với dân chúng, Lỗ biết Tất cùng Hối Khanh có dị đồ, lánh mặt không dự thề; Lỗ đưa dân thiên cư đi đường bộ hơi chậm, Tất đi đường thủy đến trước, quan trấn phủ Thuận Hóa là Nguyễn Phong cự không nhận. Tất

cổ sức đánh giết Phong rồi vào thành, lại đánh nhau với Lỗ, Lỗ bị thua, chạy đi Chiêm Thành, Tất nghe tin người Minh đã đến Nghệ An, xin đầu hàng Trương Phụ. Phụ sai người đưa Hối Khanh về, đi đến cửa biển Đan Thai, Hối Khanh tự vẫn, Phụ bêu đầu ở chợ Đông Đô.

Hối Khanh là quan Hành khiển ra làm Đốc trấn, ủy nhiệm không phải là không trọng, người Minh xâm phạm nước Nam, cha con Hồ chạy lang bạt, Hối Khanh nhận được thư mà không phó cứu, chỉ nghề ngang ở Ô Lý lập bè đảng làm việc riêng, chết ở Đan Thai là muộn rồi.

Trương Phụ sai Liễu Thăng giải Quý Ly và Hán Thương về Kim Lăng, đến nơi, vua Minh nói: "Trung Quốc như thế, sao dám kháng cự". Rồi đem giết cả. (Xét trong sử Minh và Toàn Việt thì chép rằng: Quý Ly bị giam ở nhà ngục, con y là Trùng dăng phương pháp làm súng thần, được chức Lễ bộ Thượng thư, Trùng xin ân xá, Quý Ly được tha, rồi sau mới chết, cùng với lời sử chép của nước ta hơi khác, vậy lược ra đây để sau khảo cứu).

Người Minh lấy có còn nhiều người ẩn dật ở sơn lâm, bèn đặt ra các khoa Minh kinh, Lực điền, Thư toán, Thợ thuyền; để sưu tầm các người ấy đến, mà đưa về Kim Lăng cho làm quan, những người hơi có tiếng tăm đều ra ứng tuyển; duy có Bùi Ứng Dẫu, Lý Tử Cầu kiên gan không chịu ra; bấy giờ có câu ca dao rằng: "Dục hoạt ẩn lâm san, dục tử tố Bắc quan"(3).

Nguyễn Đại cậy có công bắt họ Hồ, rút lại vẫn bị Trương Phụ giết.

Sử thần bàn rằng: Người Minh cấp về cầu nhân tài như thế, có phải thật có lòng hiếu hiền đâu; chỉ sợ người anh hùng không bao giờ hết, cuộc nội thuộc đã thành rồi, tất sẽ có người ra phá hoại mất, cho nên đưa lời nói ngọt, dử cho tước vị để ràng buộc lấy, làm cho loài kiến ham mỡ, con sâu thấy lửa đỏ, thì lặn vào, rồi chúng một mẻ bắt hết cả, xem như việc Nguyễn Đái và Bá Kỳ thì thấy rõ, còn Ứng Dẫu và Tử Cầu không bị phồn hoa bó buộc thân, thật là bậc kiệt sĩ.

Trương Phụ kéo quân về, để Hoàng Phúc ở lại làm Trấn thủ, (Phúc người Xương Ấp, tỉnh Sơn Đông). Phúc có tài ứng biến, hiểu cách trị dân, ai cũng khen là giỏi.

Vua Giản Định lên ngôi ở Mô Độ, thuộc đất Tràng An(4). Trước Trương Phụ yết bảng bắt tôn thất nhà Trần đem về, vua Giản Định trốn tránh đi đến Mô Độ, người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ xuất dân chúng lập lên làm vua. Người Minh đánh vào hành cung, quân mới tụ tập, chưa đánh đã tan vỡ, liền đi về phía tây chạy vào Nghệ An. Đại Tri châu Hóa Châu là Đặng Tất được tin, giết quan của Minh, rồi đưa quân đến hội với quân Vua, Giản Định phong cho Tất làm Quốc công, cùng mưu toan việc khôi phục, bắt được Tri phủ của địch Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, nhân thế điều động các lộ quân Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, tiến lên đánh Đông Đô. Quân đi qua Phúc Thành (nay là Phúc Am) gặp Tổng binh Mộc Thạnh của Minh ở Vân Nam đi đến, vừa đến Bô Cô, gặp khi thủy triều to, gió lớn, cho quân giữ các cây cắm sẵn, đắp lũy cả hai bờ sông. Thạnh cũng chia quân thủy và bộ ra giữ nhau, vua Giản Định cầm dùi đánh trống cho quân tiến, quân Minh thua chạy, Mộc Thạnh chỉ còn một thân thoát chết, chạy vào thành Cổ Lộng. Vua Giản Định bảo chư quân thừa thế đuổi dài, tiến đánh

Đông Quan, tất là phá được, Tất nói: "Hãy đánh bọn giặc lẻ tẻ ở ngoài, chớ nên để có hậu loạn". Tất do dự không quyết định. Quân ở Đông Quan đến cứu viện, tiếp đón quân Mộc Thạnh; Tất chia quân vây các thành, truyền hịch cho quân các lộ phải đánh quân giặc. Vua đóng quân ở Hoàng Giang, bọn hầu ở trong cung là Nguyễn Quý, Nguyễn Trang mật tâu Vua rằng: "Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền, sợ sau này khó chế ngự nổi". Vua Giản Định triệu hai người đến, sai lực sĩ chệt cổ giết chết.

Lời bàn: Bô Cô ở sông Thanh Quyết, theo thủy triều, đi thuyền 3 trống canh có thể đến Lạc Tràng, đi thẳng lên Đông Đô không đến một ngày, thừa trận được to ấy, mà không tán thành lời quyết định của vua Giản Định, ai chả biết là thất cơ. Nhưng mà Tất đã vất vả ở Bồ Chính, bị Trương Phụ đuổi ở phía sau, Thế Căng ngăn ở mặt trước, mà phá được Thế Căng, lấy lại Tân Bình, mới điều động được quân ở các trấn Thuận, Quảng, Hoan, Ái, để có quân tiến đánh Đông Đô; lặn lội hàng tuần đến được Bô Cô, may mà bẻ gãy được gươm giáo của quân Điền và Kiềm. trưng thanh thế quân Thanh, Nghệ, còn một bước nữa thì đến Thăng Long, nòn xa gì nữa mà phải dè dặt không tiến. Tất cả trù tính kỹ lắm rồi, Mộc Thạnh mới sang, xa xôi nghìn dặm, quân bị đói khát mỏi mệt, thoát chết ở Bô Cô là may lắm. Còn Trương Phụ là tay cáo già, như con hổ ngồi nhìn ở Đông Đô, bây giờ là toán quân cô độc của ta xa xôi kéo đến, chưa kể thủ tướng, vạn nhất trước mặt, sau lưng đều có quân địch, ta không có quân, lương cứu viện, có phải là dẫn thân đến chỗ chết không ? Cho nên thà nghỉ ngơi để mà điều độ, mới là kế vạn toàn. Tất cũng là trí tướng đấy chứ. Nếu được dùng hết mưu đồ của ông, thì người Minh cũng phải có phen khốn đốn, quyết không dám bảo nước ta vô nhân. Tiếc thay ! Vua Giản Định tự phá hủy bức trường thành của mình đó !

Con Cảnh Chân là Cảnh Dị, con Đặng Tất là Đặng Dung đều giận rằng cha chết không đáng tội, lĩnh quân về Thanh Hóa rước Trần Quý Khoách đến Nghệ An lập làm Vua, đổi niên hiệu là Trùng Quang. Nguyễn Xuất làm chức Thái phó, Cảnh Dị làm Thái Bảo, Đặng Dung làm Tư mã, vua Giản Định giữ thành Ngự Thiên, Lữ Xuất hội quân đến đánh úp bắt được. Lê Nguyên Đĩnh ngầm khởi binh ở Hát Giang, lập mưu đánh úp vua Trùng Quang, việc bị tiết lộ, vua Trùng Quang giết đi. Lữ Xuất liền dẫn vua Hưng Khánh(5) đến sông Ché thuộc Nghệ An, vua Trùng Quang ăn mặc hạ bậc ra đoán rước, khi ấy trời có mây tối âm, hốt nhiên có con rồng vàng hiện ra, dân chúng đều lấy làm kinh dị, bèn tôn vua Hưng Khánh làm Thượng hoàng, đồng góp sức đánh giặc. Vua Hưng Khánh tiến quân đến Hạ Hồng, vua Trùng Quang tiến quân đến Bình Than, các người hùng kiệt ở các lộ đều hưởng ứng; gặp lúc Trương Phụ dẫn quân đến, vua Hưng Khánh bỏ thuyền lên bộ, Trương Phụ chia quân đi đằng sau, bắt được vua Hưng Khánh giải về Kim Lăng, còn độc vua Trùng Quang giữ nhau với Trương Phụ ở Bình Than, chia cho Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử, vì thiếu lương thực, quân tan vỡ, vua Trùng Quang được tin, tự liệu không chống nổi, lại về Nghệ An, Phụ đuổi theo, đến đâu cũng chém giết nhiều lắm.

VUA TRÙNG QUANG

Vua tên là Quý Khoách, con Mẫu Vương Thích, cháu vua Nghệ Tôn, hàng cháu vua Giản Định, ở ngôi

vua 5 năm, vì trời không phò nhà Trần, có chí mà không làm được, nuốt giận mà chết, đáng thương. Niên hiệu Trùng Quang thứ hai. Vua đốc xuất tướng là Cảnh Dị tiến quân đến Hạ Hồng. Phá được quân của Giang Hiệu nhà Minh, đốt cháy gần hết thuyền của quân Minh; bấy giờ hào kiệt ở các nơi khởi lên hưởng ứng; Đồng Mặc người Thanh Hóa, Lê Nhị người Thanh Oai, Lê Khang người Thanh Đàm, Đỗ Cối người Nghệ An, giết và tàn phá quân Minh vô kể; lại có Nguyễn Ngân Hà, cũng là người hơn hết trong đám hào kiệt, cầm quân ra kháng cự với địch, nhưng vì sự tiết chế không thống nhất, không người sai khiến được quân, nên đều không được công gì.

Nhà Minh xuống chiếu, đại lược nói: "Giao Chỉ đã thuộc về bản đồ nước Tàu, dân đều là con của trăm, vì nhất thời không nghĩ mà theo giặc, đến nỗi phải bị giết chóc, nhưng mà chả qua chỉ có vài người gian ác, nhân dân phải hiếp bức mà thôi, không phải là bản tâm. Nếu biết hối cải, thì cho được duy tân cùng vạn dân. Trong đó nếu có người kiến thức, bắt được lũ gian ấy đem dâng nộp, không những tha tội cho, lại còn cho làm quan chức nữa".

Vua Trùng Quang sai Hồ Ngạn Thần, Búi Nột ngôn làm sứ thần đi cầu phong. Trước đã sai Lê Ngân sang triều Minh xin phong, bị giết mất, đến khi ấy Ngạn Thần đến Yên Kinh, vua Minh hỏi sự thật quốc vương mạnh yếu thế nào. Ngạn Thần nói hết các việc; nhà Minh giả dối cho vua Trùng Quang chức Bô Chính Sứ, Ngạn Thần chức Tri phủ. Đến khi trở về nước, Nột Ngôn tâu rõ việc Ngạn Thần tiết lộ việc nước với Vua, Ngạn Thần liền bị giết.

Giải Tán là Tham nghị của nhà Minh nói: "Chia Giao Chỉ ra làm phủ huyện, không bằng nhân theo lối phong kiến cũ". Vua Minh giận giam vào tù.

Người Minh bắt Giáo thụ Lê Cảnh Tuân đưa về Kim Lăng. Trước Cảnh Tuân là vạn ngôn thư đưa cho Bùi Bá Kỳ, có 3 kế sách: thượng, trung và hạ, đại lược nói: "Nhà Minh trước có sắc cho Bá Kỳ theo quân đi đánh giặc, hứa chờ khi bắt được cha con Hồ rồi, thì kén cho cháu nhà Trần mà lập làm Vua, cho ở lại nước mà giúp Vua. Nay đến chia nước ta làm quận huyện, chỉ cấp cho tên xái phu để coi miếu thờ của nhà Trần. Nếu chấp lời trước mà tâu, biện bạch là kỳ lão nói vu, họ Trần chưa tuyệt tự, cố xin lại phong vương cho nhà Trần, đó là thượng sách. Nếu không được thế, thì xin làm quan coi từ đường nhà Trần, đó là trung sách. Còn đến làm chức Tham nghị của Minh, tham tước lộc thì là hạ sách. Làm được thượng sách thì xin đưa thân để ông dùng, như sâm quế trong tủ thuốc của ông; nếu trung sách thì xin để ông sai bảo cầm cái mâm, cái năm rượu, trong khi tế lễ ở từ đường; không được thế, thì xin về quê nhà, nhân tản cho qua tuổi già". Khi tịch biên nhà Bùi Bá Kỳ, bắt được thư ấy, sai bắt tra hỏi; gặp khi loạn không biết Cảnh Tuân đi đâu; đến khi đặt nhà học ở Giao Châu mới bắt được, giải về giam vào ngục.

Lời bàn: Bá Kỳ lặn lội nghìn dặm đi cáo nạn với Minh, có lòng trung như Thân Bao Tư đứng khóc ở sân nước Tần; Cảnh Tuân nghĩ ra 3 kế sách mong phục lại nhà Trần, có chí như Đào Uyên Minh vẫn giữ niên hiệu Nghĩa Hy; nhưng mà một người thì không từ bỏ quan, vì chức thổ ty mà thay đổi tiết tháo;

một người không biết trốn ẩn, vì một giáo chức mà mất thân danh. Mới biết giữ được chí khí, giữ được tiết tháo khó là thế.

Trương Phụ, Mộc Thanh dẫn quân vào xâm Nghệ An, gặp Nguyễn Xuất, Cảnh Dị ở Mô Độ, hai bên đánh nhau chưa phân thắng phụ, vì Mô Độ đường xá hiểm trở, kỵ binh không tiến được, Phụ đi lẫn vào trong rừng nứa, nửa đêm đánh úp quân Nguyễn Xuất, Xuất không địch được, phải dùng thuyền ra biển để trốn. Phụ đuổi bức bách quá, Nghệ An, Diễn Châu đều bị hãm.

Nhà Minh sắc dụ đại lược nói: "Vâng mệnh trời mà thống trị, chỉ muốn dân thiên hạ đâu cũng được yên; Giao Châu là đất cũ của Trung Quốc, nay lại trở về; kén chọn người hiền để mà phủ trị, còn lo rằng nhân trạch chưa ra khắp mọi nơi. Lũ các ngươi phải thể ý trẫm, hưng lợi cho dân, dạy dân biết lễ nghĩa, biết chăm nghề nông trang, để cho yên nghiệp làm ăn, hưởng hạnh phúc thái bình".

Lời bàn: Người Minh thống trị nước ta, tự nghĩ có thể lấy oai lực mà áp chế được; nhưng từ tháng 5 Đinh Hợi bắt được Hồ rồi, tháng 10 vua Giản Định lại lên ngôi, nói đến vua Trùng Quang, trong 5, 6 năm, chiến tranh không thôi, mới biết là khó bình được. Bấy giờ cần quyền ban chiếu sắc, nghĩ cách úy dụ dân; nhưng mà Trương Phụ đi đến đâu, dữ hơn hổ cái, Hoàng Phúc ra mệnh lệnh rồi như lông lươn, vua Minh ở xa cách, không biết dân thuộc quốc khôn khổ đến thế, bảo sao mà dân chả nhớ nước cũ, mà coi Minh là cứu thù.

Nông Văn Lịch ở Lạng Sơn tụ tập quân chiếm cứ đất ấy, chặn đường đi lại của người Minh; Nguyễn Liễu ở Lý Nhân cũng chiêu tập người các huyện Lục Na, Võ Lễ, đánh cướp quân Minh. Vua Trùng Quang lại sai Nguyễn Xuất đem quân ra biển đến Vân Đồn, Hải Đông, đánh các đồn canh của Minh, chưa bao lâu, lại về Nghệ An, quân lính chỉ còn 3 hay 4 phần 10.

Trương Phụ nhà Minh vào cướp Hóa Châu, vua Trùng Quang đi hóa Châu, sai Nguyễn Biểu mang sản vật trong nước đến Nghệ An, Trương Phụ giữ lại, Biểu mắng Trương Phụ rằng: "Về ngoài giả dạng là quân nhân nghĩa, trong lòng vẫn ngầm ngầm tính kế đánh lấy nước người, đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt ra quận huyện, cướp của hại dân, thật là quân ngược tặc". Phụ giận lắm, giết Biểu.

Trương Phụ cùng Mộc Thanh bàn kế đánh lấy nước. Thanh nói: "Hóa Châu núi cao biển rộng, chưa dễ đánh lấy được". Phụ nói: "Ta sống là tại Hóa Châu, chết cũng vì Hóa Châu; chưa bình được Hóa Châu, còn mặt nào trông thấy Chúa thượng nữa". Bèn hạ lệnh tiến đánh Hoá Châu, đánh nhau với Nguyễn Xuất ở cảng Thái Giá. Đặng Dung đương đêm đánh úp dinh quân Trương Phụ, lên được thuyền của Phụ, muốn bắt sống, mà không nhận rõ người; phụ vội sang thuyền nhỏ chạy trốn, quân Minh tan vỡ mất nửa, lũ Xuất không góp lực lượng với nhau mà đánh. Phụ thấy có một đạo quân của Dung, quay trở lại đánh, quân Dung tan vỡ chạy, từ đây chỉ ẩn nấp ở hang núi, (trận đánh Thái Giá, Dung có một toán cô quân chống với giặc mạnh, không phải tay tướng giỏi không làm được, mà vẫn chịu thua, đó là tại trời). Trương Phụ sai Hoàng Trung đi trước dò thám, Nguyễn Xuất sai 3 tên thích khách lên vào thuyền Trương Phụ, Phụ biết, lòng bắt được 2 người, buộc cho Hoàng Trung không phòng bị cẩn thận,

đem chém; nhân vì thế lòng tìm khắp trong rừng bắt được Cảnh Dị, và Đặng Dung; hai người mắng Phụ rằng: "Ta muốn giết mày, lại bị mày bắt chúng ta, đó là lòng trời", Phụ giận giết cả, moi gan mà ăn.

Lời bàn: Chính khí ở trong trời đất, sấm sét, gió bão cũng không sợ, quỷ thần không dám gần, xem như lời Nguyễn Biểu, Cảnh Dị, Đặng Dung mắng quân giặc, như tiếng sét đánh tan mọi vật, sương mùa thu làm sém cỏ, coi sống chết là tầm thường, dù gươm giáo cũng không tan chỉ khí băng sương, nát tấm lòng vàng đá được.

Vua Trùng Quang chạy sang Lão Qua, Trương Phụ sai người đuổi theo bắt được Vua, nhà Trần mất nước từ đây. Trương Phụ được vua Trùng Quang về Yên Kinh, đến giữa đường. Vua nhảy xuống nước chết, Nguyễn Xuất cũng nhảy theo xuống nước.

Hậu Trần khởi binh, bấy tôi cũ nhà Trần là Phan Quý Hựu có công tán thành. Đến khi Trương Phụ vào cướp Nghệ An, vua Trùng Quang phải đi Hóa Châu, Quý Hựu đầu hàng quân giặc, con y là Liêu đem cả số quân nhiều hay ít, núi sông chỗ hiểm hay không, báo hết Trương Phụ, nên Phụ mới quyết tâm lấy Hóa Châu.

Nhà Trần có 12 vua, khởi từ năm Bính Tuất đến năm Kỷ Mão, cộng 174 năm, và Hậu Trần 7 năm. Vua Giản Định và Trùng Quang đều là con cháu vua Nghệ Tôn, Trần Triệu Cơ lập lên để nối ngôi vua đã bị mất, Nguyễn Cảnh Chân dắt díu đi đánh chống bọn giặc mạnh; trận thắng ở Bô Cô, thanh thế cũng đã lừng lẫy, mà vội nghe lời dèm pha của 2 đứa hoạn quan, bỏ mất vị tướng trụ cột, tự chuốc lấy bại vong, chả đáng nói nữa. Đến vua Trùng Quang quật khởi lên được, duy chỉ 2 tướng Nguyễn và Đặng phụ trì hai bên, ngoài ra đều là người chấp tay xem thế sự; chỉ có một xó Nghệ và Diễn là nơi ra vào công thủ, ngoài ra không còn mảnh đất nào để dụng võ; lặn lội ở góc biển chân non, trận thắng ở La Tân, Bình Than không bù lại được những trận thua ở Linh Trường, Nguyệt Thường; tuy lũ Dung và Xuất có chí không chịu lùi, nhưng mà quân giặc vẫn chiếm phần tiện nghi hơn; đất Quảng, Thuận hiểm trở coi như có thể tựa nương được, nhưng tình thế đất ấy nào đã bị quân phản bội chỉ rõ cho giặc rồi, tai nạn bị bắt ở Lão Qua thật cũng đáng thương!

-
- 1) Núi Thiên Cầm, nay thuộc xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
 - 2) Núi Thiên Cầm, nay thuộc xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
 - 3) Muốn sống thì cứ ẩn ở sơn lâm, muốn chết thì làm quan Tàu.
 - 4) Thuộc Yên Mô, Ninh Bình (còn gọi là Trường Yên).
 - 5) Hưng Khánh là niên hiệu vua Giản Định.

NGOẠI THUỘC NHÀ MINH

Bắt đầu từ năm Giáp Ngọ đến năm Đinh Tỵ cộng 14 năm.

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh Lạc nhà Minh thứ mười hai, Trương Phụ chiêu phủ dân Tân Bình và Thuận Hóa, chia đặt quan thống trị, khám nhân khẩu, lập hộ tịch. Trước kia các quan ở kinh và lộ có người nào theo vua Trùng Quang ở Hóa Châu thì nay đều đem cả gia quyến hoặc đi Lão Qua, hoặc đi Chiêm Thành, từ đây người trong nước đều là tôi đòi của Minh, mà cả nước thuộc về Minh.

Nhà Minh thiết lập Văn Miếu, Xã Tắc, đàn tế thần Phong Vân, Sơn Xuyên, mở nhà học. Bắt mỗi phủ hàng năm phải cống sinh viên để xung vào Quốc Tử Giám. Cầu tìm các người nho, y, âm dương tăng đạo.

Nhà Minh cấm trai gái không được cạo bỏ tóc. Đàn bà, con gái mặc áo ngắn, dài tay, theo lối mặc của Tàu.

Dân khai khẩn ruộng lấy lương, trồng dâu lấy tơ. Về ruộng: mỗi hộ 10 mẫu (3 sào gọi là mẫu, thật chỉ có 3 mẫu), mỗi mẫu lấy 5 thăng thóc: mỗi hộ 1 mẫu thu 2 lạng tơ (mỗi 1 cân tơ, dệt được 1 tấm lụa). Khám trường lấy vàng, bạc, khởi dụng phu đi lọc lấy vàng bạc. Lập ra phương pháp nấu muối, đặt công trường để nấu. Lại đốc thúc dân bắt voi trắng, mò lấy trân châu. Thuế thu rất nặng, dân không sao chịu được.

Nhà Minh mở ra nhà trạm thủy Vĩnh An, Vạn Ninh thẳng đến Khâm Châu; nhà trạm mã thẳng đến Hoàn Châu.

Nhà Minh duyệt sổ tên thổ quan, 3 hộ dân thì lấy một đi lính, chia ra mà cho thuộc vào các vệ, sở; không phải là vệ, sở mà là nơi xung yếu cũng lập ra đồn trại, lấy dân binh đóng giữ. Nội quan là Mã Kỳ tâu rằng: "Trương Phụ ở Giao Chỉ tuyển người bản thổ tráng dũng làm quân Ví tử thủ". Vua Minh nghe, triệu Phụ về, sai Lý Bân sang làm Tổng binh thay để trấn thủ.

Ông Lê Lợi, người Thanh Hóa, khởi binh ở Lam Sơn xưng là Bình Định Vương. Vương khởi gia là Phụ đạo (tên gọi thổ tù), nổi đời làm hào trưởng Lam Sơn, trước theo vua Trùng Quang, làm chức Kim ngô Tướng quân, sau Hoàng Phúc chiêu dụ đến cho làm Thổ quan Tuần kiểm; Vương thấy người Minh hà ngược, khảng khái nói "Trượng phu sinh ở đời phải nên cứu nạn lập công, sao lại chịu khổ làm tôi tớ người ta". Bèn dựng cờ khởi nghĩa, cử cháu là Lê Thạch làm Tướng quốc, truyền hịch đi các nơi kỳ cho diệt được giặc Minh. Minh sai Mã Kỳ đánh, Vương tung phục binh ra đánh, đại phá quân Minh, bắt được quân và khí giới vô kể; vì Vương có tên tướng phản bội, dẫn quân Minh đến tập hậu, Vương phải lui về Lam Sơn, Lý Bân dẫn quân lùng bắt. Vương phục binh ở Mang Ván bắn tên độc, Lý Bân thua chạy.

Nhà Minh bắt các phủ huyện trồng cây hồ tiêu, đến kỳ hái quả thì sai quân đi hái mà tiến vua, lệnh đốc thúc rất nghiêm cấp, mỗi gốc cây trị giá 5 quan tiền, bách tính rất khổ.

Nhà Minh ban cấp hộ thiếp, 110 hộ là một làng (mỗi năm một người Lý trưởng, 10 người giáp trưởng ứng hậu, roi vọt đánh đập không kể hết nỗi khổ).

Lê Hành là thổ hào ở Hạ Hồng, Phạm Thiện ở Tân Minh, Nguyễn Trì ở Khoái Châu, Trần Nhuế ở Hoàng Giang, đều khởi binh, các châu huyện nhiễu loạn, duy còn Tam Giang, Tuyên Hưng hơi yên mà thôi. (Có tên Lê Ngã người Thủy Đường, trá xưng là huyền tôn vua Duệ Tôn, từ Lão Qua trở về, Bế Thuấn gả con cho nó mà lập lên, tiếm xưng là Thiên Thượng Hoàng đế, niên hiệu là Vĩnh Thiên, có tên Tri Cơ là gia nô của Trần Thiên Lại đến xem quả có thật, liền bị Lý Bân nhà Minh đánh phá).

Bình Định Vương đại phá quân Minh ở Mang Thôi. Trước Vương khởi binh ở Lam Sơn, thế quân kém và ít, người Minh lòng bất mãi, bèn mưu cùng tướng tá rằng ai có thể đem thân ra thay ta, để cho ta đi ẩn nấp, giấu tông tích mà cho quân nghỉ, để mưu đồ cử binh lần sau. Lê Lai xin đem thân nhận lấy việc ấy, Vương lạy khấn trời nói: "Lê Lai đem thân thay chúa, nếu sau này không nhớ đến công, nguyện cung điện hóa thành rừng núi, bảo ấn hóa thành đồng, thần kiếm hóa thành dao cùn". Lê Lai liền tự xưng là Bình Định Vương, khiêu chiến với quân Minh rồi chết. Đâu cũng truyền đi là Bình Định Vương chết rồi, người Minh cũng tin là thật, không lưu ý. Đến lúc này Vương rời đồn đến Mang Thôi; Lý Bân, Phương Chính đem 10 vạn quân đến vây, Vương phục binh ở Thi Lang tập kích, Bân và Chính chỉ chạy thoát được thân, bỏ hết đồn lũy, lui về Tây Đô, từ đây xa gần nghe tin hưởng ứng, quân thế nổi lên lớn lắm.

Bình Định Vương chiếm cứ Ba Lãm, tham tướng nhà Minh là Trần Trí ước hội với Ai Lao đến đánh, Vương bảo tướng tá rằng: "Thắng hay bại tại tướng, không phải tại số quân ít hay nhiều; quân chúng ở xa đến, ta thư thả ngồi chờ quân của chúng đi vất vả, tất là phải thắng". Lập tức đương đêm đánh úp quân dinh của Trí, quân Trí hơi lùi, vừa gặp tù trưởng Ai Lao là Mãn Sát kéo quân đến, Vương thân ra đốc chiến, chém và bắt được rất nhiều. Trước Vương kết hiếu với Ai Lao, từ đây tuyệt giao.

Trần Trí lại đưa quân Ai Lao sang chia làm 4 đạo quân đánh quân của Vương ở cửa Ngọc Gia; Vương bảo chư tướng rằng: "Ta bốn mặt đều có quân địch, binh pháp gọi là tứ địa, đánh mau thì còn, không đánh mau thì chết". Tướng sĩ đều đánh thù tử, đại phá được quân Minh, quân Ai Lao cũng trốn chạy, quân của Vương đến Linh Sơn tuyệt lương, hàng ngày phải ăn rau và măng tre; sai người đến quân Minh xin hòa, Mã Kỳ vì đánh bất lợi mãi, cũng cho hòa.

Năm ấy là năm Quý Mão, Vương sinh được con trưởng là Nguyên Long (sau là vua Thái Tôn). Vua Minh thân đi đánh Mông Cổ, mất ở sông Du Mộc, di mệnh truyền ngôi vua cho Thái tử Cao Xí, cải niên hiệu là Hồng Hi. Thời bấy giờ vua Minh mới lập, quần thần phần nhiều nói đến sự lợi và hại về việc lấy hay bỏ An Nam, vua Minh không quyết định được, mới triệu Phúc về, hỏi việc biên giới. Phúc nói: "Nếu được người giỏi phủ ngự An Nam, thì có thể giữ được vô sự". Vua Minh cho là phải.

Bình Định Vương đưa quân đi tuần Nghệ An, lấy được phủ Trà Lân. Tướng Minh là Trần Trí và Phương Chính kéo quân đến cứu viện, Vương phục quân và voi ở trong rừng, đánh phá được; Trí chạy về Nghệ An, Vương thừa thế dẫn quân vây thành Nghệ An. Khi bấy giờ người Nghệ An đương khổ về chính sự bạo ngược của người Minh, thấy Vương đến, tranh nhau mang trâu bò và rượu đến rước khao

quân, nói rằng không ngờ hôm nay lại trông thấy uy nghi của cố quốc. Gặp khi tướng Minh là Lý An từ thành Đông Quan kéo quân đến cứu viện. Trương Hùng lĩnh 300 thuyền lương thực cũng từ Đông Quan kéo đến. Vương chia các tướng phục binh ở hai bờ sông cửa Chuyết Giang đánh mạnh, quân Minh thua to; Trần Trí chạy về Đông Quan, Lý An cùng với Hùng lại vào thành Nghệ An cố chết giữ. Vương bảo chư tướng rằng: " Binh pháp nói: bỏ chỗ mạnh đánh chỗ yếu, tránh nơi thật lực đánh nơi hư, thì ít dùng sức mà công gấp bội. Nay quân Minh cố chết giữ thành Nghệ An, tuyệt hẳn tin tức với Đông Đô đã lâu, Thuận Hóa và Tân Bình thì đường rất xa, không có thể thông tin với nhau được. Nay ta đem đạo quân khác đến đánh, tất là thắng". Bèn sai Trần Hãn, Lê Nỗ kéo quân đến thẳng Tân Thuận, Lê Ngân, Lê Bôi đem chiến thuyền đi đường biển mà tiếp ứng; quân và dân Tân Thuận hết thảy quy thuận với Vương, tướng Minh là Nhâm Năng đánh không lại, vào thành cố thủ, trong và ngoài cách tuyệt nhau, hiệu lệnh của Minh không thi hành được. Từ Tây Đô đến Tân Thuận đều vào tay Bình Định Vương, chư tướng tôn Vương là Đại Thiên Hành Hóa, sau có bảng dụ việc gì, đều dùng 4 chữ đó.

Vua Minh mất, Thái tử Chiêu Cơ lên nối ngôi, cải niên hiệu là Tuyên Đức, xuống chiếu đại xá, đại lược rằng: "Phương pháp thống trị nhất là yên dân; có lòng thương dân, trước hết phải tha lỗi lầm. Giao Châu thuộc vào nước Tàu đã 20 năm, vẫn giữ lòng bạn nghịch, để phải dùng đến quân. Nhân tình ai chả muốn yên, dùng đến binh cũng không bản chí triều đình; đều bởi người cầm quyền, phủ tụy không phải đường, mới sinh ra nguy biến, đó là bất đắc dĩ, bất tội thật cũng đáng thương. Nay ra ân khoan tha, phạm các nghịch phạm đã bắt được hay chưa bắt được, đã làm tội hay chưa, thì ngày chiếu thư này đến, vô luận tội lớn hay nhỏ, đều khoan tha hết. Ngoại trừ thuế chính cung quân lương, còn nhất thiết các việc mò châu, đãi vàng, nấu muối, lấy chè đều phải đình bãi, trong nước được giao dịch với nhau, không cấm đoán". Đông Đô đều hưởng ứng với Vương, hiệu lệnh của Minh không thi hành được nữa.

Vương chia các lộ thuộc Đông Đô làm 4 đạo, đặt ra quan thuộc, và tuần kiểm cửa biển, để bắt quân Minh chực mang thư trốn về Bắc.

Thời bấy giờ thành Đông Quan cùng quẫn quá, Vương muốn nhân lúc chúng khốn đốn bắt hiếp chúng phải hòa kéo quân về Bắc. Vương Thông kế cùng, quân viện tuyệt, cũng phải sai người cầu hòa, mà lại sợ vua Minh bắt tội, xin theo chiếu thư năm Vĩnh Lạc, bảo phải lập con cháu nhà Trần, khuyên Vương tìm lấy con cháu nhà Trần mà lập lên. Gặp lúc bấy giờ có Hồ Ông là con đứa ăn mày, giả xưng là cháu 3 đời Trần Húc tên là Du, Vương muốn nhờ vào đó để hưởng ứng với người Minh, mới lập tên ấy lên, đổi tên là Cao (niên hiệu Thiệu Khánh), từ đấy đưa thư cho người Minh lấy tên Trần Cao làm Thống quốc. Thông cũng mượn cơ đó cho chóng thành hòa nghị. Người trong nước có lũ tên Trần Phong đã nhận quan tước của Minh, sợ hòa nghị mà thành thì tất chết, đưa lời phản gián, viện dẫn việc Trần Hưng Đạo sai đục thuyền để cho người Nguyên chết chìm mà dọa Vương Thông, Thông tin lời đó, lại đào hào, đặt đồn canh, làm kế cố thủ, Vương giận, liền tuyệt giao với Vương Thông, sai chư tướng

đánh thành Tam Giang. (Chỉ huy của Minh là Lưu Thanh đầu hàng, quân thổ có kẻ nói lời khinh mạn, Thanh mắng rằng: thằng Mán vô lễ, đây là Hoàng đế của lũ mày) các thành lần lượt đưa tin xin qui thuận. Vương tiến đóng ở Bồ Đề (bờ bắc sông Nhĩ, có 2 cây bồ đề, nên lấy mà gọi tên đấy ấy), xây tầng lầu ở bờ sông, cao ngang tháp Báo Thiên, để xem động tĩnh của người Minh. Hào kiệt ở các lộ vốn ghét sự hà ngược của người Minh, tranh nhau đến dâng kế sách xin Vương đánh gấp (có Võ Cự Luyện, người Đường An dâng kiêu xe có mũi gọi là Phi mã, Vương sai theo mẫu ấy mà chế ra). Thông ở trong thành không biết làm cách nào được, lại sai sứ cầu hòa, mà sai Phương Chính lén đem quân ra tập kích; Vương sai Lê Lễ, Lê Xí đưa quân thiết đột xông ra đánh quân Minh ở My Động (nay là Hoàng Mai); Thông đem hết quân tinh nhuệ ở trong thành ra giáp công, voi của Lễ và Xí sa xuống lầy, bị quân Minh bắt được (Lễ không chịu khuất, bị hại; Xí trốn thoát, đến yết kiến Vương ở Bồ Đề, kêu lên 3 lần sinh hoàn). Vương nói: "Lỗi tại Lễ quen thắng rồi khinh địch, ta đã nhiều lần răn bảo rồi, quả nhiên bị hại". Lại càng thúc quân vây cửa thành. Thông lại đưa thư cho Vương xin bãi binh mà cầu phong cho Trần Cao, sai sứ sang cống nhà Minh. Vương bằng lòng nghe theo.

Trước kia trận thua ở Tốt Động, Thượng thư Trần Hợp tử trận, việc đến tai vua Minh, đình thần Minh tranh nhau nói: "Từ khi Hoàng Phúc bị triệu về, trung quan Mã Kỳ sang thay, khích thành biến loạn ở Giao Chỉ, xin lại cho Hoàng Phúc sang nhậm chức cũ, thì loạn ở Giao Chỉ tự nhiên yên được, vua Minh nghe lời, sai Liễu Thăng đem quân cứu viện thành Đông Quan, và sai Phúc đi tòng quân, chia làm 2 đạo quân: Liễu Thăng đi ra cửa Pha Lũy (Lạng Sơn) là chính binh, Mộc Thạnh đi ra cửa Lê Hoa (Tuyên Quang) làm quân ứng cứu cho Liễu Thăng, Bình Định Vương nghe tin viện binh của Minh sắp đến, tướng sĩ đều khuyên Vương đánh gấp thành Đông Quan, để tuyệt quân nội ứng. Vương nói: "Đánh thành là hạ sách; không bằng dưỡng lực sức nhuệ để chờ viện binh của chúng, phá tan viện binh, tất chúng phải hàng: thế là nhất cử lưỡng đắc, mới là kế vạn toàn". Vương bèn đặt quân phòng thủ nghiêm mật, chuẩn bị đối phó với địch; lấy có thành Xương Giang là con đường mà người Minh đi hay về tất phải qua, trước hết sai Trần Hãn đánh lấy thành đó, và bắt các đạo Lạng Sơn, Bắc Giang, Tuyên Quang, Tam Đới dọn quang cánh đồng để tránh viện binh của địch. Vương lại bảo chư tướng rằng: "Quân giặc vốn khinh ta dút dát, chúng nghĩ rằng đại quân chúng kéo đến, ta nghe tất sợ, không bàn đến tình hình được hay thua, quân cứu cấp chỉ cần đến mau chóng là hơn. Đi gấp một ngày bằng hai ba ngày, chính là phạm vào binh pháp, trong binh pháp nói: "Đi hàng 500 dặm để xu lợi là thượng tướng què". Nay ta nhàn rồi, đợi đối phó với quân chúng đi vất vả, khó nhọc, thì làm gì mà không thắng. Bèn sai Lê Sát, Lê Nhân đem quân mai phục ở ải Chi Lăng đợi quân địch. Bấy giờ Lê Lựu là tướng giữ cửa Pha Lũy bỏ quân ải lui về giữ ở Chi Lăng, Liễu Thăng thừa thắng đuổi theo, đi đến đâu cũng không ai dám kháng cự, càng tỏ ra mặt kiêu ngạo; Vương lại sai người đến quân môn của Thăng xin lập Trần Cao, Thăng nhận thư không thèm mở xem, cứ dẫn quân thẳng tiến. Trần Dong nói với Lý Khánh rằng: "Chí của Thống binh kiêu lắm rồi, quân địch quyết trá lắm, biết đâu chúng không làm ra thế yếu để dụ

ta; hống chi trong sắc thư dặn rằng Lê Lợi chỉ chuyên dùng cách mai phục mà thắng, ta không nên khinh địch", Khánh bảo với Thăng, Thăng không hề để ý, đi thẳng đến chỗ mai phục, Lê Sát tung phục binh ra đánh giáp bốn mặt, chém Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Thôi Tụ nghĩ rằng thành Xương Giang chưa bị phá, thu nhặt dư chúng kéo đến, khi đến nơi biết thành bị hãm rồi, liền đắp lũy ở giữa cánh đồng ruộng để tự vệ, gặp lúc có mưa gió to, người và ngựa chỉ trông nhau không đi được bước nào; Vương sai chur quân đến vây kín, bắt sống được Thôi Tụ, Hoàng Phúc và vài vạn tù binh. Tụ không chịu khuất, Vương truyền giết đi. Còn Phúc vì trước đã nhậm chức Bố chính, hơi được lòng dân, không nỡ gia hại. Phúc nhân xin tương kiến với Vương Thông để điều đình việc giảng hòa bãi binh. Lúc bấy giờ quân Minh chạy trốn đều bị bắt về tay trẻ mục đồng, hoặc tay người tiều phu, không sót được móng nào.

Tổng binh Vân Nam là Mộc Thạnh giữ nhau với Lê Khả ở cửa Lê Hoa, Vương liệu tính Mộc Thạnh tuổi già từng trải nhiều, tất là ngồi xem Liễu Thăng thành bại thế nào, chưa chịu khinh tiến, bàn mật bảo Lê Khả cứ đặt phục binh mà chờ, chớ có đánh; đến khi quân Thăng bị hại, Vương lấy sắc thư, ấn tín đã bắt được đưa đến cho Thạnh biết, quân Thạnh sợ tan vỡ, Lê Khả thừa thế đại phá Thạnh ở ngòi Lãn Thủy, Thạnh chỉ chạy được một người một ngựa. Vương đưa Hoàng Phúc đến thành Đông Quan, Thông lo sợ, tập họp tướng sĩ bàn luận rằng: "Thành không thể giữ được, mà đánh không thể thắng, không gì bằng toàn quân trở về Bắc". Bèn sai Sơn Thọ đưa thư cầu hòa, xin mở cho con đường về nước, Vương ưng cho, tướng sĩ và quốc dân phần nhiều oán giận quân giặc, xin với Vương giết hết đi, duy Nguyễn Trãi ở trong văn phòng của Vương, thấy thư bọc sáp của Thông nói rằng không nên vì một mảnh đất, mà bắt quân lính đi xa xôi vạn dặm, túng xử có lấy được, cũng không thể giữ được; cho nên Trãi chủ hòa nghị. Sau cùng, Vương cũng theo lời ấy, sau giải vây, cùng Vương Thông thề ở phía nam thành, hẹn đến ngày 12 tháng 12 thì ban sư. Vua Minh xuống chiếu bãi quân Nam chinh.

Trước kia Bình Định Vương sai Nguyễn Trãi làm bức thư đứng tên Trần Cao trần tình cầu phong (1 bản đưa vào quân môn Liễu Thăng, 1 bản đưa quân môn Mộc Thạnh), thư đó đưa lên vua Minh họp quần thần bàn định. Trương Phụ nói: "Quân sĩ khó nhọc đến vài năm, mới lấy được đất ấy, sao lại nghe lời xin xảo quyệt của Lê Lợi, xin cứ cho quân đi đánh". Kiên Nghĩa, Hà Nguyên Cát cũng nói: "Không có danh nghĩa gì mà bỏ đất, chỉ để thiên hạ thấy sự suy yếu của mình". Chỉ có một mình Dương Sĩ Kỳ nói: "Từ năm Vĩnh Lạc đến nay, quân mỗi mệt, dân cùng khôn, không gì bằng theo ý lời xin của địch, có thể chuyện họa ra phúc được, vả lại vua Thành Tổ sơ tâm là lập con cháu họ Trần, đó là việc thịnh đức, sao lại bảo là vô danh? Đòi Hán bỏ Châu Nhai, tiền sử cho là vinh, sao lại bảo là thị nhục?". Vua Minh nghe theo lời này. Đến khi Liễu Thăng bị hại, báo tin đến, liền sai La Nhữ Kính mang thư sang phong cho Trần Cảo làm An Nam Vương, mà triệu Vương Thông về Bắc. Chiếu thư chưa đến nơi, Vương Thông đã thiện tiện cùng Vương làm lễ ở dưới thành. Vương sai bồi thần Lê Cảnh Quang mở tờ biểu cùng gia nô của Thông đưa về Yên Kinh, và giả cả ấn Hổ phù bằng bạc của Liễu Thăng,

cùng sách kê số mục quan quân và ngựa đê đến Yên Kinh.

Vương Thông giải binh quyền về Bắc, quân bộ đi qua sông trước, quân thủy nối theo, quốc dân oán người Minh tàn khốc, xin Vương giết đi, Vương hiểu dụ rằng: "Phục thù báo oán là thường tình của dân chúng, nhưng không muốn giết người là lòng người có nhân; dữ kỳ thỏa lòng căm giận một lúc, để chịu tiếng giết người đã đầu hàng; sao bằng để sống mạng ức vạn người để tắt được nỗi khổ chiến tranh". liền truyền lệnh cấp cho thuyền, do Phương Chính nhận lĩnh, đường bộ cấp lương ăn, do Hoàng Phúc nhận lĩnh, đều đến dinh Bồ Đề bái biệt, lữ Phương Chính xấu hổ và cảm động đến chảy nước mắt. Vương Thông về Bắc, tính số tổn thương, còn sống trở về có 2 phần 10. Vua Minh hỏi tội Vương Thông bỏ đất mà ban sư, rồi giam vào nhà ngục Cẩm Y, tha khỏi chết, xóa bỏ tên trong quan tịch, và gửi tờ dụ sang nước ta, về việc triều cống nhất thiết phải theo lệ cũ năm Hồng Vũ.

Lời cuối: Cảm ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

.